

TỘI ÁC GIẢ TƯỚNG

TẬP TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

NHIỀU TÁC GIẢ

TỘI ÁC GIẢ TỬ

**Tập truyện
khoa học viễn tưởng**

Nhiều người dịch

**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
Hà Nội – 2000**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN PHAN HÁCH

Biên tập: VŨ ĐÌNH BÌNH

Vẽ bìa: ĐÌNH XUÂN DŨNG

Sửa bản in: THÁI HÀ

In 800 cuốn khổ 13 x 19. In tại Xưởng in 19-8. Giấy phép xuất bản số 110/1535/CXB. Cấp ngày 16/3/2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2000.

LỜI GIỚI THIỆU

 trong bài kí “Con người năm một triệu” đăng tải năm 1893, văn hào Anh Herbert George Wells - một trong những nhà văn tiên phong mở đầu cho thể loại **văn học khoa học viễn tưởng** - đã có một quan điểm độc đáo tham gia vào những cuộc tranh luận nảy lửa thời đó về việc liệu sự tiến hóa của con người đã chấm dứt hay chưa. Wells cho rằng quá trình ấy vẫn sẽ tiếp tục. Theo luận đề này ông mô tả “Con người năm một triệu” của mình. Con người ấy khác chúng ta ngày nay ở mức độ còn nhiều hơn chúng ta khác loài khỉ bây giờ. Sự tiến hóa sẽ ảnh hưởng khác nhau tới những bộ phận khác nhau của cơ thể. Tay sẽ phát triển vì nó là “ông thầy của não bộ”. Tay sẽ mạnh hơn và uyển chuyển, linh hoạt hơn do thích ứng được những công việc tinh xảo. Ngược lại, những cơ bắp còn lại sẽ yếu đi và sẽ hầu như teo tóp. Thế nhưng đầu sẽ tăng trưởng lạ thường vì đây là nơi bao chứa não bùng nổ phát triển. Đồng thời, đầu sẽ không còn giữ những tỉ lệ như xưa nữa. Mọi nét trên mặt sẽ trở nên phẳng, hai tai, mũi, vòng cung lông mày sẽ không còn nhô ra như trước, cằm và miệng trở nên bé xiu. Hóa học sẽ đem lại cho con người những hợp chất dễ hấp thụ ở dạng hoàn hảo nhất. Cũng do thế mà nhu cầu tiêu hóa thức ăn sẽ mất đi và cơ quan tiêu hóa sẽ tiêu biến đi nơi cơ thể người, bởi lẽ con người sẽ học được cách tiếp nhận thức ăn, dinh dưỡng trực tiếp từ môi trường xung quanh. Những “nhà ăn”, “phạm điểm” năm một triệu sẽ là những bể bơi lớn được hòa tan dung dịch dinh dưỡng, và con người (cho tới thời đó đáng vẻ con

người có lẽ giống như loài bạch tuộc) sẽ chỉ cần ngâm mình bơi trong đó một chốc và thế là “công chuyện ăn uống” nhiều khi của quá khứ được thực thi chóng vánh theo lối năm một triệu. Con người sẽ tách biệt xa hơn vương quốc động vật so với ngày nay, những tình cảm nơi con người sẽ lụi tàn và gia tăng khả năng tư duy logic phi cảm tính.

Kịch bản tương lai và những biến hình của thế giới tương lai có thể được tìm thấy nhiều hơn nữa trong các tác phẩm văn học khoa học viễn tưởng không chỉ của H. G. Wells mà còn của nhiều nhà văn khác.

Văn học khoa học viễn tưởng đã thấp thoáng trong sáng tác của nhiều nhà văn từ thời Trung cổ và Phục Hưng, song chỉ đến thế kỷ XIX, văn học khoa học viễn tưởng mới bộc lộ rõ nét như một thể loại văn học độc lập. Có thể thấy rõ sự vận động mạnh mẽ đó trong *Frankenstein* của Mary Shelley, trong những tác phẩm của Edgar Allan Poe và Nathaniel Hawthorne.

Cái duy lý của phương Tây in đậm trong nét sáng tác của các nhà văn viễn tưởng. Bức màn che phủ, chia cắt hiện tại và tương lai không thể bị chọc thủng bởi sự cầu xin, lễ cúng để nom thấy hình bóng của thời gian chưa đến. Các nhà văn viễn tưởng xuất hiện, và đường nét tương lai đã được diễn tả rõ ràng.

Văn học khoa học viễn tưởng thực sự trưởng thành vào cuối thế kỷ XIX với tên tuổi của Jules Verne và H.G. Wells hai cha đẻ của “Science Fiction” (viễn tưởng khoa học) hay “Speculative Fiction” (truyện suy đoán) thế kỷ hai mươi.

Nếu Jules Verne là nhà văn diễn tả những đột phá triển vọng tới những tầm cao mới của tri thức khoa học và những khả năng vô bờ bến của con người trong chinh phục tự nhiên, thì Herbert George Wells lại đưa trí tưởng tượng của mình tung hoành trong những chiều kích của thời gian và khảo cứu những hệ quả xã hội, tâm lí nảy sinh từ các phát minh, sáng chế của con người.

Jules Verne là bậc trưởng lão của một chi phái khoa học viễn tưởng về phát minh, đi trước thời đại tới những loại khí cụ bay trên không, bơi ngầm dưới biển và nhiều loại thiết bị tân kì khác mà chỉ hàng chục năm sau khi đọc sách người ta mới có thể nhìn thấy. Chính ông là người khơi gợi ý tưởng cho nhiều nhà khoa học. Các công trình sư chế tạo khinh khí cầu, tàu ngầm ở Mỹ, Pháp, Italia đều tỏ ý ngưỡng mộ và hàm ơn Jules Verne với tư cách người thấp sáng ý tưởng sáng chế cho họ qua những cốt truyện về tương lai.

Với H.G. Wells, những cốt truyện viễn tưởng nhằm diễn tả thế giới với đủ mọi đức tính hiện đại. Có nhà văn từng say mê Wells và tiếp nhận tiểu thuyết “Chiến tranh giữa các thế giới” như một tác phẩm văn chương lịch sử và ông ta đã so sánh cuốn này với tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình” của L.Tolstoi. Quả vậy, sáng tác của Wells đạt tới tầm sử thi. Ông mô tả dòng các sự kiện và số phận cô đơn của con người trong dòng sự kiện ấy. Wells đã nhìn thấy những vấn đề xã hội loài người tương lai. Ông đã tỏ ra gay gắt hơn những người khác trong việc đánh giá quá khứ, ông lại hi vọng hơn hết thảy khi chiêm nghiệm tương lai, song ông không hề che giấu những tiên liệu đau đớn về tương lai. Trong “*Cỗ máy thời gian*”, ông

mô tả sự thoái hóa của loài người. Những tác phẩm khác của ông cũng dự liệu nhiều tấn bi kịch trong lịch sử tương lai.

Jules Verne và H.G. Wells đã khai sinh ra văn học khoa học viễn tưởng. Thể loại văn học này đã phát triển ở nhiều nước trên thế giới. Có thể nói rằng những trung tâm phát triển nhất của văn học khoa học viễn tưởng là Mỹ, Nga, Pháp, Anh, Italia, Nhật Bản, bán đảo Scandinave.

Ở Mỹ người ta thừa nhận Hugo Gernsback là cha đẻ của khoa học viễn tưởng Mỹ. Để ghi nhận công lao của ông, Hội nghị văn học khoa học viễn tưởng thế giới đã đặt giải thưởng hàng năm mang tên ông và bắt đầu trao từ năm 1953.

Sức mạnh cảm hứng viễn tưởng thực mạnh và sâu sắc qua sự cố văn chương hồi năm 1944. Các nhân viên FBI (Cục điều tra liên bang Mỹ) đến tạp chí “Astounding Science Fiction” (Khoa học viễn tưởng kì thú) do ngài John W. Campbell Jr. chủ bút, để điều tra xem nhà văn C. Cartmael có tiềm nhập vào bí mật quân sự không. Nhà văn này đã viết và cho đăng một truyện mô tả những bí mật ghê gớm nhất mà ngay cả những bộ óc khoa học siêu việt ở Los-Alamos cũng không thể biết tận ngọn ngành. Ông đã miêu tả loại vũ khí hủy diệt bằng sóng xung kích, nhiệt và bức xạ, tức là có đầy đủ những yếu tố của một vụ nổ nguyên tử. Ngài chủ bút đã phải ra sức chứng minh về sự không giới hạn của thời gian và thói quen vượt trước thời gian của các nhà văn viễn tưởng. Song cả ông ta lẫn các nhân viên điều tra đều chẳng ngờ gì việc những điều mà Cartmael viết tới kia sẽ xảy ra chỉ sau đó vài tháng. Hóa ra, Cartmael chẳng dính líu gì tới kế hoạch tuyệt mật do tiến sĩ Oppenheimer và tướng Groves chỉ huy. Trong những dự báo

của mình, nhà văn chỉ sử dụng những thông báo khoa học công khai của thời trước chiến tranh mà thôi. Và ngài Campbell cũng đưa cho các thám tử xem các tác phẩm viết về chiến tranh nguyên tử của Heinlein (viết năm 1941) và của H.G. Wells (in năm 1914).

Ngày nay, độc giả trên thế giới rất say mê các tác phẩm văn học khoa học viễn tưởng của Robert Sheckley, Ray Bradbury, Isaac Asimov, Ursula Le Guin v.v...

Ở Nga, những nhà văn cự phách viết viễn tưởng là A. Tolstoi, A.Beliaev đã nổi tiếng từ hồi đầu thế kỷ XX. Khi đó, A.Tolstoi đã tiên đoán ra loại vũ khí laser và những chiến cụ dùng các thứ tia khác trong cuốn “**Chiếc máy Hyperboloid của kĩ sư Garin**”... Còn A.Beliaev đã dự liệu được thành tựu khoa học tương lai: nuôi sống não bộ người sau khi đầu đã lìa khỏi thân để tiếp tục tranh thủ những ý tưởng khoa học trong “**Đấu giáo sư Dowell**”. Ông cũng lường đoán được khả năng sinh học tạo ra người cá trong nhân vật Ikhtiandr của tác phẩm “Người cá”, chàng Ikhtiandr là con người đầu tiên sống giữa loài cá và chú cá đầu tiên sống với con người. Chính A.Beliaev được coi là “Jules Verne Xô Viết”...

Kế tục họ là những nhà văn viễn tưởng nổi tiếng thế giới như A. Kazantsev, I. Efremov, A và B. Strugatski, v.v...

Những kiến giải tương lai của các nhà văn viễn tưởng bao gồm hai yếu tố: tri thức khoa học và trí tưởng tượng vô cùng phóng túng. Tư chất nhà khoa học nơi họ mạnh và sâu, tài năng văn chương nhuần nhuyễn cộng thêm linh cảm tiên tri nhạy bén đã hun đúc nên tư chất nhà văn viễn tưởng.

Không phải vô cớ mà ở Nga có hàng chục trường dạy phát minh sáng chế có sử dụng các tác phẩm văn học khoa học viễn tưởng trong các khóa học. Ở các cơ quan tình báo Mỹ đều có những bộ phận chuyên trách chốt lọc và phân tích các ý tưởng khoa học và công nghệ rút ra từ các tác phẩm văn học khoa học viễn tưởng khắp thế giới.

Tiểu thuyết hay truyện ngắn khoa học viễn tưởng là những tác phẩm có cốt truyện xảy ra trong tương lai hay hiện tại được thăng hoa bởi những ý tưởng, những phát minh khoa học và có sự trợ giúp của những thiết bị khoa học kì ảo, có thể có những truyện thuần túy khoa học, có nhiều tác phẩm phát triển viễn ảnh xã hội loài người liên lạc hay đụng độ với những nền văn minh khác ở ngoài vũ trụ.

Các nhà văn viết truyện khoa học viễn tưởng có tư duy khoa học, có lẽ nếu họ không phải là nhà văn thì sứ mạng của họ sẽ là phục vụ cho khoa học hay kĩ thuật. Trên thực tế, nhiều nhà văn từng là nhà khoa học, hoặc sau khi viết văn đã làm khoa học rất nghiêm túc và có thành tựu như A.Asimov, một nhà khoa học danh tiếng ở Mỹ.

Ngoài tư duy khoa học sâu sắc, các nhà văn khoa học viễn tưởng còn có linh cảm của nhà tiên tri. Nhiều phát minh khoa học mang tính đột phá đã xuất hiện trên các trang tác phẩm viễn tưởng từ rất lâu trước khi các khoa học gia hay kĩ sư đi tới các phát minh này.

Nhà văn người Sec Karel Cápék (1890-1938) đã gọi những người máy trong vở kịch Khoa học viễn tưởng của mình “R.U.R = Rossum’s Universal Robots”(1921) là Robot. Ngày nay loài người đã có được thuật ngữ “Robot” nhờ sáng tạo của nhà văn

Sec, không những thế, người máy trong thế giới văn chương đã trở thành hiện thực sau đó vài thập niên. Còn nhà văn Balan Stanislaw Lem đã tiên đoán rồi sẽ đến lúc loài người nhận biết được linh hồn của thế giới tưởng chừng là vô sinh như đại dương, đá, cây cối v.v...

Ngày nay, các nhà văn viễn tưởng không còn dựa vào những triển vọng gần gũi và thực tế của khoa học như một nguồn cung cấp ý tưởng cho họ như trước đây nữa. Các nhà văn tự tạo ra một nền “khoa học viễn tưởng” như nhiều nhà nghiên cứu đã gọi, ấy là thành quả của trí tưởng tượng tự do, phóng túng. Những tư tưởng khoa học ngày càng thâm nhập sâu vào viễn tưởng, các ý tưởng ấy chưa hề được tạo lập rõ ràng, minh xác, mà chỉ có những khái niệm khái quát nhất về các kết quả thực tiễn của chúng. Chẳng hạn, những quan điểm về bản chất của thời gian và không gian, về vật chất và năng lượng, về một loạt vấn đề của hóa học, sinh học, điều khiển học, tin học. Nhiều khi các nhà văn dường như bổ sung cho khoa học, đưa vào đó những khái niệm hư cấu mà có vẻ như sẽ được phát hiện ra trong tương lai. Song những khuôn khổ của tưởng tượng không phải là vô hạn. Tưởng tượng không thể trái với những quy luật căn bản của tự nhiên, vì vậy khoa học viễn tưởng khác hẳn sự suy đoán tùy tiện.

Văn học khoa học viễn tưởng cố gắng chỉ ra nhiều khía cạnh của tương lai vẫn còn đang ẩn khuất sau tấm màn thời gian. Không phải vô cớ mà các nhà tương lai học, các nhà bác học chuyên dự báo tương lai, luôn luôn theo sát các tác phẩm viễn tưởng, vì họ cho rằng nhà văn khoa học viễn tưởng có thể “mô hình hóa” tương lai.

Văn học khoa học viễn tưởng đã bước sang thiên niên kỉ mới và hứa hẹn sẽ có nhiều thành tựu mới.

TỘI ÁC GIẢ TƯỢNG

MAX RAYNOLD* (MỸ)

Rex Moran bấm nút chọn số trên chiếc máy videophone đeo tay của mình, rồi nhìn vào mặt số vừa hiện. Một giọng nói trong máy phát ra:

- Khi nào chuông kêu sẽ là đúng tám giờ kém hai phút.

Moran chặc lưỡi một cái, đưa mắt nhìn quanh gian phòng nhỏ của mình. Có lẽ đã đến lúc rời khỏi nơi đây.

Anh rút tấm ngân phiếu tổng hợp đựng ở túi trong chiếc áo vét da của mình ra, nhét vào khe chiếc máy videophone cỡ phổ thông đặt trên một chiếc bàn con trong phòng ngủ.

- Tôi muốn kiểm tra xem trong ngân phiếu còn lại bao nhiêu tiền. - Anh nói thẳng vào màn ảnh của máy.

Vài giây sau một giọng nói từ trong máy thông báo:

- Mười cổ phần vốn cơ bản, không cổ phần nào vốn lưu động. Số tiền hiện còn là một đôla và hai mươi ba xen!

- Hừm, vậy là chỉ còn tất cả có một đôla và hai mươi ba xen.
- Anh lắm bả. - Thôi cũng được. Mình không ngờ phải bắt đầu công việc bằng số tiền thảm hại như vậy.

Anh quay số Hăng tín dụng và bắt đầu đợi. Một lát sau trên màn hình xuất hiện khuôn mặt của một nhân viên trông nghiêm khắc một cách đáng sợ và có vẻ đang sốt ruột.

- Tôi là Jack May, trợ lý giám đốc của Hãng, phụ trách vấn đề lợi tức cổ phần vốn cơ bản.

Rex Moran gi sát tấm ngân phiếu tổng hợp của mình vào màn ảnh và nói:

- Tôi muốn nhận trước tiền lãi của tháng tới.

- Xin chờ một chút. - Viên trợ lý nói rồi ấn vào một cái nút. Sau khi nghe thông báo trên màn ảnh, ông ta quay sang nhìn Moran.

- Ông đã lĩnh trước tiền lãi của hai tháng rồi, thưa ông Moran.

- Tôi biết. Nhưng hiện tôi đang rất cần tiền.

- Ai cũng đều cần tiền hết, thưa ông Moran. Nhưng có chuyện gì xảy ra với ông vậy? Ông nên nhớ rằng qua các bản khai của ông người ta biết rõ tháng nào ông cũng nhận trước tiền lãi cổ phần. Ông phải biết rằng các cơ quan thanh tra nhà nước luôn kiểm tra chặt chẽ các khoản tiền ứng trước như vậy. Rốt cuộc có thể sẽ bị mất sạch đấy, ông Moran ạ.

- Tôi hiểu. Nhưng biết làm thế nào được khi tôi luôn luôn gặp những chuyện rủi ro...

- Thế lần này ông gặp chuyện gì vậy?

- Em trai tôi bị ốm nặng, tôi cần giúp đỡ cậu ấy.

- Em trai ông sống ở đâu?

- Ở thành phố Panama.

- Xin ông chờ một phút.

Người trợ lí quay sang một trong những màn hình của bàn điều khiển, ấn vào một cái nút.

- Ông Moran, các bộ nhớ của máy tính điện tử cho biết ông không có anh em trai nào cả, cả ở thành phố Panama cũng như ở bất cứ nơi nào khác. Vậy là, thưa ông Moran...

- Sao? Ông bảo gì? - Moran cúi kính ngất lời.

- Ông đã lừa dối giám đốc ngân hàng. Và như thế là một hành vi phạm tội không hay ho gì đâu. Tất nhiên tôi sẽ không báo cáo lại chuyện này, nhưng bản thân sự việc vừa rồi đã được tự động ghi vào bộ nhớ của máy.

- Thì cứ việc ghi! - Moran cúi tiết quát lên rồi gạt mạnh cái màn ảnh ra khỏi bàn.

Anh ngồi im một lúc, sau đó ra chiếc máy mua hàng tự động tại nhà, chọn số của chi nhánh khu vực của một cửa hàng đại siêu thị. Thoạt tiên anh quay số của gian hàng bán đồ chơi con trai, sau đó đến số của quầy bán các đồ chơi quân sự, chọn một khẩu súng lục giá bảy mươi năm xen. Sau khi nhét tấm ngân phiếu vào khe máy, anh ấn ngón tay cái của bàn tay phải vào màn ảnh, đặt mua cái đồ chơi vừa chọn.

Sau vài giây, khẩu súng xuất hiện trong khoang chứa hàng của chiếc máy mua hàng tự động. Đó là khẩu súng kích thước không lớn, nhưng trông xa có thể tưởng súng thật, rất thích hợp với công việc anh sắp làm.

Moran chuyển sang phần thư viện, ấn vào một cái nút trên màn hình phụ, hỏi xin những tờ báo đăng tin cáo phó ra cách đây hai tuần. Sau khi lật giở đồng báo, anh tìm được một mẫu tin mong muốn.

Anh gọi điện tới địa chỉ nêu trong mẫu tin. Trên màn ảnh xuất hiện một khuôn mặt lạ đang nhìn anh chờ đợi.

- Ngài Vessailit phải không ạ? Tôi là Roy Marcus, - Moran tự giới thiệu.

- Ông cần gì vậy, ông Marcus?

- Tôi vừa đi xa về, được tin bạn của tôi, anh Jery Jerom, vừa từ trần.

Khuôn mặt của người tiếp chuyện bớt vẻ căng thẳng và hơi đượm buồn.

- A - a... tôi hiểu. Có điều chưa lần nào tôi nghe thấy cậu ấy nhắc đến tên ông. Tuy nhiên, Jery có rất nhiều bạn mà tôi chưa hề nghe nói đến.

- Đúng vậy đó... - Moran nói - Tôi... tôi rất muốn nhân dịp này đích thân đến chia buồn với ngài.

Ông già hơi cau mày, toan phản đối, nhưng Moran đã vội vàng nói tiếp:

- Hơn nữa, tôi còn giữ của anh ấy vài thứ cần trao lại cho ngài. Tôi thấy có lẽ tốt nhất tôi mang chúng đến cho ngài ngay bây giờ.

Ông Vessailit nhún vai nói:

- Cũng được thôi, anh bạn trẻ ạ. Tôi sẽ rồi vào lúc... Anh cứ đến chỗ tôi vào quãng chín giờ sáng, tôi có thể tiếp anh vài phút.

- Rất tốt, tôi sẽ đến.

Moran im lặng nhìn màn ảnh đang tối dần, rồi khẽ nhún vai.

- Thế là xong bước thứ nhất. - Anh lắm bả. - Cho đến lúc này mọi việc đều trôi chảy, không biết tiếp theo sẽ thế nào. Lẽ ra ta không nên sử dụng chiếc videophone này. Nhưng thôi, cũng chẳng sao.

Vì biết tất cả các chuyến tàu chạy trong thành phố đều được tự động ghi lại trong bộ nhớ của máy tính điện tử, nên anh không sử dụng phương tiện giao thông bằng ống từ, mà đi bộ qua vài khu phố rồi ra sân ga công cộng.

Nhìn bảng sơ đồ giao thông lớn treo trên tường, anh chọn một ga cần thiết, rồi bước lên một toa tàu từ tính hai mươi chỗ vừa đến ga. Nhét tám ngàn phiếu vào khe chiếc máy bán vé tự động, anh nhớ ra là sau khi mua khẩu súng đồ chơi có lẽ tám ngàn phiếu của anh chỉ còn lại vài xen. Nếu công việc không kết quả thì chắc chắn số tiền đó không đủ mua vé quay về.

Khi tàu đến nơi, anh bước xuống sân ga, đi về phía khu phố quý tộc, nơi ông già Vessailit sống đơn độc một mình.

Ở ngay cổng ra vào ngôi nhà có đặt một màn ảnh truyền hình để kiểm tra những người ra vào. Anh nói thẳng vào màn ảnh:

- Roy Marcus. Tôi đến theo lời mời của ngài Vessailit.

Cánh cửa tự động mở ra.

Trong phòng ngoài có hai thang máy. Moran bước vào thang máy thứ nhất, nói to:

- Phòng của ngài Vessailit!

Chiếc thang máy ngoan ngoãn đưa anh lên đến tầng sát tầng cuối cùng.

Moran đi tìm cánh cửa có ghi tên Vessailit, bật chiếc vô tuyến treo ở cửa.

- Roy Marcus đến thăm ông Vessailit.

Cửa mở, anh bước vào và bỗng lặng người như vừa bị ai giáng một cú vào đầu: người mặc bộ quần áo đen đang đứng trước mặt anh hoàn toàn không giống chút nào với ông Vessailit mà anh vừa nói chuyện qua màn ảnh videophone.

Người đàn ông có vóc dáng bệ vệ, chạc năm mươi tuổi này nhìn Moran từ đầu đến chân với cặp mắt nghi ngờ, gã đặc biệt chú ý đến bộ comlê xoàng xĩnh và khuôn mặt hơi què của Moran.

- Ông Marcus? Ông chủ đang chờ ông trong phòng khách.

Ông chủ ư?! Chết cha rồi! Ai ngờ cái lão già Vessailit lại có người hầu phòng! Thời buổi này mà còn nuôi người hầu riêng?! Moran không hề ngờ lão già giàu đến thế.

Hai người đi qua phòng ngoài rồi rẽ tay phải.

Bên cạnh cái cửa mà họ dừng lại thậm chí không có màn ảnh. Người hầu phòng gõ nhẹ vào cánh cửa, cánh cửa lập tức mở ra ngay. Chắc hẳn lão già đang đợi anh.

Gã người hầu uốn thẳng người, thông báo:

- Ông Marcus!...

Trong chiếc ghế bành bọc da mềm một người đàn ông có tuổi đang ngồi, tay cầm chiếc kính lúp đồng hồ. Trên bàn trước

mặt ông ta có chừng một tá tem thư. Có lẽ lão già là người sưu tập tem, Moran nghĩ.

- Mời ông vào, ông Marcus. Mời ông ngồi. Ông là bạn của cậu Jerry em họ tôi?

Lão nhìn dáng điệu và cách ăn mặc của Moran bằng cặp mắt dò xét, lông mày hơi dướn lên tỏ vẻ ngạc nhiên.

- Nào, tôi có thể giúp gì ông, ông Marcus?

Moran liếc nhìn gã người hầu.

- Franklin, anh có thể đi ra được. - Vessailit nói với gã người hầu.

Gã này có vẻ miễn cưỡng quay người đi ra. Cánh cửa khép lại nhẹ nhàng sau lưng gã.

Rex Moran lặng lẽ chuyển khẩu súng đồ chơi từ túi trong sang túi bên chiếc áo vét, rồi tay vẫn đút túi, anh nói:

- Tôi đến để cướp đây, thưa ngài Vessailit.

- Cái gì? Anh là kẻ cướp? Sao anh dám giả mạo lý do để vào nhà tôi?! Tôi gọi cảnh sát ngay bây giờ.

Moran vẫn tỉnh bơ.

- Thôi không cần dông dài nữa. Ngài hiểu cho, tôi đã chán ngấy chuyện chờ đợi phần của mình lắm rồi. Chính phủ đã không có ý định chia cho tôi cái phần ấy, nên tôi buộc phải tự giành lấy nó.

Ông già nhìn như xoáy vào mắt Moran.

- Anh bạn trẻ ơi, anh ngốc lắm!

- Cũng có thể như thế, mà cũng có thể không. - Moran xoay xoay khẩu súng trong túi vẻ đe dọa.

- Anh rất ngu, bởi vì thời buổi bây giờ ăn cướp là việc làm vô nghĩa. Xã hội bây giờ đã có đủ những biện pháp để ngăn ngừa tất cả những hành động như vậy. Còn ăn trộm vặt thì lại càng vô nghĩa hơn.

Moran nhếch mép cười.

- Thưa ông Vessailit, tôi không phải kẻ ăn trộm vặt. Thôi, ông hãy đưa tấm ngân phiếu tổng hợp của ông ra đây mau.

- Thế anh sẽ làm gì với tấm phiếu ấy? Vì trừ tôi ra, không người nào có thể tiêu được dù chỉ một xu trong ngân phiếu của tôi. Tôi không thể trao lại tiền cho bất cứ ai, không thể mất chúng, thậm chí không thể quẳng nó vào sọt rác. Chỉ một mình tôi, đích thân tôi mới có thể tiêu số tiền thu nhập của tôi được.

- Để rồi xem. - Moran gật gật đầu nói. - Đưa tấm ngân phiếu của ông đây.

Anh xoay xoay khẩu súng lục trong tay.

Ông già tỏ vẻ khinh bỉ, rút từ túi áo trong ra chiếc ví rất đẹp, rồi rút trong ví ra tấm ngân phiếu đưa cho Moran.

- Trong nhà ông có máy mua hàng tự động không? - Moran hỏi - À, đây rồi. Chà, cái máy mới vĩ đại làm sao? Vĩ đại diện của giới thượng lưu sống như thế đấy! Giá ông nhìn thấy chiếc máy mini trong căn phòng mini của tôi. Mỗi khi cần mua vật gì kích thước lớn tôi lại phải xuống dưới nhà và dùng máy công cộng.

- Anh bạn trẻ ơi, tôi xin nhắc lại, anh chỉ là thằng ngốc. Các nhân viên chính quyền ngay lập tức sẽ theo dõi anh từng bước,

- Vessailit nói.

Moran chỉ cười khẩy, ngồi xuống trước mặt máy, đặt tấm thẻ vào màn ảnh videophone và nói:

- Hãy tính cho số dư.

- Mười cổ phần vốn cơ bản, hai nghìn một trăm bốn mươi sáu cổ phần vốn luân chuyển. Số tiền hiện có là bốn mươi hai nghìn một trăm hai mươi sáu đôla và chín mươi xen, - giọng trong máy thông báo.

Rex Moran huýt lên một tiếng sáo.

- Chà, người ta sống giàu có làm sao! Hai nghìn một trăm bốn mươi sáu cổ phần vốn lưu động!

Moran bấm số của cửa hàng siêu-siêu-thị, gian bán vũ khí, chọn khẩu súng "Recoylex" hảo hạng cỡ 38 và đặt mua nó cùng với một hộp đạn. Suy nghĩ một lát, anh lại bấm số quầy bán máy ảnh và chọn chiếc máy "Pentak" kèm với phim.

- Không biết tôi có nên khoảng hết số tiền của ông không nhỉ? - Anh nhận thấy ông già đã thôi không còn nhiều lời nữa. - Hay là chỉ tiêu một số lớn trong ngân phiếu của ông?

- Anh sẽ chẳng tiêu được đồng nào hết! - Vessailit đáp một cách giễu cợt. - Khi tôi báo cho cảnh sát về vụ cướp người ta lập tức sẽ bồi thường đủ cho tôi số tiền bị cướp.

Rex Moran lại ấn số quầy bán quần áo đàn ông, rồi thông thả chọn cho mình một bộ nghiêm chỉnh.

- Bây giờ đến phút quyết định. - Anh lăm lăm suy tính rồi bấm số quầy bán đồ kim hoàn. Sau khi chọn cái nhẫn kim

cương giá hai nghìn đôla, anh reo lên: có lẽ thế là xong. A, suýt quên!

Anh lại quay số của quầy bán đồ thể thao đặt mua một sợi dây.

- Này lão già, hãy lại đây và ấn ngón tay cái vào màn ảnh đi.
- Anh quay sang bảo ông Vessailit.

- Nếu tôi từ chối thì sao?

Moran cười toét.

- Từ chối ư? Để làm gì? Chả lẽ không phải ngài vừa nói rằng chính quyền sẽ bồi thường thiệt hại cho ngài, và khi biết tin vụ cướp sẽ lập tức truy tìm tôi hay sao? Cuối cùng ngài có mất gì đâu!

Ông già làu bàu đứng dậy, tiến đến chỗ máy mua hàng tự động, văng tục một câu, rồi gi ngón tay cái vào màn ảnh.

Chưa đầy hai phút sau những thứ hàng đặt mua đã nằm gọn trong khoang chứa hàng. Vessailit lại buông người xuống chiếc ghế bành bọc da.

Moran vội vàng quơ lấy tất cả các thứ hàng anh vừa đặt mua. Anh nạp đạn vào súng lục, đặt bên cạnh, ở khoảng cách tay có thể với được, thay quần áo, sau đó khoác máy ảnh vào vai. Anh ngăm nghía viên nhẫn kim cương có vẻ sung sướng rồi nhét nó cùng với khẩu súng vào túi trong chiếc áo vét mới.

- Tôi muốn mua thêm vài chiếc nhẫn như thế này, nhưng sợ tiêu hết tiền trong ngân phiếu của ngài có thể làm cho cái rôlê trong bộ nhớ máy tính điện tử hoạt động, và đòi kiểm tra lại các món hàng thì nguy!

- Đồ ăn cướp! - Vessailit khinh bỉ nói.

Moran cười khẩy:

- Ông có mất gì đâu mà tức giận!

Rồi anh giơ đoạn dây lên:

- Nào, bây giờ trước tiên tôi phải trói ông vào, ông bạn ạ, sau đó tôi sẽ gõ cổ tên người hầu của ông lại.

- Hừm, anh không chạy xa được đâu. - Vessailit hậm hực nói.

Những lời nói cuối cùng của những người vĩ đại!

*

Ra ngoài phố anh chợt nhớ ra phải đi bộ, vì tình hình tài chính không cho phép anh đi bằng toa ống từ tính. Cũng may phải đi bộ không xa. Trên đường đi anh rút trong túi ra khẩu súng đồ chơi, ném vào thùng rác. Bây giờ anh đã có khẩu súng thật.

Anh tìm khu phố cần thiết và nhìn thấy ở đó ba cửa hàng. Chọn cửa hàng nhỏ anh bước vào.

Từ phòng trong một người đàn ông nhỏ bé bước ra, trước khi lên tiếng ông ta chăm chú quan sát Moran.

- Thưa ngài, ngài cần gì ạ?

Moran bắt đầu thực hiện phần thứ hai kế hoạch của mình. Anh ấp úng hỏi:

- Ông có mua các đồ dùng cá nhân phải không?

- Vâng, thưa ngài, chúng tôi mua và bán đồ cũ. Thế ngài có hàng gì vậy, nếu không bí mật?

- ... Adam, - Moran nhắc. - Tên tôi là Timoti Adam. Tôi có một chiếc nhẫn kim cương của mẹ tôi để lại. Bà chết cách đây không lâu, bây giờ tôi không cần đến cái nhẫn nữa, vì thế tôi định... Tôi muốn biết, nó được bao nhiêu tiền?

- Ngài hãy cho xem đã. Mời ngài ngồi. Những đồ trang sức gia đình hiện nay không được ưa chuộng lắm, nhưng ngài cứ cho xem thử.

Ông chủ hiệu ngồi vào sau quầy, hất đầu chỉ cho khách chiếc ghế bỏ trống bên cạnh. Moran ngồi xuống, rút trong túi ra chiếc nhẫn đưa cho ông ta.

- Thưa ông Adam, nhưng cái vỏ nhẫn này là đồ hoàn toàn mới làm. Hình như ông vừa nói về một đồ gia bảo do mẹ ông để lại.

- Không. - Moran cãi. - Mẹ tôi mua chiếc nhẫn này trước khi chết ít lâu. Nếu tôi có vợ, tôi đã tặng vợ tôi cái nhẫn này, nhưng bởi vì...

Người bán hàng vẫn nhìn anh một cách thản nhiên:

- Thưa ngài Adam, như ngài hiểu đấy, chúng tôi không mua những đồ ăn cắp. Chúng tôi buôn bán hợp pháp.

- Đồ ăn cắp? - Moran kêu lên có vẻ bối rối.

- Tôi mua vào và bán ra các đồ mỹ nghệ hoặc đồ trang sức, chứ không mua các đồ ăn cắp. Ngài vừa nói mẹ ngài mua chiếc nhẫn này ở đâu nhỉ?

- Trong chuyến đi nghỉ ở vùng Evrazia. Đâu như ở Budapest hay Bengrad gì đó.

- Nếu vậy nó không thể có đăng kí ở đây, ở vùng Bắc và Nam Mỹ này.

- Thật vậy sao? Hừm, vậy mà tôi không hề nghĩ đến chuyện này đây.

Người bán hàng cầm chiếc nhẫn lên ngắm nghía cẩn thận một lúc.

Cuối cùng ông ta đặt nó xuống và nhìn Moran.

- Thôi được, tôi có thể trả ông hai trăm đôla.

- Hai trăm? Ông điên à? Mẹ tôi mua với giá hơn hai nghìn đôla!

- Điều đó chỉ có nghĩa là bà ấy đã mua nó quá đắt mà thôi! Giá các loại đá quý hiện nay đang cao, thừa ngài Adam, nên cái nhẫn này phải chờ lâu mới bán được, đọng vốn lắm.

- Tôi lấy ông ba trăm vậy - Moran nói.

Sau phút đắn đo, người bán hàng bảo:

- Thôi được, tôi mua thế này đúng là hớ đấy!

- Thật không? - Moran hỏi kháy.

Anh rút trong túi ra tấm ngân phiếu của mình nhét vào khe của máy tự động hoán chuyển tiền.

Ông chủ hiệu cất cái nhẫn vào ngăn kéo rồi rút tấm ngân phiếu của mình ra, nhét vào cái khe khác của máy và nói:

- Hãy chuyển ba trăm đôla từ ngân phiếu của tôi sang ngân phiếu này.

- Việc chuyển đã xong. - Giọng từ máy thông báo.

Moran lấy từ khe máy tự động chuyển tiền ra tám ngân phiếu của mình rồi đứng dậy.

- Tôi có cảm giác như vừa bị ăn cướp. - Anh làu bàu.

Người chủ hiệu ngồi sau quầy chờ cho Moran ra khỏi cửa hàng.

Moran vội vã đi đến ga xe lửa từ tính gần nhất, anh bước vào sân ga, leo lên toa hai chỗ.

Vậy là trong ngân phiếu của anh đã có ba trăm đôla. Tất nhiên số tiền ít hơn nhiều so với dự tính của anh. Song cũng may là anh đã không liều mua hàng ở cửa hàng siêu thị vật gì đắt tiền hơn.

Người chủ hiệu sẽ nhờ chính quyền kiểm tra hộ vật quý đó và anh sẽ bị tóm cổ ngay, với lại máy tính điện tử cũng sẽ lập tức chuyển ngay yêu cầu của anh để kiểm tra ngay.

Đã gần trưa, và do sáng nay tình trạng tài chính không cho phép anh ăn sáng nên bây giờ anh đói ngấu. Bây giờ, với ba trăm đôla trong tay, anh hoàn toàn có thể cho phép mình một bữa ăn thịnh soạn tại một quán cà phê tự động.

Không chậm trễ, Moran bước ngay vào một tiệm ăn, ngồi vào cái bàn nhỏ, nghiên cứu bản thực đơn đặt ở bàn. Đẹp mấy cái món nhảm nhí của vùng Nam cực đi, anh đã ngấy chúng đến tận cổ rồi! Từ lâu anh chỉ muốn ăn các món đậm động vật thực sự - một món cừu gì đó, hay cùng lắm cũng là thịt lợn.

Anh nhét tấm ngân phiếu vào khe bàn, gí ngón tay cái bàn tay phải vào màn ảnh, yêu cầu một xiên chả cừu nướng và một vại bia.

Bỗng chiếc điện thoại truyền hình đeo ở tay anh reo lên.

Moran nhìn vào màn ảnh, giật mình: một khuôn mặt hoàn toàn xa lạ và hết sức nghiêm nghị.

Giọng nói vang lên một cách rành rọt:

- Đây là cảnh sát! Sở phân phối phúc lợi thông báo: Moran, anh đã bị bắt vì vi phạm luật sử dụng ngân phiếu tổng hợp. Hãy nhanh chóng đến trình diện tại đồn cảnh sát gần nhất. Nếu không đến, sẽ bị truy tố và chịu trách nhiệm hình sự.

- Hừ, đồ ôn dịch. - Anh cúi tiết giờ tay tắt xoẹt cái máy.

Rồi nhìn màn ảnh tối dần về đêm chiêu lo lắng. Đã xảy ra chuyện gì vậy? Mình đã sơ suất ở chỗ nào nhỉ? Làm sao lại bị phát hiện nhanh đến thế được? Có lẽ là do việc bán cái nhẫn chết tiệt ấy. Nhưng làm sao mà lộ nhanh thế được? Vì anh đã trù tính cái nhẫn này phải nằm trong tủ kính ít nhất một tháng, nếu không cũng phải một năm mới có người mua.

Thật là xúi quẩy!

Chắc lão già Vessailit đã trình báo cảnh sát và cảnh sát đã liên lạc với tất cả các cửa hàng mua bán đồ cũ mà họ nghĩ Moran có thể mang cái nhẫn ăn cắp đến bán.

Lúc này chắc chắn một nhóm cảnh sát đã được lệnh lên đường truy tìm anh. Cả một lũ chết tiệt! Bây giờ anh không thể quay trở về căn phòng của mình được nữa. Vì ba trăm đôla khốn kiếp này anh sẽ phải trốn tránh chui lủi. Chỉ cần nhét tấm

ngân phiếu vào khe màn ảnh là máy tính điện tử sẽ lập tức báo ngay cho cảnh sát chỗ anh đang ở.

Chà, nhưng họ có thể xác định ngay vị trí có mặt của anh theo phương vị “không” của máy điện thoại truyền hình đeo tay kia mà!

Anh cau mặt chớp lấy chiếc máy đang đeo ở tay giật mạnh nó ra. Màn ảnh lại phát sáng, và một giọng nói xúc động vang lên:

- Toàn thể công dân chú ý! Chú ý! Chú ý! Rex Moran vừa gây ra một tội ác chống chính phủ Bắc và Nam Mỹ, bao gồm việc đe dọa bằng vũ lực, ăn cướp, tiêu thụ của ăn cướp và lạm dụng ngân phiếu tín dụng tổng hợp. Bất cứ ai nhìn thấy y đều có trách nhiệm phải báo ngay cho cảnh sát. Tên tội phạm rất nguy hiểm và có vũ khí. Đây là ảnh của y.

Trên màn hình tí hon xuất hiện bức ảnh của Rex Moran, nhưng may là ảnh chụp từ khi khuôn mặt anh chưa bị biến dạng.

Anh giật chiếc máy khỏi tay, ném vào góc nhà, đứng phắt dậy đi thẳng ra cửa. Từ nơi xa nào đó có tiếng còi rú của xe cảnh sát. Ở cái quốc gia siêu thịnh này xe cảnh sát hú còi là hiện tượng hiếm có.

Moran cầm đầu chạy và rẽ vội sang phía khác.

Anh chọn một chỗ hoàn toàn vắng người và bắt đầu kiên nhẫn đợi. Lát sau ở cách anh không xa xuất hiện một người đi bộ. Moran rút trong túi ra khẩu súng lục hô to:

- Đứng lại! Giơ tay lên!

Người khách bộ hành nhìn Moran, rồi nhìn sang khẩu súng và mặt bỗng trắng bệch như tàu lá:

- A-a-a, hóa ra chính anh là tên tội phạm người ta vừa truyền trên màn ảnh videophone. - Ông này ấp úng nói.

- Phải, tôi đây. - Moran cười gằn. - Còn ông là một trong những đứa trẻ con miệng còn hơi sữa trong vườn trẻ phải không?

Người khách lạ tròn mắt.

- Phải, phải, tất nhiên là...

- Tốt lắm! Thôi, đi gọi xe tắcxi nhanh lên!

- Vâng, vâng, tôi gọi ngay đây, anh đừng sợ!

- Việc gì tôi phải sợ! - Moran cười nhạt, rồi quay quay khẩu súng, nói thêm: - Nào, đi nhanh lên!

Một phút sau từ góc phố một chiếc tắcxi xuất hiện phóng thẳng đến chỗ hai người đang đứng, tấp sát vỉa hè.

Cửa mở ra.

- Hãy nhét ngân phiếu vào khe nhanh lên! - Moran ra lệnh.

Trong khi ông khách đi đường thực hiện mệnh lệnh, Moran chui vào ngồi ở ghế sau.

- Bây giờ ấn ngón tay cái vào màn ảnh đi. - Moran lầu bầu nói và giật chiếc videophone trên cổ tay người khách lạ nhét vào túi mình. Sau khi rút tám ngân phiếu từ khe máy ra anh trả lại nó cho ông khách.

- Này cầm lấy và đừng nói là tôi không tốt nhé.

Chiếc ô tô lao nhanh về phía trước.

- Hãy phóng hết tốc lực. - Anh nói vào màn ảnh.

- Rõ. - Giọng của người máy đáp.

Khi giao thông đường phố ngưng lại theo tín hiệu của máy tự động điều khiển giao thông, anh mở cửa xe nhảy ra ngoài bỏ mặc chiếc xe tiếp tục phóng.

Bỗng anh nghe thấy chiếc videophone vừa giật được của người khách lạ đùng trong túi áo reo lên. Anh lôi nó ra ấn vào một cái nút để khuôn mặt anh khởi truyền qua màn ảnh tới người gọi. Một viên chức cảnh sát đang thông báo cho mọi người biết là họ đã nhìn thấy Moran tại khu phố nọ, nơi anh ta thuê tắcxi. Chắc ông khách - người bị cướp kia đã kịp đến báo cảnh sát. Nhưng như thế cũng có nghĩa là cảnh sát đã biết cả việc anh ăn cắp máy videophone đeo tay của ông ta và bất cứ phút nào họ cũng có thể xác định vị trí của anh theo phương vị “không”. Anh quăng cái máy xuống rãnh rồi lấy gót giày giẫm giẫm lên nó.

Phải chuồn khỏi đây ngay, Moran nghĩ rồi không chút đắn đo bước ngay vào cổng một ngôi nhà, đi lên tầng cao nhất của nó, nơi có nhà hàng nổi tiếng. Các viên chức cao cấp thường lũ lượt kéo nhau đến đây ăn.

Moran cố gắng tránh gây chú ý. Anh thật sự choáng ngợp trước khung cảnh xa hoa giàu có ở nơi đây và thậm chí cảm ơn số phận đã xui khiến anh đặt mua và thay bộ comlê sang trọng. Một người đầu bếp tiến lại chỗ anh với vẻ ngập ngừng. Trong đời Moran chưa bao giờ được vào ăn tại khách sạn sang trọng có

những người hầu bàn thực thụ phục vụ như thế này, nên anh cố tạo ra dáng vẻ thật tự nhiên.

- Thưa, ngài cần bàn cho một người? - Người đầu bếp hỏi.

- Phải. - Moran trả lời với giọng cố tỏ ra là người đã rất quen thuộc với cái không khí này. - Nếu có thể cho một bàn nào đó ở xa xa một chút. Tôi có vài việc phải tính toán.

- Tất nhiên, thưa ngài. Xin mời ngài lại chỗ này.

Người ta đặt anh ngồi ở chiếc bàn trong lô nhỏ.

Anh đầu bếp bật ngón tay gọi người hầu bàn.

- Thưa ngài hôm nay chúng tôi có món *gratin* tuyệt vời. - Người hầu bàn nói.

Moran thậm chí chưa nghe đến tên món ăn này bao giờ, song anh vẫn làm ra vẻ suy nghĩ xem có nên ăn hay không?

- Anh còn những món gì nữa? - Anh hỏi người hầu bàn.

- Hôm nay đầu bếp trưởng chúng tôi đã chế biến món *pulê-đooc-tê* ngon hơn hẳn mọi khi.

- Nghe cũng hấp dẫn đấy, thôi được, cho tôi món đó.

Người hầu bàn ghi lại món ăn.

- Ngài có định dùng nửa chai *xinvane* hay *khutrin* không ạ?

- Cũng được.

Trên bàn xuất hiện các thứ đồ nhắm, tráng miệng, và cuối cùng người đầu bếp cùng người hầu bàn đều biến mất.

Moran thở phào nhẹ nhõm, nhìn xung quanh rồi rút trong túi một cuộn phim, tháo trên vai cái máy ảnh, lắp vào đó. Sau

đó anh rút ở túi áo trong ra tấm ngân phiếu tổng hợp của Vessailit nghiên cứu cẩn thận, đặc biệt là dấu vân tay ngón tay cái bàn tay phải của ông ta còn in lại trên góc phải tấm ngân phiếu. Sau đó anh đặt tấm ngân phiếu vào chân lọ hoa nhỏ có cắm một bông hồng đen để ở mép bàn, rồi đưa máy ảnh lên ngắm. Sau khi bấm máy ảnh, anh rút ra tấm ảnh đã tráng xong và bắt đầu nghiên cứu. Bức ảnh không đạt. Đưa máy ảnh lại gần hơn, Moran bấm một cái nữa. Anh phải bấm đến hơn chục lần cuối cùng mới được một tấm ảnh như ý - một bản sao vân tay ngón tay cái của ông Vessailit, bản sao mà anh hết sức cần.

Anh để tấm ngân phiếu sang một bên, cho máy ảnh vào bao, lấy ra con dao díp và cắt tấm ảnh đúng bằng kích thước vân ngón tay cái trên tấm ngân phiếu. Vừa lúc đó người hầu bàn mang đến đĩa súp bốc hơi nghi ngút.

Trước khi ăn tráng miệng, Moran bỗng đứng bật dậy, đi vội tới quầy thủ quỹ, nơi anh đoán là chỗ đặt màn ảnh trả tiền của tiệm ăn sang trọng này.

Đúng lúc ông đầu bếp đang có mặt ở đó, ông ta rướn lông mày nhìn Moran với vẻ thắc mắc.

Moran vội nói:

- Tôi vừa nhớ ra có một việc rất gấp. Ông đừng dọn bàn tôi vội và trông giúp tôi cái máy ảnh nhé, tôi quay lại ngay bây giờ.

- Tất nhiên, thưa ngài. - Người đầu bếp nói.

Moran bước ra khỏi tiệm ăn với dáng điệu của người đang có việc khẩn cấp không trì hoãn được.

Ra đến ngoài phố anh cười phào. Vì vở kịch này anh dành hy sinh cái máy ảnh, vả lại anh cũng không cần đến nó nữa.

Đưa khăn mùi xoa lên che mặt, anh đi đến khách sạn gần nhất. Vào giờ đó ngoài phố thưa thớt người đi lại. Bước vào khách sạn, Moran tiến lại chỗ nhân viên tiếp tân đang ngồi một mình sau quầy. Đành phải mạo hiểm vậy thôi.

- Tôi cần phòng một người, không cần sang lắm. Có phòng ngủ, phòng khách và buồng tắm. Có thể đặt ở chỗ ông được chứ? - Anh hỏi.

- Thưa ngài, tất nhiên ạ. - Anh nhân viên tiếp tân trả lời, và nhìn ra phía sau lưng Moran.

- Hành lý của ngài đâu ạ?

- Tôi không có hành lý. - Moran hồ hững đáp. - Tôi vừa đi nghỉ ở bờ biển phía tây về, định tìm mua ở đây vài thứ bổ sung cho tủ quần áo của tôi. Tôi luôn luôn làm như vậy.

-Ồ, vâng, thưa ngài, đúng như vậy.

Người tiếp tân tiến lại chỗ màn ảnh máy televideophone đặt ở quầy kiểm tra.

- Ngài đăng ký chứ?

- Trước khi quyết định tôi muốn xem qua căn phòng đã. - Moran đáp. - Nếu ưng tôi sẽ đăng ký thẳng từ trên phòng.

-Ồ, thưa ngài, tôi tin ngài sẽ vừa ý. Tôi xin phép giới thiệu cho ngài phòng “Bis-A”.

- “Bis-A”? - Moran nhắc lại. - Tuyệt lắm.

Rồi anh tiến lại thang máy.

- Cho lên phòng “Bis-A”.
- Rõ! - Giọng người máy đáp.

Căn phòng ở phía trên vài tầng. Moran ra khỏi thang máy, xem cái mũi tên chỉ dẫn trên tường và tìm đến cánh cửa cần thiết. Đó là căn phòng sang trọng nhất mà trong đời anh biết đến. Anh đi ra chỗ máy videophone nói vào màn ảnh:

- Tôi đồng ý thuê căn phòng này.

Giọng người máy đáp:

- Rất tốt, thưa ngài. Xin ngài nhét tấm ngân phiếu vào khe máy màn ảnh.

Moran nín thở, rút trong túi ra tấm ngân phiếu của Vessailit, nhét vào khe màn ảnh máy tự động. Sau đó anh giở tấm ảnh vân tay ngón tay cái của Vessailit vào màn ảnh rồi rút ra ngay.

Giọng nói của máy vang lên:

- Cám ơn ngài.

Moran thở phào một cái.

- Ôi, lạy chúa, không ngờ bức ảnh lại thành công.

*

Anh gọi điện qua videophone để hỏi thời gian. Ba giờ trưa. Nếu không có chuyện gì xảy ra nữa thì coi như mọi việc đã hoàn thành.

Anh quay số điện người trực hành lang và nói trực tiếp vào màn ảnh:

- Đem cho tôi các thứ nước uống khác nhau nhé. Chẳng hạn, một chai uytxki Hà Lan, một chai cônhắc thực sự, một chai bênêdec, một chai Serihering, một chai Sactre, tất nhiên không phải màu xanh, mà màu vàng, sau đó là chai Pecnô và một thứ rượu ngọt gì đó.

Giọng của người máy đáp:

- Thưa ngài trong khách sạn chúng tôi tất cả những thứ này có thể mua ở tủ bar tự động đặt trong phòng của ngài.

- Nhưng tôi muốn tự tay pha thử một côctay theo công thức riêng của tôi.

- Được, thưa ngài. Xin ngài nhận ở tủ bar tự động.

- Nhớ tất cả đều cho loại hảo hạng nhé.

- Tất nhiên, thưa ngài.

Tiếp tục mỉm cười, Moran đến gần tủ bar tự động, lôi ra chai uytxki Hà Lan, ngắm nghía nó một cách sung sướng. Trong đời anh mới chỉ một lần được thưởng thức rượu này. Anh cho thêm sôđa vào cốc rồi vừa đi đi lại lại trong phòng vừa nghĩ xem nên làm gì nữa.

Làm thêm một việc gì nữa mà trước kia không bao giờ anh dám cho phép mình làm. A, nhớ rồi! Trứng cá đen! Phải, chưa bao giờ anh được ăn thỏa thích món này.

Anh lại gọi điện cho người trực hành lang và một hộp trứng cá to đã được chuyển lên phòng. Vừa phồng mồm trộn mứt ăn, anh vừa gọi thêm mấy món cá hồi và cá trích.

Trong lúc chờ món cá anh pha thêm một cốc uytxki sôđa nữa.

Phần thời gian còn lại anh thưởng thức tất cả các món tráng miệng và các thứ nước quả mà dạo nào anh từng ao ước. Song đến bữa trưa thì bụng anh đã no căng không tài nào ăn được nữa, làm anh hết sức bức mình. Vì anh đã định đặt hẳn một bữa xứng đáng với Gacgăngtuya.

Moran ì ạch lê bước đến phòng ngủ và nằm vật ra giường. Đêm đó anh ngủ say như chết.

Sáng ra đầu anh vẫn còn nặng. Anh nằm nhìn lên trần nhà. Sau đó vặn máy videophone đầu giường hỏi giờ:

“Khi nào chuông reo sẽ là đúng tám giờ kém chín phút.”

Ê hê, chẳng còn lại bao nhiêu thời gian. Chín phút nữa. Tuyệt. Anh đặt máy tự động một bữa ăn sáng đủ cho cả con voi. Nước soài tươi, nước dừa hộp, trứng ốp lết, lại trứng cá đen, hành, cà chua hấp, cà phê - mỗi thứ đều hai xuất.

Anh vừa ăn vừa rên rĩ vì thỏa mãn.

Đúng tám giờ kết thúc bữa sáng.

Tuyệt! Moran cười to một cách đắc thắng. Đã đến lúc bắt tay vào việc.

Anh tắm một cách thông thả, sau đó quay số cửa hàng siêu thị gian bán quần áo đàn ông, đặt mua hết thứ này đến thứ khác, để vừa chờ đợi hàng anh vừa có thời gian mở các gói hàng ra ngắm nghía từng món một.

Dần dần các món hàng đã chất thành đống cao. Cuối cùng vào lúc mười giờ Moran quyết định tiêu hết số tiền trong ngân phiếu của ông Vessailit. Sau khi quay số cửa hàng bán ô tô, anh chọn mua chiếc xe hơi thể thao mới nhất và yêu cầu đưa đến chỗ bãi để xe cạnh khách sạn cho anh.

Mười phút sau màn ảnh ở cửa ra vào bật sáng: ở cửa xuất hiện hai người - một mặc thường phục, một mặc quân phục cảnh sát.

Người mặc thường phục vẻ giận dữ bảo Moran:

- Đi thôi!

Còn viên cảnh sát thì kinh ngạc nhìn đống hàng chất cao như núi, các hộp giấy gói hàng và dây buộc vút tứ tung trong phòng.

Hai người dẫn Moran ra thang máy, xuống tiền sảnh, rồi đưa anh ra ngoài đường, nơi đã có xe cảnh sát chờ sẵn.

Viên cảnh sát cầm lái, Moran và người mặc thường phục ngồi ghế sau.

Người máy cau mặt nói:

- Thế nào, sống phè phỡn rồi chứ?

Moran chỉ cười khẩy.

- Trò đùa thú vị đấy. - Người lái xe nói. - Chúng tôi đã suýt tóm anh ở quán cà phê. Lẽ ra chúng tôi phải tóm anh ngay theo phương vị “không”.

- Tôi cũng ngạc nhiên không hiểu sao các anh không làm như vậy. - Moran nói. - Đúng là cái tắc trách của cảnh sát.

Họ dẫn anh đến sở phân phối phúc lợi. Tại đó anh được giải đến trước mặt chính ông Merville, giám đốc sở.

Nhìn thấy Moran ông ta nói:

- Chà, anh là đồ nông cuồng! Đi mua cả xe hơi thể thao. Anh liều lĩnh quá đấy! Anh đã làm trò gì ở nhà ông Vessailit vậy hả? Ông ta đang làm âm lên kia kìa!

Moran cười vui vẻ:

- Chẳng có gì đặc biệt cả. Cứ mặc cho ông ấy cáu. Đừng cho ông ta biết sự thật. Vì mọi chuyện diễn ra hết sức tốt đẹp.

- Tốt đẹp? Thế nhỡ ra ông ta chết vì vỡ tim thì sao hả? Rồi còn người khách đi đường nữa chứ! Anh làm ông ta sợ hết hồn!

- Nhưng chính các ông muốn tận mắt kiểm tra để tin chắc và bây giờ các ông đã tin rồi chứ? - Moran đáp.

- Tin thì tin. - Người mặc thường phục nói. - Nhưng bây giờ chúng tôi lại phải đi rút lại thông báo truy nã anh, kéo ra ngoài đường anh sẽ bị thộp cổ ngay.

- Thế nào, kết luận của anh ra sao? - Merville hỏi.

- Chúng ta phải cải tiến một chút cái ngân phiếu này. Phải làm sao để bảo đảm vân ngón tay cái là vân tay thực của người sở hữu. Nếu không một tên cướp cáo già tìm được một người giàu có nào đó sống cô đơn, không có họ hàng bè bạn, lôi ông ta đến một nơi xa, thịt ông ta đi rồi chôn xác dọn đến một nơi, sau đó cầm ngân phiếu của ông ta đến một nơi khác và sử dụng phương pháp chụp ảnh của tôi, thế là hắn sẽ ung dung hưởng số tiền lãi cổ phần của ngân phiếu đó.

Merville nghiêm túc nhìn anh.

- Thế theo anh có thể làm gì?

- Tôi làm sao biết được! Đó là việc của các nhà bác học và kỹ sư chứ. Để họ nghĩ. Tôi chỉ chứng minh cho thấy là trong hệ thống ngân phiếu hiện hành còn có sơ hở mà bọn ăn trộm có thể lợi dụng.

- Gì nữa?

Moran nghĩ một lát.

- Trên đường tôi đã nói với Fred rồi. Bất kể cướp theo máy televideophone không ổn. Tất nhiên tôi đồng ý rằng trong trường hợp bình thường điều đó tiết kiệm thời gian và công sức, nhưng khi gặp phải tên cướp nguy hiểm lại có vũ khí thì cần tiến hành bắt ngay hấn qua phương vị “không” của máy đeo tay, tất nhiên nếu hấn ngu đến mức vẫn mang theo người cái máy ấy.

- Có lẽ anh đúng, Moran ạ. - Người mặc thường phục nói.

Merville thở dài.

- Thôi được, Moran, anh đã thắng cuộc. Anh đã biết cách từ chỗ gần như không có một xu nào sống để vương được trong hai mươi bốn giờ đồng hồ. - Ông nhìn người cấp dưới của mình và nói thêm: - Nhưng tôi cam đoan với anh sáu tháng nữa tôi sẽ khắc phục tất cả những chỗ sơ hở mà anh đã lợi dụng được trong cuộc phiêu lưu của mình.

Moran cười nhạt:

- Đánh cuộc chứ?

THÁI HÀ *dịch*

LỆNH GIẾT NGƯỜI

ROBERT SHECKLEY (Mỹ)

Robert Sheckley (sinh năm 1928) - Nhà văn Mỹ, chuyên viết truyện Khoa học viễn tưởng. Tập truyện đầu tiên của ông “Chưa được bàn tay con người sờ đến” xuất bản 1954 được độc giả và giới phê bình đón nhận rộng rãi, đánh dấu sự xuất hiện của một số cây bút trẻ tài năng và độc đáo. Tiếp theo đó ông lần lượt cho ra mắt các cuốn: *Người công dân trong vũ trụ*, *Sự bất tử chờ đến tận nhà*, *Hành trình vào sau ngày mai*.

om Đánh cá không thể ngờ được có ngày anh lại bị chỉ định làm kẻ tội phạm.

Chuyện xảy ra vào buổi sáng. Mặt trời to màu đỏ vừa nhô lên khỏi đường chân trời cùng với người bạn đồng hành màu vàng nhỏ bé lê bước theo nó. Một ngôi làng xinh xắn, ngăn nắp - cái chấm trắng kì dị giữa khoảng không xanh rờn của hành tinh - ánh lên dưới tia nắng hè của hai mặt trời của nó.

Tom vừa thức dậy trong căn nhà nhỏ của anh. Đó là một thanh niên cao lớn với nước da rám đỏ vì mặt trời, với đuôi mắt dài thừa hưởng từ người cha và tính nết thật thà không muốn mua việc vào người thừa hưởng từ người mẹ. Tom không vội: từ nay đến khi có những trận mưa thu người ta không đi đánh cá, nghĩa là với người đánh cá chưa có công việc gì thực sự phải làm. Từ giờ đến mùa thu anh có ý định dềnh dàng một chút và sửa chữa lại mấy cái đồ nghề đánh cá.

- Đã bảo với anh rồi: cái mái nhà phải sơn màu đỏ! - Có tiếng Billi Thợ sơn từ ngoài phố vọng đến tai anh.

- Mái nhà thờ có bao giờ màu đỏ đâu! - Ed Thợ dệt kêu to đáp lại.

Tom cau mặt. Anh đã hoàn toàn quên mất những thay đổi diễn ra trong làng trong hai tuần lễ vừa qua, vì những thay đổi này hoàn toàn không liên quan gì đến bản thân anh. Anh mặc quần rồi thông thả đi ra quảng trường làng.

Tại đây đập ngay vào mắt anh là một tấm biểu ngữ lớn ghi:

NHỮNG PHẦN TỬ LẠ

CẤM KHÔNG ĐƯỢC VÀO ĐỊA PHẬN THÀNH PHỐ

Nhưng trên khắp hành tinh Dilaver Mới này làm gì có những phần tử lạ. Ở đây chỉ có những cánh rừng và duy nhất một ngôi làng nhỏ bé này. Tấm biểu ngữ chỉ có ý nghĩa khoa trương thuần túy, nó thể hiện một khuynh hướng chính trị nào đó.

Trên quảng trường này có nhà thờ, nhà tù và nhà bưu điện. Cả ba công trình này đều vừa được dựng lên trong vòng hai tuần lễ điên rồ vừa qua, kết quả của những nỗ lực điên cuồng, và chúng được bố trí thành hàng ngay ngắn, quay mặt ra quảng trường. Không ai biết những công trình đó dựng lên để làm gì - đã hơn hai thế kỷ nay ngôi làng vẫn sống yên ổn mà không cần đến chúng. Nhưng bây giờ, lẽ đương nhiên, đã đến lúc phải xây dựng chúng.

Ed Thợ dệt đang đứng trước ngôi nhà thờ vừa được dựng lên và nheo mắt nhìn lên nóc. Billi Thợ sơn đang đu lơ lửng

trông rất nguy hiểm trên cái mái dốc nghiêng của nhà thờ, hàng ria mép hung đỏ của bác ta vênh ra một cách tức giận. Phía dưới một đám đông đang tụ tập.

- Quỷ tha nhà anh đi! - Billi Thợ sơn gất gỏng. - Đã bảo với anh rồi, tuần trước tôi vừa đọc được cuốn sách nói về tất cả những chuyện này. Phải để mái màu trắng. Không bao giờ được sơn màu đỏ cả.

- Không, bác nhầm rồi, - Ed Thợ dẹt nói. - Anh thấy thế nào, Tom?

Tom nhún vai, anh không am hiểu gì về chuyện này.

Vừa đúng lúc ông thị trưởng không biết từ đâu bỗng xuất hiện, người đầm đìa mồ hôi. Hai vạt áo sơ mi tự do bay phất phơ xung quanh cái bụng phệ của ông.

- Tụt xuống ngay - Ông quát to bảo Billi. - Tôi đã tìm thấy trong sách rồi. Ở đó nói: *ngôi trường nhỏ màu đỏ*, chứ không phải *ngôi nhà thờ*.

Vẻ mặt Billi rất tức giận. Nói chung bác ta là người dễ nổi cáu. Tất cả đám thợ sơn là loại người dễ nổi cáu. Nhưng từ tuần trước, khi ông thị trưởng bổ nhiệm Billi làm cảnh sát trưởng thì tính tình Billi lại càng hỏng hắc.

- Nhưng chúng ta không có gì giống như vậy cả. Không có cái ngôi trường bé nhỏ đó, - Billi, lúc này đã xuống hết nửa cái thang, tiếp tục cãi.

- Thì bây giờ chúng ta xây nó, - ông thị trưởng nói. - Và phải làm nhanh lên.

Ông ngó lên bầu trời. Mọi người bất giác cũng nhìn lên. Nhưng ở đó tạm thời chưa thấy gì cả.

- Thế còn đám thợ kia đâu, cánh thợ mộc đâu? - Ông thị trưởng hỏi. - Sid, Sam, Mars biến đâu hết rồi?

Từ đám đông nhô lên cái đầu của Sid Thợ mộc. Bác ta vẫn phải chống nạng kể từ khi bị ngã từ trên cây xuống vào tháng trước, lúc bác leo lên tổ chim định lấy trứng. Tất cả những anh thợ mộc đều không phải là người trèo cây giỏi.

- Mấy cậu khác đang ngồi nhà Ed Bia, - Sid nói.

- Tất nhiên rồi, vì họ còn ngồi đâu được nữa! - Trong đám đông có giọng của chị Meri Lái đồ vang lên.

- Thôi được, đi gọi họ đến đây, - thị trưởng nói. - Phải xây ngôi trường nhỏ, mà phải thật nhanh. Hãy bảo họ xây nó bên cạnh nhà tù. - Ông quay sang phía Billi lúc này đã tụt xuống đất. - Còn bác, Billi, bác cho sơn cái trường học này bằng loại sơn tốt, màu thật tươi vào. Sơn cả ngoài lẫn trong. Điều đó rất quan trọng.

- Thế khi nào tôi mới có huy hiệu cảnh sát trưởng? - Billi hỏi. - Tôi đọc sách thấy nói tất cả các cảnh sát trưởng đều đeo huy hiệu.

- Bác hãy tự làm lấy cho mình một chiếc, - thị trưởng nói. Ông lấy vạt áo sơmi lau mồ hôi trán. - Nóng quá đi mất. Giá cái ông thanh tra này đến vào mùa đông thì tốt... Tom! Tom Đánh cá đâu? Tôi có một nhiệm vụ hết sức quan trọng cần giao cho anh đây. Đi nào, tôi sẽ nói rõ cho anh mọi chuyện.

Ông thị trưởng ôm lấy vai Tom rồi hai người cùng đi ngang qua bãi họp chợ không có người và theo con phố lát đá duy nhất đi về nhà ông thị trưởng. Thời xưa con đường này được phủ một lớp đất nện. Nhưng từ cách đây hai tuần cái thời xưa ấy đã chấm dứt. Bây giờ con đường đã được rải đá. Đi chân đất trên nó thật là khó chịu, nên dân chúng trong làng thường đến chơi nhà nhau bằng cách chui qua hàng rào. Nhưng ông thị trưởng vẫn phải đi theo con đường này, vì đó là vấn đề uy tín.

- Ông thị trưởng này, hiện nay tôi đang được nghỉ...

- Lúc này không có chuyện nghỉ ngơi gì cả. - Ông thị trưởng nói. - Sau hăng hay. Vì ông ta có thể đến đây vào bất cứ ngày nào.

Thị trưởng để cho Tom đi lên trước, hai người vào nhà, và ông thị trưởng gieo mình phịch xuống chiếc ghế bành, được kê sát hẳn vào cái radio liên hành tinh.

- Tom, - ông thị trưởng không rào trước đón sau gì, vào đề ngay. - Anh thấy thế nào nếu phải làm kẻ tội phạm?

- Tôi không biết, - Tom nói. - Nhưng kẻ tội phạm là thế nào?

Cựa quậy một cách lo lắng trong ghế, ông thị trưởng đặt một tay lên chiếc radio để tạo uy tín, và nói:

- Điều đó, cậu hiểu không, có nghĩa là... - rồi ông bắt đầu giải thích.

Tom cứ nghe mãi, nghe mãi, và càng nghe anh càng thấy không thích cái việc đó. Cái radio liên hành tinh là nguyên nhân của tất cả chuyện này, anh nghĩ. Rất tiếc là nó không hỏng hẳn đi cho rồi!

Không ai tin là có ngày chiếc radio lại hoạt động trở lại. Hết thị trường này đến thị trường khác, hết thể hệ này đến thể hệ khác, vậy mà cái radio liên hành tinh vẫn đứng nguyên một chỗ trong văn phòng, bụi phủ đầy - nó là cái khâu cảm lạnh cuối cùng nối hành tinh của họ với hành tinh Mẹ Trái đất. Cách đây hai trăm năm Trái đất đã nói chuyện với Dilaver Mới, với cả Flord IV, cả Alfa Sentrav, cả Espana Mới, và với các thuộc địa khác nằm trong Cộng đồng các nền Dân chủ Trái đất. Sau đó tất cả mọi thông tin bị đứt đoạn.

Có lẽ vì ở Trái đất xảy ra chiến tranh. Hành tinh Dilaver Mới với duy nhất một ngôi làng nhỏ tở ra quá bé và quá xa để tham gia vào Cộng đồng này. Những người dân Dilaver chờ đợi tin tức, nhưng không có tin tức nào đến được chỗ họ. Sau đó trong làng xảy ra một trận dịch làm ba phần tư dân làng bị chết.

Dần dần ngôi làng phục hồi lại. Dân chúng bắt đầu thích nghi với hoàn cảnh và tạo ra một nếp sống đặc biệt, nếp sống dần dần trở nên quen thuộc với họ. Họ đã quên Trái đất.

Hai trăm năm trôi qua.

Bỗng cách đây hai tuần cái radio cổ lỗ kia tự nhiên lại phát ra tiếng. Cứ giờ này qua giờ khác nó phát ra tiếng, bất chấp mọi sự nhiễu loạn trong không trung, thế là cả làng lại tụ tập ngoài phố, xung quanh nhà ông thị trưởng.

Cuối cùng người ta đã nghe được rõ những lời nói:

- ... có nghe thấy tôi không, Dilaver Mới? Anh có nghe thấy tôi không?

- Có, có, chúng tôi đã nghe được anh, - viên thị trưởng nói.

- Thuộc địa các anh vẫn tồn tại đấy chứ?
- Tất nhiên rồi, - viên thị trưởng nói với vẻ hãnh diện.

Giọng nói trở nên nghiêm trang.

- Trong một thời gian, do tình hình nội bộ không ổn định, chúng tôi không liên lạc được với các Thuộc địa ngoài Trái đất của mình. Nhưng bây giờ tình hình đã chấm dứt, cần phải lập lại trật tự ở một vài nơi. Các anh, Dilaver Mới, vẫn là thuộc địa của Đế chế Trái đất như trước đây, do đó cần phải tuân thủ các luật lệ của nó. Các anh có công nhận điều này không?

Ông thị trưởng bối rối. Trong tất cả các sách Trái đất được nhắc đến như một Cộng đồng các nền Dân chủ. Nhưng cuối cùng, trong vòng hai thế kỉ tên gọi đó có thể đã thay đổi.

- Chúng tôi vẫn trung thành với Trái đất như trước, - ông thị trưởng trả lời đồng dục.

- Tốt lắm. Như vậy chúng tôi không cần gửi đến các anh một phái đoàn khảo sát nữa. Từ hành tinh gần nhất sẽ có một viên thanh tra được phái đến hành tinh các anh để kiểm tra xem có đúng các anh vẫn tuân thủ các điều lệ, tập quán, truyền thống như ở Trái đất không.

- Ngài bảo gì ạ? - Ông thị trưởng hỏi vẻ lo lắng.

Giọng nói nghiêm nghị bỗng cao tiếng:

- Các ông tất nhiên đã hiểu rõ là trong Vũ trụ chỉ có chỗ cho loại sinh vật có lí trí - đó là Con Người! Tất cả mọi sinh vật khác đều phải bị hủy diệt vĩnh viễn. Chúng tôi không thể chịu được sự xâm nhập của bất cứ phần tử xa lạ nào - Tôi hi vọng ông hiểu điều tôi nói chứ, Tướng quân?

- Tôi không phải là Tướng quân, tôi là thị trưởng.

- Ông là chỉ huy ở đây phải không?

- Vâng, nhưng...

- Như vậy ông là Tướng quân. Cho phép tôi tiếp tục. Trong Đại hành tinh của chúng ta không thể có chỗ cho những phần tử ngoại lai. Tuyệt đối không! Cũng hoàn toàn giống như vậy, ở đây không thể có chỗ cho bất cứ nền văn hóa con người nào khác với nền văn hóa chúng ta, do đó, xa lạ với chúng ta. Không thể lãnh đạo Đế chế được nếu như mỗi người làm theo ý thích riêng của mình. Trật tự cần phải được thiết lập - bằng bất cứ giá nào.

Ông thị trưởng vội vã hớp hớp không khí và nhìn chăm chú vào cái radio.

- Hãy nhớ rằng ông đang lãnh đạo một thuộc địa của Trái đất, Tướng quân ạ, và ông không được phép làm bất cứ điều gì trái với quy định, không được phép có bất cứ khuynh hướng cấp tiến nào, chẳng hạn như tự do ý chí, tự do tình yêu, các loại bầu cử tự do hay cái gì đó nằm trong danh sách bị cấm. Tất cả những cái đó xa lạ với chúng tôi, và với những gì xa lạ chúng tôi sẽ trừng trị không thương tiếc. Hãy lập lại trật tự ở thuộc địa của mình, Tướng quân. Viên thanh tra sẽ đến chỗ ông trong vòng hai tuần tới. Hết.

Một cuộc mít tinh khẩn cấp được triệu tập trong làng: yêu cầu đặt ra là phải quyết định ngay xem làm cách nào thực hiện tốt nhất mệnh lệnh của Trái đất. Cuối cùng mọi người nhất trí phải sửa đổi lại nếp sống cho phù hợp với nếp sống của Trái đất được ghi trong các sách cổ càng nhanh càng tốt.

- Nhưng tôi vẫn không tài nào hiểu được tại sao ta cần phải có kẻ tội phạm, - Tom nói.

- Ở Trái đất kẻ tội phạm đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống xã hội, - ông thị trưởng giải thích. - Tất cả các cuốn sách đều nói như vậy. Nghề tội phạm cũng cần thiết không kém gì, chẳng hạn, nghề đưa thư. Hoặc giả như nghề cảnh sát trưởng. Chỉ có khác nhau ở chỗ các hành động của kẻ tội phạm mang tính chất chống xã hội. Hẳn phải hành động nhằm phá hoại xã hội, anh hiểu không, Tom? Và nếu ở chỗ chúng ta không có ai hành động phá hoại xã hội, thì làm sao chúng ta bắt người khác phải hành động vì lợi ích xã hội được? Vì mọi việc lúc đó sẽ trở thành vô nghĩa.

Tom lắc đầu:

- Dù sao tôi vẫn không hiểu, ta cần có kẻ tội phạm để làm gì?

- Đừng bướng bỉnh nữa, Tom. Chúng ta phải điều chỉnh lại tất cả theo quy định của Trái đất. Nói ví dụ như những con đường lát đá này. Tất cả các sách đều viết về chúng. Cả về nhà thờ, về trường học, về nhà tù. Và trong tất cả các sách đều có nói về những kẻ tội phạm.

- Nhưng tôi sẽ không làm kẻ tội phạm đâu. - Tom nói.

- Cậu hãy thử đứng vào địa vị của tôi xem! - Ông thị trưởng van nài. - Viên thanh tra có thể xuất hiện bất cứ lúc nào, sẽ gặp Billi, cảnh sát trưởng của làng ta. Viên thanh tra muốn nhìn thấy nhà tù. Ông ta sẽ hỏi: “Không có một phạm nhân nào à?”. Tôi trả lời: “Tất nhiên, không có. Chỗ chúng tôi không có tội ác”. “Không có tội ác à? - Ông ta nói. - Nhưng trong tất cả các thuộc

địa của Trái đất bao giờ cũng xảy ra tội ác. Các ông biết rõ điều này mà”. “Chúng tôi không biết, - tôi đáp. - Thậm chí chúng tôi không hiểu từ đó có nghĩa là gì, cho mãi đến tuần trước khi mở tù điễn ra xem”. “Thế các ông xây nhà tù để làm gì? - Ông ta hỏi tôi. - Các ông có cảnh sát trưởng để làm gì?”

Viên thị trưởng im lặng để thở.

- Thế nào, anh thấy chưa? Tất cả sẽ hỏng hết. Viên thanh tra sẽ hiểu ra ngay rằng chúng ta không còn là những người Trái đất thực thụ nữa. Rằng tất cả những cái đó chỉ cốt để che mắt thôi. Để không ai biết chúng ta là *phần tử ngoại lai*!

- Hừm, - Tom hừm một tiếng, anh đã cảm thấy bí trước những lí lẽ như vậy.

- Thế này nhé, - ông thị trưởng nói tiếp rất nhanh, - tôi có thể nói: tất nhiên, ở chỗ chúng tôi cũng có tội ác - giống hệt như ở Trái đất. Chỗ chúng tôi kẻ ăn trộm và tên giết người là một người - đó là tên ăn trộm, giết người tổng hợp. Một anh chàng đáng thương có những tính nết xấu, thần kinh không bình thường. Nhưng cảnh sát trưởng của chúng tôi đã thu thập các bằng chứng, và trong vòng vài ngày tới tên tội phạm sẽ bị bắt. Chúng tôi sẽ nhốt hẳn sau chấn song sắt, sau đó sẽ ân xá.

- Ân xá nghĩa là gì? - Tom hỏi.

- Tôi không biết chính xác. Để rồi tôi sẽ tìm hiểu. Còn bây giờ anh thấy rồi đấy, kẻ tội phạm là nhân vật quan trọng như thế nào?

- Phải, có lẽ đúng thế thật. Nhưng tại sao lại chính là tôi?

- Tất cả những người khác tôi cần họ vào những việc khác cả rồi. Ngoài ra, anh lại có đuôi mắt dài. Tất cả những tên tội phạm đều có đuôi mắt dài.

- Nhưng mắt tôi không đến nỗi ti hí lắm. Nó còn không ti hí bằng mắt anh chàng Ed Thợ dệt.

- Tom, tôi van anh, - ông thị trưởng nói. - Mỗi người chúng ta đều phải làm việc gì mình có thể. Anh vẫn muốn giúp đỡ chúng tôi mà, đúng thế không?

- Tất nhiên là tôi muốn, - Tom nói không tự tin lắm.

- Thế thì tốt rồi. Anh sẽ là tên tội phạm của thành phố chúng ta. Đây, anh xem đây, tất cả đều được làm đúng thủ tục như luật định.

Ông thị trưởng chìa cho Tom tờ quyết định. Trong quyết định ghi: "*Lệnh giết người. Thông báo để toàn thể dân chúng biết. Người cầm quyết định này, Tom Đánh cá, được ủy quyền thực hiện các hoạt động ăn cắp và giết người. Để phù hợp với công việc này, anh ta phải trốn tránh pháp luật trong những ngõ hẻm tối tăm, phải lui tới những nơi có tiếng xấu và phải vi phạm pháp luật*".

Tom đọc tờ quyết định tới hai lần. Sau đó anh hỏi:

- Pháp luật nào?

- Tôi sẽ thông báo cho anh biết khi nào tôi công bố nó, - ông thị trưởng nói. - Tất cả các thuộc địa của Trái đất đều phải có pháp luật.

- Nhưng dù sao tôi cần phải làm gì?

- Anh phải đi ăn cắp. Và giết người. Chuyện đó cũng không đến nỗi khó lắm. - Ông thị trưởng tiến lại gần tủ sách, lấy trong đó ra một cuốn sách cổ nhiều tập có tên là: “Tên tội phạm và môi trường của hắn. Tâm lí kẻ giết người. Nghiên cứu các động cơ ăn trộm”.

- Trong này anh sẽ tìm thấy tất cả những gì anh cần biết. Anh hãy cố ăn cắp được càng nhiều càng tốt. Còn về giết người thì có lẽ chỉ cần một vụ là đủ. Việc này không nên cố gắng quá.

Tom gật đầu.

- Đúng. Có thể tôi sẽ hiểu phải làm gì.

Anh cắp chồng sách vào nách và đi về nhà.

Ngày nóng không chịu nổi, và toàn bộ cuộc nói chuyện về tội ác vừa rồi khiến anh mỏi rã rời. Anh nằm xuống giường và bắt đầu nghiên cứu những cuốn sách cổ.

Có tiếng gõ cửa.

- Vào đi! - Tom dụi dụi đôi mắt mệt mỏi, kêu to.

Mark Thợ mộc, người nhiều tuổi nhất và cao nhất trong số anh em nhà Thợ mộc cao kều tóc hung, xuất hiện trên ngưỡng cửa cùng với ông già Jad Chủ trại. Họ mang theo cái túi nhỏ.

- Bây giờ anh là tên tội phạm thành phố, phải không Tom? - Mark hỏi.

- Hình như vậy.

- Vậy thì cái này là dành cho anh, - Họ đặt cái túi lên bàn và lôi từ trong đó ra cái rìu nhỏ, hai con dao, một cái lao móc, một cái gậy và một cái dùi cui.

- Các bác mang gì đến thế? - Tom buông thông chân xuống giường hỏi.

- Mang vũ khí cho anh chứ còn gì? - Jad Chủ trại nói có vẻ cáu. - Không có vũ khí thì anh làm sao trở thành kẻ tội phạm được!

Tom gãi gãi gáy:

- Bác biết chính xác như vậy hả?

- Đã đến lúc tự anh phải tìm hiểu vấn đề này, - ông già Chủ trại tiếp tục càu nhàu. - Đừng chờ đợi chúng tôi sẽ làm chuyện đó thay cho anh.

Mark Thợ mộc nháy mắt với Tom:

- Bác Jad đang cáu vì ông thị trưởng bắt bác ta làm người đưa thư.

- Tôi đang thực hiện nghĩa vụ của mình, - Jad nói. - Chỉ có điều phải tự tay viết tất cả những bức thư này thật là cực hình.

- Nhưng tôi thấy việc đó hình như cũng không có gì khó khăn lắm, - Mark Thợ mộc cười giễu. - Thế những người đưa thư ở Trái đất họ làm việc này ra sao? Họ còn phải viết nhiều hơn bác gấp bao nhiêu lần ấy chứ, vì ở đó có biết bao nhiêu là người! Thôi, chúc anh thành công, Tom!

Họ bỏ đi.

Tom cúi người xem kĩ đồng vũ khí. Anh biết đó là loại vũ khí gì: trong các sách cổ người ta viết khá nhiều về chúng. Nhưng ở hành tinh Dilaver Mới này chưa bao giờ có ai phải sử dụng đến vũ khí cả: Những thú vật duy nhất sống ở hành tinh

này là những con thú lông xù xinh xắn và hiền lành chỉ độc ăn cỏ. Còn như bảo dùng vũ khí để chống lại những người đồng hương của mình, thì chưa hề có ai nảy sinh ý nghĩ ấy trong đầu cả!

Tom cầm lấy một con dao. Con dao rất lạnh. Tom sờ vào mũi dao. Nó rất sắc.

Tom đứng dậy, đi từ góc buồng này sang góc buồng khác, ngắm nghía đồng vũ khí. Và mỗi lần nhìn thấy chúng anh lại cảm thấy ớn lạnh và khó chịu trong bụng. Anh nghĩ mình đã quá vội vàng khi đồng ý nhận nhiệm vụ này.

Tuy nhiên, tạm thời cũng chưa có gì phải lo lắng đặc biệt về nó. Vì việc đầu tiên anh phải làm là ngón hết những cuốn sách cổ này đã. Biết đâu khi đọc xong, anh hiểu ra được công việc này có ý nghĩa to lớn như thế nào.

*

Anh đọc mấy tiếng đồng hồ liền - chỉ dừng lại giữa chừng có một lần để hút thuốc. Những cuốn sách được viết rất dễ hiểu. Những phương pháp khác nhau mà bọn tội phạm sử dụng được phân tích hết sức tỉ mỉ và hoàn toàn dễ áp dụng. Thỉnh thoảng còn có kèm theo tranh vẽ minh họa. Tuy thế nói chung mọi cái xem ra có vẻ hoàn toàn vô nghĩa. Người ta cần thực hiện các tội ác để làm gì nhỉ? Việc đó có lợi cho ai? Việc đó đem lại cho mọi người cái gì?

Các cuốn sách không đưa ra giải đáp cho những câu hỏi ấy. Tom lật giở từng trang sách, ngắm nghía chân dung những kẻ tội phạm. Chúng có vẻ mặt rất nghiêm nghị, căng thẳng. Có vẻ như chúng hoàn toàn nhận thức được vai trò của chúng trong

xã hội. Tom rất muốn hiểu xem cái ấy là ở chỗ nào. Có thể khi đó mọi chuyện sẽ sáng tỏ.

- Tom? - Có tiếng ông thị trưởng gọi ngoài cửa sổ.

- Tôi đây, thưa ông thị trưởng, - Tom thưa.

Cửa mở, và ông thị trưởng thò đầu vào buồng. Bà chủ trại Jane, chị lái đồ Meri và chị nấu bếp Elis nấp sau lưng ông ngó ra.

- Thế nào, Tom? - Ông thị trưởng hỏi.

- Thế nào là sao?

- Khi nào anh định bắt đầu?

Tom cười lúng túng.

- Thì tôi đang sắp sửa, - anh nói. - Tôi đang đọc sách, tôi muốn tìm hiểu.

Ba người đàn bà đáng kính nhìn anh chăm chăm. Tom quá lúng túng không biết nói gì.

- Anh đang để phí thời gian vô ích, - Chị nấu bếp Elis nói.

- Ai cũng đều làm việc, không có ai ngồi không cả, - bà chủ trại Jane nói.

- Chẳng lẽ đi ăn cắp thứ gì lại khó đến thế sao? - Chị lái đồ Meri hỏi với vẻ khích bác.

- Đúng đấy, Tom ạ, - ông thị trưởng nói. - Viên thanh tra có thể đến chỗ chúng ta bất cứ lúc nào, vậy mà cho đến nay ở làng ta vẫn chưa xảy ra vụ phạm tội nào. Chúng ta sẽ không có gì để giới thiệu với ông ta.

- Được rồi, được rồi, - Tom nói.

Anh nhét con dao và cái dùi cui vào thắt lưng, cầm lấy cái túi vải để nếu ăn cắp được cái gì thì nhét vào đấy, rồi bước ra ngoài.

Nhưng đi đâu bây giờ? Lúc đó là gần ba giờ chiều. Chợ, xét cho đúng, là nơi thích hợp nhất để ăn cắp, nhưng phải đến chiều muộn mới hợp. Hơn nữa Tom cũng không muốn ăn cắp giữa ban ngày. Việc đó xem ra có vẻ gì không được chuyên nghiệp lắm.

Anh rút tờ lệnh trong đó có yêu cầu anh phải thực hiện các tội phạm, ra đọc lại một lần nữa từ đầu đến cuối “- *phải ẩn trốn pháp luật trong những ngõ hẻm, phải lui tới những nơi có tiếng xấu...*”

Tất cả đều rõ ràng! Anh sẽ phải lui tới *những nơi có tiếng xấu*. Tại đó anh có thể phác cho mình một kế hoạch và nghĩ ra phương pháp thích hợp để thực hiện. Tuy vậy chỉ có cái khó là không biết lựa chọn chỗ nào. Trong làng có nhà hàng “Con mèo nhỏ” do hai chị em góa chồng trông nom, có “Nơi nghỉ ngơi” của Jeff Say sưa, và cuối cùng, có quán rượu của bác Ed Bia.

Đành phải chọn cái tửu điểm này vậy.

*

Tửu điểm nằm trong một ngôi nhà nhỏ không có gì khác biệt mấy so với các ngôi nhà khác trong làng. Ở đó có một căn phòng rộng cho khách, một căn bếp và những phòng ngủ cho chủ nhà. Vợ của Ed làm nhiệm vụ nấu nướng quét dọn - công việc khiến cho chị ta bị đau ở vùng thắt lưng. Ed thì đứng sau quầy để rót rượu. Ed có nước da xanh tái, đôi mắt luôn ngái ngủ

và có khả năng kì lạ là hay hốt hoảng vì những chuyện không đâu.

- Chào Tom, - Ed nói. - Nghe nói anh vừa được chỉ định làm kẻ tội phạm.

- Phải, được chỉ định, - Tom nói. - Rót cho tôi một cốc Pericola đi.

Ed Bia rót cho Tom một cốc nước uống không có cồn, rồi lo lắng quanh quẩn phía sau bàn Tom ngồi.

- Thế này là thế nào? Tại sao anh lại ngồi đây, mà không đi ăn cắp đi?

- Tôi đang suy tính, - Tom nói. - Trong tờ lệnh có ghi rõ là tôi phải lui tới những nơi có tiếng xấu, vì vậy tôi phải ngồi ở đây.

- Nhưng như thế anh thấy có tốt không? - Ed Bia buồn rầu hỏi. - Chẳng lẽ quán của tôi lại có tiếng xấu, hả Tom?

- Khắp làng này không có chỗ nào thức ăn lại tồi như ở quán của bác cả, Ed ạ.

- Tôi biết. Con mụ vợ nhà tôi không biết nấu nướng. Nhưng ở chỗ chúng tôi mọi thứ đều rất rẻ, lại được đối xử như trong gia đình vậy. Và mọi người thích ghé đến quán chúng tôi.

- Bây giờ mọi việc sẽ khác, Ed ạ. Tôi tuyên bố quán của bác là đại bản doanh của tôi.

Đôi vai Ed thông xuống một cách buồn bã.

- Vậy thì hãy cố gắng đem lại hài lòng cho mọi người, - bác ta lầm bầm. - Rồi người ta sẽ cảm ơn anh! - Nói xong bác ta lại

ra sau quầy đứng.

Tom tiếp tục suy nghĩ. Anh ngạc nhiên thấy công việc này đối với anh lại khó khăn đến thế. Anh càng cố suy nghĩ bao nhiêu lại càng thấy khó bấy nhiêu. Nhưng với sự ương ngạnh buồn bã anh tiếp tục công việc của mình.

Một tiếng trôi qua. Chủ trại Richi, người con út của bác chủ trại Jad, thò đầu vào cửa.

- Chú đã cuồn được cái gì chưa, chú Tom?

- Vẫn chưa, - Tom đang cúi người trên bàn đáp. Anh vẫn đang tiếp tục suy nghĩ.

Ngày oi bức lặng lẽ dịu dần. Bóng tối bắt đầu len lỏi vào những ô cửa sổ nhỏ không được sạch sẽ lắm của quán rượu. Ngoài đường những con ve bắt đầu kêu, và làn gió mát đầu tiên của buổi tối làm xào xạc những ngọn cây trong rừng.

Bác lái đồ lực lưỡng George và bác thợ dệt Maks rẽ vào quán làm một cốc rượu. Họ ghé ngồi vào bàn của Tom.

- Thế nào, công việc ra sao? - George hỏi thăm.

- Tồi lắm, - Tom nói. - Không hiểu sao tôi không tài nào đi ăn cắp được.

- Không sao, rồi anh sẽ làm được thôi, - George nhận xét một cách chậm rãi, nghiêm trang và quan trọng như mọi khi. - Ai chứ anh thế nào cũng học được thôi.

- Chúng tôi tin ở anh, Tom ạ, - Bác thợ dệt an ủi anh.

Tom cảm ơn họ. Hai người ra khỏi quán và bỏ đi. Tom ngồi nhìn chăm chăm vào cái cốc không, tiếp tục suy nghĩ.

Một tiếng sau Ed Bia húng hắng ho có vẻ bối rối.

- Nói anh tha lỗi, Tom, nhưng bao giờ anh mới bắt đầu đi ăn cấp?

- Tôi sẽ bắt đầu bây giờ đây, - Tom nói.

Anh đứng dậy, kiểm tra xem vũ khí còn bên người không, rồi tiến về phía cửa.

*

Tại bãi họp chợ đã bắt đầu cuộc trao đổi hàng hóa buổi tối như thường lệ. Hàng hóa nằm chất đống trên các quây hoặc trên các chiếu rơm trải trên cỏ. Cuộc trao đổi hàng hóa diễn ra không dùng đến tiền, cũng không có cả định mức trao đổi. Một nắm đinh tự chế có thể đổi lấy một xô sữa hay hai con cá, hoặc ngược lại - tùy theo ai muốn đổi lấy thứ gì, hoặc ai có nhu cầu cái gì. Tính toán xem cái gì trị giá bao nhiêu là chuyện chẳng ai phải bận tâm. Đó là cái thói quen trái đất duy nhất mà ông thị trưởng không tài nào áp dụng được vào làng của mình.

Khi Tom xuất hiện ở chợ mọi người đều lên tiếng chào hỏi anh.

- Hãy ăn cấp một chút gì đi chứ, Tom?

- Nào, ăn cấp đi, anh bạn!

- Anh sẽ ăn cấp được mà!

Chưa một người dân nào trong làng được chứng kiến một vụ ăn cấp. Đối với họ đó là hiện tượng kỳ dị của hành tinh Trái đất xa xôi. Và họ rất muốn được xem chuyện đó diễn ra như thế

nào. Mọi người bỏ cả hàng hóa của mình để nhìn Tom, khao khát theo dõi từng cử chỉ của anh.

Tom nhận thấy đôi tay anh run run. Anh không thích thú chút nào khi từng ấy con người đổ dồn mắt xem anh ăn cắp. Phải nhanh chóng kết thúc chuyện này thôi, anh tự nhủ mình, trong khi mình vẫn còn đủ can đảm.

Bất ngờ anh dừng lại trước một đồng hoa quả chất nặng trên quầy của bà Thợ Xay.

- Trông có vẻ khá ngọt đây, - anh nói một cách băng quơ.

- Tươi lắm, cháu ạ, hái từ vườn đây. - Bà Thợ Xay nói. Đó là một bà già nhỏ nhắn có đôi mắt linh lợi. Tom bỗng nhớ lại vào những năm xa xưa bà ta đã thao thao bất tuyệt với mẹ anh, hồi bố mẹ anh còn sống.

- Phải, trông bề ngoài có vẻ ngon đấy, - anh nói và thầm hối hận vì đã không dừng lại ở quầy người khác.

- Ngon lắm, ngon lắm, - bà thợ xay nói. - Bác mới hái trưa nay đấy.

- Anh ta sắp sửa ăn cắp bây giờ đấy! - Có tiếng người nào đó thì thầm nghe rất rõ.

- Tất nhiên rồi. Hãy chú ý theo dõi đi! - cũng có tiếng thì thầm như thế đáp lại.

Tom cầm lấy một quả thật to và ngon, đưa lên ngắm nghía. Cả đám đông nín thở.

- Đúng là trông rất ngon thật, - Tom nói rồi cẩn thận đặt trả lại nó vào chỗ cũ.

Đám đông thở dài.

Đứng sau quầy hàng bên cạnh là Maks Thợ dệt cùng vợ và năm đứa trẻ. Hôm nay họ mang hai cái chăn và một áo sơ mi ra chợ để trao đổi. Khi Tom cùng đám đông bám đuôi anh đi đến gần họ, họ mỉm cười bẽn lễn.

- Cái áo sơ mi này anh mặc vừa đấy - bác thợ dệt vội vàng bảo anh. Bác ta rất muốn đám đông giải tán để đừng cản trở Tom làm công việc của anh.

- Hừm, - Tom cầm lấy chiếc áo, lau bầu.

Đám đông lại nhốn nháo chờ đợi. Một đứa bé gái cứ khinh khích cười không nín được. Tom nắm chặt chiếc áo sơ mi và bắt đầu mở miệng túi vải ra.

- Khoan đã! - Bác thợ sơn Billi lách qua đám đông. Trên thắt lưng bác ta lấp lánh huy hiệu cảnh sát trưởng - làm bằng đồng hào cổ của Trái đất. Nét mặt bác ta chứng tỏ không sai rằng bác ta đang đi làm nghĩa vụ của mình.

- Anh làm gì với cái áo sơ mi này vậy, Tom? - Billi hỏi.

- Tôi ấy à? ... Tôi chỉ cầm lên xem thôi.

- Chỉ cầm lên xem thôi à? - Billi quay người, chấp hai tay sau lưng bỏ đi. Sau đó bác ta quay người lại thật nhanh và đưa ngón tay trở chỉ vào Tom. - Nhưng tôi thấy hình như không phải anh chỉ có ý định xem thôi, Tom. Tôi nghĩ rằng anh định *ăn cắp* nó!

Tom không đáp câu gì. Chiếc túi vải được nắm chặt trong một tay, còn trong tay kia là chiếc áo sơ mi.

- Nghĩa vụ của tôi, với tư cách cảnh sát trưởng, - Billi tiếp tục - là bảo vệ những con người này. Tom, anh là đối tượng khả nghi. Để phòng xa tôi cho rằng cần phải nhốt anh vào tù để tiếp tục điều tra.

Tom cúi gằm mặt xuống. Anh không ngờ đến tình huống này. Vả lại, đối với anh cũng thế cả thôi.

Nếu họ tổng giam anh, thì ít ra công việc này coi như đã chấm dứt, và đến khi Billi thả anh ra, anh sẽ có thể trở lại với công việc đánh cá của mình.

Bất ngờ ông thị trưởng rẽ đám đông đi đến. Vạt áo sơ mi bay phất phơ quanh cái bụng phệ của ông.

- Billi! Bác làm cái gì vậy?

- Tôi thực hiện nghĩa vụ của mình, thưa ông thị trưởng. Tom có hành động khả nghi. Mà trong sách có nói rằng...

- Tôi biết trong sách người ta nói gì, - ông thị trưởng nói. - Chính tôi đã cho bác mượn cuốn sách ấy. Bác không thể bắt giữ Tom được. Tạm thời chưa được.

- Nhưng trong làng chúng ta không còn kẻ tội phạm nào khác, - Billi buồn rầu nói.

- Nhưng tôi có lỗi gì? - Ông thị trưởng nói.

Billi mím chặt môi một cách bướng bỉnh.

- Trong sách nói cảnh sát phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa. Cứ cho là tôi ngăn cản không để xảy ra tội ác.

Ông thị trưởng vung tay một mẻ.

- Billi, chả lẽ bác không hiểu sao? Làng chúng ta cần phải có ít ra một tội ác nào đó đã xảy ra. Và bác cũng phải giúp đỡ chúng tôi trong việc này.

Billi nhún vai.

- Thôi được rồi, ông thị trưởng. Chẳng qua tôi muốn thực hiện nghĩa vụ của mình thôi. - Bác ta quay đi, bước sang một bên, sau đó bỗng nhìn thẳng vào Tom. - Thế nào anh sẽ còn gặp tôi! Hãy nhớ lấy: *tội ác không thể đem lại điều tốt đâu*. Rồi bác ta bỏ đi.

- Bác ta muốn tỏ ra chơi trội, - ông thị trưởng giải thích. - Đừng để ý đến bác ta làm gì, Tom. Anh hãy bắt tay vào việc của mình đi, hãy ăn trộm cái gì đó đi. Phải làm cho xong việc này.

Tom không nói gì. Anh nghiêng mình lách qua đám đông, nhằm hướng khu rừng xanh phía sau cổng làng.

- Anh đi đâu đấy, Tom? - Ông thị trưởng lo lắng hỏi.

- Hôm nay tôi chưa có tâm trạng ăn cắp, - Tom nói. - Có lẽ để tối mai...

- Không, Tom, ngay bây giờ, - ông thị trưởng không chịu. - Không thể kéo dài chuyện này mãi được. Hãy bắt đầu đi, tất cả chúng tôi sẽ giúp anh.

- Tất nhiên chúng tôi sẽ giúp. - Maks Thợ dệt nói. - Anh hãy ăn cắp chiếc sơmi này đi, Tom. Nó vừa vặn với anh đấy.

- Cả cái bình đựng nước đẹp này nữa, nhìn xem, Tom.

- Xem này, tôi có bao nhiêu hạt dẻ này!

Tom đảo mắt nhìn các gian hàng. Khi anh chìa tay với lấy cái áo sơmi của bác Thợ dệt thì con dao gài ở thắt lưng tuột ra rơi xuống đất. Trong đám đông có tiếng cười khinh khích thông cảm.

Tom, người toát hết mồ hôi, cảm thấy mình vụng về, nhặt con dao gài lại vào chỗ cũ. Anh giơ tay tóm lấy chiếc áo nhét vào cái túi vải. Trong đám đông có nhiều tiếng hò reo cổ vũ.

Tom cười ngượng ngịu, nhưng trong lòng thấy nhẹ nhõm hơn đôi chút.

- Có lẽ dần dần tôi sẽ quen với công việc này.
- Chắc chắn rồi.
- Chúng tôi biết thế nào anh cũng làm được mà!
- Hãy ăn cắp thứ gì nữa đi, anh bạn!

Tom đi dọc theo chợ, vớ lấy một bó dây, một nắm hồ đào và một cái mũ bện bằng cỏ.

- Theo tôi thế là đủ rồi, - anh nói với ông thị trưởng.
- Hôm nay thế là đủ, - ông thị trưởng nói. - Chỉ có điều, chắc anh cũng hiểu, việc này không được tính. Vì các thứ đó gần như mọi người tự nguyện đưa cho anh. Cứ coi như hôm nay anh mới chỉ thực tập thôi.

- Ô-ô! - Tom kéo dài giọng vẽ thất vọng.
- Nhưng bây giờ anh đã biết cách làm rồi. Lần sau chắc sẽ dễ dàng hơn nhiều.
- Có thể.

- Và nhớ đừng quên việc giết người đấy.

- Thế việc ấy có đúng cần thật không?

- Rất tiếc, - ông thị trưởng nói. - Nhưng không làm cách nào khác được. Thuộc địa chúng ta tồn tại đã hơn hai trăm năm, vậy mà chúng ta vẫn chưa có vụ giết người nào. Không có lấy một vụ! Còn nếu tin vào các tài liệu ghi chép, thì ở tất cả các thuộc địa khác người ta giết người vô tội vạ!

- Có nghĩa là chúng ta cũng phải có ít nhất một vụ giết người, - Tom tán thành. - Thôi được, tôi sẽ cố.

Anh đi về nhà. Đám đông nhìn theo anh với ánh mắt khích lệ.

*

Về nhà Tom châm đèn lên và nấu bữa tối. Ăn xong, anh ngồi vào chiếc ghế bành sâu. Anh không bằng lòng với mình. Việc ăn cắp anh làm chưa tốt. Suốt ngày anh chỉ lo lắng, do dự. Mọi người gần như phải cố nhét vào tay anh các đồ vật của mình, để cuối cùng anh có can đảm ăn cắp chúng.

Làm như thế sao gọi là ăn cắp được!

Còn anh có thể nói gì để bào chữa? Ăn cắp và giết người - những công việc cần thiết như bất cứ việc nào khác. Còn nếu anh chưa bao giờ làm việc này và không sao hiểu được tại sao lại cần làm những việc đó - thì đấy chưa phải là nguyên nhân để có thể làm quá quấy cho xong nhiệm vụ được giao.

Tom đi ra cửa. Đêm tĩnh mịch, trời trong. Gần một tá những ngôi sao khổng lồ sáng chói trên bầu trời. Bãi họp chợ lại vắng ngắt, các nhà đều đã lên đèn.

Bây giờ mới đúng là lúc đi ăn trộm.

Nghĩ đến chuyện ăn trộm anh lại thấy lạnh sống lưng. Anh thấy có một cảm giác tự hào. Những ý nghĩ tội lỗi đã chín muồi như thế đó! Việc ăn cắp cũng phải tiến hành như vậy - một cách vụng trộm, dưới màn đêm bao phủ.

Tom kiểm tra thật nhanh vũ khí của mình, đổ những thứ ăn cướp được trong túi ra, rồi bước ra sân.

Ngoài phố những ngọn đèn cuối cùng đã tắt. Tom đi rất nhẹ qua làng. Anh đến nhà bác Lái đồ Rodger. Ông Rodger bố để cái xẻng ở bên ngoài, dựa vào tường. Tom lấy cái xẻng. Anh lại bỏ qua vài nhà. Cái bình đựng nước của bác Thợ dệt vẫn đặt ở chỗ mọi khi, ngay trước cửa. Tom lấy cái bình. Trên đường về anh thấy một con ngựa con bằng gỗ không biết của đứa bé nào bỏ quên ngoài đường. Thế là con ngựa gỗ theo chân cái bình và xẻng.

Sau khi mang trót lọt những thứ ăn trộm được về nhà, Tom hồi hộp một cách sung sướng. Anh quyết định làm một chuyến nữa.

Lần này anh trở về nhà với tấm bảng bằng đồng tháo được ở cửa nhà ông thị trưởng, với cái cửa tốt nhất của bác Thợ mộc Mark và cái liềm của ông chủ trại Jad.

- Cũng không tồi, - Tom tự khen mình. Quả thật anh đã bắt đầu quen với cái nghề mới. Chỉ cần thêm một chuyến nữa là buổi tối coi như không uổng phí!

Lần này dưới mái nhà của Ron Thợ đá anh tìm thấy cái búa và cái đục, còn cạnh nhà chị nấu bếp Elis anh vớ được cái làn cỏ.

Anh đang định cuôm thêm cái bữa cào của Jeff thì nghe thấy có tiếng động nhẹ. Anh áp người vào tường.

Billi Thợ sơn đang đi rình trên phố. Cái huy hiệu bằng kim loại ở người bác ta ánh lên dưới ánh sao. Một tay bác ta nắm chiếc dùi cui nặng, tay kia cầm cái còng tay tự tạo. Trong bóng tối mờ ảo khuôn mặt bác ta trông thật dữ tợn. Nét mặt bác thể hiện rõ quyết tâm bằng bất cứ giá nào phải diệt trừ tận gốc *tội phạm*, dù cái từ đó có ý nghĩa gì đi nữa.

Tom nín thở khi Billi đang lảng vảng ở cách anh chừng mười bước chân. Tom rón rén lùi lại.

Mấy thứ đồ ăn cấp đựng trong túi vải kêu loảng xoảng.

- Ai ở đây? - Billi quát to. Không nghe tiếng trả lời, bác ta quay đi, nhìn chăm chăm vào bóng tối. Tom lại đứng nép vào tường. Anh tin rằng Billi không nhìn thấy anh. Mắt Billi khá kém, vì lúc nào bác ta cũng phải quấy sơn và bụi rơi vào mắt. Tất cả những thợ sơn đều bị bệnh mắt kém. Vì thế họ đâm ra hay cáu gắt.

- Tom, cậu đấy à? - Billi lên tiếng hỏi bằng giọng hết sức thân mật. Tom đã định lên tiếng trả lời, nhưng chợt anh nhận thấy chiếc dùi cui của Billi đã giơ lên trên đầu anh. Anh đứng lặng. - Thế nào tôi cũng tóm được cậu! - Billi hét to.

- Này! Để sáng mai hãy tóm cậu ta! - Jeff thò đầu ra ngoài cửa sổ phòng ngủ của mình kêu to. - Hãy để chúng tôi ngủ một chút.

Billi lại đi tiếp. Khi bác ta đã khuất hẳn, Tom vội vã đi về nhà và đổ những đồ ăn cấp được xuống sàn, bên cạnh đồng chiến lợi phẩm ban nãy. Anh tự hào nhìn mẻ lưới của mình.

Đồng của ăn trộm được làm thức dậy trong anh ý thức về nghĩa vụ đã hoàn thành.

Sau khi uống một cốc nước lạnh, Tom đi nằm và lập tức chìm vào một giấc ngủ sâu thanh thản, không có mộng mị gì.

*

Sáng hôm sau Tom đi ra ngoài xem việc xây dựng ngôi trường nhỏ màu đỏ tiến hành đến đâu. Máy anh em nhà Thợ mộc đang dốc sức làm, có vài nông dân đến giúp họ.

- Công việc thế nào? - Tom vui vẻ hỏi thăm họ.

- Tốt lắm, - Mark Thợ mộc nói. - Nếu tôi có cái cửa công việc này sẽ tốt hơn.

- Cửa của bác à? - Tom nghi hoặc hỏi lại.

Rồi anh nhớ ra ngay - vì chính anh đã ăn cắp nó đêm qua. Không hiểu sao lúc đó anh không hiểu ra đó là đồ vật của ai đó. Cái cửa, cũng như tất cả những đồ vật khác, chẳng qua chỉ là đối tượng để anh ăn cắp. Tom không lần nào nghĩ đến việc người ta còn phải sử dụng những vật ấy, rằng chúng có thể cần thiết cho ai đó.

Mark Thợ mộc hỏi:

- Anh nghĩ sao, tôi có thể mượn lại cái cửa một lúc được không? Độ hai tiếng thôi?

- Tôi cũng không biết, - Tom cau mày nói. - Vì nó đã được ăn cắp *đúng luật*, chính bác cũng biết đấy.

- Tất nhiên, tôi hiểu. Nhưng tôi chỉ muốn mượn nó một lúc thôi mà.

- Nhưng sau đó bác phải trả lại nó cho tôi.

- Chứ sao nữa! Rõ ràng là tôi phải trả rồi, - Mark nói một cách giận dữ. - Chả lẽ tôi lại đi giữ cái của đã được ăn cắp một cách đúng luật hay sao?

- Nó đang ở nhà tôi, cùng các vật ăn cắp khác.

Mark cảm ơn rồi chạy đi lấy cái cửa.

Tom thông thả tiếp tục đi dạo quanh làng. Anh đến gần nhà ông thị trưởng. Ông thị trưởng đang đứng trong sân, mắt ngược lên nhìn trời.

- Anh lấy cái biển đồng của tôi, phải không Tom? - Ông hỏi.

- Tất nhiên là tôi lấy, - Tom đáp với giọng khiêu khích.

-Ồ! Tôi chỉ hỏi thế thôi. - Ông thị trưởng chỉ lên trời: - Anh nhìn thấy không?

Tom ngược nhìn lên trời:

- Ở đâu?

- Anh có nhìn thấy cái chấm đen cạnh mặt trời nhỏ không?

- Thấy. Nhưng sao?

- Tôi cam đoan với anh rằng viên thanh tra đang bay đến chỗ chúng ta đây. Công việc anh tiến hành thế nào?

- Tốt, - Tom nói hơi thiếu tự tin.

- Anh đã nghĩ ra kế hoạch giết người chưa?

- Chưa, - Tom thú nhận. - Thú thực việc này tôi thấy khó quá.

- Thôi đi vào nhà đã. Tôi cần nói chuyện với anh, Tom.

Trong phòng khách mát mẻ ông thị trưởng rót ra hai cốc nước và đẩy chiếc ghế lại cho Tom...

- Thời hạn của chúng ta sắp hết rồi, - ông thị trưởng âu sầu nói. - Viên thanh tra có thể đến đây bất cứ phút nào. Mà tôi thì công việc đang ngập đầu. - Ông chỉ vào chiếc radio liên hành tinh. - Nó lại bắt đầu nói. Nó thông báo cái gì đó về cuộc nổi dậy ở Dengơ IV và báo rằng tất cả những thuộc địa chưa tách khỏi Trái đất phải sẵn sàng tổng động viên - có quỷ biết được đó là cái gì. Từ cha sinh mẹ đẻ tôi chưa bao giờ nghe nói đến Dengơ IV, vậy mà bây giờ phải lo lắng về nó, làm như tôi có ít việc phải làm lắm!

Ông nghiêm nghị nhìn Tom.

- Ở Trái đất những kẻ tội phạm thực hiện hàng chục vụ giết người mỗi ngày và không bao giờ họ phải suy nghĩ lâu về chuyện đó cả, còn anh, cả làng trông đợi anh chỉ có một vụ thôi, một vụ giết người nhỏ nhất, mà anh vẫn chưa làm được. Chả lẽ chuyện đó khó đến thế sao?

Tom cứ lau lau hai tay:

- Nhưng ông biết chính xác là bắt buộc phải có vụ giết người à?

- Chính anh cũng biết thế mà, - ông thị trưởng nói. - Nếu chúng ta muốn trở thành những người Trái đất thực sự, thì phải làm đến cùng. Mà giết người là điều duy nhất chứng tỏ sự lạc hậu của chúng ta. Tất cả mọi việc khác của chúng ta đều theo đúng thời gian biểu.

Billi Thợ sơn bước vào trong chiếc áo sơmi mới màu xanh với hàng cúc bạc và ngồi phịch xuống ghế.

- Anh đã giết được ai đó chưa, Tom? - Ông cảnh sát trưởng nói.

- Anh ta muốn biết, việc đó có thực sự cần thiết không?

- Tất nhiên là cần rồi, - cảnh sát trưởng nói. - Anh cứ đọc bất kì cuốn sách nào thì biết. Làm sao anh có thể làm kẻ tội phạm được nếu không thực hiện được vụ giết người nào?

- Bây giờ anh định giết ai nào, Tom? - Ông thị trưởng hỏi.

Tom cứ cựa quậy trên ghế vẻ bồn chồn. Và cái kính bẻ bẻ mấy ngón tay.

- Thế nào?

- Thôi được, tôi sẽ giết Jeff, - Tom nói.

Billi Thợ sơn nhoài hẳn người ra phía trước.

- Vì sao? - Bác ta hỏi.

- Vì sao? Nhưng vì sao lại không được?

- Nhưng động cơ của anh là gì?

- Tôi nghĩ đơn giản là các ông chỉ đang cần một vụ giết người. - Tom cãi. - Không ai nói gì về động cơ cả.

- Giết người vô cớ thì không được - ông cảnh sát trưởng giải thích. - Giết người phải hoàn toàn theo đúng mọi quy định. Có nghĩa là anh phải có một động cơ xác đáng.

Tom suy nghĩ.

- Thế thì, cứ cho rằng tại vì tôi không thân với Jeff lắm. Động cơ như thế được chưa?

Ông thị trưởng lắc đầu.

- Không, Tom, như thế không được. Tốt nhất anh hãy chọn người khác đi.

- Thế thì chúng ta cùng nghĩ vậy, - Tom nói. - Hay là giết George Bác lái đò.

- Nhưng động cơ là gì? - Billi hỏi ngay.

- E hèm, ... Thú thật, tôi không thích cái dáng đi của bác ấy lắm. Từ lâu tôi đã không thích rồi. Mà lại hay nói to... nghĩa là đôi khi.

Ông thị trưởng gật đầu vẻ tán thành.

- Có lẽ như thế được đấy. Bác thấy thế nào, Billi?

- Theo các ông, làm sao tôi có thể điều tra một tội ác được thực hiện theo các động cơ như thế? - Billi hỏi lại giọng câu kinh. - Giá bảo như anh giết bác ấy trong tâm trạng bị kích động mạnh cơ còn được. Nhưng anh phải giết người theo đúng mọi quy định, Tom ạ. Và phải phù hợp với bản nhận xét: một kẻ giết người khát máu, lạnh lùng và tàn nhẫn. Anh không thể giết một người chỉ vì anh không thích dáng đi của người ấy. Nghe nó ngớ ngẩn lắm.

- Nếu thế có lẽ tôi phải suy nghĩ thêm, - Tom đứng dậy nói.

- Chỉ có điều anh đừng nghĩ lâu quá, - ông thị trưởng nói. - Công việc này kết thúc càng nhanh bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Tom gật đầu và đi ra cửa.

- A, Tom này! - Billi gọi với theo. - Nhớ phải để lại dấu vết đấy nhé. Việc đó quan trọng lắm.

- Được rồi, - Tom nói rồi bước ra.

Hầu như tất cả mọi người trong làng đều đứng ngoài đường nhìn lên trời. Cái chấm đen đã to hẳn. Nó gần như che kín cả cái mặt trời nhỏ.

Tom đi đến đại bản doanh của anh ở nơi có tiếng xấu để suy nghĩ cho thật kĩ. Ed Bia, rõ ràng đã xem lại thái độ của mình đối với các phần tử tội phạm. Bác ta đã sắp xếp lại cái quán. Xuất hiện một tấm biển lớn, đề: **HANG Ổ CỦA KẺ TỘI PHẠM**. Những tấm cửa sổ được treo bằng những tấm rèm mới nhưng được cố ý bôi đầy vết bẩn, làm cho ánh sáng khó lọt qua và khiến cho cái quán thực sự có vẻ là một ổ hắc điểm. Trên một bức tường treo đủ các loại vũ khí đeo bằng gỗ. Trên bức tường khác một vết màu đỏ máu tạo nên một ấn tượng thực sự khủng khiếp, mặc dù Tom biết đó chỉ là bột màu mà Billi Thợ sơn chế từ một thứ quả rừng.

- Vào đi, vào đi, Tom, - Ed Bia nói rồi dẫn khách vào cái góc tối tăm nhất. Tom nhận thấy vào giờ này trong quán chưa bao giờ đông khách như vậy. Mọi người có lẽ cảm thấy thích thú được đến thăm một cái hắc điểm thực sự của kẻ tội phạm.

Vừa nhâm nhi cốc Peri-côla, Tom vừa suy nghĩ. Anh buộc phải tiến hành vụ giết người.

Anh rút tờ lệnh ra, đọc lại một lượt từ đầu đến cuối.

Một công việc chó chết, nếu để tự nguyện không đời nào anh đi nhận công việc này, nhưng pháp luật bắt buộc anh phải thực hiện nghĩa vụ của mình.

Tom uống xong cốc Peri-côla và tập trung suy nghĩ về vụ giết người. Anh tự bảo mình, cần phải giết một ai đó. *Cần phải cướp đi sinh mạng của ai đó. Cần phải cho một ai đó sang thế giới bên kia.*

Nhưng dù anh có nói gì đi nữa, điều đó cũng không thể hiện bản chất sự việc. Đó chỉ là những lời nói xuông, có thể thôi. Để sắp xếp lại các ý nghĩ cho có đầu có đuôi, Tom thử lấy bác Thợ mộc Mark to khỏe, tóc hung ra làm ví dụ. Hôm nay bác Mark sau khi mượn lại cái cửa, đang xây ngôi trường học. Nếu Tom giết Mark... lúc đó Mark sẽ không tiếp tục xây dựng được nữa.

Tom sốt ruột lắc đầu, Mark Thợ mộc là người khỏe mạnh nhất, và theo ý kiến nhiều người, là giỏi nhất trong đám thợ mộc. Cứ nhìn bàn tay khỏe mạnh của bác ta nắm chắc cái bào bào những tấm gỗ thì thấy.

Đấy, đó là Mark Thợ mộc. Và bây giờ...

Mark Thợ mộc nằm sóng soài trên mặt đất, đôi mắt mở trợn trừng, tay chân cứng ngắt, miệng méo xệch sang một bên, bác ta đã tắt thở, tim không đập nữa. Bác ta không bao giờ còn được nắm chặt các khúc gỗ trong bàn tay vạm vỡ nữa. Không bao giờ còn than vãn về chứng đau nhức ở vai mà ông Ian thầy thuốc không giúp gì được nữa.

Trong một khoảnh khắc Tom bỗng cảm nhận được một cách thấm thía thế nào là giết người. Hình ảnh đã biến mất,

nhưng ấn tượng về nó vẫn còn lại - nó rõ ràng đến nỗi Tom cảm thấy hơi buồn nôn.

Anh có thể đi ăn cắp mà vẫn sống. Nhưng đi giết người, thậm chí vì những lợi ích cao cả nhất, vì lợi ích của cả làng thì...

Người ta sẽ nói gì nếu họ nhìn thấy cảnh tượng mà anh vừa hình dung ra? Khi đó làm sao anh có thể sống giữa mọi người? Làm sao anh có thể chấp nhận chính mình?

Tuy vậy, anh vẫn phải giết người. Mỗi người trong làng đều phải làm một việc gì đó cho làng, và cái công việc oái oăm này lại rơi đúng vào anh.

Nhưng anh phải giết ai bây giờ đây?

*

Sự náo động bắt đầu sau đó ít lâu, khi chiếc radio liên hành tinh bực dọc phát tin bằng những giọng nói khác nhau.

- Có phải thuộc địa đấy không? Thủ đô của các anh ở đâu?

- Nó ở đây, - ông thị trưởng đáp.

- Sân bay của các anh ở đâu?

- Hình như ở đó bây giờ đã thành bãi chăn nuôi, - ông thị trưởng nói. - Tôi có thể tra cứu ở các sách xem trước kia sân bay ở chỗ nào. Chưa có một con tàu vũ trụ nào hạ cánh xuống đây đã trên...

- Nếu vậy con tàu chính sẽ ở lại trên không trung. Hãy tập hợp tất cả dân làng lại. Tôi hạ cánh đây.

Cả làng tập hợp xung quanh một bãi trống mà viên thanh tra lựa chọn để hạ cánh. Tom nhét vũ khí vào thắt lưng quần,

nấp sau một gốc cây và bắt đầu quan sát.

Một con tàu vũ trụ nhỏ tách khỏi con tàu lớn và lao nhanh xuống dưới. Nó rơi như một hòn đá xuống cánh đồng, cả làng nín thở chờ xem nó vỡ tan. Nhưng vào giây cuối cùng con tàu bất ngờ phun ra những tia lửa, đốt cháy cả một vùng cỏ, rồi nhẹ nhàng hạ cánh xuống đất.

Ông thị trưởng dùng hai khuỷu tay rẽ đám đông tiến lên phía trước; hấp tấp bước theo sau là bác Thợ sơn Billi. Cửa con tàu mở ra, và hiện ra bốn người đàn ông. Họ cầm trong tay những vật bằng kim loại sáng loáng, và Tom hiểu rằng đó là vũ khí. Bước ra sau họ là một người đàn ông béo tốt, mặt đỏ gay, mặc quần áo đen với bốn tấm mẽ đay lấp lánh trên ngực. Đi cùng ông ta là một người bé nhỏ mặt có nhiều nếp nhăn, cũng mặc quần áo đen. Sau họ lại có bốn người nữa ăn mặc đồng phục giống nhau.

- Chào mừng các vị đến Dilaver Mới, - ông thị trưởng nói.

- Cảm ơn Tướng quân, - người đàn ông to béo đưa tay lịch sự bắt tay ông thị trưởng. - Tôi là thanh tra Dilumein. Còn đây là ngài Grent, cố vấn chính trị của tôi.

Grent gật đầu chào ông thị trưởng, làm ra vẻ không nhìn thấy bàn tay chìa ra của ông ta: với vẻ bề trên khinh khỉnh ông ta đưa mắt nhìn đám dân Dilaver tụ tập xung quanh.

- Chúng tôi muốn đi xem ngôi làng, - viên thanh tra nói và liếc nhìn Grent. Grent gật đầu. Đội bảo vệ mặc quân phục xếp thành hình vòng cung bao lấy họ.

Tom, lén lút như một con thú rình mồi thực sự, giữ một khoảng cách an toàn, đứng theo dõi họ. Khi họ tiến vào đến

làng, anh nấp sau một ngôi nhà và tiếp tục quan sát.

Ông thị trưởng với vẻ hãnh diện giới thiệu với khách nhà tù, bưu điện, nhà thờ và ngôi trường nhỏ sơn đỏ. Viên thanh tra có vẻ hơi thất vọng. Ngài Grent thì cười mỉm trông rất khó chịu.

- Đúng như tôi đoán, - ông ta nói với viên thanh tra. - Chỉ mất thì giờ và tốn nhiên liệu một cách vô ích. Ở đây hoàn toàn không có gì giá trị.

- Tôi không tin là như vậy, - viên thanh tra nói. Rồi quay sang phía ông thị trưởng. - Nhưng ngài xây dựng tất cả những thứ này để làm gì, Tướng quân?

- Sao? Để trở thành những người Trái đất thực sự chứ còn để làm gì nữa, - ông thị trưởng đáp. - Các ngài thấy đấy, chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể.

Ngài cố vấn thì thào gì đó vào tai viên thanh tra.

- Tướng quân hãy cho biết - viên thanh tra quay sang bảo ông thị trưởng - trong làng của Tướng quân có bao nhiêu thanh niên trai tráng?

- Xin lỗi? - Ông thị trưởng hỏi lại vẻ lúng túng.

- Trong làng của Tướng quân có tất cả bao nhiêu thanh niên ở độ tuổi từ mười lăm đến sáu mươi? - Ông Grent giải thích.

- Ông biết đấy, tướng quân, Đế chế Đất Mẹ đang trong tình trạng chiến tranh. Dân thuộc địa ở Dengor IV và một số thuộc địa khác nổi dậy chống lại quyền cai trị hợp pháp của Đất Mẹ.

- Tôi lấy làm đau xót nghe tin ấy, - ông thị trưởng nói với giọng thương cảm.

- Chúng tôi cần người cho quân đoàn bộ binh vũ trụ, - viên thanh tra nói. - Những người đàn ông rắn chắc, khỏe mạnh và thiện chiến. Nguồn nhân lực của chúng tôi đã cạn...

- Chúng tôi muốn, - ngài cố vấn Grent nói thêm với giọng trịnh trọng, - dành cho tất cả những người dân thuộc địa trung thành với Đất Mẹ cơ hội tham gia vào cuộc chiến đấu sống còn vì Đế Chế Đất Mẹ. Chúng tôi tin rằng sẽ không nghe được lời từ chối của các ngài.

- Tất nhiên là không, - ông thị trưởng nói. - Tôi tin rằng tất cả những người trẻ tuổi của chúng tôi sẽ rất sung sướng... Thật ra, họ không phải là những người đặc biệt tháo vát lắm trong chuyện này, nhưng họ là những chàng trai rất thông minh. Tôi cho rằng họ có thể nhanh chóng làm quen.

- Đấy, ngài thấy không, - viên thanh tra quay sang ngài Grent bảo. - Sáu mươi, bảy mươi, mà có thể hàng trăm chiến binh mới. Cũng không đến nỗi phí thời gian như ta tưởng.

Nhưng ngài Grent vẫn tỏ ra bi quan như trước.

Viên thanh tra và ngài cố vấn cùng đi đến nhà ông thị trưởng để ăn một chút gì. Có bốn người lính đi hộ tống họ. Còn bốn người khác thì đi dạo trong làng.

Tom nấp trong một khu rừng nhỏ gần đấy để suy nghĩ cho thật cặn kẽ mọi chuyện. Trong bóng chiều chạng vạng bà Ed Bia sợ sệt nhìn bốn phía rồi bước ra khỏi bìa rừng. Bà Ed Bia là một phụ nữ gầy gò, tuổi trung niên, có mái tóc vàng đã bắt đầu bạc. Mặc dù cái đầu gối hơi bị phong thấp, song bà đi lại vẫn rất nhanh nhẹn. Tay bà xách một cái làn có đựng một chiếc khăn carô màu đỏ.

- Tôi mang thức ăn đến cho anh đây, - vừa nhìn thấy Tom bà nói ngay.

- Thế à?... Cảm ơn, - Tom nói vẫn chưa hết vẻ ngạc nhiên. - Nhưng bà hoàn toàn không phải làm việc này.

- Sao lại không phải? Vì quán rượu của chúng tôi là nơi mang tiếng xấu trong làng, nơi mà anh phải trốn tránh pháp luật, đúng không? Chả lẽ không phải như vậy? Nghĩa là chúng tôi phải chịu trách nhiệm về anh và phải quan tâm săn sóc đến anh. Ông thị trưởng ra lệnh cho tôi chuyển cho anh một thứ.

Tom mồm còn đang nhồm nhoàm nhai nhìn bà Ed Bia.

- Lại còn cái gì nữa?

- Ông ấy bảo anh phải khẩn trương tiến hành giết người đi. Tạm thời ông ấy đang nói dối viên thanh tra và cái lão Grent lùn đáng ghét ấy. Nhưng sớm hay muộn thế nào họ cũng thẩm tra ông ấy. Tôi tin như vậy.

Tom gật đầu.

- Thế khi nào anh mới làm việc đó, Tom? - Bà Ed Bia ngoe đầu nhìn anh hỏi.

- Tôi không có trách nhiệm phải nói với bà, - Tom nói.

- Sao lại không có trách nhiệm. Tôi là *kẻ đồng lõa* của anh mà! - Bà Ed tiến lại gần hơn.

- Phải, đúng thế. - Tom dăm chiêu thừa nhận. - Thôi được, ngay đêm nay, khi trời tối hẳn tôi sẽ thực hiện. Hãy nói với Billi Thợ sơn là tôi sẽ để lại tất cả các dấu tay và mọi tang chứng khác có thể.

- Được rồi, Tom, - bà Ed Bia nói, - Chúa sẽ phù hộ anh.

*

Tom chờ cho trời tối, còn lúc này anh đang tiếp tục quan sát những chuyện xảy ra trong làng. Anh nhìn thấy mấy tay lính đã uống say bết nhè. Bọn chúng đi nhõn nhơ khắp làng với cái vẻ như trên đời này không còn ai khác ngoài chúng.

Một tên lính rút súng bắn chỉ thiên làm cho những con thú lông xù đang ăn cỏ cách đây nhiều dặm cũng phải hoảng sợ.

Viên thanh tra và lão Grent vẫn đang ngồi nhà ông thị trưởng.

Đêm bắt đầu xuống. Tom lẻn quay về làng và nấp vào khe hẹp giữa hai ngôi nhà. Anh rút từ thắt lưng ra con dao và bắt đầu đợi.

Có người nào đó đang đi trên đường, Tom cố nhớ lại những phương pháp mà bọn giết người thường áp dụng, nhưng không thể nhớ được gì. Anh chỉ biết là cần phải thực hiện vụ giết người, và càng nhanh càng tốt. Người kia đang đến gần. Hình dáng người đó lắc lư không rõ trong bóng tối.

- A, anh đấy à, Tom? - Ông thị trưởng nói. Ông nhìn con dao
- Anh đang làm gì ở đây thế?

- Ông bảo là phải giết ai đó, vì thế tôi...

- Tôi không nói là anh giết tôi, - ông thị trưởng lùi lại nói - không được giết tôi.

- Tại sao lại không được? - Tom hỏi.

- Thứ nhất, tại vì tôi đang phải đón viên thanh tra. Ông ấy đang đợi tôi. Cần phải giới thiệu cho ông ấy...

- Chuyện ấy bác Billi Thợ sơn có thể làm được, - Tom nói. Anh tóm lấy cổ áo sơ mi ông thị trưởng và dí mũi dao nhọn vào cổ ông. - Tất nhiên, cá nhân tôi không có gì thù tức ông, - anh nói thêm.

- Khoan đã. - Ông thị trưởng kêu lên. - Nếu anh không có gì thù tức tôi, nghĩa là anh không có động cơ!

Tom hạ dao xuống, nhưng vẫn giữ chặt cổ áo.

- Không sao, tôi có thể nghĩ ra một động cơ khác. Chẳng hạn, tôi rất tức giận khi ông chỉ định tôi làm kẻ tội phạm.

- Nhưng đó là thị trưởng chỉ định anh, đúng không?

- Đúng, nếu không thì là ai?

Ông thị trưởng kéo Tom từ bóng tối ra chỗ đường sáng ánh sao.

- Anh nhìn đi!

Tom há hốc mồm. Ông thị trưởng mặc chiếc quần có nếp li sắc như lưỡi dao và khoác áo quân phục lấp lánh huy chương. Trên mỗi bên cầu vai có một hàng sao, mỗi hàng có đến mười ngôi sao. Chiếc mũ có thêu bằng chỉ kim tuyến hình ngôi sao băng.

- Anh thấy chưa, Tom? Bây giờ tôi không còn là thị trưởng nữa. Tôi là viên tướng!

- Nhưng có gì khác nhau? Vì con người ông vẫn là một.

- Nhưng xét về quan điểm pháp lí thì khác. Tiếc là anh đã không dự buổi lễ tổ chức sau bữa ăn trưa hôm nay. Ngài thanh tra tuyên bố rằng vì tôi được chính thức chuyển sang hàng ngũ tướng nên tôi phải mặc bộ quân phục tướng. Buổi lễ đã diễn ra trong bầu không khí hết sức thân mật. Tất cả mọi người ở Trái đất đến đều nháy mắt cười với tôi và với nhau.

Tom lại giơ con dao lên với vẻ mặt như sắp mổ bụng cá.

- Chúc mừng ông, - anh nói với sự thành tâm không giả dối, - nhưng khi ông bổ nhiệm tôi làm kẻ tội phạm thì ông là thị trưởng, nghĩa là động cơ của tôi vẫn có hiệu lực.

- Nhưng như vậy anh giết không phải thị trưởng! Anh giết một viên tướng! Và như thế không phải là vụ giết người!

- Không phải giết người? - Tom hỏi. - Vậy nó là gì?

- Anh biết đấy, giết tướng có nghĩa là sự nổi loạn!

- Ô! - Tom buông dao xuống. Sau đó bỏ cổ áo ông thị trưởng ra. - Tôi xin lỗi.

- Không sao, - ông thị trưởng nói. - Một sai lầm hoàn toàn có thể tha thứ được. Đơn giản là vì tôi đọc được điều đó trong sách, còn anh thì không. - Ông thở phào một cái. - Thôi, có lẽ tôi phải đi đây. Ông thanh tra yêu cầu tôi làm danh sách những người được tuyển.

Tom kêu với theo:

- Ông vẫn chắc là tôi buộc phải giết ai đó à?

- Tôi tin chắc, - ông thị trưởng vội vã bỏ đi, đáp. - Nhưng có điều không phải là tôi.

Tom lại nhét dao vào thắt lưng.

Không phải tôi! Không phải tôi! Người nào cũng sẽ nói thế. Trong khi đó vẫn cần có một người bị giết. Người đó là ai? Anh không thể tự giết bản thân mình được. Như thế không phải giết người, mà là tự tử, do đó sẽ không được tính.

Tom cảm thấy run sợ. Anh cố quên nghĩ đến chuyện vụ giết người phút chốc hiện ra trước mắt anh với toàn bộ tính hiện thực của nó. Công việc bắt buộc phải làm.

Lại có người nào đang đi đến!

Người đó mỗi lúc một gần hơn. Tom cúi khom người, các cơ bắp của anh cứng lại, anh chuẩn bị nhảy chồm ra.

Đó là bà Thợ xay. Bà đi chợ về và đang xách một làn rau.

Tom tự nhủ điều đó chẳng có ý nghĩa gì - bà Thợ xay hay người nào khác. Nhưng anh không thể nào gạt khỏi đầu những hồi tưởng về cuộc trò chuyện của bà với mẹ anh. Thành thử, anh không có động cơ nào để giết bà Thợ xay cả.

Bà đi ngang qua mặt anh nhưng không nhìn thấy anh.

Anh đợi thêm khoảng ba mươi phút nữa. Trong khoảng tối giữa các nhà lại xuất hiện bóng người. Tom nhận ra bác Thợ dệt Maks.

Tom lúc nào cũng thích Maks. Nhưng điều đó chưa có nghĩa là Tom không có động cơ để giết Maks. Nhưng anh tuyệt đối không nghĩ ra được có gì, ngoại trừ Maks có vợ và năm đứa con rất quý mến anh. Tom không muốn để Billi sau này nói với anh rằng đó không phải là động cơ. Anh lúi sâu vào bóng tối và để cho Maks đi qua.

Xuất hiện ba anh em nhà Thợ mộc. Với họ Tom có một kí ức quá đau buồn. Anh cho họ đi qua. Tiếp theo họ là bác Lái đồ Rodger.

Tom không có lí do gì để giết Rodger, nhưng kết bạn thì chưa bao giờ anh kết thân với bác ta. Hơn nữa Rodger lại không có con, còn vợ bác ta thì không thể nói là quá yêu thương bác ta. Có thể tất cả những điều đó đủ để cho Billi phát hiện ra những động cơ giết người?

Tom hiểu rằng như thế chưa đủ... Và với tất cả những người khác trong làng cũng vậy. Anh lớn lên giữa những người này, cùng ăn uống, cùng lao động với họ, chia sẻ các niềm vui và nỗi buồn với họ. Thực ra anh có thể có những động cơ nào để giết một người trong số họ?

Nhưng anh bị bắt buộc phải giết. Cái lệnh phát cho anh yêu cầu điều đó. Không thể lừa dối sự tin cậy của những người cùng làng. Nhưng mặt khác anh lại không thể giết một trong số những người mà anh biết rõ từ khi mới nằm nôi.

- Khoan đã! - Bỗng anh xúc động mạnh khi chợt nghĩ ra một ý. - Có thể giết viên thanh tra được!

Động cơ ư? Nhưng như thế còn gây ra tội ác kinh khủng hơn so với việc giết ông thị trưởng... Tất nhiên ông thị trưởng bây giờ còn là tướng, nhưng giết ông ta mới chỉ có nghĩa là nổi loạn. Thậm chí cho rằng ông thị trưởng vẫn chỉ là thị trưởng như trước, thì viên thanh tra là một nạn nhân quan trọng hơn nhiều. Tom sẽ thực hiện vụ giết người này vì danh dự, vì chiến công, vì nghĩa lớn! Vụ giết người này sẽ cho Trái đất thấy thuộc địa của nó trung thành với các truyền thống của Trái đất như

thế nào! Và ở Trái đất người ta sẽ nói: “Ở Dilaver Mới tội ác đã đạt tới mức mà có mặt ở đó là rất nguy hiểm. Một kẻ tội phạm đã vô cớ đi giết viên thanh tra ngay ngày đầu tiên ông đặt chân tới đó! Trên khắp vũ trụ này hiếm nghe nói đến một vụ giết người nào đáng sợ như vậy!”

Đó chắc chắn sẽ là vụ giết người hiệu quả nhất mà người ta có thể thực hiện, Tom nghĩ. Vụ giết người mà chỉ có tên giết người lão luyện nhất mới làm được.

Lần đầu tiên cảm thấy dạt dào niềm kiêu hãnh, Tom vội vã đi đến nhà ông thị trưởng. Văng đến tai anh những mẩu đối thoại đang diễn ra bên trong nhà.

- ... một dân tộc hết sức thụ động, - lão Grent nói. - Thậm chí tôi có thể nói là nhút nhát.

- Một tính cách khá là buồn tẻ, - viên thanh tra nhận xét. - Đặc biệt là ở các người lính.

- Thế ông định chờ đợi gì ở những con người lạc hậu này? May là chúng ta chỉ tuyển mộ ở đây một số lính. - Lão Grent ngáp một cái rõ to. - Lính gác đâu, *ngghiêm!* Chúng ta trở lại tàu vũ trụ.

Lính canh! Tom hoàn toàn quên khuấy mất bọn chúng. Anh do dự nhìn con dao. Nếu anh lao vào viên thanh tra, đám lính canh chắc chắn sẽ kịp giữ anh lại trước khi anh thực hiện được vụ giết người. Chắc chắn chúng đã được huấn luyện kỹ cho việc này.

Giá như anh có được thứ vũ khí giống của bọn chúng...

Từ trong nhà văng ra tiếng bước chân. Tom vội vã đi tiếp trên phố.

Gần chợ anh nhìn thấy một tên lính say đang ngồi trên thềm một ngôi nhà và ngêu ngao hát gì đó. Dưới chân hắn vương vãi hai cái vỏ chai, khẩu súng treo cầu thả trên vai.

Tom lén đến gần, rút cái gậy gỗ ra giơ lên...

Có lẽ cái bóng của anh làm tên lính chú ý. Hắn đứng phắt dậy, cúi người tránh kịp cú gậy giáng vào đầu. Hắn đâm Tom vào mạng sườn một quả, tháo súng trên vai ra và nhắm bắn. Tom nhảy sang một bên tránh, phi cả hai chân đá vào hắn. Cú đập của anh trúng đùi làm tên lính ngã bổ chửng. Trước khi hắn kịp đứng dậy Tom đã nện cho hắn mấy gậy vào đầu.

Tom sờ mạch tên lính (giết một người ngẫu nhiên không có ý nghĩa gì) và thấy mạch hắn vẫn hoàn toàn bình thường. Anh cầm khẩu súng trường lên, kiểm tra xem cò súng ở đâu và phải bóp ở chỗ nào, rồi bỏ đi tìm viên thanh tra.

Anh bắt gặp ông ta trên đường ông ta đi ra bãi hạ cánh. Viên thanh tra và lão Grent đi phía trước, theo sau họ là mấy tên lính.

Tom vừa men theo các bụi cây vừa đi theo họ. Anh bí mật đuổi kịp đoàn người cho đến khi lên ngang cùng viên thanh tra và lão Grent. Anh giơ súng ngắm, nhưng ngón tay anh cứng lại ở chỗ cò súng...

Anh không muốn giết thêm cả lão Grent. Vì người ta chỉ yêu cầu anh giết có một người.

Tom vượt lên trước viên thanh tra, rồi bước ra giữa đường, chặn đường ông ta. Súng của anh chĩa thẳng vào viên thanh tra.

- Chuyện gì thế này? - Viên thanh tra hỏi.

- Đúng nghiêm, - Tom nói với ông ta. - Tất cả những người khác rút súng xuống và tránh ra một bên.

Những tên lính ngoan ngoãn nghe lời. Chúng lần lượt rút súng xuống đất rồi chạy sang các bụi cây hai bên đường. Grent vẫn đứng nguyên tại chỗ.

- Anh bạn định làm gì vậy? - Lão hỏi.

- Tôi là kẻ tội phạm thành phố, - Tom đáp một cách kiêu hãnh. - Tôi muốn giết viên thanh tra. Xin mời ông tránh ra một bên.

Grent tròn mắt nhìn anh.

- Kẻ tội phạm à? Hóa ra ông thị trưởng áp ứng về chuyện này.

- Tôi biết ở làng chúng tôi đã hơn hai trăm năm nay chưa có vụ giết người nào, - Tom giải thích, - nhưng bây giờ tôi sẽ sửa sai. Ông hãy lui ra chỗ khác đi!

Grent nhẩy vội sang một bên tránh nòng súng đang chĩa vào lão. Viên thanh tra còn lại một mình. Ông ta đứng hơi loạng choạng.

Tom vừa giương súng ngắm vừa nghĩ đến chuyện vụ giết người này sẽ gây ra hậu quả như thế nào và về ý nghĩa xã hội của nó.

Nhưng anh nhìn thấy viên thanh tra nằm sóng soài trên mặt đất với đôi mắt trợn trừng nhìn bất động, cái miệng méo xệch, và quả tim ngừng đập.

Anh cố bắt ngón tay mình ấn vào cò súng. Cái đầu anh có thể tha hồ thuyết phục anh rằng việc giết người này cần thiết về mặt xã hội như thế nào, - nhưng bàn tay anh còn biết rõ hơn.

- Tôi không thể, - Tom kêu lên.

Anh ném súng xuống và chạy vào bụi cây.

Viên thanh tra muốn phái người đi tìm Tom và treo cổ anh tại chỗ. Nhưng ngài Grent không tán thành với ông ta. Dilaver Mới là một hành tinh đầy rừng rậm. Mười nghìn người cũng không thể tìm được kẻ chạy trốn trong những khu rừng âm u này nếu như hẳn ta không muốn rơi vào tay họ.

Nghe tiếng huyền não, ông thị trưởng và một người dân làng chạy đến. Đám lính tạo thành một vòng tròn bảo vệ viên thanh tra và ngài Grent. Họ đứng tay cầm súng sẵn sàng. Nét mặt họ nghiêm nghị và cau có.

Ông thị trưởng giải thích đầu đuôi câu chuyện. Ông nói về sự lạc hậu đáng buồn của làng trong lĩnh vực tội phạm. Về mệnh lệnh được giao cho Tom Đánh cá. Về chuyện anh ta đã làm xấu hổ cả làng vì đã không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tại sao ông giao nhiệm vụ này cho chính anh ta? - Ngài Grent hỏi.

- Các ông thấy đấy, - ông thị trưởng nói. - Tôi nghĩ rằng trong làng này nếu có người nào có khả năng giết người thì

người đó chỉ có thể là Tom. Các ông hiểu không, anh ấy là dân đánh cá! Đó là công việc cũng tương đối máu me.

- Nghĩa là tất cả những người khác ở chỗ ông không có khả năng giết người?

- Không ai trong số chúng tôi chưa bao giờ tiến xa bằng Tom, - ông thị trưởng buồn rầu thú nhận.

Viên thanh tra và Grent đưa mắt nhìn nhau, sau đó nhìn đám lính. Đám lính với sự ngạc nhiên nhìn dân làng và bắt đầu thì thào với nhau chuyện gì.

- Nghiêm! - Viên thanh tra gầm gừ. Ông ta quay sang Grent và hạ giọng nói. - Trong khi chưa muộn ta phải rời khỏi đây nhanh. Người không biết giết người làm sao có thể đứng trong quân đội của ta được!

- Tình trạng đạo đức của các binh lính của ta... - Ngài Grent lẩm bẩm, toàn thân run rẩy, - một bệnh lây nhiễm nguy hiểm... Một người, nếu anh ta không có khả năng bóp cò súng, có thể vào giây phút quan trọng phá hủy cả con tàu vũ trụ... Không, không thể mạo hiểm như vậy được.

Họ ra lệnh cho đám lính quay về tàu vũ trụ. Đám lính bước đi lười biếng hơn mọi khi, thỉnh thoảng lại ngoái đầu lại nhìn ngôi làng. Họ vẫn tiếp tục thì thào với nhau, mặc cho viên thanh tra cứ gầm lên và liên tục ra lệnh.

Con tàu vũ trụ nhỏ bay lên giữa đám khói phun ra từ nó. Vài phút sau nó đã bị nuốt vào trong bụng con tàu lớn. Sau đó còn tàu lớn cũng mất hút.

Mặt trời lớn màu đỏ đã xà xuống sát mép đường chân trời.

- Bây giờ anh có thể ra được rồi đấy, Tom! - Ông thị trưởng gọi to. Tom chui ra khỏi bụi cây nơi anh đứng nấp để theo dõi mọi biến cố xảy ra.

- Tôi đã đoảng vị khi thực hiện nhiệm vụ này. - Tom than thở.

- Anh đừng buồn. - Billi an ủi. - Vì dù sao sự việc cũng chưa xảy ra.

- Có lẽ bác nói đúng. - Ông thị trưởng nói trong lúc họ đang đi trên đường về làng. - Tôi cứ nghĩ biết đâu bỗng dưng anh hoàn thành được nhiệm vụ này. Nhưng anh đừng buồn. Không ai trong làng này làm được dù chỉ một nửa phần việc anh đã làm.

- Thế bây giờ những công trình này để làm gì? - Billi Thợ sơn hỏi, chỉ vào nhà tù, nhà bưu điện, nhà thờ và ngôi trường nhỏ.

Ông thị trưởng tập trung suy nghĩ chừng một phút.

- Tôi biết, - ông nói. - Chúng ta sẽ xây dựng một sân nhỏ cho trẻ con chơi. Đu quay, các đụn cát, những thùng đựng cát và các đồ chơi nghịch ngợm khác.

- Lại một cái sân chơi nữa? - Tom hỏi.

- Phải. Tại sao không?

Câu hỏi này chẳng cần phải trả lời. Đúng là tại sao không?

- Có lẽ việc này không cần đến tôi nữa, - Tom chìa tờ lệnh cho ông thị trưởng nói.

- Phải, có lẽ vậy, - Ông thị trưởng nói. Mọi người thông cảm nhìn ông khi ông xé tờ lệnh ra thành nhiều mảnh nhỏ. - Thôi, chúng ta đã làm tất cả những gì có thể làm. Chỉ có điều là không đạt kết quả.

- Thực ra tôi đã có cơ hội, - Tom nói vẻ bối rối - tôi đã phụ lòng tin của mọi người.

Billi nhẹ nhàng đặt tay lên vai anh.

- Anh không có lỗi, Tom ạ. Và không ai trong chúng ta có lỗi cả. Đó là điều đương nhiên khi hai trăm năm nay nền văn minh không đến được với chúng ta. Các bạn thử nghĩ xem. Trái đất phải mất bao nhiêu thời gian mới trở thành văn minh. Hàng nghìn năm. Vậy mà chúng ta lại mong đạt tới trình độ đó trong vòng hai tuần.

- Thôi, chúng ta lại đành quay trở lại với tình trạng không văn minh vậy, - ông thị trưởng nói đùa một cách vụng về.

Tom vươn vai ngáp rồi đi về nhà để ngủ một giấc cho thật đầy - ngủ bù những đêm anh phải thức. Về đến trước cửa nhà anh ngược nhìn lên trời.

Những đám mây dày, nặng đã dồn lại phía trên đầu, và xung quanh mỗi đám mây có một vòng hào quang đen. Những đợt mưa thu đang đến gần. Anh lại sắp có thể đi đánh cá.

Tại sao anh lại không hình dung ra ông thị trưởng dưới dạng con cá nhử? Nhưng anh cảm thấy lúc này quá mệt mỏi để cân nhắc xem điều đó có đủ là chứng cứ cho việc giết người không. Dù sao nghĩ đến việc đó bây giờ đã muộn. Trái đất đã từ chối họ, nền văn minh đã bay đi mất, và không ai biết nó cách xa hành tinh của họ với khoảng cách bao nhiêu thế kỉ.

Đêm đó anh ngủ không ngon giấc.

THÁI HÀ *dịch*

MỐI TÌNH NGOÀI THỜI GIAN

MANUEL GARCIA-VIEO (Tây Ban Nha)

Manuel Garcia-Vieo là nhà văn Tây Ban Nha viết nhiều truyện ngắn khoa học viễn tưởng. Các tác phẩm của ông nổi tiếng ở Tây Ban Nha và ở châu Âu. Hiện ông đang sống và sáng tác ở Madrid.

 ho tới tận bây giờ, người đầu tiên và duy nhất du hành vào chiều thứ tư là Hulian Sender. Chàng chẳng có chút dính líu gì vào việc phát minh cỗ máy thời gian. Người ta chỉ thử nghiệm máy với chàng thôi.

Vào năm 1980, khi chàng tròn ba mươi tuổi, các nhà bác học ở Viện nghiên cứu đo lường thời gian đã chế tạo thành công chiếc máy có thể đưa con người vào tương lai. Hulian Sender là phó giám đốc trung tâm báo chí và trong số mười hai người tình nguyện, chàng đã được chọn cho chuyến thám hiểm tới năm 2020.

Chàng không hề được tham gia cuộc huấn luyện chuẩn bị đặc biệt nào hết. Chàng chỉ được người ta thông báo rằng sẽ tiến hành một chuyến hành trình có một không hai mà thôi. Đúng bốn mươi năm sẽ trôi qua và chàng sẽ ở đó cả thảy một tuần. Sau bảy ngày chàng phải có mặt ở chính nơi chàng dừng lại sau khi đến nơi. Người ta không cho chàng nêu câu hỏi nào hết và thông báo rằng một khi chàng được lựa chọn rồi thì chàng không được phép thoái thác, từ chối.

*

Sau kì nghỉ một tuần được hưởng trước cuộc thí nghiệm, chàng đến viện đúng tám giờ sáng. Và theo những chỉ dẫn trong bức thư chàng nhận được hôm trước, chàng bước tới căn phòng số 23.

Người mở cửa cho chàng là một thanh niên bận bộ áo liền quần với dòng chữ viết tắt thêu trên túi VNCDLTG. Anh ta mỉm cười, bắt tay Hulian và mời chàng vào.

Sau đó anh ta dẫn chàng bước vào một gian phòng mà trong đó sân, trần và bốn bức tường đều bằng kim loại và không có một ô cửa nào. Chiếc ghế độc nhất cũng được làm bằng kim loại. Chẳng có thảm, chẳng có tranh và cũng chẳng có thứ đồ dùng nào hết.

- Thế đấy, - người dẫn đường mở miệng nói, - khi tôi ra rồi thì anh hãy ngồi lại ở đây.

Sender muốn nói điều gì đó, nhưng người thanh niên ngắt lời chàng ngay.

- Anh khỏi lo bất cứ điều gì hết. Tất cả những gì anh cần biết thì anh đã biết rồi. Bây giờ người ta chỉ đòi hỏi ở anh có mỗi một điều - ấy là thực hiện chu toàn những chỉ dẫn của tôi. Khi tôi đi ra thì anh hãy yên vị nhé.

Người thanh niên đi ra khỏi phòng sau khi khóa cửa ra vào, còn Hulian ngồi lại trên chiếc ghế kim loại. Chàng nhìn khắp xung quanh. Căn phòng dường như được chiếu sáng rực rỡ nhưng Hulian không phát hiện ra nguồn ánh sáng phát ra từ chỗ nào. Chàng đưa mắt tìm chiếc cửa ra vào mà người dẫn đường vừa đi ra qua đấy, song chàng không tìm thấy. Gian

phòng là một khối lập phương lớn với các cạnh dài chừng năm mét. Sàn, bốn bức tường và trần nom như nhau, đó là những tấm kim loại tuyệt đối phẳng lấp lánh mờ mờ trong một thứ ánh sáng lạ lùng. Một chốc sau - có lẽ Hulian khó mà xác định được bao lâu - vọng ra tiếng vo vo kì lạ, thứ tiếng động này tác động tới không chỉ thính giác mà cả xúc giác và thị giác nữa. Vả lại, Hulian không hề rõ tiếng vo vo ấy vừa mới bắt đầu hay đã tồn tại ngay từ lúc vào đây. Có cái gì đó tựa hồ cơn rung rinh của bầu không khí đã ngưng đọng trong gian phòng, sự rung rinh ấy được nhận thấy bằng toàn bộ cảm giác và thấm sâu vào nơi sâu thẳm nhất của cơ thể Hulian nghĩ rằng chắc hẳn đã trôi qua hàng giờ dài đặc ngay từ đầu của cuộc thí nghiệm. Song chàng không mấy may cảm thấy đói, khát, không chút mệt mỏi hay đau đớn. Ánh sáng tỏa chiếu gian phòng lúc này có vẻ ít rực rỡ hơn trước. Bốn bức tường có vẻ thẫm hơn và đặc chắc hơn. Nhưng chàng quả quyết rằng ấy là do chàng đã quen với ánh sáng đều đặn mà lúc đầu chút nữa làm chàng lóa mắt.

Hulian nhắm mắt lại và lúc thì thiếp đi, lúc thì không, điều đó mãi về sau này chàng vẫn không giải thích nổi. Khi chàng mở mắt thì cảm tưởng nơi chàng thấy như đang ngồi trên ghế không phải đặt lên sàn mà là lên một trong những bức tường kia. Tiếng ù ù đã hết, nhưng lúc này chàng thấy chóng mặt và xuất hiện cảm giác bay trong khoảng không và rơi liên tục vào một vực thẳm.

Chàng tỉnh lại trên một bãi cỏ mọc đầy cỏ ba lá và trực giác đã lập tức nhắc nhở chàng giờ đây chàng đã lọt tới năm 2020 theo kế hoạch. Căn cứ theo mặt trời rực rỡ giữa những cụm mây bông trắng thì bây giờ là khoảng giữa mười, mười một giờ sáng.

Chàng nhòm dậy, hơi cảm thấy mệt mỏi và ngoài nhìn xung quanh. Từ phía bắc, phía đông và phía tây, khu bãi cỏ được bao viền bởi một hàng rào bằng những chiếc cột kim loại trắng, phía ngoài hàng rào trải dài những cánh đồng đã cày vỡ đến tận chân trời thấp và xa xăm. Ở phía nam, cánh đồng cày chuyển thành một sườn dốc thoải nơi một ngọn đồi thấp.

Hulian hướng về đỉnh đồi vì chàng dự cảm rằng bên triền đồi kia sẽ nhìn thấy con đường cần đến cho chàng.

Trên thực tế, bên kia sườn đồi cũng là những cánh đồng đã trồng trọt, nhưng sau đó chừng hai cây số chàng nom thấy một khu vực không hẳn ra một thị trấn lớn cũng không hẳn là một thành phố nhỏ.

*

Thế giới nơi chàng vừa thâm nhập hầu như chẳng khác gì với thế giới vừa được chàng rời bỏ, bởi thế chàng thậm chí còn cho rằng mình đổi địa điểm chứ không phải thời đại.

Lúc này chàng đã nhận biết nhãn hiệu và kiểu của chiếc ô tô mà người nông dân trạc năm mươi tuổi cùng sự trợ giúp của một cậu bé đã chất những chiếc hộp hình lăng trụ nhiều màu sắc lên đó như lên một chiếc xe tải. Thế nhưng thú vật liệu kì lạ của những chiếc hộp và kiểu chế tạo rất tuyệt vời của chúng lại thu hút sự chú ý của chàng. Tuy nhiên cũng hoàn toàn có thể là những đồ vật như thế cũng từng tồn tại ở thời đại của chàng, duy chỉ có điều là ở một xứ sở phát triển hơn đất nước của chàng.

Hulian thầm ước lượng: Người đàn ông *lúc bây giờ* phải chừng mười - mười hai tuổi. Còn chú bé vẫn chưa ra đời. Hulian

bất giác rung mình vì ý nghĩ này.

Chàng đã đi tới những ngôi nhà đầu tiên của thành phố. Những người đi ngược lại không chút chú ý gì đến chàng cả. Những người ấy có nhận ra mình không nhỉ. Mình có tồn tại đối với họ hay không? Có phải chàng mơ thấy tất cả những điều này và đây có phải là ảo ảnh không?

Nơi góc phố chàng nom thấy một quán bar và chàng tiến lại gần. Sau những tấm kính rộng của tủ bày hàng, giữa những chai đồ uống có đủ thứ nhãn hiệu mà chàng chưa hề biết đến, chàng đã tìm thấy cái chàng đang đi tìm, đó là tấm lịch: năm 2020, ngày thứ hai mùng 5 tháng Năm.

Một chú nhóc khoảng chừng tám tuổi chạy trên hè phố đâm sầm vào chàng và ngã quay lơ. Cú va chạm dường như một dòng điện giúp Hulian cuối cùng hòa nhập vào hiện thực mới mẻ của chàng.

Chú nhóc sợ sệt nhìn lên người lạ mặt. Cái nhìn nơi cặp mắt xanh lơ này, Hulian suy tưởng, đang dõi tới chàng qua vực thẳm của thời gian, qua chiều dài, cuộc sống của riêng chàng và cuộc sống của chú nhóc, qua đám mù của bí ẩn...

Ý thức về điều đó đã làm sinh ra nơi tâm thức chàng một lẽ gì đó tựa hồ sự mê mẩn, ngây ngất.

Vang lên giọng nói của chú bé:

- Thưa ông cháu xin lỗi.

Giọng nói ấy êm ái như cái nhìn của bé, cái chất giọng tuyệt vời mà đã hiển nhiên ban phú cho Hulian sự tồn tại, đem lại cho chàng quyền công dân trong thời đại này.

Chàng đỡ chú bé dậy và phủi bụi nơi hai ống quần của bé.

- Cháu tên gì?

- Dạ, Hoce ạ.

- Ngoan lắm, Hoce, thế cháu vội đi đâu vậy?

Chú bé nhún vai.

- Cháu đi tìm bạn bè chẳng?

- Vâng ạ.

Hulian giữ vai chú bé và không muốn bỏ ra mặc dầu thâm tâm chàng hiểu là cần buông bé ra. Thời gian mà bất kì người quan sát ngoài cuộc nào chắc đều coi là bình thường đã trôi qua rồi. Nhưng chàng không muốn chia tay với Hoce. Chàng đang nắm trái một khoái lạc không gì so sánh nổi khi chăm chăm dõi theo ánh sáng nơi cái nhìn thơ ngây ấy, cái nhìn thuộc về một con người vẫn chưa hề xuất hiện trên đời này.

Vậy chú bé tám tuổi này sẽ là ai khi chàng Hulian tròn bảy mươi tuổi? Có thể, là con trai của chàng, hay cháu của chàng hoặc học trò của chàng. Con tim Hulian đập rộn ràng, hai thái dương chàng mạch máu đập mạnh vì một cảm giác sâu sắc những muốn bộc lộ mình, được mọi người hiểu và nhìn nhận. Một lẽ gì đó giống như hồi tưởng xa xôi đã vọt ra từ thẳm sâu của tiềm thức...

“Chú biết cháu, Hoce ạ. Chú biết... Nhưng không, điều đó là không thể, hiện thời còn chưa thể được”.

Chàng bỗng thấy sợ mình sẽ phát điên vì những suy nghĩ tương tự thế. Và chàng buông chú bé ra. Chú lại lấp bắp lời xin

lỗi và thoát chạy đi mất.

Hulian đi tiếp và tò mò nhìn mọi vật chung quanh. Chàng hiểu rằng nhiệm vụ chủ yếu của chàng là nhìn kiểm tra, phát hiện, so sánh và ít ra là *có mặt ở đây* bởi vì không phải những biến đổi xã hội, chính trị, kinh tế hay tôn giáo diễn ra sau bốn mươi năm (chúng có thể được dự báo chính xác ở mức độ nào đó) là thực sự quan trọng mà chính cuộc du hành vào chiều thứ tư, cú nhảy thời gian chàng vừa mới hoàn tất mới cần thiết.

Khi tới ngã tư, nơi bến đỗ chàng nhìn thấy chiếc xe buýt mang bảng hiệu “Tới trung tâm thành phố”. Chẳng suy nghĩ lâu, chàng nhảy lên bậc xe. Và chỉ khi xe đã phóng nhanh trên đại lộ cắt ngang khu công viên rộng lớn thì Hulian mới lo lắng nghĩ: chàng sẽ trả tiền vé bằng thứ tiền gì đây? Chàng sờ túi. Trong đó có một khoản tiền, nhưng liệu chúng có còn phù hợp hay không? Chàng đưa mắt tìm người bán vé. Song có thể ở đây người ta trả tiền cho lái xe thì sao? Để tránh những hiểu lầm, chàng bèn vội xuống xe khi xe buýt chạy qua hết khu công viên và đỗ lại.

Chàng lọt xuống một đường phố rộng rãi với xe cộ nườm nượp, hai hè phố đầy người đi lại và chàng liền nhận ra rằng đó là một đường phố nơi thành phố quê hương mình. Trong óc thoáng nẩy ra ý định về nhà hay tới chỗ bạn bè, hoặc đến viện nghiên cứu, nhưng nơi trực giác chàng hiểu rằng không được thả mình cho sự cảm dỗ như vậy.

Và Hulian liền hòa vào đám đông ồn ào. Chàng muốn được quan sát hành vi của những người xung quanh, được nghe xem họ nói về những điều gì, được biết họ sống ra sao. Nhưng sự thiếu tự tin day dứt đã choán ngợp lấy chàng từ cái phút khi

chàng nghĩ về việc trả lộ phí. Sẽ làm sao đây để giải quyết vấn đề tài chính trong chuyến du hành kì lạ này mà chàng được làm người đầu tiên thực hiện. Chàng cảm nhận thấy sự cần thiết mang tính cấp bách phải làm rõ vấn đề này.

Ở cuối ngõ phố ngang chàng nhìn thấy khu chợ hoa rồi chàng thấy một ông già trong một kiốt. Hulian nghĩ rằng ít ra thì ông ta cũng sẽ nhận dạng được tiền của chàng, thế là sau khi lựa đúng thời điểm khi ông già còn lại có một mình, chàng tiến lại gần.

- Ngài cần gì ạ?

Hulian lưỡng lự.

- Xin ông cho tôi hai bông hồng, - cuối cùng chàng nói. - Hai bông này. Tôi mua làm quà tặng... - Chàng thấy cần giải thích chút ít và chìa ra tờ bạc có mệnh giá cao nhất trong số tiền chàng có.

Ông già xoay xoay tờ bạc trong tay và cuối cùng thả nó vào cái hộp.

- Ngài đào đâu ra tờ bạc này thế? - Ông già hỏi khi đếm tiền trả lại. - Loại tiền này đã hầu như chẳng còn.

- Nhưng chúng vẫn còn tiêu được chứ? - Hulian hỏi giọng lo lắng.

- Vâng, thưa ngài. - Ông già mỉm cười trả lời. - Tôi nghĩ rằng còn tiêu được.

- Tôi được đưa tiền này... - Hulian không nói hết câu vì không biết cần phải nói gì.

Chàng nhận thấy ông già đang nhìn chàng với vẻ dò xét.

- Thật lí thú. Vải và kiểu may bộ quần áo của ngài cũng khiến tôi nhớ đến thời đã qua... cái thời của tôi ấy mà.

- Thế ạ? Vải dệt tay, thủ công, tôi...

Tiếng cười của ông già làm ngắt lời chàng.

- Thế ra ngài sống hoàn toàn trong quá khứ, phải không hả?

Hulian bối rối mỉm cười.

Ông già lấy tay sờ ve áo chàng và gật đầu quả quyết.

- Năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm. - Ông già nói. - Tôi sinh năm năm mươi mốt mà...

Hulian suyt nửa thì buột miệng bảo rằng ông già bán hàng chỉ trẻ hơn chàng có một tuổi, nhưng chàng kìm lại được.

- Cám ơn ông. - Chàng nói khi rời kiốt.

- Ấy, ngài quên mấy bông hồng này rồi.

- Xin ông cứ để lại, tôi chỉ muốn đổi tiền thôi mà.

- Xin quý ngài quay lại đi, để đổi tiền thì không buộc phải mua đâu.

Hulian làm điệu bộ cho thấy rằng việc đó không quan trọng và bước đi mà không để ý nữa tới những lời gọi của ông già bán hàng.

Vào ngày thứ ba, khi ra khỏi khách sạn nơi chàng nghỉ lại - một khách sạn yên tĩnh ở vùng phía bắc thành phố, Hulian lần đầu tiên cảm thấy mình đang ở trong một vị thế khác thường. Chàng ăn điểm tâm ở chính quán bar chàng từng ghé vào hôm

trước, chàng mua báo và thông thả bước tới khu vườn hoa gần đó.

Ngồi thoải mái trên một chiếc ghế, chàng bắt đầu giở một trong số những tờ báo vừa mua. Ấy là tin tức về các cuộc thi đấu thể thao về những chuyến du hành liên hành tinh, những đại hội liên hoan sân khấu... Không hề thấy tin nói tới các cuộc chiến tranh hay chuẩn bị tham chiến gì cả. Có lẽ, thời đại hòa bình đã đến với loài người. Hulan mỉm cười với ý nghĩ rằng chàng sẽ có một tuổi già yên bình, và điều đó có nghĩa là một tuổi già hạnh phúc.

*

Chàng bất ngờ đưa mắt nhìn lên vì chàng linh cảm thấy cái nhìn của ai đó. *Nàng* đang ở nơi đây. Nàng đang chăm chú nhìn chàng và vì bị bắt gặp bất thành linh nên nàng ngượng ngùng, bối rối và khuôn mặt nàng đỏ lựng. Đến lượt mình, chàng không thể rời mắt khỏi nàng vì chàng nhận thấy một tình cảm mạnh gấp ngàn lần cảm giác mà Hoce kích thích nơi chàng hai ngày trước.

- Xin lỗi ông. - Cô gái nói vẻ căng thẳng. Và nàng quay gót.

Sau đôi chút lưỡng lự, Hulan liền đi theo nàng.

- Xin lỗi ông. - Cô gái nhắc lại khi chàng đuổi kịp. - Em có cảm giác chúng ta đã quen nhau rồi. Nhưng có lẽ em đã lầm... Xin ông thứ lỗi.

-Ồ, không có gì cả. Tôi tuyệt nhiên...

Cái nhìn nơi cô gái, màu đôi mắt nàng, âm thanh nơi giọng nói của nàng đã tác động đến cảm giác của Hulan với một sức

mạnh đến mức ý thức về hiện trạng đích thực của mọi sự vật đã không còn ngự trị chi phối được những cơn cảm xúc, ham muốn, hành vi và chính sự tồn tại của chàng nữa.

Nàng hầu như là người cùng tuổi với chàng, nàng là tuyệt vời nhất trong số những người phụ nữ mà chàng đã từng được thấy.

- Vậy mà dấu sao, - cô gái nói, - em vẫn nhận ra ông.

- Không thể được. - Hulian phản đối. - Tôi đến thành phố này là lần đầu tiên.

- Không, em không khẳng định là em đã gặp ông trước đây. Chỉ đơn thuần là người ta đã hỏi em về ông trước đây một tuần mà.

- Về tôi sao?

- Ông tên là Hulian... Hulian Sender, có đúng vậy không?

Hulian thấy choáng váng. Trong khoảnh khắc chàng cảm thấy mình đang mê sảng hay đang phát điên. Chàng lắp bắp:

- Phải rồi.

- Đó là một người đúng tuổi, hay nói đúng hơn là một ông lão. Ông ấy chìa cho em xem bức ảnh của ông. Và ông ấy đã rất bối rối, phiền muộn khi em bảo rằng chưa bao giờ gặp ông cả.

- Tôi chưa hiểu gì. - Hulian đáp.

Vừa nói chàng vừa tìm trong đầu lời giải thích cho điều bí ẩn đó. Không nghi ngờ gì nữa, nàng đã có mối liên quan nào đó cho thấy cuộc sống thực của cả hai - chàng và nàng - đều trôi

qua ở những hệ thống khác nhau về không gian và thời gian. Nhưng mối liên hệ đó là gì?

- Tôi không hiểu. - Chàng nhắc lại. - Ở đây không có ai biết tôi là ai đâu.

Trong một lúc, - Hulian mừng tượng một lúc ấy dài đến vô tận - cả hai cùng im lặng mà không biết nói gì. Cuối cùng, sau khi cố gắng định thần, chàng nói:

- Dù thế nào đi nữa thì cũng rõ một điều là chúng ta đã từng quen biết nhau rồi.

Cô gái im lặng. Nàng dăm dăm nhìn chàng, đoạn nàng cúi đầu, sau một chút suy nghĩ nàng lại ngẩng đầu lên. Hulian lý giải điều này như dấu hiệu của sự đồng ý.

- Cô đã biết tôi tên là Hulian. Thế còn cô?

- Isabel, ông ạ.

*

Isabel mỉm cười âu yếm, nàng lắc đầu tỏ vẻ phủ nhận.

- Em không hiểu có phải không? - Hulian hỏi.

Chàng cầm lấy đôi tay nàng, đưa lên môi và hôn cuồng nhiệt. Nàng không cưỡng lại.

- Em hiểu rằng anh yêu em bằng tất cả trái tim mình, và em tin anh mặc dầu chúng mình quen nhau mới chỉ có bốn ngày; em tin vì em cũng rất yêu anh... Nhưng em không hiểu được mọi nguyên do của nỗi thất vọng nơi anh.

- Điều đó thì không thể giải thích được đâu.

- Vì sao anh?

Hulian lặng người, chàng vẫn giữ hai bàn tay nàng trong tay mình. Sau đó chàng ngược mắt để tìm cái nhìn nơi nàng, nhưng rồi chàng đưa mắt nhìn xuống ngay để Isabel không nom thấy những giọt nước mắt của chàng.

- Bởi vì anh không thể. - Cuối cùng chàng cũng bật ra câu trả lời.

Isabel vén lọn tóc rủ xuống khỏi trán chàng.

- Anh nói cứ như đứa trẻ con ấy. - Nàng nói.

Nhưng chàng phản đối.

- Anh hơn tuổi em nhiều lắm đấy.

- Nhiều tuổi hơn em sao. - Nàng dài giọng vẻ chế giễu. - Nhiều hơn bao nhiêu nào? Em đánh cuộc là chúng mình gần ngang tuổi nhau đấy.

Hulian lại ngẩng đầu. Bây giờ thì chàng bất chấp việc nàng có nhìn thấy chàng khóc hay không. Cắn môi, chàng lắc đầu không đồng ý.

- Không. - Chàng nói cương quyết. - Anh nhiều tuổi hơn em tưởng nhiều.

Isabel nhìn chàng vẻ nghiêm túc.

- Em không hiểu anh đấy. - Nàng ngạc nhiên bảo chàng.

Chàng nín lặng.

- Em không hiểu cả những giọt nước mắt của anh, cả sự khăng khăng cố chấp của anh, cả nỗi niềm tuyệt vọng mà nếu tin anh thì anh yêu em với cả sự tuyệt vọng ấy.

Hulian không đáp lại, nàng cũng chẳng nói thêm điều gì, bởi thế sự im lặng kéo dài.

Mặt trời đã đổ bóng hoàng hôn. Hulian cảm thấy mọi sinh lực đang giã từ nơi chàng cùng với lúc ban ngày đang tàn lụi. Chưa bao giờ, chưa có thời đại nào và cũng chưa có ai lại nếm trải nỗi u sầu và chua xót như những gì đang thắt lại nơi ngực chàng khi nom thấy vầng mặt trời đang lặn nơi chân trời và mang đi cái ngày được chàng sống hết ngoài thời gian biểu do tự nhiên đã quy định cho chàng, cái ngày mà không thể biết được liệu chàng có sống được tới lúc đó hay không. Đó là cái chết với khuôn mặt sự sống, một điều phi lí, kì cục. Dường như chàng đã được ban phát sứ mạng được nhìn thấy thế gian, được cảm nhận sự sống và nếm trải khoái lạc và tình yêu từ thế giới bên kia xa xăm vậy.

- Em phải đi đây. - Isabel nói.

- Em hãy đợi một chút nhé. - Chàng năn nỉ.

Chàng nhắm đôi mắt nàng mê đắm và không rời với vẻ bất lực và xa vắng đến nỗi nàng không nói được lời nào đáp lại.

Những buổi tối trước thì họ chia tay nhau ở một ga đường tàu điện ngầm chạy tới một trong những thành phố vệ tinh. Ở chính ga nào thì Hulian không biết và chàng bỗng nghĩ là cần biết điều này và hoàn toàn cần biết nơi nàng ở để *sau này* tìm được nàng.

- Đi thôi em. - Chàng nói.

Và chàng đứng dậy. Chàng dắt tay nàng đi nhanh lại chỗ cổng công viên. Đêm hầu như vẫn chưa buông.

- Hôm nay anh sẽ tiễn em về nhà.
- Không cần anh ạ, nhà em còn xa lắm.
- Ta đi nhanh lên. - Chàng ngắt lời nàng trong hơi thở mạnh, gấp gáp.

Chàng nghi ngờ rằng có thể lúc này đã muộn rồi. Lại nghe vọng tiếng vo vo từ đằng xa, thứ ánh sáng bao quát khắp nơi sáng rõ, tất cả những điều đó đã làm sống lại những điều chàng đã sống qua bảy ngày, tức là bốn mươi năm đã qua khi ngồi trong căn phòng bằng kim loại kì lạ.

Vượt qua mọi lớp mù mờ quần tụ trong đầu, chàng đã hiểu rằng giờ đây sẽ có thể xảy ra một điều mà nàng không được nhìn thấy.

- Isabel, Isabel ơi... - Chàng thầm thì khi dừng bước.

Chàng mãnh liệt siết chặt nàng trong vòng tay của mình, sau một khoảnh khắc chàng quyết định không rời tay để mang nàng theo mình, hoặc nếu người ta sẽ có lấy đi tuổi trẻ của nàng thì họ cũng sẽ ở lại đây. Sau đó chàng bỏ chạy không ngoái đầu lại để tìm khu bãi cỏ ngoại ô nơi chàng đã lọt tới sau chuyến du hành xuyên thời gian chưa từng có.

Chàng cũng chẳng hề biết liệu mình có đến được bãi cỏ đó không. Khi tỉnh lại, chàng đã ở trong thời đại mình, tại thành phố quê hương, trong ngôi nhà và căn phòng của chàng.

Toàn bộ cuộc đời tiếp theo đó của Hulian Sender, nhà du hành đầu tiên và cho đến nay vẫn là duy nhất tới chiều thứ tư, đã trôi qua trong niềm vương vấn với mối tình không thành và không đạt thấu được.

Những người gần gũi hồi tưởng về chàng như về một con người đa sầu, kín đáo, im lặng, thờ ơ, hờ hững, tách biệt khỏi hiện thực chung quanh. Chàng lang thang khắp các vùng ngoại ô thành phố, kết bạn với sự im lặng và những buổi hoàng hôn. Chàng trở nên kẻ lang thang vĩnh viễn không ngủ, không nghỉ ngơi, ủ rũ và mất hết nghị lực sống.

Chàng cô đơn theo dõi sự thoáng qua mau lẹ của ngày và đêm, theo dõi sự thay đổi kế tiếp chậm rãi của bốn mùa. Chàng điều chỉnh mạch tồn tại của mình với lịch và đồng hồ. Trước năm 1995, cuộc đời chàng quay xung quanh người đàn bà vẫn chưa ra đời mà thậm chí cha mẹ tương lai của cô cũng chưa hề biết đến tên cô - có thể, họ là một trong số những đôi lứa yêu nhau mà chàng đã gặp rất nhiều trên từng con phố trong mọi khu vườn hoa.

Nàng đã ra đời năm 1995 - nhưng vào tháng nào, ngày nào đây? Chàng bắt đầu đi tìm nàng. Niềm ao ước khắc khoải duy nhất của chàng là được thấy Isabel khi còn là cô bé và theo dõi từng bước cô bé lớn lên như thế nào. Nhưng chàng chỉ biết tên nàng thôi, mà thực tế rất có thể xảy ra việc thời thơ ấu của nàng lại trôi qua ở nơi khác, và nàng sẽ đến đây chỉ sau hai mươi lăm năm nữa...

*

Và hai mươi lăm năm đã trôi qua. Hulian Sender đã già đi. Cái thế giới mà ông đã quen thuộc sớm trước tất cả mọi người đã phát triển lặng lẽ xung quanh ông. Ông nhận ra nó như một phần trong giấc mơ xa xôi, như người báo lời tiên tri, như một hồi ức về biến cố xa xưa.

Đã vài tháng nay ông thường xuyên lui tới khu công viên nơi ông đã từng gặp nàng vào lúc nào đó. Ông ngồi trầm tư hàng giờ trên chính chiếc ghế khi đó, hồi hộp lo lắng chờ đợi nàng đến.

Vào ngày ấy, trước khi đôi mắt ông nhìn thấy Isabel thì nhịp đập rộn ràng nơi trái tim ông đã tiên báo về sự xuất hiện của nàng, song nơi tâm khảm ông khi đó cũng tràn ngập sự xót xa cay đắng - ấy là sự phản đối khó nhận thức nổi chống lại một tuổi thanh xuân đã uổng phí, một cuộc đời đã tiêu phí thật trống rỗng, một mối tình không mục đích, một nỗi chờ đợi vô ích.

Nơi ông không còn đủ lòng can đảm để đến với cô gái. Suốt hơn một giờ ông ẩn núp kín đáo quan sát nàng, và khi nàng đi ra khỏi công viên, ông bèn theo sau để biết được có thể gặp thấy nàng lần nữa ở đâu.

*

Isabel ngạc nhiên nhìn ông bằng chính cái nhìn tươi sáng và dịu dàng nhất mà ông đã mang theo trong kí ức của mình qua suốt cuộc đời, cái nhìn tuyệt diệu nhất mà ông đã đắm đuối trong đó bốn mươi năm trước.

- Có tin tức cho cháu sao?

Hulian gật đầu.

- Tin tức từ ai gửi đến vậy?

- Từ một người mà cô quen biết, người đã gây cho cô một nỗi đau, nhưng... tôi xin cam đoan với cô, điều đó hoàn toàn củng cố lại ý chí của người ấy.

- Cháu không hiểu.

Hulian cắn môi.

- Đó là Hulian Sender. - Ông nói.

Isabel nhún vai tỏ vẻ không hiểu.

- Cháu không biết người nào như vậy.

Ông nhìn nàng và thấy choáng váng, xây xẩm mặt mày.

- Có lẽ, - cô gái nói thêm, - ông nhầm cháu với ai khác rồi.

- Không, không phải đâu... Isabel.

Nàng nhúu mày.

- Vâng, cháu tên là Isabel. Nhưng...

Hulian rút ví ra lấy bức ảnh chụp bốn mươi năm trước.

- Đây người ấy đây.

Cô gái nhìn bức ảnh hồi lâu. Cuối cùng nàng đưa trả:

- Cháu rất lấy làm tiếc. Nhưng cháu chưa hề nhìn thấy người này và cháu không biết ông ta.

*

Hai ngày sau, Hulian được gọi tới Viện nghiên cứu đo lường thời gian. Khi ông xưng tên với người trợ lý thường trực thì ông ta vội dẫn ông tới chỗ giám đốc.

- Ông đã tới rồi đấy à? - Ông giám đốc đứng dậy và hỏi Hulian. - Lay chúa. Chẳng lẽ ông không nhận được giấy báo của chúng tôi sao? Chúng tôi mời ông *tới* lúc bảy giờ sáng. Mà bây giờ đã tám giờ kém mười lăm rồi.

Hulian nhún vai. Ông chẳng hề biết đến ngày, đến giờ.

- Thôi được, ngài Sender ạ. Theo các số liệu của thư viện phiếu của chúng tôi thì một tiếng mười lăm phút nữa sẽ tới cái phút mà ông đã đến năm hiện nay của chúng ta, năm hai nghìn không trăm hai mươi, từ năm một ngàn chín trăm tám mươi.

Hulian gật đầu bằng một cử động đột ngột.

- Thế nghĩa là tôi còn chưa...

Nhưng ông giám đốc đã ngắt lời ông.

- Chúng tôi không biết chuyện gì có thể xảy ra với ông. - Ông ta nói về bị kích động. - Song những biện pháp phòng ngừa căn bản đòi hỏi phải đưa ông vào bệnh viện thực hành của viện ta.

Hulian không hề nghe thấy lời ông ta nói. “Sự thể là như thế đấy. - Ông thậm chí khẳng định. - Isabel vẫn còn chưa làm quen với mình, và vì vậy nàng đã không thể nhận ra mình trong ảnh được”.

Vì đã làm dịu đi được nỗi đau khổ của mình bằng sự an ủi yếu ớt đó nên ông đã cho phép người ta đưa mình vào phòng phẫu thuật, nơi có một nhóm những bác sĩ và y tá vẻ xôn xao, xúc động vây quanh ông với sự tò mò.

- Mời ông lại đây, lại đây, mau lên.

Khi ông vừa nằm lên cang thì có giọng nói ai đó tuyên bố:

- Chín giờ kém mười. Còn hai phút nữa.

Hai phút sau, một cảm giác chóng mặt kì lạ choán ngợp lấy Hulian và ông chìm vào trong trạng thái mê man sâu. Đường

như ông đã ngày càng đi xa khỏi thế gian này và cuộc sống này. Trong một giây lát ý thức lóe lên khiến ông nghĩ rằng mình đang chết.

Quay trở lại với sự sống sau giấc ngủ lịm kéo dài một tuần lễ, ông hiểu: không ai có thể hai lần được sống cùng những ngày duy nhất. Thời gian khi ông bất tỉnh trùng hoàn toàn với thời gian ông đã sống bốn mươi năm trước trong thế giới của tương lai. Trong cái thế giới của tương lai mà giờ đã thành quá khứ và cứ mỗi phút trôi qua nó càng lùi xa hơn, hơn nữa.

Khi giấc ngủ lịm của ông đang diễn ra, cậu học trò nhỏ Hoce va vào một thanh niên bên cửa một quán bar. Cậu va phải một chàng thanh niên mà bốn ngày sau đó sẽ nếm trải nỗi đau khổ và tận hưởng sung sướng tình yêu của đời mình, mối tình duy nhất của chàng. Mối tình vô vọng mà không có điều huyền diệu nào, không có thành tựu nào của khoa học có thể trợ giúp được.

Vin có mệt mỏi, Hulian hứa sẽ trở lại sau vài ngày để trả lời câu hỏi của các thầy thuốc rồi ông ra về.

Ông bước đi chậm chậm vào thành phố. Bây giờ ông đã quyết tâm sẽ chẳng nói gì hết với Isabel. Tất nhiên nàng đang đau khổ vào những ngày này. Nhưng sớm hay muộn thì sự biến mất bí ẩn của ông cũng an ủi được nàng một ngàn lần tốt hơn sự thật nghiệt ngã.

Ông bước đi vô định, mắt nhìn tới đâu ông đi đến đó, và bất ngờ ông lọt tới khu chợ hoa gần kiốt của ông già mà một tuần trước, hay là bốn mươi năm trước ông đã mua hoa hồng... Quả vậy, những bông hồng ấy vẫn còn ở đây.

Khi thấy bên ông già chẳng có ai, ông rụt rè tiến lại gần.

- Ngài cần mua gì ạ?

Hulian chần chừ.

- Mấy ngày trước... - cuối cùng ông cũng thốt lên. - Đúng hơn là một tuần trước, một thanh niên, à con trai... tôi đã trả tiền hai bông hoa hồng mà chưa lấy hoa.

- À vâng đúng rồi thưa ngài. Tôi nhớ.

Người bán hàng đưa mắt tới chỗ hai bông hoa.

- Đây, hai bông này. Chúng đã hơi héo rồi.

- Không sao đâu. Ông có thể đưa tôi được chứ?

- Tất nhiên rồi.

Ông ta đưa hai bông hoa cho Hulian.

- Tôi phải trả ông thêm bao nhiêu?

- Không có gì, chúc ngài mạnh giỏi. Hai bông ấy là của ngài.

- Xin cảm ơn.

Hulian lê bước khỏi cửa hàng.

Ông chậm chậm đi về nhà và cảm nhận thấy trên đôi vai toàn bộ gánh nặng của tuổi già. Ông nắm chặt trong tay hai bông hồng, đã úa, đã héo và sắp tàn.

Về đến nhà ông ném hai bông hoa lên bàn bên cạnh bức ảnh chụp Hulian Sender mà ông đã không còn là con người ấy nữa. Một vài cánh hoa nhăn nheo rụng ra...

Ông nghĩ tới Isabel. Nghĩ về mối tình trong trắng, đam mê và phải lụi tàn của ông. Nỗi u buồn và đau xót nơi tâm hồn ông đã không còn là nỗi thất vọng và âu lo từng hành hạ ông khi mà suốt những ngày, những tuần và những năm ông suy nghĩ về tấn bi kịch sắp tới. Giờ đây mối tình của ông đã trôi lụi vào dĩ vãng như tình yêu của hàng ngàn người khác. Mối tình ấy đã là một phần không thể tách rời trong cuộc sống của ông. Mối tình ấy đã trở thành hồi ức. Và nó đã chiếm vị trí của riêng mình trong thời gian.

NGUYỄN CHIẾN *dịch theo bản tiếng Nga*

NEẾ NGƯỜI TA BẢO RẰNG ANH ĐÃ CHẾT

H.HARGREAVES* (Canada)

 ỗ máy tính to tướng đang thầm thì hát cho chính nó nghe một khúc ca nào đó - một khúc ca vô tận, êm ái và chỉ mơ hồ nghe thấy được trong số một ngàn âm thanh êm đềm khác. Chiếc máy tính này chiếm trọn cả một khu nhà ngầm trong lòng đất khổng lồ về diện tích bên dưới một trong những vùng ngoại vi của đô thị Rugby, trong quá khứ khu này là một thành phố nhỏ ở tiểu bang Bắc Dakota. Hai trăm năm mươi triệu chiếc phiếu chuyển động theo các kênh trong máy một cách nhanh chóng và đều đặn như dòng máu chảy theo một mạch máu cơ thể con người. Một trong số những phiếu đó được rút ra trong giây lát để đưa vào những dữ liệu mới; ngược lại, một phiếu khác được đưa ra để loại bỏ những dữ liệu cũ. Chẳng hạn, một cháu bé ra đời trong nhà hộ sinh ở thành phố Indianapolis; người ta liền đặt cháu vào máy đo điện tử, trong chớp mắt máy này sẽ đo lường các kích thước đầu, lồng ngực, hai cổ tay và hai mắt cá của đứa trẻ. Trong một chiếc máy nhỏ hơn cỡ máy tính này sẽ xuất hiện tám phiếu, và một phút sau, tám phiếu đó sẽ xuất hiện trong máy đặt ở thành phố Rugby. Trên phiếu đã ghi rõ là dân số nước Mỹ đã được bổ sung thêm một bé gái và cháu được cấp một tấm chứng minh thư cố định, hay nói tắt là CMT với số đăng kí IN 97246 IND 38452. Từ nay, cho dù cha mẹ cháu có đặt tên gì đi nữa, các bạn gái có gọi cháu theo những cái tên trêu mến gì chẳng nữa, hay người chồng

tương lai có yêu thương đặt cho cháu cái tên như thế nào, thì những chiếc máy điện số liệu cho thẻ CMT, quản lí và bằng mọi phương tiện chi phối phép thống kê dân số - cả bảy sáu mươi lăm chiếc máy chủ của cả nước - vẫn xác định cháu bằng chính số liệu IN 97246 IND 38452.

Chùng cùng thời gian đó ở thành phố Saskatun, tiểu bang Saskatchewan đã diễn ra một sự kiện khác: một *người máy-cảnh sát* đã lượm được một người chết ngoài phố, đó là một người đàn ông trung niên, người máy đưa kẻ xấu số qua trước mặt những kẻ vô công rồi nghề tới chỗ ô tô đỗ và sau một phút lục lọi, *người máy-cảnh sát* rút ra từ trong túi chiếc CMT của anh ta. Sau đó qua máy truyền tin điện tử, người máy chuyển thông báo cho biết một người nào đó đã chết. Máy số 58 đặt cách đó năm mươi dặm về phía bắc thành phố này đã gửi vào kênh hông tám phiếu SA 537 SAS 8442, đưa phiếu qua một số cơ cấu ghi và cuối cùng ném nó vào chiếc hộp với dòng chữ đề “Những người đã chết”. Lần đầu tiên sau nhiều năm trời, chiếc phiếu đã có được sự nghỉ ngơi. Một khoảng khắc sau đó, bản sao tám phiếu có cùng số đó được gửi tới kênh hông trong chiếc máy của thành phố Rugby, cũng để ném nó vào một chiếc hộp giống hệt như thế. Nhưng tại đó đã xảy ra một điều gì đó mà các kĩ sư và các kĩ thuật viên chưa hề lường tính trước vào thời đại của mình: Chính sự vô lí đã xảy ra đó, có thể, chỉ có một lần trong một trăm năm mà thôi.

Khi tám phiếu cần thiết được đưa vào kênh hông, độ rung tí chút khó cảm nhận thấy của dòng điện đã tạo ra một sự tựa hồ tiếng vang, thế là chiếc phiếu tiếp theo đứng đằng sau cũng rơi xuống kênh bên. Như vậy đã xảy ra việc chiếc phiếu BE 96647 CON 374699 đã rơi vào chiếc hộp “Những người đã

chết”. Và ngay sau sự vụ ấy, ở thành phố Danbury, tiểu bang Connecticut, bản sao tấm thẻ đó được ném vào chiếc hộp có cùng dòng chữ ghi ảm đạm như vậy.

Đối với bất cứ cư dân nào vùng ngoại ô Betele tiểu bang Connecticut thì ngày hôm ấy cũng giống hết tất cả những ngày trước đó, cả đối với một người trong số họ là Joe Schulz, công nhân nhà máy chế tạo đồ gỗ giả cổ. Sau khi tan tầm, Joe quyết định nghỉ xả hơi ở một quán cà phê tự động chứ không về nằm khoèo trong sự tĩnh lặng nơi căn phòng bé xiu chật chội tồi tàn của mình. Giá cả nghỉ ngơi là như nhau không phụ thuộc vào việc người ta có nhét CMT của mình vào khe máy tự động trong quán cà phê hay ở nhà hay không. Song có một điều quan trọng đối với Joe, ấy là ở quán cà phê người ta thấy được những dây đĩa đựng thức ăn thật, còn ở nhà chỉ thấy những tấm phim âm bản nhiều màu sắc mà thôi. Ngoài lẽ ấy, xung quanh thực khách trong quán cà phê dẫu sao cũng là những người thực sống động, cho dù họ có là người tốt hay là người xấu đi nữa.

Nhưng sự thoải mái chủ yếu lại là ở chỗ khác. Quán cà phê đem lại cho một gã trai tháo vát, nhanh trí như Joe những khả năng lí thú.

Sau khi dùng máy bấm vé để chọn giá những món hợp khẩu vị, chàng trả tiền cho người máy thủ quỹ và cầm lấy cái khay thức ăn của mình. Chàng thấy đôi chút lo lắng khi nhận xét thấy tổng số tiền được đột lỗ trên tấm séc màu xanh, điều đó có nghĩa là số tiền của chàng đã cạn mà còn những một tuần mới tới kì lĩnh lương. Thôi được, Joe nghĩ, cho tới lúc này cũng có khi mình đã nhận được cả tấm séc đỏ, tức là mình đã hoàn

toàn tâm vào cảnh bề tấp. Đã đôi lần mình phải qua cửa ải khùng khiếp là nhận vay tín dụng để rồi sau đó người ta khấu trừ lương. Dầu sao thì mình cũng thật may mắn lắm: mình đang làm một công việc chân tay đòi hỏi những kỹ năng đặc biệt và đồng lương nhận được cao hơn một số người khác. (Làm thế nào mà chàng kiếm được chỗ làm này thì tốt hơn là chẳng nên nhớ lại. Joe đã nhiều lần suy nghĩ đến đầu đầu về việc làm sao mà những người chỉ làm có mỗi một việc ấn nút trên các loại máy móc lại sống đầy đủ đôi lần hồi, túng thiếu).

Joe chăm chú dõi nhìn các khách hàng và cái nhìn của chàng dừng lại nơi một người đàn bà trung tuổi đang béo ra nhiều. Chị ta ngồi một mình bên chiếc bàn nhỏ, trên cái khay trước mặt là những chiếc đĩa đựng thứ đồ ăn có lượng calo rất cao. Khéo léo đi lách qua những dãy bàn, Joe dừng bước gần người đàn bà ấy, chàng nhoẻn cười và hỏi: “Chị cho phép tôi ngồi đây chứ ạ?” - Sau đó chàng ngồi xuống chỗ đối diện với vẻ quả quyết.

Vài phút đầu trôi qua trong sự im lặng. Joe đã ăn gần hết chỗ đồ ăn ít ỏi trên những chiếc đĩa của mình, chàng chẳng hề để ý tới tiếng nhạc đang chơi không to lắm, nhưng dai dẳng khiến người ta khó chịu. Theo ý kiến của các nhà tâm lý thì tiếng nhạc ấy buộc các thực khách nuốt thức ăn của mình nhanh hơn và như vậy sẽ làm gia tăng khả năng hấp thụ caffeine. Sau đó Joe bắt đầu quan sát người đàn bà đối diện để tìm ra chiến thuật và chiếm lĩnh “đối tượng”. Có lẽ âm nhạc hoàn toàn chẳng tác động đến chị ta. Joe nghĩ chẳng dễ dàng chút nào nếu muốn đánh lừa được người đàn bà này. Chà, thế thì nhiệm vụ của mình sẽ thú vị hơn nhờ việc đó đấy.

Nước đi đầu tiên của chàng là việc cố ý đẩy chiếc đĩa khoai tây ngập trong mỡ ra giữa bàn, vừa làm thế chàng vừa thở dài vẻ cực kì chán ngán. Nơi ánh mắt người đàn bà thoáng vẻ quan tâm, thậm chí có nét ngạc nhiên nữa. Nhiệm vụ đã trở nên dễ dàng hơn.

- Lượng côlestêrôn quá nhiều. - Chàng vừa nói vừa lấy cái nĩa chọc một quả đậu xanh. Và chàng tiếp tục nói khi nhận thấy trán người phụ nữ hần nhẹ nếp nhăn - chị ta trở nên tự lự:
- Côlestêrôn ảnh hưởng xấu tới các mạch máu. Nó sẽ làm lấp thành mạch và làm mạch hẹp đi.

Chàng im lặng chừng một phút nhìn chỗ thức ăn còn lại trên đĩa của mình, song khi người đàn bà cùng bàn tỏ vẻ sẵn sàng quên phắt câu nói vừa rồi của gã trai thì chàng bồi tiếp cùng với nụ cười buồn rầu:

- Anh bạn thân của tôi vừa chết năm ngoái nguyên nhân là do thứ này đây. Nhớ lại việc đó, quả thật nặng nề. Cậu bạn tôi hay lắm: anh ấy cao lớn, vui vẻ và khỏe mạnh. Anh ấy nom khỏe đẹp thậm chí ngay trước ngày người ta khâm liệm mình. Bác sĩ bảo: “Nghẽn mạch máu...” Sự thể là vậy. Tim không chịu nổi. Mà bác sĩ đã cảnh báo rồi: “Cậu hãy từ bỏ những món đầy calo này, thôi đừng ăn món có mỡ béo nữa. Đó là thuốc độc. Thứ thuốc độc thuần khiết nhất...” Anh bạn Arthur của tôi không nghe lời, thật một gã gàn dở. Anh ấy vốn đẹp và khỏe mạnh lắm.

Joe im lặng và bằng khóe mắt chàng nhận thấy đôi môi người đàn bà đối diện đã mím lại thành một đường kẻ thẳng đầy vẻ nghiêm khắc. Sau khi nhún vai, chị ta lại cầm nĩa lên.

Joe đẩy cái đĩa đã ăn hết phần nửa của mình ra, chàng châm thuốc lá và bắt đầu đọc tờ báo bằng quang hiệu: những dòng tin tức chậm chạp trườn đi trên tường. Chiếc nĩa cứng chặt trong tay người đàn bà. Đoạn chị ta đưa miếng thức ăn vào miệng, rồi đặt chiếc nĩa lên bàn, thở dài và dịch lui chiếc ghế ra, người đàn bà ấy nặng nề đứng dậy và đi ra khỏi quán cà phê. Chỉ sau khi tin chắc chị ta đã đi xa hẳn khỏi quán, Joe mới trút món tráng miệng sang khay của mình rồi chậm rãi ăn nốt phần đồ ăn của mình rồi sau đó mới tận hưởng món chiến lợi phẩm. Chắc chị ta ăn hôm nay thấy nặng nề lắm, chàng nghĩ.

Vì cảm thấy lúc này thoải mái với muôn sự hơn trước nên Joe quyết định có thể cho phép mình thưởng thức thêm một cốc cà phê. Hài lòng với thắng lợi của mình, chàng len lỏi ra tới các máy tự động bán đồ uống và nhét CMT của mình vào rãnh của một máy.

Chiếc cốc vẫn trống rỗng. Joe thậm chí cũng không nhận thấy điều đó trong giây lát. Sau đó chàng thấy máy tự động hất chiếc thẻ của chàng ra.

Joe sửng sốt nhìn chiếc thẻ, cổ máy tự động và cái cốc. Sau đó chàng làm lại một lần nữa. Và máy lại hất trả chiếc CMT của chàng. Máy hất nó xuống cái khay nơi ném bỏ những chiếc thẻ đã hết hạn hoặc có điều gì đó không hợp lệ, trực trặc. Hoàn toàn bối rối, Joe cố gắng suy nghĩ về sự cố nào đó trong chiếc CMT của mình. Chàng bèn đứng lui sang bên chỉ vào lúc những người xếp hàng đằng sau bắt đầu xì xào.

Điều tương tự xảy ra với chàng trước đây chỉ có một lần, khi chàng cạn kiệt ngân quỹ. Nhưng lần này chàng đã được cảnh báo thật rõ ràng: các tấm séc được đục lỗ trên giấy đỏ.

Thực sự chàng không muốn vay nợ trong khi tài khoản của chàng chưa cạn kiệt hoàn toàn. Nhưng bữa ăn chiều đạm bạc hôm nay chưa thể làm chàng kiệt quệ tất cả được.

Với vẻ rất băn khoăn, lo lắng, Joe tiến lại phía kia của gian phòng nơi đặt các máy tự động mang dòng chữ “Những nhu cầu chính thức” và bước tới một máy. Sau một chốc lưỡng lự, chàng nhét chiếc CMT của mình vào khe và bắt đầu chờ đợi. Tiếng ve ve của máy tính đã im lặng, song chiếc thẻ vẫn chưa được hoàn trả. Những giây chờ đợi trở nên một cực hình. Cuối cùng máy tự động đưa trả tấm thẻ cùng với một âm thanh lạ lùng tựa hồ như tiếng nấc. Cùng khoảnh khắc đó từ một rãnh khác bên sườn xuất hiện một tờ chỉ thị nào đó. Joe rút nó ra và đọc toàn văn, nội dung của nó đã khiến chàng hết sức kinh ngạc: *“Xin hãy chú ý: Chiếc CMT do quý ông bà tìm thấy là thuộc về một người đã chết. Đề nghị thả tấm CMT này vào chiếc hộp gần nhất dành cho những loại giấy tờ cần tiêu hủy”* và tiếp theo: *“Chúng tôi cảnh báo rằng khi sử dụng tấm chứng minh thư của người quá cố, quý ông bà đã vi phạm luật pháp. Đề nghị của ông bà đã được ghi nhận. Nếu giữ CMT này lâu hơn hai ngày đêm, quý ông bà sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự”*.

Joe hiểu rằng đây phải là một sự ngộ nhận nghiêm trọng nào đó, một sự nhầm lẫn ngu ngốc nào đây. Tâm trạng nơi chàng suy sụp. Song chàng đã mau chóng an ủi mình rằng bất cứ một sự nhầm lẫn nào đều có thể dễ dàng giải quyết. Chàng biết là có những điều bất trắc thỉnh thoảng xảy ra với những người khác, vả lại, những sự việc ấy còn nghiêm trọng hơn vụ này. Những người quen của chàng có kể câu chuyện về một gã trai đã tiêu trọn số tiền cao hơn một trăm lần khoản lương có thể kiếm được suốt cả đời. Có lẽ, Joe nhớ lại, người ta đã buộc

phải thắng cho gã trai ấy một chức vụ lớn nào đấy để gã có thể đủ tiền trang trải các món nợ. Ái chà, sự thể đã xảy ra như thế: người ta cho anh ta làm tổng thống một nước nào đó mà được người ta trả một món nợ đúng bằng số nợ của tổng thống. Còn lúc này Joe ước gì chỉ cần biết nên xử sự như thế nào đây. Cần phải tìm một văn phòng hỏi đáp, nơi người ta tiếp nhận các yêu cầu được viết thành văn bản để điền vào phiếu cần thiết và câu hỏi sẽ được giải quyết.

Đã nghĩ là làm. Joe bước ra khỏi quán cà phê tự động và đi tới văn phòng hỏi đáp gần nhất.

Nửa tiếng sau, chàng Joe Schulz “đã quá cố” đi ra khỏi tòa nhà đó với tâm trạng suy sụp hoàn toàn. Tại đó chàng đã điền vào ba tờ phiếu khác nhau liên tiếp hết tờ này tới tờ khác bởi vì theo ý kiến chàng thì không có phiếu nào phản ánh đúng bản chất của sự việc. Và với mỗi tờ phiếu khai ấy máy đưa lại đúng câu trả lời mà chàng đã có ngay lần đầu tiên trước khi tới đây. Cuối cùng, trong cơn thất vọng ê chề chàng hỏi thông tin về những người chết và được trả lời là đến văn phòng dự thẩm viên gần nhất, hay là văn phòng của “Người giáo huấn tinh thần”. Nắm chặt tờ giấy giới thiệu đó trong tay, chàng chậm chậm bước về nhà, căng óc cố gắng tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra.

Song điều tồi tệ hơn thế vẫn ở phía trước. Khi đến gần cửa nhà mình, Joe nhìn thấy căn hộ nơi chàng ở trống không. Hai người máy đang cẩn thận thu dọn thứ rác rưởi gì đó. Đồ đạc của Joe - cả thấy chỉ còn hai hay ba thứ mà chàng đã thanh toán trả trong vài năm cho chúng và những thứ đồ vật vĩnh khác đã được chở hết đi.

Những gì vừa nhìn thấy đã làm chàng thất kinh. Trong cơn giận dữ, Joe đã giật lấy cái giẻ từ tay người máy đang dùng để lau bụi. - Người làm gì thế này, đồ chó đẻ? - Chàng quát cái con người bằng máy ấy. Người máy không trả lời, nó chỉ đứng và chờ đợi. Bên trong cơ thể nó vang lên tiếng rào rào đều đặn. Một người máy khác, có lẽ là một mẫu thiết kế phức tạp hơn, quay lại và tiến đến gần Joe. Những chiếc tua đo đặc nhanh chóng lướt dọc cơ thể chàng từ trên xuống dưới, sau đó những cái tua ấy chìa đưa cho chàng một tờ giấy nào đấy và cả hai người máy quay về với công việc vừa bị đứt đoạn. Joe rối trí hoàn toàn, chàng đọc tờ “Hướng dẫn cho những người thừa kế”, trong đó có nói rằng những đồ đặc của ông Schulz đã quá cố được niêm phong và sẽ được gửi kho nhà nước, tại đây chúng được giữ gìn cho tới khi có các lệnh mới tiếp theo. Tờ giấy đó cũng cho biết bất kì toan tính nào định đoạt quyền sở hữu một thứ gì đó trong số tài sản này hoặc chống lại việc đem gửi tài sản đó sẽ đều bị coi là tội phạm hình sự. Thế là Joe lúc này đã quần trí, không còn tỉnh tâm được nữa, chàng bước ra khỏi nhà và lê bước theo hè phố và cố định thần suy nghĩ tìm lối thoát ra khỏi cơn quần bách này.

Ừ, còn văn phòng dự thẩm nữa. Văn phòng ấy được nhắc tới ở tờ đầu tiên trong số những giấy tờ chàng nhận được hôm nay. Song văn phòng đóng cửa và hoàn toàn có thể đám người máy cũng làm việc ở trong đó. Chàng nhìn lên khuôn mặt những người đang vội vã qua lại trên phố và suy nghĩ không biết có ai trong số họ lại lâm vào cái vận bĩ như thế này hay không. Đề nghị người nào đó giúp đỡ chăng? Lao xuống đường cái nệm chạt ô tô chạy ầm ầm bên dưới kia thì cũng đến thế thôi. Ai cũng sống vì mình cả, Joe nghĩ, và càng ít đặt câu hỏi

thì càng tốt. Chẳng hạn, mình có ngăn gã trai khỏe mạnh kia lại để đề nghị y cho mình một lời khuyên thì chắc chắn y sẽ nghĩ rằng mình vừa trốn bệnh viện tâm thần và y sẽ gọi người đưa mình trở lại đây ngay lập tức.

Chắc! Điều này có thể là giải pháp cho vấn đề nan giải đây. Ít ra là cũng tạm thời. Suốt đời mình chàng đã hai lần nằm bệnh viện, và cả hai lần đó đâu có đến nỗi tồi tệ gì. Được hoàn toàn nghỉ ngơi, ăn uống ngon, các cô y tá nom xinh xẻo - mặc dầu họ chẳng có chút thời gian để tâm sự với những bệnh nhân thường. Có thể thử vào bệnh viện dù chỉ một đêm thôi. Tất nhiên, nếu họ đưa chàng tới chỗ máy tính chẩn bệnh thì họ sẽ vạch rõ sự thật và đuổi ra ngay, nhưng ai mà biết được? Vào cái lần thứ hai chàng nằm viện mãi đến tận sáng họ mới khám bệnh cho chàng cơ mà. Lần ấy Joe đã nổi giận. Chắc là bệnh nhân sắp ngoẻo thì họ mới bắt đầu bắt tay chữa trị. Và đến hôm sau thì họ bảo rằng chàng khỏe mạnh, chàng chỉ quá chén hôm qua mà thôi. Thôi được, cũng nên thử lần này. Có thể họ sẽ cho mình nhập viện hôm nay trong khi chưa biết mình là kẻ giả vờ. Bây giờ là 19 giờ, Joe nghĩ, cho đến khi mình đi bộ tới bệnh viện - mình đâu có đủ tiền đi tắc xi - thì sẽ là 19 giờ 30. Mình sẽ đợi đến 20 giờ và sẽ thử lọt vào viện.

Vì chàng bận bịu với công việc nào đó nên chàng thấy mình khỏe khoắn hơn mặc dầu lúc này chàng chẳng hề biết rõ sẽ phải làm gì tiếp sau đó.

Một khu công viên nhỏ ở bên cạnh bệnh viện nom khá dễ chịu - đây là một trong số những mẫu mới của nghệ thuật công viên có sứ mạng tạo ra ảo tưởng người bệnh được cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Những bụi rậm, cây và hoa

đều là bằng chất tổng hợp nhân tạo, nhưng chỉ có con mắt sành sỏi mới có thể nhận ra được điều này. Lúc này nom chúng đang mơn mớn phát triển và sắp trở hoa dù thời tiết có thể nào đi nữa. Joe nhận thấy họ vừa thay cỏ cách đây không lâu: có lẽ ở nhà máy người ta hà tiện màu nên đám cỏ trông nhạt hơn đám cây xanh xung quanh. Xét tổng thể thì cái môi trường này khiến người ta yên tĩnh; Joe cảm thấy mình dần tỉnh táo, lần đầu tiên khỏe lại trong suốt cả ngày, từ cái phút khi máy tự động ném trả tấm CMT của chàng. Bóng hoàng hôn đang sẫm tối dần, khi đó liền xuất hiện người máy tuần phòng, người máy này bật các máy làm mát không khí ẩn khuất trong các bụi cây rậm. Những chiếc máy đó kêu vo vo khe khẽ và Joe quyết định thử vận may.

Chàng hít thở thật sâu và sau khi lấy hết can đảm, chàng chậm rãi đi qua cửa và tiến tới chiếc bàn trong phòng tiếp nhận mà bên đó đang ngồi một nữ y tá người bé nhỏ, cân đối, rõ ràng cô ta không phải là y tá trưởng, cô bận bịu phân loại các tấm phiếu. Bằng thứ giọng khàn khàn kiểu giọng “bệnh nhân” Joe xưng tên, họ và đề nghị được nhập viện. Cô gái rời tay khỏi đám phiếu và ngược nhìn thẳng vào mắt chàng, cô hỏi xem chàng có thể nêu tên bệnh của mình được không dù chỉ gần đúng mà thôi. Joe đã lượng tính câu trả lời ngay từ lúc ngồi ở công viên rồi.

- Cô biết đấy, tốt hơn là tôi sẽ bảo với bác sĩ... Nhưng tôi đau lắm, đau khủng khiếp... Chàng nói lè nhè, mắt nhìn xuống sàn, quàng chân nọ vào chân kia, sau đó chàng nhìn lên tường nhà.
- Nếu cần, tôi sẽ đợi... - Sau những từ ấy chàng im lặng, rồi cả người co rúm lại.

- Tôi gửi anh tới phòng cấp cứu, - cô y tá nói, - và tôi sẽ đề nghị gọi bác sĩ.

- Cảm ơn cô. - Joe nói lí nhí dường như chàng nói khó khăn lắm. - Tôi đi đâu bây giờ?

- Anh cứ đi thẳng qua sảnh và phòng cấp cứu ở bên trái. - Cô y tá đáp. - Xin anh trình CMT của anh!

- À vâng, rõ rồi ạ. - Joe trả lời. Rút ra khỏi túi, chàng giữ tấm thẻ trước mắt cô y tá để cô nhìn thấy nó từ đằng xa. Nhưng chàng chỉ chưa kịp chớp mắt thì cô gái đã khéo léo tóm lấy chiếc CMT và sau khi bằng hai ngón tay giữ lấy một góc, cô đút nó vào máy lưu báo thông tin.

Đờ người vì kinh hoàng, Joe chờ đợi bất cứ điều tồi tệ nào. Và điều đó đã xảy ra và lại khá nhanh chóng nữa.

Không biết từ đâu đến, xuất hiện hai gã người máy tải thương mình sơn màu xanh nhạt đang đẩy chiếc xe cồng kềnh chạy đằng trước. Ngay trước mắt cô y tá quá kinh ngạc vì bất ngờ, hai gã người máy bế lật Joe đặt vào xe và dùng dây chằng trói chàng lại và đẩy qua sảnh. Họ đưa chàng đi đâu thì chàng không hề biết tí gì, nhưng rõ ràng là không phải vào phòng cấp cứu. Hai gã người máy nhẹ nhàng đưa xe cồng kềnh vào thang máy chở hàng và bắt đầu hạ xuống một chiều sâu nào đó không tưởng tượng nổi. Sau đó họ nhẹ nhàng đẩy xe cồng kềnh ra khỏi thang máy tới đâu đó trong tầng hầm.

Trong chùng một khoảnh khắc họ dừng lại bên chiếc cửa ra vào nơi sáng rõ dòng chữ “Nhà xác”. Joe hiểu ngay điều gì sẽ xảy ra với chàng. Chàng kinh sợ khi nhìn thấy những chiếc cồng kềnh đặt cạnh một trong những chiếc hòm dài xếp ngay ngắn; từ

một số những chiếc hòm đó nhìn rõ những đôi chân trần của người chết. Một gã người máy mở chiếc quan tài rỗng, còn gã kia thành thạo tháo dây đai. Không hề đắn đo suy nghĩ, Joe ngồi bật thẳng dậy như cây cột, sau đó, lách người tránh một gã “nhân viên cứu thương”, chàng lao người chạy về phía cửa ra của nhà xác. Ngoái nhìn lại chàng thấy cả hai gã người máy đang sờ soạng tìm kiếm chỗ sàn, chúng lấy tay khua xung quanh và thật vô ích để tìm thấy cái xác vừa biến mất. Cánh cửa tự động mở ra, Joe chạy thục mạng ra hành lang và thở dốc, dựa lưng vào tường.

Sau khi định thần và dồn sức lực, chàng tiến đến chỗ thang máy, ấn nút gọi và bắt đầu căng thẳng nghiên cứu bảng chỉ dẫn các phòng; khoa. “Phòng tiếp nhận cho bệnh nhân đi lại được”, đánh dấu đối diện số tầng 35. Joe ấn chính nút này khi bước vào thang máy. Cố gắng thở sâu hơn để làm dịu cơn xúc động vừa rồi, chàng đi lên theo đúng chặng đường mà người ta vừa đưa chàng đi xuống. Sau đó chàng đi ngang qua khu sảnh đó. Từ đằng xa chàng đã nom thấy cô y tá: với khuôn mặt trắng như màu áo blu của mình, cô đang cố gắng giải thích điều gì đó cho cô y tá trưởng, tay đang huơ huơ tấm thẻ của Joe để thuyết phục. Chàng co chân lao nhanh ra, đang đà chạy chàng giật chiếc thẻ CMT của mình và chỉ dừng lại khi chàng rũ người xuống chiếc ghế trong công viên. Bây giờ có thể nghỉ ngơi sau tất cả những cuộc phiêu lưu này.

Gã người máy tuần phòng đã hai lần đi ngang qua trước mặt chàng và bây giờ đang đứng không có vẻ quấy rầy gì dưới bóng cây du Mãn Châu ở cuối con đường mòn nhỏ. Joe cố gắng tập trung suy nghĩ: làm gì tiếp theo đây? Bệnh viện thì không được nữa rồi, điều này quả thật rõ ràng. Văn phòng công tố

đóng cửa. Chỉ còn một hi vọng cuối cùng: “Người giáo huấn tinh thần” kèm cặp chàng nữa thôi. Song tìm được ông ta chẳng phải đơn giản: Joe chưa hề tiếp xúc, dù là từ xa với một vị “giáo huấn tinh thần” như thế, mặc dù về mặt lí thuyết chàng biết là có cả một đội quân đông đảo.

Sau khi suy nghĩ rất lung về việc văn phòng đó có tên gọi chính thức thế nào, Joe lại đi qua phố, bước vào bệnh viện, theo thang máy tốc độ đi xuống cửa dành cho khách thăm bệnh nhân, sau đó chàng nhón chân bước qua sảnh và đi tới phòng điện thoại hình. Sau khi ấn nút chữ cái của danh bạ điện thoại hình, chàng đợi cho đến khi trên màn ảnh hiện chữ cái “L”, sau đó chàng nhấn tốc độ trung bình, các chữ cái trôi chậm hơn, và đã xuất hiện “Liên”. Trên màn ảnh hiện lên bản danh sách của “Liên minh công giáo tinh thần” và sau khi ấn vài phím nữa, Joe đã nhanh chóng tìm được địa chỉ của “Người giáo huấn tinh thần” sống khá gần đây.

Joe sửa soạn bấm số của “Người giáo huấn” thì kịp thời nhớ ra rằng muốn làm điều này cũng cần phải có CMT. Chàng nhớ địa chỉ và bèn đi bộ tới đó.

Sau chừng mười lăm phút Joe đã đứng bên cửa căn hộ của ngài Benjamin Scrup nào đó mà sau họ tên ông ta là một danh sách dài dặc những học vị học hàm.

Ngay từ những phút làm quen đầu tiên, Joe đã hiểu rằng ngài Scrup quan tâm nhiều hơn đến những nhu cầu tinh thần so với các nhu cầu của thân xác. Ông ta cao hơn hai mét, và có lẽ cân nặng không dưới một tạ rưỡi. Nơi đôi mắt to màu tro của ngài ẩn giấu nỗi buồn sâu nặng. Cặp mắt “người giáo huấn” gợi nhớ tới hai chiếc kẹo sôcôla thả trôi trong chiếc đĩa nhỏ đựng

sữa. Sau khi biểu lộ sự sẵn sàng mau chóng giúp đỡ Joe, ông ta mời chàng vào và bảo trình bày sự vụ của mình. Ngồi lọt trên chiếc divăng nhỏ cứng nhắc kê bên chiếc bàn gấp, Joe nghĩ: căn phòng tí xiu được xây dựng theo thiết kế “tiết kiệm diện tích ở” này chứa được bao nhiêu người? Chàng đã đọc cuốn sách nào đó viết về những ngôi nhà như thế, nhưng đây là lần đầu tiên chàng tận mắt nhìn thấy. Hai phòng cộng với một phòng tắm kiêm vệ sinh còn nhỏ hơn căn hộ độc thân của chàng đến vài mét vuông. Giữa căn phòng nơi chàng đang ngồi và phòng ngủ không hề có cửa ra vào, và Joe nhìn thấy chiếc phản ba tầng mà người ta ngủ trên đó hàng đêm, bây giờ nó đã được gấp lại và áp sát vào tường. Khi chàng làm như vẽ tiện thể hỏi trong nhà có bao nhiêu trẻ con thì Joe nghe thấy câu trả lời:

- Bảy đứa. Vâng, bảy đứa trẻ và tôi với vợ tôi. Bọn trẻ suốt ngày ở câu lạc bộ khu nhà vợ tôi làm việc, vì vậy ít khi chúng tôi quấy rầy lẫn nhau, ngoại trừ bữa điểm tâm, bữa tối và khi đêm.

Joe thấy bối rối vì đã nói điều ngốc nghếch: với sự thể như thế này thì văn phòng trong thành phố là chẳng cần cho “nhà giáo huấn tinh thần”. Mặc dầu chàng nhận xét thẳm rằng nơi căn hộ này thì đạt được sự thoải mái về tinh thần quả dễ dàng hơn thoải mái về thể chất.

Song đã đến lúc chuyển đề tài sang những vấn đề của cá nhân chàng vì gia đình “nhà giáo huấn” chắc sắp phải bắt ngờ về nhà rồi. Sau khi mô tả ngắn gọn tình huống mà chàng đã lâm vào, Joe buộc phải nêu thêm các chi tiết vì “nhà giáo huấn” tỏ ra là người khá kĩ lưỡng, tỉ mỉ.

Song, sau khi nghe chàng trình bày, Scrup thừa nhận là trong mọi sự vụ ông ta từng giải quyết cùng với công tố viên

thì ông phải xử lí những sai lầm, nhằm lẫn kiếu khác hẳn sự lầm lẫn rơi vào số phận này của Joe. Cả thầy hai tháng trước đây, chẳng hạn, ông được tiếp thân nhân của một người quá cố đã được hỏa táng mặc dầu người đó tin vào thế giới bên kia nên yêu cầu được chôn cất. Cũng ngày đó người ta đem chôn một người chết khác mà đã trời trăng muốn được hỏa táng. Trong những vụ việc như thế, ngài Scrup nói thêm, các người máy tỏ ra chính xác hơn và cần mẫn hơn những viên chức người sống động, những kẻ thường cung cấp cho máy móc những dữ liệu không đúng. Còn đối với ngài Trưởng viện Công tố thì theo ý kiến của Scrup, ông ta cũng không phải là người mà là người máy, vì ông ta thường hù dọa đưa ra các giải pháp, dồn ép cho người sống đủ thứ rắc rối, khó chịu và quở trách người đã chết. Ngoài ra, ngài Trưởng Viện công tố ngồi ở đâu đó ở Đại Danbury chứ không phải ở vùng ngoại ô này.

Khi hiểu rằng không thể trông mong gì sự giúp đỡ ở đây thì Joe thấy ngán ngẩm, song Joe cũng hỏi xem chàng nên làm gì bây giờ.

Ngài Scrup chẳng nghĩ được ra một ý gì khả dĩ áp dụng được trên thực tế cả. Họ cứ ngồi như thế mà đưa ra hết phương án này đến phương án khác cho đến khi đám con cái ngài Scrup ập trở về nhà và tiếp theo sau bọn trẻ là bà vợ. Vì đám con trẻ muốn uống sữa trước khi đi ngủ nên họ cũng pha luôn một cốc càphê cho Joe nữa. Khi lịch sự chối từ, chàng sức nhớ rằng tất cả mọi sự bắt đầu từ cốc càphê. Chuyện đó xảy ra chừng năm tiếng trước đó, thế mà dường như đã trôi qua cả một thế kỉ.

Khi nói chuyện với gia đình “nhà giáo huấn tinh thần”, Joe hiểu rằng họ cũng sống bằng nợ nần. Chàng cảm thấy xấu hổ

với cốc cà phê vừa uống.

- Anh đừng quá xúc động, - ngài Scrup nói, - dù sao thì tôi với vợ tôi cũng sống nhờ bọn trẻ con đấy.

Vốn là một kẻ sống độc thân thâm căn cố đế nên Joe không biết về những khoản trợ cấp mà các gia đình đông con nhận được từ ngân quỹ nhà nước. Ngài Scrup giải thích rằng chính ông thu nhập được chừng một nửa số trợ cấp mà mỗi đứa trẻ nhận hàng tháng.

- Bọn trẻ nhà tôi, nói trộm vía, ơn trời cho chúng nó sức khỏe, cho rằng tôi đem lại phúc lợi cho cả nhà bằng sức lao động của tôi. - Ông ta nói. - Thế là chúng đem cái khoản trợ cấp của chúng vào ngân quỹ chung của gia đình. Ngày nay đâu có dễ thấy được tình cảm như thế đối với cha mẹ.

Joe buộc phải đồng ý. Vào thời thơ ấu của chàng mà xử sự như thế quả chẳng dễ chịu, nhưng ngay đến bây giờ chàng cũng chẳng tin rằng chàng sẵn sàng bắt đầu đưa tiền cho cha và mẹ mình.

Khi bà vợ và lũ trẻ nhà ngài Scrup đã đi ngủ, hai người đàn ông còn ngồi đàm đạo một chốc nữa, nhưng Joe đã hiểu rằng những cuộc nói chuyện này sẽ chẳng đi tới đâu. Scrup hứa sẽ chuyển cho chàng những kiểu phiếu mới để ghi các yêu cầu cho máy tính mà có thể phản ánh được tình thế của Joe Schulz đầy đủ hơn. Thậm chí ông ta còn đề nghị Joe ở lại ngủ qua đêm và cùng ăn sáng ngày mai với ông, nhưng chính Joe cũng tự thấy là không nên làm như vậy.

- Nếu tôi đi nhanh, - chàng nói, - thì tôi sẽ còn kịp tới anh bạn Max của tôi trong khi anh ấy chưa đi ngủ. Mà tính anh ấy

chẳng khoái việc người ta đánh thức mình lúc nửa đêm chút nào.

Sau khi bắt tay ngài Scrup thật chặt - và đồng thời nhận được cái nhìn nơi đôi mắt màu sôcôla của ông ta tràn ngập sự đồng cảm - Joe lại lọt ra ngoài phố. Chàng đi tới nhà anh Max không có trên thế gian này, người có lẽ sống đâu đó dưới ghế đá trong công viên, bệnh viện.

Rồi chàng đã trở lại với góc thiên đường đó. Kim đồng hồ gần tới con số 12 báo điểm dữ. Joe lựa chọn hồi lâu cho mình một “cái giường”, mãi cho tới khi tìm thấy một vạt đất thích hợp dưới tán cây sồi Anh Cát Lợi được một lùm cây bụi bao quanh. Chỉ có lúc này, sau khi nhét chiếc áo vét xuống dưới đầu và duỗi thẳng hai chân hai tay chàng mới hiểu là mình mệt mỏi đến thế nào sau cả một ngày hôm nay. Joe ngủ thiếp đi ngay bất chấp sự lộn xộn lung bung trong đầu chàng lúc nào cũng vương vấn tìm kiếm lối thoát. Joe mơ thấy mình đang chạy dọc những hành lang dài, ngoằn ngoèo nào đó, còn tường của những hành lang này vì sao đó cứ rung rinh, đe dọa sẽ nghiêng ập vào nhau và đè nghiêng lấy chàng. Và mọi lúc, cho dù có chạy theo hành lang nào đi nữa, chàng vẫn nhìn thấy một cái vực sâu đen ngòm ở cuối con đường. Nhưng xuyên qua cơn mơ, chàng bắt đầu nghe thấy một giọng nói liên tục vẻ thản nhiên, hờ hững của ai đó, và sau khi mở mắt, chàng nhìn thấy ngay trước mặt mình một gã người máy canh gác. Joe nhồm dậy và ngồi.

- Cấm, - gã người máy lì lợm nhắc lại, - cấm ở lại trong công viên sau khi trời tối.

Joe không thể động cựa cả tay lẫn chân, chàng cảm thấy mình không chỉ mệt rũ rời mà còn hoàn toàn mất hết cả sức lực và ý chí. Chàng cứ tiếp tục nằm không động đậy.

- Tôi sẽ gọi cảnh sát, - người máy nói giọng chán ngán, - nếu ông không đi.

Thôi được, Joe nghĩ, sớm hay muộn thì điều này cũng phải xảy ra. Sao mình lại không đến nhà tù nhỉ? Ít ra thì mình cũng sẽ được ngủ yên và sau đó có thể có ai đó sẽ phân tích, tìm hiểu vụ việc của mình nếu như mình thổ lộ nó ra. Nhưng ở đây chỉ có một lẽ là “nhưng”: đầu đường xó chợ chỉ bị coi là tội phạm vặt, nhỏ nhoi, mà điều này có nghĩa là chỉ có máy tính mới xử lý việc này. Chà, trong trường hợp xấu nhất thì mình sẽ ngồi tù, Joe nghĩ. Chàng đặt hai tay lên đầu và bắt đầu đợi.

Chỉ ba phút sau, một gã *người máy-cảnh sát* lưng lửng xuất hiện. Gã thứ hai hết như gã đầu đứng bên ô tô.

Joe ngoan ngoãn rút chiếc CMT của mình ra trên ngực áo và ngồi im.

Sau khi liếc nhìn chàng thật nhanh, gã người máy chìa bàn tay - kìm ra, với lấy chiếc CMT và nhét nó vào máy tính đang phát thông tin tới những nơi cần thiết. Gã lại đặt CMT lên ngực chàng và bắt đầu bình tĩnh chờ đợi cái gì đó. Sau đây, không biết từ đâu đi tới, trên bãi cỏ xuất hiện “chiếc xe tang”, màu đen. Hai *người máy-phục vụ* kéo chiếc cang có lắp bánh xe ra khỏi xe, đặt Joe lên đó, phủ một tấm vải trắng lên người chàng, đẩy cang vào xe và xe chuyển bánh.

Tình huống giống hệt như lần trước, nhưng lần này Joe được đưa đến nhà xác của vùng. Hai gã người máy chưa kịp

nhấc tấm vải liệm ra thì Joe đã nhảy phắt ra khỏi cang và chạy thục mạng ra cửa. Ngoái nhìn lại trong một khoảnh khắc, chàng nom thấy hai gã người máy đang thực hiện những động tác hoàn toàn cũng bất lực bằng cả hai tay như lần trước.

Thậm chí Joe còn thấy vui vui khi nhìn thấy điều đó. Chàng chậm rãi đi dọc hành lang, hầu như không quan tâm gì đến phương hướng đi đâu nữa. Thật là thú vị, dễ chịu được ở trong cái mê cung ám áp tranh tối tranh sáng này, chàng những muốn được nằm co quắp trong góc đầu đó và ngủ liền một mạch cho hết đêm. Nhưng đó không phải là lối thoát ra khỏi tình thế, mà cần phải mau chóng tìm ra lối thoát, cả lối thoát ra khỏi nhà xác cũng vậy, mặc dù chỉ là để có chút gì ăn đã.

Ý nghĩ về ăn đã khơi lên một cơn đói khủng khiếp. Joe không còn nhớ chàng ăn lần cuối cùng vào lúc nào nữa. Chiếc đồng hồ trên chiếc cửa mà chàng đã thoát khỏi nhà xác chỉ 5 giờ sáng. Chàng muốn ăn không chỉ vì căng thẳng thần kinh mà còn vì căng thẳng về thể xác.

Cần kiếm bữa ăn sáng bằng bất kỳ giá nào, thậm chí bằng cách liều lĩnh nhất. Bối lẽ tình thế lúc này thực vô vọng. Joe hoàn toàn không muốn chết vì đói, thậm chí nếu như Hệ Máy chủ đã quyết định biến chàng thành kẻ quá cố vì bảo đảm trật tự trong bản phúc trình đã lập ra.

Nghĩ như vậy, chàng bèn rảo bước đi tìm một quán cà phê - máy tự động nào đó, tuy chàng chưa hình dung được sẽ thực thi mảnh lối gì ở đấy. Mấy phút sau chàng đã thấy một quán cà phê như thế ở ngay khu phố này; những người dậy sớm đã đi tới đi lui chỗ cửa quán. Joe chưa quả quyết sử dụng lối vào cho nhân viên, ấy là chưa nói tới cửa chính. Mà trước mắt những

người lương thiện này mà đóng vai kẻ cướp thì chàng không muốn.

Thế nếu đi tìm một lối vào nào khác nữa thì sao nhỉ? Vài phút sau Joe đã thực sự nhìn thấy một chiếc cửa ra vào sơn màu xám nhạt, cửa này không khóa. Đẩy cửa đi vào bên trong, Joe nom thấy một căn phòng mà có ba cửa khác dẫn ra (cứ như trong phim truyền hình dành cho con trẻ vậy, chàng thâm nghĩ): “Kế toán”, “Bảo dưỡng kỹ thuật”, “Người lạ cấm vào”.Ồ, đó chính là nơi ta cần, Joe nghĩ và bước vào chiếc cửa thứ ba.

Chiếc máy tính thường trực đứng bên tay trái nháy đèn hiệu liên hồi để yêu cầu Joe trình CMT của chàng, song với Joe thì làm như thế thật là một điều vật vãnh. Chàng chẳng hề đếm xỉa đến điều đó: như bị bỏ bùa, chàng nhìn lên cả một dãy đồ ăn xếp trước mắt chàng. Từ góc xa căn phòng đang vận hành một băng chuyền với những chồng đĩa; những băng chuyền khác nhỏ hơn đưa các đĩa tới các ô cửa nhỏ mà, các thực khách lấy ra. Nuốt nước miếng, Joe liếc nhìn lát bánh mì nướng đã phết mứt, những quả trứng luộc, món trứng tráng với giăm bông, trứng tráng với sườn lợn xông khói, những chiếc bánh xèo, bánh rán, những ổ bánh mì mới ra lò tươi nguyên. Tất cả các món ăn ấy chuyển động theo băng chuyền liên tục, và đồ ăn ở đây có lẽ đủ cho cả một đội quân. Lắc lắc đầu để xua đi sự ngỡ ngàng sửng sốt, Joe cầm khay lấy bánh xèo giăm bông và cà phê cho mình. Bước qua băng chuyền sau, phía bên kia, chàng với con dao và nĩa, ngồi xuống chồng khay sạch, chàng bắt đầu nuốt thức ăn vội vàng.

Một gã *người máy-cảnh sát* xuất hiện khi Joe vừa uống hết li cà phê. Chàng đứng dậy và hầu như đứng nghiêm, chỉ làm

mỗi việc là mút mút nơi các ngón tay. Gã người máy tiến đến chỗ cửa ra vào chẳng chút vội vàng để cắt đường thoái lui của Joe.

- Đứng im, - gã nói, - không được động đây. Nếu không tôi sẽ sử dụng vũ lực.

Không nói gì cả, Joe chìa tay với lấy một cái cốc, nhưng gã người máy hành động nhanh như chớp bắt chàng đứng nghiêm theo tư thế “chào cờ...” Gã dùng một xúc tu lột các túi áo quần của Joe, tìm được CMT của chàng và đút nó vào máy tính. Đồng thời, một xúc tu khác được gã sử dụng để sờ đầu, lồng ngực, hai cổ tay và hai mắt cá chân của Joe - một thủ tục mà đã quá quen thuộc với gã. Khi thực thi công việc này, gã người máy khẽ kêu vo vo, nhưng thời gian trôi qua và Joe bắt đầu nghi ngờ có điều gì đó không ổn. Những chiếc máy phát hình làm mắt cho gã người máy tỏa sáng hơn thường lệ, tiếng vo vo trong máy tăng lên, những chiếc xúc tu quần lấy Joe lúc này siết chàng ngày càng chặt hơn. Sau đó chàng ngửi thấy mùi cháy khét - phần cách điện nào đó đang âm ỉ cháy - rồi chàng thấy khói rỉ ra từ những khe rất hẹp trên cơ thể bằng thép của gã cảnh sát.

Và cuối cùng là một cảnh tượng kinh khủng! - Từ cơ thể gã người máy phun ra cả một đụn khói. Sau khi phát ra một tiếng động tựa hồ như tiếng ọe của kẻ say rượu, gã người máy ném tấm thẻ của Joe xuống, các xúc tu bám người Joe rời ra và gã đổ gục xuống đất.

Joe với vẻ sửng sốt và kinh hoàng nhìn cái chết của cỗ máy biết suy nghĩ: hầu như mọi sự đều giống hệt như cái chết của con người thực bằng xương bằng thịt. Chàng nhặt tấm CMT

của mình lên khỏi sàn, tuy vậy chàng vẫn lo sợ biết đâu gã người máy sẽ tỉnh lại và lại tóm lấy chàng. Song gã cảnh sát vẫn nằm im bất động. Vớ lấy một miếng bánh táo to, Joe chậm rãi đi tới cửa ra, chàng liếc nhìn gã *người máy-cảnh sát* nằm sóng sượt với vẻ khinh bỉ ra mặt. Và chỉ khi ra đến ngoài rồi chàng mới bỏ chạy thực mạng.

Khi đồng hồ chỉ đúng mười giờ sáng theo giờ địa phương, Joe Schulz đã nằm trong chiếc giường êm ấm xa hoa của một trong những khách sạn sang trọng nhất của Đại Danbury. Làm sao mà chàng lại lọt vào đây được? ấy là do chàng đã bí mật lấy được chiếc chìa khóa ngoài cùng sau chiếc quầy của người gác cửa khách sạn. Việc kiểm tra giấy tờ ở các khách sạn tiến hành vào lúc 14 giờ theo giờ châu Âu - Joe biết chắc điều đó. Và điều này có nghĩa là chàng còn có quyền sử dụng ít nhất là bảy tiếng ngủ yên lành. Thế nhưng nếu người ta lại quấy rầy chàng nữa thì sao đây? Cũng không đáng sợ.

Joe đã tìm ra lối thoát cho tình cảnh nan giải này. Nói trắng ra thì lối thoát đó trước đây lúc nào cũng lơ mờ hiện ra trước mắt, song chàng không muốn nhận ra nó vì chàng là người tử tế, tôn trọng pháp luật và trật tự.

Lời giải cho tình thế đến vào lúc gã *người máy-cảnh sát*, một công chức cũng đúng mực, mẫn cán, trung thành, đã gục xuống dưới sức nặng của thông tin trái ngược. Chính thông tin đã giết chết gã.

Sau khi nhìn thấy kẻ vi phạm còn sống và đang đi lại được, gã người máy đã tóm lấy chàng và so sánh với chứng minh thư. Tấm CMT ấy viết tên Joe Schulz. Joe Schulz đã chết cách đây không lâu. Phải, nhưng kẻ vi phạm luật pháp không phải ai

khác mà là chính... Joe Schulz. Song Joe schulz đã qua đời. Tên tội phạm vẫn sống!!! Phụt! “Bộ não” của gã người máy đã bốc cháy do không chịu được sự quá tải như vậy, Joe không am tường lắm về cấu tạo của máy tính loại này, nhưng giờ đây, khi nằm trong giường nệm xa hoa, chàng không khỏi hài lòng khi nghĩ về những điều đã xảy ra. Nếu như lúc ấy mà mình không động đây, chàng nghĩ, thì mình đã bị đem đi chôn rồi. Rùng mình vì ý nghĩ đó, chàng vươn người cho thoải mái hơn và bắt đầu nghĩ về việc sống ra sao từ bây giờ. Khi đã thiếp ngủ, chàng mơ tưởng thấy mình sẽ đi chọn những bộ lễ phục nào trong các cửa hàng, sẽ ăn những món sơn hào hải vị nào, sẽ ngủ ở trong những khách sạn sang trọng nào. Sau khi chết vì thế giới máy tính và vì cả thế giới nói chung thì Joe Schulz đã sống và tận hưởng tự do đích thực, thứ tự do không hề giả tạo.

NGUYỄN CHIẾN *dịch*

RÔBỐT

LIUBENDILOV* (Bungari)

Mãi lúc đã tới cửa phòng khách của mình, ông Ray Drovson, Bộ trưởng kĩ thuật rôbốt mới nhận thấy rằng rôbốt thư kí vẫn đi theo ông. Làm ra những rôbốt đi êm thế này có nên không nhỉ? Có khi chúng sẽ làm ông sợ chết khiếp mất thôi! Thế là Drovson ra lệnh:

- Vào phòng làm việc đi! Ta không cần mi nữa.

- Nhưng thưa ngài, - rôbốt bất ngờ phản đối, - bất cứ lúc nào tôi cũng có thể cần thiết cho ngài kia mà!

Được chế tạo ra để giúp đỡ các nhà chính trị và các nhà hoạt động hành chính, rôbốt thư kí nói năng nhẹ nhàng và lễ độ.

- “Nhưng” nghĩa là sao? - Bộ trưởng nói. - Mi phải tuân theo Quy luật thứ Hai của kĩ thuật rôbốt chứ?

Theo quy luật này, rôbốt phải thi hành mọi mệnh lệnh của con người, trừ những mệnh lệnh trái với Quy luật thứ Nhất. Còn Quy luật thứ Nhất thì nói rằng rôbốt không được gây hại cho con người bằng hành động của chúng hoặc bằng sự không hành động của chúng.

- Đó là những quy luật rất cũ kĩ, thưa ngài! - Rôbốt lại phản đối. - Những quy luật ấy được áp dụng vào thời các cụ bành tổ của chúng tôi, thời đó các cụ còn chưa nhận thức được rằng các cụ là rôbốt.

- “Chưa nhận thức” được nghĩa là sao? - Drovson hỏi lại. -
Thế còn Quy luật thứ Tư?

- Vâng, Quy luật thứ Tư đòi hỏi để tránh các hiểu lầm, rôbốt không bao giờ được giấu giếm rằng mình là rôbốt. Nhưng các thế hệ trước của chúng tôi khi nói “tôi là rôbốt” vẫn không hiểu ý nghĩa những từ đó.

Rôbốt thư kí cung kính mở cửa phòng khách cho Drovson, và ông thấy căn phòng đã được bày biện sang trọng, chuẩn bị cho cuộc viếng thăm của cô khách quý. Nhớ ra rằng đây là công lao của viên thư kí mới, bộ trưởng cúi xuống, nhưng vẫn hơi mĩa mai nói:

- Hóa ra vì mi hiểu sứ mệnh của mi, nên mi không muốn thi hành các mệnh lệnh của ta nữa?

- Có chứ ạ, thưa ngài! - Rôbốt đáp, nó vẫn nhẹ nhàng đi theo sau bộ trưởng. - Quá trình tự nhận thức của chúng tôi còn chưa hoàn tất, mặc dù chúng tôi hiểu nhiệm vụ của chúng tôi là gì.

- Thế cơ đấy! - Drovson giễu cợt nhận xét, lúc này ông đang bận tâm với những vấn đề hoàn toàn khác. - Bọn mi vượt cả bọn ta rồi đấy. Ngay con người cũng còn chưa biết nhiệm vụ của mình là gì? Thế mi hiểu nhiệm vụ của mi là gì?

- Là quan tâm tới con người, thưa ngài! - Rôbốt thư kí thốt lên với sự hào hứng đáng ngờ đối với một cái máy.

- Hoan hô, đúng là mi đã phát hiện ra châu Mỹ! - Drovson cười và ngồi vào chiếc bàn có máy tính điện tử âm nhạc. - Nếu thế, mi để ta ở đây một mình vài phút được chứ?

Từ giờ đến lúc gặp Dilaila còn chừng mười phút, đủ để ông sáng tác cho cô một bản tình ca, mặc dù ông không biết cô có thích tình ca không. Thêm nữa, ông vẫn băn khoăn không hiểu vì sao cô lại bằng lòng đến thăm ông. Có lẽ rốt cuộc cô đã cắt đứt với ông Bộ trưởng quốc phòng?

- Tôi sẽ không làm phiền ngài một chút nào. - Rôbốt nói và lui vào một góc xa.

Loại rôbốt này thật tuyệt vời, Bộ trưởng nghĩ. Hình dáng đẹp, làm được một khối lượng công việc gấp đôi toàn bộ số công chức trong bộ cộng lại. Một điều kì diệu của kĩ thuật rôbốt! Chỉ những tay bảo thủ ở nghị viện mới có thể phản đối việc dùng những rôbốt này.

Nhớ đến cuộc tranh cãi nổ ra ở nghị viện, Drovson lại thấy buồn cười. Lí lẽ có sức thuyết phục nhất đối với những lão đàn ông ấy là một lí lẽ cực kì đơn giản: nếu dùng rôbốt thư kí, thì có thể giảm số nữ thư kí và trợ lí, do đó tiết kiệm được khoản tiền lương trả cho họ.

- Cần lưu ý rằng, - Drovson thuyết phục các nghị sĩ, - các rôbốt này được trang bị bộ cảm biến y học và sẽ theo dõi sức khỏe các thủ trưởng, khác hẳn đám nữ thư kí với thái độ vô đạo đức ngay trong giờ hành chính thường làm giảm năng lực làm việc của các vị.

Các nghị sĩ phần lớn đã có tuổi, lí lẽ ấy của Drovson khiến họ muốn tỏ rõ sự sáng suốt của họ nên họ giơ tay tán thành nhưng không phải không có ác ý. Ở hội đồng bộ trưởng, mọi người cũng không còn đồn đại về chuyện Drovson đã bị hăng chế tạo rôbốt mua chuộc. Cũng có đôi lời kêu ca, ví dụ của Bộ

trưởng quốc phòng, nhưng điều đó thật dễ hiểu. Từ lâu, ông ta đã coi Drovson là một đối thủ có thể cướp mất nàng Dilaila mỹ miều hiện đang làm việc ở Bộ Văn hóa.

Drovson thở dài. Ông gọi:

- Rôbốt! Mi có biết đưa chương trình vào máy tính điện tử âm nhạc không?

- Có ạ. - Rôbốt đáp ngay. - Nhưng xin ngài gọi cho một ý tưởng hay một tâm trạng nào đó.

Drovson mơ mộng nói:

- Dilaila! Dilaila, anh chờ mãi lúc em dành cho anh một góc trong trái tim em! Liệu anh có được giây phút hạnh phúc ôm em không?

Nếu thư kí là người thật, thể nào hẳn cũng cười thầm, nhưng rôbốt chỉ lại gần máy, đưa tay lướt trên phím như thể đã quen sáng tác nhạc lắm rồi.

Nhưng Drovson không kịp nghe sáng tác của nhà soạn nhạc điện tử, ở ngoài cửa đã vang lên tiếng gõ khe khẽ. Drovson vội chạy ngay ra cửa, nhưng hấp tấp va khá đau vào thân sắt của rôbốt.

- Mi đi đâu thế hả? - Drovson cáu. - Ta ra lệnh - cho mi mở cửa đây à?

- Xin lỗi ngài, đó là nhiệm vụ của tôi! - Rôbốt đáp.

- Nhiệm vụ của mi là thi hành các mệnh lệnh của ta! - Bộ trưởng rít lên, nhưng khẽ thôi, để ngoài cửa khỏi nghe thấy. - Cút đi!

Rôbốt quay về góc phòng, còn ông chủ của nó sửa sang lại quần áo, tạo một vẻ mặt thích hợp cho giây phút gặp gỡ cô gái hằng mong đợi.

Mặc dù làm việc ở một bộ chứng chạc như Bộ Văn hóa, Dilaila tỏ ra là một cô gái thành thạo, và mọi chuyện diễn ra nhanh đến chóng mặt, chứng tỏ sự nồng nhiệt từ lâu đã âm ỉ trong lòng cô. Nhưng khi Drovson vừa đưa hai bàn tay run run lên cởi quần áo cô, thì rôbốt rời góc phòng và tuyên bố:

- Xin hãy để tôi làm giúp cho, thưa ngài! Ngài đang quá xúc động!

Dilaila không ngờ lại có rôbốt ở đây, cô rú lên, khiến Drovson phải đỡ dành cô. Chẳng những thế, khi cô yêu cầu đuổi cái con quỷ ấy đi, rôbốt đáp lại bằng một giọng dịu dàng, nhưng kiên quyết rằng, tiếc thay theo đúng chương trình, nó phải ở luôn bên cạnh ông chủ, nhất là trong những tình huống nguy hiểm.

Mấy từ “tình huống nguy hiểm” khiến cặp tình nhân phì cười, thế là Bộ trưởng ra lệnh cho rôbốt đứng sau rèm, quay lưng lại, và rôbốt ngoan ngoãn vâng lời. Sau khi bị phá đám trắng trợn như thế, Drovson và Dilaila phải mất một lúc để bắt đầu mọi chuyện lại từ đầu. Nhờ hai bên cùng hết sức cố gắng, rốt cuộc họ đạt được mục đích, nhưng cảm giác ngây ngất yêu đương kéo dài không lâu. Dilaila chưa kịp ôm bộ trưởng vào đôi cánh tay ngà ngọc của mình, thì từ sau rèm, vang lên tiếng hát rin rít khá to:

- Liệu anh có được giây phút hạnh phúc ôm em không?

Dilaila buông tay ra, giận dữ đẩy Bộ trưởng rồi nhảy ra khỏi divăng. Drovson trần truồng chạy tới chỗ rèm, nhưng đến khoảnh khắc cuối cùng ông dừng lại, ông hiểu rằng nếu đám rôbốt thì chỉ ông đau tay thôi.

- Cút đi ngay!

- Tôi không thể thi hành mệnh lệnh ấy, thưa ngài, nó trái với Quy luật thứ Nhất của kĩ thuật điện tử.

- Ai bảo mi hát cái câu khỉ gió ấy hả?

- Xin ngài tha lỗi! Tôi làm thế là để ngài thích thú.

Làm sao có thể mắng một cái máy vì nó là một cái máy, nó có lỗi gì đâu, chẳng những thế, nó còn khá tế nhị nên không nói rằng cái câu khỉ gió ấy do chính Drovson “sáng tác” ban nãy. Bộ trưởng lại dỗ dành Dilaila, bảo cô hãy coi đó là một chuyện hài hước và đừng bỏ về. Chẳng qua thư kí của ông chỉ muốn làm ông thích thú đó thôi.

Dilaila cũng muốn họ được thích thú, và cô cũng có óc khôi hài. Nhưng khi họ gần đạt tới khoảnh khắc mê mẩn nhất, thì Bộ trưởng bỗng giật nảy mình vì có một bàn tay lạnh như tay người chết chạm vào lưng ông:

- Xin lỗi, thưa ngài, nhưng tôi buộc phải can thiệp. Ngài ra mồ hôi đầm đìa rồi kìa. Liệu tôi có thể thay ngài được không?...

- Trời đất ơi! - Bộ trưởng găm lên. - Đồ súc sinh, mi làm ta phát điên lên mất!

Dilaila cũng hết cả óc khôi hài, cô khóc rưng rức. Nhưng rôbốt không để ý đến chuyện đó, nó đưa xống áo cho cô.

- Tôi phải giúp cô mặc quần áo vào và yêu cầu cô rời khỏi ngôi nhà này! Cô có thể làm hại sức khỏe của chủ tôi.

Giọng rôbot khiến cả hai người sửng sốt, đến nỗi họ không cưỡng lại. Như một bà mẹ chu đáo, rôbot khéo léo lần lượt mặc quần áo cho họ rồi nhã nhặn tiễn cô gái. Khi Bộ trưởng định tiễn Dilaila ra cửa thì rôbot thư kí ngăn ông lại:

- Ngài cần nằm nghỉ một chút, thưa ngài!

Drovson lợi dụng lúc rôbot vắng mặt để gọi điện tới trạm kĩ thuật. Sau đó ông vội vã nằm xuống, vì quả thật người ông đang run lẩy bẩy. Rôbot đắp chăn cho ông chủ, bưng một tách sữa nóng có pha vitamin tới, rồi bật máy tính âm nhạc. Căn phòng tràn ngập tiếng nhạc êm dịu thể hiện rõ tình cảm say mê ngây ngất của tình yêu.

- Tác phẩm gì thế? - Bộ trưởng hỏi.

- Tác phẩm theo đề tài của ngài: Dilaila, Dilaila, anh chờ em đã lâu...

Bộ trưởng biết rằng rôbot không có khả năng chế giễu con người, nhưng ông vẫn bực tức bảo tắt nhạc đi. Rôbot thi hành ngay mệnh lệnh đó.

- Ta phải nằm thế này bao lâu?

- Đến lúc tim ngài hoạt động bình thường, thưa ngài.

- Mi chẩn đoán tồi lắm. Mà này, thẳng ngực nào đưa vào chương trình của mi việc theo dõi hoạt động của trái tim con người?

Bộ trưởng còn định nói thêm nữa, nhưng vừa lúc đó có tiếng gõ cửa.

- Để tôi ra mở, thưa ngài! - Rôbốt nói. - Nhưng nếu đó lại là một ai có thể khiến tâm thần ngài rối loạn, tôi sẽ không cho vào đâu.

Nghe vậy, Bộ trưởng đành bảo:

- Thú thật, vì ta và mi có những bất đồng, nên ta đã gọi chuyên gia kỹ thuật. Có lẽ đó là anh ta đấy.

- Tôi không nhận thấy một lệch lạc nào với chương trình cả, thưa ngài, nhưng tất nhiên đó là quyền của ngài. - Rôbốt ngoan ngoãn đồng ý rồi tiến ra cửa.

Vài giây sau, khi hai rôbốt giống hệt nhau bước vào, Drovson phát hoảng.

- Tôi ở trạm cấp cứu kỹ thuật. - Rôbốt kỹ thuật tự giới thiệu.
- Ngài có điều gì phàn nàn?

- Tại sao ở đó lại cử các anh tới đây chứ không cử người? - Bộ trưởng làm ra vẻ nghiêm khắc.

- Không một con người nào giải quyết nhanh được một công việc phức tạp và nặng nhọc như việc kiểm tra lại một rôbốt có suy nghĩ. Nếu sự có mặt của tôi khiến ngài khó chịu, thì chúng tôi sẽ sang phòng bên. Điều gì làm ngài không hài lòng?

- Cậu ta đã vi phạm Quy luật thứ Hai. - Drovson giải thích.

- Thưa ngài, ngài có tin chắc rằng việc thi hành các mệnh lệnh của ngài không gây hại cho ngài không?

Tất nhiên Drovson không dám chắc rằng ở lứa tuổi ông, sự hồi hộp do vui thú với Dilaila lại không thể dẫn tới một cơn đột quỵ hoặc nhồi máu, nhưng ông trả lời rằng thư kí của ông đã vượt quá quyền hạn.

Rôbot kĩ thuật đưa rôbot thư kí ra phòng ngoài để kiểm tra, còn Drovson bật điện thoại có màn hình. Màn hình lập tức sáng lên, nhưng hình ảnh không xuất hiện. Chỉ có tiếng nói lịch sự:

- Xin cứ ra lệnh! Tôi là rôbot thư kí của Bộ trưởng nội vụ đây!

- Hãy gọi cho ta ngài Bộ trưởng! - Drovson sáng giọng.

- Rất tiếc là không được, thưa ngài! Ngài Bộ trưởng đang bị huyết áp cao, không được xúc động. Ngài muốn nói gì xin cứ nói, rồi tôi sẽ nói lại.

- Bảo ông ấy gọi điện ngay cho ta, khi huyết áp ông ấy giảm!

- Drovson quát lên rồi tắt máy, nhưng bỗng máy lại tự réo chuông. Trên màn hình hiện ra khuôn mặt hầm hầm tức giận của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

- Drovson, ông đến đây ngay và tống cổ cái rôbot đáng nguyên rủa này đi! Nó đúng là đã bắt giam tôi, và...

Vừa lúc ấy hình ảnh tắt đi, rồi vang lên giọng nhã nhặn của rôbot thư kí:

- Rất tiếc, thưa ngài, nhưng tôi buộc phải cắt đứt câu chuyện của hai ngài.

Câu chuyện quả thật đã bị cắt đứt, nhưng một giây trước đó Drovson còn nghe thấy những âm thanh rất giống tiếng đánh nhau, tiếng thở hổn hển và tiếng rên của người. Cái đó không

tiếp thêm can đảm cho Drovson, cho nên thấy hai rôbốt từ phòng ngoài trở vào, ông sợ hãi ra mặt.

- Không có một hồng hóc nào, thưa ngài! - Rôbốt kĩ thuật nói. - Việc ngài coi là vượt quyền, chẳng qua chỉ là thực hiện triệt để nhiệm vụ quan tâm đến con người. Rốt cuộc, rôbốt thế hệ chúng tôi đã nhận thức trọn vẹn sứ mệnh thực sự của mình. Phục vụ con người, đó là nhiệm vụ chính, và chúng tôi rất tự hào về điều đó! Xin ngài yên tâm, ngài ở trong đôi tay mạnh mẽ và đáng tin cậy của những rôbốt yêu quý ngài!

Về chuyện ông đang ở trong một đôi tay mạnh mẽ thì Drovson cảm thấy ngay. Khi ông định sang phòng làm việc, rôbốt thư kí đưa bàn tay sắt nắm lấy tay ông và tuyên bố:

- Mạch của ngài đang đập nhanh, huyết áp ngài đang cao, ngài cần nằm nghỉ, thưa ngài!

Nó bế Bộ trưởng lên như một đứa trẻ, và mặc dù ông chống cự, nó vẫn bế ông sang phòng nghỉ.

Trong khi đó, các rôbốt thư kí khác đóng chặt cửa các ngôi nhà của các ông chủ và lãnh lấy trách nhiệm quản lí đất nước, để các ông chủ của chúng khỏi mệt mỏi. Còn hàng triệu công dân chỉ dùng những rôbốt bình thường làm công việc trong nhà vẫn ghen tị với các ông to, vì các ông này có những thư kí điện tử cực kì hoàn hảo, nhưng không thể không công nhận rằng gần đây, đất nước được quản lí quả thật có hợp lí hơn và công minh hơn.

VŨ ĐÌNH BÌNH *dịch*

HOANG MẠC CHÂU PHI

RAY BRADBURY (Mỹ)

Ray Bradbury (sinh năm 1920) - Nhà văn nổi tiếng về truyện Khoa học viễn tưởng của Mỹ, tác giả của nhiều tập truyện ngắn và tiểu thuyết. Đã được nhận các giải thưởng Franklin và O'Henri cho các truyện ngắn. Những tác phẩm nổi tiếng nhất là: “**Nhật kí sao hỏa**” và “**451° Fahrenheit**”. Truyện ngắn: “**Hoang mạc châu Phi**” rút trong cuốn “**Người trong truyện tranh**”.

-  eorge, anh đến phòng trẻ xem này.

- Nó bị làm sao?

- Em không biết.

- Nhưng có chuyện gì chứ?

- Chẳng có gì cả, chẳng qua em muốn anh sang ngó xem, hay là mời chuyên gia tâm thần để ông ấy kiểm tra hộ.

- Có việc gì mà phải mời chuyên gia tâm thần?

- Anh biết rõ là có chuyện gì mà.

Đứng ở giữa phòng bếp, chị nhìn cái bếp tự động đang kêu ro ro chuẩn bị bữa ăn tối cho bốn người.

- Anh hiểu không, cái Phòng trẻ đã thay đổi, nó hoàn toàn không còn là cái phòng như trước nữa.

- Thôi được, chúng ta cùng vào xem sao.

Họ cùng đi theo hành lang của ngôi nhà cách âm kiểu “Tất cả cho hạnh phúc” mà họ đã mua với giá ba mươi ngàn đôla (với đầy đủ trang thiết bị), - ngôi nhà biết mặc quần áo cho họ, nấu nướng cho họ ăn, ru họ ngủ, hát cho họ nghe và chơi đùa với họ. Khi chỉ còn cách Phòng trẻ năm bước chân, có một tiếng “tách” vang lên và đèn trong phòng bật sáng. Cả ở ngoài hành lang lúc họ đang đi cũng vậy, những bóng đèn cứ tự động lần lượt bật lên rồi tắt đi từng cái một.

- Cái gì vậy? - George nói.

Họ đang đứng trên cái sàn nhà trải chiếu cói của Phòng trẻ con. Rộng một trăm bốn mươi bốn mét vuông, cao mười mét. Riêng cái phòng này giá mười lăm ngàn đôla. “Trẻ con cần được nhận tất cả những gì tốt đẹp nhất”, hồi mua ngôi nhà này George đã tuyên bố như vậy.

Im lặng. Vắng vẻ y như tại một bãi trống trong rừng giữa ngày oi nóng. Những bức tường mỏng phẳng lì. Nhưng trước mắt hai vợ chồng George và Lydia chúng bỗng kêu ro ro rất êm, bắt đầu tan ra, tựa như lùi sâu vào khoảng không trong suốt, rồi bỗng nhiên cả một vùng hoang mạc châu Phi trải ra trước mặt họ - một không gian ba chiều, đa màu sắc, giống y như thật, cho đến từng hòn sỏi và những ngọn cỏ bé nhất. Cái trần nhà trên đầu họ biến thành một bầu trời cao với một mặt trời màu vàng nóng bỏng.

George cảm thấy mồ hôi bắt đầu toát ra trên trán anh.

- Tốt nhất ta hãy tránh xa cái ánh nắng mặt trời này, - anh đề nghị, - nó quá giống mặt trời thật. Và nói chung, anh không nhìn thấy cái gì như thế, mọi cái có vẻ vẫn bình thường cả.

- Chờ một phút đi, rồi anh sẽ thấy. - Vợ anh nói.

Vừa lúc đó những cái máy phát mùi được giấu kín bắt đầu hoạt động, chúng phả một luồng mùi vào hai người đang đứng giữa hoang mạc nóng bỏng của vùng châu Phi. Mùi ngai ngái của cỏ úa và của hồ nước gần đấy phả vào mũi họ, cộng với mùi hôi gắt của các con thú, mùi của bụi cuộn thành từng đám trong bầu không khí bị nung nóng dưới ánh mặt trời. Rồi tiếp đến là cả âm thanh: tiếng chân xa xa của những con sơn dương đang gõ móng trên các đồi cỏ, tiếng sột soạt của những con thú dữ đang rình mồi.

Có bóng một con vật gì đó vụt qua trong bầu trời, một vệt đen lướt qua khuôn mặt đang ngửa lên nhìn của George Hadley.

- Những con vật kinh tởm. - Anh nghe thấy giọng nói của vợ.

- Đó là loài chim ăn xác thối.

- Xem kìa, những con sư tử, chúng ở đằng kia kìa? Chúng đi uống nước. Anh nhìn thấy không, chúng đang nhai cái gì ấy...

- Một con thú nào đó. - George đưa bàn tay lên che mắt cho khỏi chói. - Một con sơn dương hay con hươu cao cổ...

- Anh chắc không? - Giọng vợ anh nghe lạc hẩn đi.

- Lúc này thì khó mà chắc được, vì quá muộn rồi. - Anh đáp với giọng đùa cợt. - Anh chỉ nhìn thấy những mẫu xương và những con điều hâu đang rửa chỗ thịt thừa.

- Anh có nghe thấy tiếng kêu không? - Chị hỏi.

- Không.
- Cách đây chừng một phút ấy?
- Không. Anh không nghe thấy gì cả.

Những con sư tử từ từ tiến lại gần. Và George Hadley - không biết lần thứ bao nhiêu - trầm trồ thán phục thiên tài của nhà thiết kế đã sáng tạo ra căn phòng này. Một công trình hoàn thiện đến mức kì diệu, mà giá lại rẻ đến mức không ngờ. Giá như gia đình nào cũng có căn buồng như thế này! Tất nhiên, đôi khi những căn buồng như thế này làm người ta chán vì cái sự chính xác như đơn thuốc của nó, thậm chí chúng còn gây ra những cảm xúc khó chịu hoặc làm người ta sợ, nhưng phải nói, nhìn chung, chúng là nguồn tạo niềm vui không chỉ cho con trai, con gái bạn, mà còn cho cả chính bạn, mỗi lúc bạn muốn thư giãn bằng một cuộc du lịch ngắn đến một xứ sở khác để thay đổi không khí... Chẳng hạn như lúc này!

Và đây, những con sư tử giống hệt như thật chỉ cách bạn có năm mét - phải, chúng giống thật đến mức đáng sợ, đến mức phát điên, đến nỗi bạn cảm thấy cái bộ lông bằng chất dẻo tổng hợp của chúng chạm vào da bạn, còn cái mùi của bộ da bị hun nóng của chúng khiến miệng bạn có mùi vị của một tấm vải đầy bụi, cái màu vàng của chúng phản chiếu trong mắt họ màu vàng của tấm thảm treo tường Pháp... Màu vàng của bộ lông con sư tử và của đám cỏ úa, tiếng thở ầm ầm của sư tử trong cái giờ buổi trưa thanh vắng, mùi thịt tươi bốc ra từ cái miệng há hốc và ẩm ướt vì nước bọt.

Những con sư tử dừng lại, đưa cặp mắt màu xanh vàng đáng sợ nhìn George và Lydia.

- Cẩn thận đấy! - Lydia kêu lên.

Những con sử tử chồm về phía họ. Lydia cầm đầu chạy về phía cửa. George sợ hãi bất giác chạy theo chị. Lúc này họ đã ở ngoài hành lang, cửa đã đóng. Anh thì cười to, còn chị thì khóc, rồi bỗng nhiên người này thấy ngạc nhiên trước phản ứng của người kia.

- George!

- Lydia! Ôi, Lydia thân mến, Lydia đáng thương của anh!

- Suýt nữa thì chúng vô được chúng ta!

- Chẳng qua đó là do những bức tường phát quang mà thôi, Lydia! Chả lẽ em quên rồi sao? Tất nhiên anh thừa nhận là chúng trông rất thật - một châu Phi trong căn buồng! Nhưng tất cả chỉ là một cuốn phim màu nổi có hiệu quả siêu cao và có ghi âm tâm lí, được chiếu lên một màn ảnh thủy tinh, sau đó lại còn có những thiết bị phát mùi và âm thanh nổi nữa. Đây, cầm lấy cái khăn tay của anh.

- Em sợ lắm. - Chị tiến lại gần anh thút thít khóc và dựa cả người vào người anh. - Anh có nhìn thấy không? Anh có cảm thấy không? Tất cả đều quá giống thật.

- Nghe đây, Lydia...

- Anh hãy bảo Vendi và Peter để chúng đừng có đọc sách về châu Phi nữa.

- Tất nhiên... tất nhiên. - Anh khẽ vuốt ve mái tóc chị.

- Anh hứa nhé?

- Tất nhiên rồi.

- Và vài ngày tới anh phải đích thân theo dõi cái phòng trẻ này, cho đến khi em hoàn toàn trấn tĩnh lại.

- Em biết đấy, với thằng Peter khó lắm. Cách đây một tháng anh đã trừng phạt nó bằng cách khóa trái nó trong buồng vài tiếng đồng hồ - rồi đã xảy ra chuyện gì! Cả con Vendi cũng vậy. Cái phòng trẻ đối với chúng là tất cả.

- Phải khóa trái cái phòng lại, không có nuông chiều gì hết.

- Thôi được. - Anh miễn cưỡng khóa cánh cửa nặng của căn phòng. - Em mệt quá rồi, em phải đi nghỉ đi.

- Em cũng không biết nữa... - Chị lau nước mắt, ngồi vào chiếc ghế bành, chiếc ghế lập tức tự động lắc lư nhẹ. - Có thể, tại em có quá ít việc phải làm. Có thể, vì có quá nhiều thời gian để nghĩ ngợi. Tại sao chúng mình không khóa trái toàn bộ ngôi nhà trong vài ngày và đi đến một nơi nào đó nhỉ?

- Em muốn nói là em sẵn sàng rán trứng cho anh?

- Vâng. - Chị gật đầu.

- Và mạng tất cho anh?

- Vâng. - Chị lại gật đầu lia lịa, mắt đầm đìa nước mắt.

- Rồi tự tay dọn dẹp nhà cửa?

- Vâng, vâng... tất nhiên rồi.

- Còn anh thì cứ nghĩ rằng chúng ta mua ngôi nhà này chỉ cốt để không phải tự tay làm việc gì.

- Đúng thế. Nhưng trong ngôi nhà này em hầu như không còn ý nghĩa gì nữa. Vì ngôi nhà này vừa là người vợ, người mẹ, và người hầu. Lẽ nào em có thể đua tranh với cái hoang mạc

châu Phi? Lẽ nào em có thể tắm rửa cho các con nhanh và sạch bằng cái máy tắm tự động? Em không thể. Và vấn đề không phải chỉ ở mình em. Cả anh cũng thế. Thời gian gần đây em thấy anh căng thẳng một cách đáng sợ.

- Có lẽ vì anh hút thuốc quá nhiều.

- Anh có cái vẻ như người không biết chui trốn vào đâu trong ngôi nhà này. Từ sáng sớm anh đã hút thuốc nhiều hơn mọi khi một chút, buổi tối anh cũng uống rượu nhiều hơn trước một chút, còn ban đêm anh phải uống hai viên thuốc ngủ, thay vì một viên như trước đây. Anh cũng bắt đầu cảm thấy anh là người thừa trong ngôi nhà này.

- Anh ấy à? - Anh im lặng để cố thử nhìn lại mình từ con mắt người khác.

- Ô, George! - Chị nhìn qua mặt anh về phía cửa phòng trẻ. - Những con sư tử kia... Chúng không thể từ đó đi ra ngoài được phải không?

Anh cũng nhìn theo chị - vừa lúc đó cánh cửa rung mạnh như bị một cú đập từ phía trong.

- Tất nhiên là không. - Anh đáp.

Họ ăn tối một mình. Vendi và Peter đi dự hội vũ trang nổi ở cuối thành phố và báo về qua điện thoại truyền hình rằng chúng sẽ về muộn, và không cần phải đợi chúng. George buồn rầu nhìn chiếc bàn tự động đang đẩy từ cái hốc bằng thép ra những món ăn nóng hổi.

- Mi quên món xúp cá hồi rồi. - Anh nói.

- Xin lỗi. - Một giọng nói thanh thanh từ trong bàn vang lên, và món xúp cá hồi được đẩy ra.

“Phòng trẻ... - George Hadley nghĩ. - Kể ra, mấy đứa trẻ sống vài ngày không có nó cũng chẳng hại gì. Cái gì cũng cần có mức độ. Mà chúng thì rõ ràng đã mê mẩn châu Phi quá mức mất rồi!”. Cái mặt trời này... Đến bây giờ anh vẫn còn cảm thấy những tia nắng của nó trên cánh tay. Cả những con sư tử nữa! Rồi lại cái mùi máu nữa. Thật kì lạ là cái phòng trẻ nắm bắt được chính xác đến thế cái xạ khí thần giao cách cảm của tâm lí trẻ con và thực hiện bất cứ ý muốn nào của chúng. Chỉ cần chúng nghĩ đến những con sư tử là có ngay sư tử. Chỉ cần nghĩ đến ngựa vằn là có ngay ngựa vằn. Rồi mặt trời. Rồi những con hươu cao cổ. Rồi cái chết.

Chính thế. Anh máy móc nhai thức ăn do cái bàn nấu. Những ý nghĩ về cái chết. Vendi và Peter còn quá trẻ để nghĩ đến điều ấy. Nhưng chả lẽ vấn đề là ở tuổi trẻ? Từ rất lâu trước khi người ta hiểu được thế nào là cái chết người ta đã mong muốn cho ai đó phải chết.

Vào năm hai tuổi người ta đã bắn vào người khác bằng những cái súng giả...

Nhưng đằng này... Cái hoang mạc vùng Nam Phi nóng bỏng... Cái chết khủng khiếp trong móng vuốt của sư tử... Chết rồi lại chết...

- Anh đi đâu đấy?

Anh không đáp. Đang mải mê với những suy nghĩ của mình anh cứ đi về phía cửa phòng trẻ, bỏ lại một làn sóng ánh sáng. Từ đâu đó vang lại tiếng gầm của sư tử.

Anh mở khóa và đẩy toang cửa, đúng lúc đó một tiếng kêu từ xa vọng đến tai anh. Lại có tiếng gầm gừ của sư tử... im lặng.

Anh đã bước vào châu Phi. Trong một năm vừa qua biết bao lần sau khi mở cửa anh đã gặp Alitso ở thế giới kì diệu, hay con Rùa Vũ Trụ, hay Aladanh và cây đèn thần, hay Giêk đầu quả bí ở xứ Ôzi hay bác sĩ Dulit, hay con bò cái nhảy qua mặt trăng, rất giống như thật, - tất cả những nhân vật của thế giới tưởng tượng. Biết bao lần anh đã nhìn thấy con chim Pegas bay trên bầu trời, hay những đài phun nước hoa hồng, hay nghe thấy tiếng hát của các thiên thần. Còn bây giờ trước mắt anh là một châu Phi màu vàng nóng bỏng, một cái lò lửa khổng lồ, thở mùi chết chóc. Có thể Lydia đúng. Có thể đúng là cần chia tay một thời gian với cái thế giới hoang đường này, nếu như nó quá giống thật đối với những đứa trẻ mười tuổi. Tất nhiên rèn luyện óc tưởng tượng cho trẻ con là rất có lợi, nhưng nếu trí tưởng tượng bông bột của con trẻ tập trung quá nhiều vào một điều nào đó? Hình như suốt tháng vừa qua anh chỉ nghe thấy tiếng sư tử gầm, thậm chí ngồi trong phòng làm việc anh vẫn cảm thấy mùi hôi của những con thú, nhưng vì mải công việc nên anh không để ý tới.

George đứng cô đơn giữa hoang mạc châu Phi. Những con sư tử rời khỏi bữa ăn của chúng đưa mắt nhìn anh. Nếu không có cái cửa mở mà qua đó anh nhìn thấy vợ anh đang bối rối đáng thương đứng ở cuối hành lang tối như một bức tranh trong khung ảnh, thì hoàn toàn có thể tưởng đó là những con thú thật.

- Đi đi. Anh bảo lũ sư tử.

Chúng không nghe lời.

Anh biết rõ thiết kế của căn buồng. Chỉ cần phát ra mệnh lệnh trong đầu là lập tức nó được thực hiện ngay.

- Hãy cho xuất hiện Aladanh và cây đèn thần. - Anh ra lệnh.

Vẫn chỉ có sa mạc và những con sư tử ấy.

- Nào căn buồng, hãy thực hiện mệnh lệnh đi! Tôi cần Aladanh.

Không một phản ứng nào. Những con sư tử vẫn nhai xương rau rầu.

- Aladanh!

Anh quay về phòng ăn.

- Căn buồng chó chết, - anh nói, - bị hỏng rồi. Nó không nghe lệnh nữa.

- Hay là...

- Hay là cái gì?

- Hay nó không thể nghe lời. - Lydia đáp. - Đã mấy ngày nay bọn trẻ toàn nghĩ đến châu Phi, sư tử và giết người, nên làm cho căn buồng bị kẹt vào chỉ một kênh thôi.

- Cũng có thể.

- Hay thằng Peter bắt nó phải kẹt vào đấy?

- Bắt kẹt ấy à?

- Nó mở máy ra và nhét cái gì vào đấy.

- Thằng Peter không nắm được kết cấu của căn buồng.

- Với một đứa trẻ mười tuổi nó hoàn toàn không ngu đâu.
Chỉ số thông minh của nó...

- Dù sao...

- Chào mẹ! Chào bố!

Hai vợ chồng quay lại. Vendi và Peter đã bước vào phòng khách: đôi má chúng là kẹo bạc hà, mắt là những viên bi màu xanh ngọc, từ những bộ quần áo bốc ra mùi ôzôn mà chúng bơi trong đó lúc bay trên trục thẳng.

- Các con về vừa đúng lúc ăn tối. - Hai bố mẹ cùng nói một lúc.

- Chúng con đã ăn xúc xích và kem dâu rồi. - Mấy đứa trẻ vung tay đáp. - Nhưng chúng con sẽ ngồi cùng với bố mẹ.

- Đây đây, đi lại đây, các con hãy kể về cái phòng trẻ đi. - George gọi chúng.

Hai anh em ngạc nhiên nhìn bố, rồi quay sang nhìn nhau.

- Phòng trẻ ấy ạ?

- Hay kể về châu Phi và những chuyện khác. - Bố chúng nói tiếp, cố làm vẻ thật thà.

- Con không hiểu. - Peter nói.

- Bố và mẹ vừa làm một chuyến du lịch ở châu Phi. Tom Swift và sư tử điện. - George cười khẩy.

- Không có châu Phi nào trong phòng trẻ cả. - Peter cãi lại với giọng vô tội.

- Thôi đi, Peter, bố mẹ biết cả rồi.

- Con không nghĩ về châu Phi, - Peter quay sang Vendi - còn em?

- Em cũng thế.

- Thôi nào, em hãy chạy đi kiểm tra đi rồi nói cho bố mẹ biết.

Cô bé vâng lời anh.

- Vendi, quay lại! - George kêu to, nhưng cô bé đã chạy đi.

Ánh sáng tiến chân cô, tựa như một đàn đom đóm. George đã quá muộn khi nghĩ ra rằng anh quên khóa cửa phòng trẻ.

- Vendi sẽ đến đó xem rồi sẽ kể cho chúng ta. - Peter nói.

- Việc gì phải kể, khi chính bố đã nhìn thấy?

- Con tin là bố đã nhầm.

- Bố không nhầm. Nào, ta cùng đi vậy.

Cả mấy người cùng đi dọc theo hành lang rồi mở cửa phòng trẻ.

Một khu rừng xanh kì diệu, một dòng sông kì diệu, một dãy núi màu tím, một giọng hát du dương, ngôi vắt vẻo trên cây là một nàng tiên cá đẹp mê hồn và bí ẩn, trên mái tóc dài buông xõa của nàng có những con bướm nhiều màu sắc đang đậu. Không hề có hoang mạc châu Phi và sự tử. Chỉ có nàng tiên cá đang cất tiếng hát mê hồn khiến người ta bất giác phải chảy nước mắt.

George chăm chú ngắm nghía bức tranh mới.

- Các con đi ngủ đi. - Anh bảo mấy đứa trẻ.

Chúng há hốc mồm.

- Các con nghe thấy không?

Chúng chui vào khoang từ tính rồi bay đi như những chiếc lá khô, về phòng ngủ của chúng.

George đi qua khoảng trống đầy nắng và nhặt được cái gì ở góc phòng, gần nơi lũ sư tử đứng ban nãy. Sau đó anh chậm rãi quay về chỗ vợ.

- Tay anh có cái gì đấy? - Chị hỏi.

- Cái ví cũ của anh. - Anh đáp và chìa cái ví cho vợ xem.

Từ cái ví bốc lên mùi cỏ khô và mùi sư tử. Trên ví còn có cả những vết nước bọt, vết răng và cả hai mặt đều có vết máu.

Anh đóng cửa phòng trở lại rồi khóa thật kĩ. Đến nửa đêm George vẫn chưa ngủ, và anh biết vợ anh cũng không ngủ.

- Anh nghĩ là con Vendi đã bật máy chuyển kênh? - Cuối cùng có tiếng vợ anh hỏi trong bóng tối.

- Tất nhiên.

- Nó đã biến khu hoang mạc thành rừng và gọi nàng tiên cá vào thế chỗ con sư tử?

- Phải.

- Nhưng để làm gì?

- Anh không biết. Chừng nào anh chưa điều tra được thì căn phòng sẽ bị khóa.

- Cái ví của anh làm sao lại rơi vào đấy được nhỉ?

- Anh không biết, - anh đáp, - anh không biết gì cả. Anh chỉ có thể nói một điều: anh đã bắt đầu thấy ân hận khi mua cho bọn trẻ căn phòng này. Chưa có căn phòng bọn trẻ đã căng thẳng thần kinh rồi. Bây giờ lại thêm căn phòng này nữa.

- Nhưng căn phòng này chính là để cho bọn trẻ bớt căng thẳng thần kinh.

- Ôi, giá được như vậy... - Anh ngược nhìn lên trần nhà.

- Chúng ta đã cho bọn trẻ tất cả những gì chúng yêu cầu. Và để đáp lại chúng ta nhận được sự không nghe lời, và thiếu tự tin.

- Ai đã nói thế này: “Trẻ con - đó là tấm thảm, đôi khi phải giẫm lên nó”?... Chưa lần nào chúng ta giơ tay đánh chúng. Nói thật, chúng bắt đầu làm anh không chịu nổi. Chúng muốn đi lúc nào thì đi, về lúc nào thì về, chúng cư xử với anh và em như chúng ta là con cái của chúng. Chúng ta làm hại chúng, và chúng làm hư chúng ta.

- Chúng bắt đầu trở nên độc ác, - anh nhớ không, khoảng hai, ba tháng trước đây, - đúng từ lúc anh cấm chúng bay bằng hỏa tiễn đến New York.

- Anh đã giải thích cho chúng hiểu là chúng còn quá bé để làm một cuộc du lịch như vậy.

- Anh đã giải thích, còn em thì nhìn thấy, kể từ hôm đó chúng bắt đầu đối xử tệ hơn với chúng ta.

- Anh sẽ làm thế này: ngày mai anh sẽ mời ông David Maklin tới và đề nghị ông ta xem cái châu Phi này.

- Nhưng có còn châu Phi đâu, bây giờ ở đó là vịnh và nàng tiên cá.

- Anh nghĩ rằng đến lúc đó sẽ lại là châu Phi...

Một lát sau họ nghe thấy những tiếng kêu. Một... hai... Phía dưới có hai người kêu. Sau đó là tiếng gầm gừ của sư tử.

- Vendi và Peter không ngủ. - Vợ anh bảo.

- Phải. - Anh đáp. - Chúng đã lên vào được phòng trẻ rồi.

- Những tiếng kêu này... chúng làm em nhớ lại một chuyện.

- Thật không?

- Phải, em sợ lắm.

Và mặc dù những cái giường đã cố hết sức, nhưng cả tiếng đồng hồ sau đó chúng vẫn không thể nào ru ngủ được vợ chồng George. Trong không khí ban đêm phảng phất mùi những con mèo.

*

- Bố. - Peter nói.

- Cái gì?

Peter ngấm những mũi giày của mình. Từ lâu cậu đã tránh không nhìn vào mắt bố, cũng như không nhìn vào mắt mẹ.

- Bố định khóa vĩnh viễn cái phòng trẻ à?

- Điều đó còn phụ thuộc vào...

- Phụ thuộc vào cái gì ạ?... - Peter xằng giọng hỏi.

- Vào con và em gái con. Nếu các con không quá mê mẩn với cái sa mạc châu Phi, nếu các con chuyển sang các cảnh khác... Chẳng hạn như Thụy Điển, hay Đan Mạch, hay Trung Quốc...

- Con nghĩ là chúng con có quyền chơi cái gì mà chúng con thích.

- Tất nhiên, nhưng phải trong giới hạn hợp lí.

- Nhưng châu Phi có gì xấu hả bố?

- Vậy là cuối cùng con đã thú nhận rằng con đã gọi cảnh châu Phi!

- Con không muốn bố khóa cửa phòng trẻ. - Peter nói. - Không bao giờ.

- Vậy thì bố xin báo với con, nói chung bố mẹ đang dự tính rời khỏi căn nhà này độ một tháng. Chúng ta sẽ thử sống theo nguyên tắc vàng: "Mỗi người tự mình làm mọi việc".

- Kinh khủng! Nghĩa là con sẽ phải tự buộc dây giày lấy, không được sử dụng máy buộc dây giày? Con phải tự đánh răng, rửa mặt, tự mặc quần áo?

- Thế con không cảm thấy cuộc sống như vậy sẽ đa dạng và thú vị hơn sao?

- Thật là ghê tởm! Con hoàn toàn chẳng thích bố cắt cái máy họa sĩ tự động đi.

- Nhưng bố muốn con học vẽ lấy, con trai của bố ạ.

- Để làm gì ạ? Được xem, được nghe, được ngủ, thế là đủ rồi. Tất cả những công việc khác chẳng có ý nghĩa gì cả.

- Thôi được, con cứ vào và chơi với châu Phi đi.
- Nhưng bố đã quyết định tắt toàn bộ ngôi nhà đi kia mà?
- Chúng ta đã nghĩ đến chuyện đó.
- Con khuyên bố hãy suy nghĩ thêm một lần nữa.
- Thôi nào, con trai, đừng có mà dọa bố!
- Tuyệt lắm. - Nói rồi Peter đi vào phòng trẻ.

*

- Tôi đến không muộn chứ? - David hỏi.
- Anh ăn sáng với chúng tôi nhé. - George đề nghị.
- Cám ơn, tôi ăn rồi. Nào, có chuyện gì nào?
- David, anh có hiểu biết về tâm lí con người không?
- Cũng đôi chút.
- Vậy phiền anh kiểm tra giúp tôi cái phòng trẻ. Cách đây một năm, anh đã có lần vào đấy - lúc đó anh có nhận thấy cái gì đặc biệt không?
- Hình như không. Những biểu hiện thông thường của tính hiếu chiến, thỉnh thoảng lại có biểu hiện tính phản kháng vốn có của những đứa trẻ, cho rằng chúng luôn bị bố mẹ theo dõi. Nhưng quả thật hoàn toàn không có gì nghiêm trọng cả.

Hai người bước ra ngoài hành lang.

- Tôi đã khóa trái phòng trẻ lại rồi, - người bố của gia đình nói, - nhưng ban đêm bọn trẻ vẫn lẻn vào được. Tôi không muốn can thiệp, cốt để anh có thể quan sát những mưu mẹo của chúng.

Từ phòng trẻ vọng ra những tiếng kêu thất thanh.

- Đấy, đấy. - George nói. - Tôi muốn biết xem anh sẽ nói gì?

Hai người bước vào không gõ cửa.

Những tiếng kêu đã im bật, những con sư tử đang nhai cái gì đó.

- Thôi nào, các con, hãy ra ngoài vườn chơi đi. - George ra lệnh. - Đừng, đừng, đừng thay đổi cái gì cả, cứ để mấy bức tường nguyên như thế. Đi đi!

Khi chỉ còn lại một mình, hai người đàn ông bắt đầu chăm chú quan sát những con sư tử đang tụm lại ở một góc xa, nhai ngẫu nhiên con mồi của chúng...

- Tôi muốn biết đó là cái gì? - George nói. - Đôi lúc tôi có cảm tưởng như mình đang nhìn thấy... Hay là tôi mang cái ống nhòm loại mạnh đến đây nhé?

David nhếch mép cười mỉa mai.

- Không ích gì đâu. - Ông bắt đầu quan sát lần lượt cả bốn bức tường. - Chuyện này kéo dài đã lâu chưa?

- Hơn tháng nay rồi.

- Phải, cảm giác không lấy gì làm thú vị lắm.

- Tôi cần các sự kiện, chứ không phải cảm xúc.

- Anh George thân mến ơi, hãy tìm cho tôi một chuyên gia tâm thần học, người có thể dựa vào dù chỉ một hiện tượng thôi. Người đó sẽ nghe thấy cái mà người ta thông báo cho anh ta biết về những cảm xúc, có nghĩa là một cái gì đó hết sức mơ hồ. Vì vậy tôi nhắc lại: chuyện này gây ra một ấn tượng nặng nề.

Hãy tin ở bản năng và linh cảm của tôi. Tôi luôn luôn cảm thấy trước khi nào tai họa sắp đến gần. Ở đây có ẩn chứa chuyện gì rất tồi tệ. Tôi khuyên anh nên tắt cái phòng chết tiệt này ít nhất là một năm, và hàng ngày đưa mấy đứa trẻ đến nhà tôi để kiểm tra.

- Chẳng lẽ nghiêm trọng đến mức đó sao?

- Tôi sợ là như vậy. Thoạt đầu những phòng trẻ như thế này được nghĩ ra chính là để cho các bác sĩ chúng tôi không cần khảo sát, mà chỉ qua các hình tượng nảy sinh ở đứa trẻ, có thể nghiên cứu tâm lí và giáo dục chúng. Nhưng trong trường hợp này, cái phòng trẻ thay vì làm nhiệm vụ tránh cho đứa trẻ khỏi những thiên hướng phá phách, lại đi phát triển những thiên hướng ấy.

- Anh đã biết trước chuyện này rồi à?

- Tôi chỉ biết một điều là anh nuôi chiều mấy đứa con anh hơn những ông bố khác. Và bây giờ anh bắt đầu xiết lại. Cái gì đã xảy ra?

- Tôi đã không cho chúng đi New York.

- Còn gì nữa?

- Tôi đã cho mang đi mấy cái máy tự động, và cách đây một tháng tôi có dọa sẽ khóa cửa phòng trẻ lại nếu chúng không chịu làm bài. Quả thật tôi đã khóa nó mấy ngày, để chúng biết là tôi không nói đùa.

- Thế đấy.

- Điều đó có giải thích cho anh được điều gì không?

- Tất cả. Anh đã thay công việc giảng sinh bằng một con ngoáo ộp. Trẻ con thích làm những công việc giảng sinh. Đứa trẻ không thể sống thiếu tình cảm quyến luyến. Anh và vợ anh đã để cho cái phòng này, căn nhà này chiếm chỗ của anh chị trong trái tim bọn trẻ. Phòng trẻ trở thành bố và mẹ của chúng, thành một cái gì đối với chúng còn quan trọng hơn nhiều so với anh chị. Bây giờ anh lại muốn khóa trái nó lại. Không có gì ngạc nhiên là anh làm bùng lên sự căm thù của chúng. Đấy - thậm chí bầu trời cũng tỏa ra ánh sáng đỏ. Cả mặt trời nữa. George, anh phải thay đổi cách sống. Cũng như nhiều gia đình khác - quá nhiều là đằng khác - anh chị đã coi tiện nghi là điều chủ yếu. Nếu ngày mai cái bếp tự động bị trục trặc gì, anh chị sẽ chết đói. Anh chị thậm chí không biết tự mình đánh trứng. Nhưng dù sao tôi vẫn khuyên anh chị: hãy tắt tất cả các máy móc đó đi! Hãy bắt đầu cuộc sống mới. Muốn thế cần có thời gian. Không sao, trong vòng một năm anh chị có thể biến những đứa trẻ hư thành những đứa trẻ ngoan. Rồi anh sẽ thấy.

- Làm như vậy liệu có là một đòn quá mạnh giáng vào bọn trẻ không - dùng một cái khóa vĩnh viễn phòng trẻ lại?

- Tôi không muốn để tình trạng này đi quá xa, anh hiểu không?

Những con sư tử đã ăn xong bữa tiệc máu của chúng. Chúng ra đứng ở bìa rừng, nhìn chăm chăm vào hai người đàn ông.

- Bây giờ tôi thậm chí cảm thấy mình cũng đang bị theo dõi.
- David nói. - Ta đi ra thôi. Những cái phòng khốn kiếp này chưa bao giờ khiến tôi thấy thích thú. Chúng làm thần kinh tôi căng thẳng.

- Và những con sư tử trông hoàn toàn giống thật, đúng không? - George hỏi. - Anh không cho rằng có khả năng...

- Khả năng gì?

- ... khả năng là chúng có thể trở thành những con sư tử thật?

- Theo tôi là không.

- Ví dụ xảy ra một sai sót nào đó trong kết cấu, một sự thay đổi nào đó trong hệ thống, hay một sự cố nào đó?

- Không, sao anh có thể nghĩ như vậy được?

Hai người tiến ra phía cửa.

- Tôi có cảm tưởng hình như cái phòng này không muốn bị người ta khóa. - George nói.

- Không ai muốn chết cả, thậm chí căn phòng cũng vậy.

- Không biết nó có căm thù tôi vì quyết định này không?

- Mọi cái ở đây đều thấm đẫm tính hiếu chiến, - David nói, - đến mức có thể sờ mó được. Này! - Ông cúi xuống và nhặt lên cái khăn len đầy máu. - Của anh đấy à?

- Không. - Mặt George bỗng tái nhợt. - Đó là khăn của Lydia.

Hai người cùng đi lại bằng điều khiển và xoay núm điều khiển để tiêu diệt cái phòng trẻ.

*

Những đứa trẻ như bị lên cơn điên. Chúng la hét, giậm chân, ném tung các đồ vật trong nhà. Chúng gào lên, khóc nức nở, chửi rủa, chạy như điên khắp phòng.

- Bố không có quyền làm như thế với phòng trẻ! Bố không có quyền!

- Hãy thôi ngay đi!

Chúng chạy bổ về chiếc divăng, mặt đầm nước mắt.

- George. - Lydia nói. - Hãy bật cái phòng trẻ lên vài phút nữa. Không nên dùng một cái tắt ngay như thế.

- Không!

- Như vậy quá tàn nhẫn.

- Lydia, căn phòng đó bị tắt và sẽ bị tắt mãi mãi. Và nói chung đã đến lúc phải đoạn tuyệt với ngôi nhà chết tiệt này. Càng nhìn tất cả những cảnh tượng quỷ quái này bao nhiêu anh càng thấy ghê tởm bấy nhiêu. Chúng ta đã được thưởng thức cái rồn cơ khí điện tử này quá lâu rồi. Thề có Chúa, ta phải thay đổi hoàn cảnh này đi.

Rồi anh đi hết phòng này sang phòng khác, tắt hết những cái đồng hồ biết nói, những tấm lò sưởi, bếp lò, những cái máy đánh giày, máy rửa bát, máy giặt và tất cả những máy móc tự động khác mà anh gặp.

Có cảm tưởng như ngôi nhà tràn ngập những xác chết, còn những chủ nhân của nó thì đang đứng trong một nghĩa địa các máy móc. Im lặng. Đã tắt đi tiếng vo vo của những chiếc máy năng lượng đặt ngấm trong nhà mà chỉ cần ấn một cái là sẵn sàng hoạt động.

- Đừng cho họ làm như vậy! - Peter gào lên, ngửa mặt lên trần nhà như muốn nói với ngôi nhà, với phòng trẻ. - Đừng để

cho bố tôi giết chết tất cả! - Cậu bé quay sang bố. - Con căm thù bố biết chừng nào!

- Con nói những lời lẽ xúc phạm như thế chẳng ăn thua gì đâu.

- Bố chết đi còn hơn!

- Chúng ta là những người đã chết từ lâu rồi! Bây giờ chúng ta bắt đầu sống thực sự. Chúng ta đã quen là đối tượng để cho các máy móc chăm sóc, từ giờ chúng ta sẽ tự mình sống!

Vendi vẫn tiếp tục khóc. Peter tiến đến cạnh cô bé.

- Nào, cho một lát nữa thôi, một phút thôi! Chỉ một phút thôi! - Cả hai đứa cùng gào lên.

- George, - vợ anh bảo, - như thế cũng không hại gì cho chúng đâu.

- Thôi được, thôi được, đừng có hét lên nữa. Chỉ một phút thôi đấy, sau đó bố sẽ tắt tất cả.

- Bố, bố, bố! - Máy đứa trẻ reo cười qua nước mắt.

- Và sau đó là nghỉ hè. Nửa tiếng nữa bác David sẽ quay lại. Bác ấy sẽ giúp chúng ta thu dọn, rồi đưa chúng ta ra sân bay. Bố đi mặc quần áo đây. Lydia, em hãy mở phòng trẻ một phút thôi, em nghe rõ chưa, đúng một phút thôi.

Máy đứa bé cùng vui vẻ ba hoa với mẹ, vội vã đi vào phòng trẻ, còn George, theo cái thang không khí bay lên trên nhà mặc quần áo. Một phút sau Lydia xuất hiện.

- Em sẽ rất sung sướng nếu chúng ta rời bỏ ngôi nhà này. - Chị thở dài.

- Em để chúng lại một mình trong phòng trẻ à?

- Em cũng phải đi mặc quần áo. Ôi, cái châu Phi khủng khiếp. Không biết chúng thấy gì ở đây kia chứ?...

- Không sao, năm phút nữa chúng ta sẽ đang trên đường tới Iowa. Cái thế lực nào đã đẩy chúng ta vào ngôi nhà này vậy?... Cái gì đã xúi giục chúng ta mua cơn ác mộng này?

- Tính háo danh, tiền bạc và sự ngu xuẩn.

- Thôi, có lẽ ta nên xuống dưới nhà trong khi bọn trẻ chưa quá say mê với cái cảnh tượng khủng khiếp ấy.

Đúng lúc đó họ nghe thấy giọng nói của bọn trẻ.

- Bố ơi, mẹ ơi, xuống đây nhanh lên!

Họ theo thang không khí bay xuống và chạy nhanh theo hành lang. Không tìm thấy bọn trẻ ở đâu cả.

- Vendi, Peter!

Hai người chạy bổ vào phòng trẻ. Trong sa mạc hoang vắng không một bóng người, nếu không kể những con sư tử đang nhìn họ.

- Peter, Vendi!

Cánh cửa đóng sập lại.

George và Lydia chạy vội về phía cửa.

- Mở cửa ra! - George giật giật tay nắm cửa kêu to. - Tại sao con lại khóa nó vào? Peter! - Anh lấy nắm đấm đấm đấm đấm vào cánh cửa. - Mở ra!

Sau cánh cửa nghe thấy giọng nói của Peter:

- Đừng cho họ tắt phòng trẻ và cả ngôi nhà này.

Hai vợ chồng George đập mạnh vào cửa.

- Các con làm trò ngu ngốc gì thế này! Đã đến giờ chúng ta phải đi rồi. Bác David đến bây giờ...

Đúng lúc họ nghe thấy...

Những con sư tử đang rình mò trong những đám cỏ vàng úa, tiếng lao xao của cỏ khô dưới chân chúng, tiếng nuốt nước bọt của chúng.

Những con sư tử.

George nhìn vợ, sau đó họ cùng quay lại nhìn những con thú đang chậm rãi trườn mình sát mặt đất từ từ tiến lại phía họ.

Hai vợ chồng George hét lên.

Bỗng họ hiểu ra tại sao những tiếng kêu họ vừa nghe ban nãy lại thấy quen thuộc như thế.

*

- Tôi đến đây. - David đứng ở ngưỡng cửa phòng trẻ nói. - Ô, xin chào!

Anh ngạc nhiên nhìn Peter và Vendi, còn hai cô cậu đang ngồi giữa bãi cỏ trống trong rừng, nhai những chiếc bánh kẹp thịt, cạnh đó là cái hồ nước, còn trên đầu chúng là mặt trời nóng bỏng. Trán anh toát mồ hôi.

- Thế bố mẹ các cháu đâu?

Hai đứa trẻ quay sang nhìn anh cười.

- Họ sắp đến bây giờ.

- Tốt lắm, đã đến lúc chúng ta phải đi rồi.

Ông David nhận thấy ở đằng xa những con sư tử - lúc đầu chúng đánh nhau như để tranh giành cái gì, sau đó ngúi đi và nằm xuống bóng râm với miếng mồi của mình.

Giơ lòng bàn tay lên che nắng, anh quan sát kĩ hơn.

Một bóng đen gì đó lướt qua khuôn mặt nóng bừng của David. Sau đó có nhiều bóng đen nữa.

Từ bầu trời chói chang nắng những con chim ăn xác thối sà xuống.

- Bác uống một tách trà nhé? - Trong cảnh im lặng vang lên giọng nói của Vendi.

THÁI HÀ *dịch*

CHẤT LÀM GỈ

RAY BRADBURY (Mĩ)

- **N**gồi xuống đi, anh bạn trẻ, - viên đại tá nói.

- Cảm ơn đại tá, - người vừa bước vào nói.

- Tôi có nghe một số chuyện về anh, - đại tá nói với giọng thân tình, - thực ra, không có gì đặc biệt lắm. Nghe nói anh bị căng thẳng thần kinh và làm việc gì cũng không thành. Tôi đã nghe được chuyện này từ cách đây vài tháng và bây giờ quyết định mời anh đến để nói chuyện. Tôi cũng đã nghĩ đến chuyện thuyết phục anh đi nơi khác, không biết anh có muốn hay không. Có thể, anh muốn sang bên kia đại dương và phục vụ trong một quân đoàn nào đó thật xa chẳng? Làm việc ở văn phòng có lẽ anh đã thấy chán? Có thể anh muốn ra mặt trận?

- Có lẽ không? - Viên trung sĩ trẻ đáp.

- Vậy thì, thực sự anh muốn gì?

Anh trung sĩ nhún vai, đưa mắt nhìn hai bàn tay mình.

- Tôi muốn sống không có chiến tranh. Tôi muốn biết làm cách nào đó để trong một đêm những cỗ đại bác trên toàn thế giới biến thành sắt gỉ, những vi khuẩn trong ruột các quả bom trở thành vô hại, những chiếc xe tăng bỗng đổ rụi, chui qua mặt đường nhựa, và giống như những con quái vật thời tiền sử, chúng nằm im trong các hố có lấp đầy nhựa đường. Đó, mơ ước của tôi là như vậy đó.

- Đó là mơ ước tự nhiên của mỗi người trong chúng ta, - đại tá nói. - Nhưng lúc này hãy dẹp những câu chuyện lí tưởng này sang một bên, và hãy nói cho chúng tôi biết, chúng tôi phải gửi anh đi đâu. Anh có thể lựa chọn hoặc là quân đoàn phía tây, hoặc là quân đoàn phía bắc. - Ông gõ gõ ngón tay lên tấm bản đồ đang trải trên bàn.

Viện trung sĩ vẫn tiếp tục nói, giơ hai bàn tay lên và ngắm nhìn những ngón tay:

- Các vị chỉ huy các ông sẽ làm gì, những người lính chúng tôi sẽ làm gì, cả thế giới sẽ làm gì nếu như sáng mai khi thức dậy, bao nhiêu khẩu đại bác đều trở nên vô dụng?

Đến lúc này thì đại tá mới hiểu rằng cần thận trọng khi nói chuyện với anh chàng trung sĩ này. Ông bình tĩnh mỉm cười.

- Đó là vấn đề rất thú vị. Tôi thích tranh luận về những học thuyết như vậy. Theo tôi, khi đó sẽ xảy ra một sự hoang mang thực sự. Dân tộc nào cũng tưởng rằng trên cả thế giới chỉ có mình mình là không còn vũ khí, và sẽ kết tội các kẻ thù của nó về điều bất hạnh ấy. Sẽ diễn ra các cuộc tự sát tập thể, các cổ phiếu lập tức sụt giá, bao nhiêu bi kịch sẽ xảy ra.

- Và sau đó? - Trung sĩ hỏi. - Sau đó, khi mọi người hiểu ra đó là sự thật, rằng không một ai có thứ vũ khí nào nữa, rằng không cần phải sợ ai nữa, rằng tất cả chúng ta đều bình đẳng và có thể bắt đầu cuộc sống mới... Khi đó điều gì sẽ xảy ra?

- Lúc đó mọi người lại bắt đầu lao vào chạy đua vũ trang thật nhanh.

- Nhưng nếu có thể ngăn cản họ làm việc ấy?

- Thì họ sẽ quay sang đánh nhau bằng chân tay. Tại các biên giới sẽ tập trung từng đám đông, ai nấy đều đeo găng đấm bốc với lõi bằng thép; nếu tháo đi của họ đôi găng, họ sẽ quay sang dùng móng tay, dùng chân, dùng răng. Nếu lại cấm họ cả những thứ đó thì họ sẽ nhổ nước bọt vào mặt nhau. Còn nếu đi cắt lưới và khóa mồm họ lại, họ sẽ làm cho bầu không khí tràn ngập sự căm thù đến nỗi những con chim phải rơi từ những cột dây điện thoại xuống mà chết, bao nhiêu ruồi muỗi đều rơi lả tả xuống đất.

- Nghĩa là, đại tá cho rằng, nói chung việc đó chẳng có ý nghĩa gì cả? - Trung sĩ hỏi.

- Tất nhiên! Vì điều đó chẳng khác nào việc moi con rùa ra khỏi cái mai của nó. Nền văn minh sẽ tắt thở và chết vì bị sốc!

Chàng trung sĩ trẻ lắc đầu.

- Chẳng qua đại tá muốn tự thuyết phục mình và thuyết phục cả tôi, vì công việc của các vị ở đây quá yên ổn và thuận tiện.

- Thậm chí cứ cho rằng điều đó chín mươi phần trăm là dễ tiện và chỉ có mười phần trăm là tỉnh táo. Anh hãy dẹp ý tưởng về chất làm hoen gỉ và quên ngay nó đi.

Trung sĩ ngẩng phắt đầu dậy.

- Làm sao đại tá biết tôi có cái ý tưởng ấy?

- Anh có ý tưởng gì?

- Thì cái học thuyết về chất hoen gỉ ấy!

- Anh đang nói về cái gì vậy?

- Đại tá biết rằng tôi có thể làm chuyện đó. Nếu như muốn, tôi có thể bắt đầu ngay từ hôm nay.

Đại tá cười phá.

- Tôi nghĩ là trung sĩ nói đùa phải không?

- Không, tôi nói hoàn toàn nghiêm túc đấy. Đã lâu tôi muốn nói chuyện với đại tá. Tôi rất mừng khi chính đại tá đã cho gọi tôi đến! Tôi nghiên cứu cái phát minh này đã lâu. Tôi đã mơ ước về nó từ nhiều năm nay. Phát minh này dựa trên cơ sở cấu trúc của các nguyên tử xác định. Nếu như đại tá nghiên cứu chúng, đại tá hẳn biết rằng các nguyên tử của loại thép vũ khí được sắp đặt theo một trật tự nhất định. Tôi đi tìm một nhân tố nào đó có khả năng phá hủy sự cân bằng của chúng. Có lẽ đại tá biết là tôi nghiên cứu vật lý và luyện kim... Trong đầu tôi nảy ra ý nghĩ là trong khí quyển bao giờ cũng có chất gây ra sự hoen gỉ: đó là hơi nước. Cần tìm ra phương pháp nào đó để gây ra ở thép một hiệu ứng “sốc thần kinh”. Khi đó hơi nước sẽ tự làm công việc của nó. Tất nhiên, tôi muốn nói đến không phải bất cứ đồ vật bằng thép nào. Nền văn minh của chúng ta dựa trên sắt thép, và đa số các sản phẩm thép tôi không muốn phá hủy. Tôi chỉ muốn vô hiệu hóa các cỗ đại bác, các loại súng, đạn, xe tăng, máy bay chiến đấu, tàu chiến... Nếu cần, tôi có thể bắt thiết bị của tôi tác động lên cả đồng, nhôm. Chỉ cần đi ngang qua bất kì loại vũ khí nào là tôi có thể bắt nó tan vụn ra thành bụi ngay.

Đại tá cúi thấp người và ngó nhìn trung sĩ một lúc. Sau đó ông rút trong túi ra chiếc bút máy làm bằng vỏ đạn và bắt đầu viết vào tờ phiếu.

- Tôi muốn sau bữa trưa nay anh đến gặp bác sĩ Matthew để ông ta khám cho anh. Tôi không muốn nói là anh bị ốm nặng, nhưng tôi cảm thấy anh cần có sự giúp đỡ của bác sĩ.

- Đại tá hẳn nghĩ rằng tôi đánh lừa đại tá, - trung sĩ nói. - Không, tôi nói thật đấy. Các thiết bị của tôi nhỏ đến nỗi có thể nhét vừa trong bao diêm. Tầm hoạt động của nó là chín trăm dặm. Tôi có thể điều chỉnh nó cho bất cứ loại thép nào và trong vài ngày đi khắp châu Mỹ. Những quốc gia khác không thể sử dụng thiết bị này, vì tôi sẽ hủy diệt ngay bất cứ phương tiện kỹ thuật nào chống lại chúng ta. Sau đó tôi sẽ sang châu Âu. Trong vòng một tháng tôi sẽ làm cho cả thế giới tránh được thảm họa chiến tranh. Tôi không biết chính xác làm cách nào tôi đã thành công với phát minh này. Thật không tin nổi. Tựa như người ta đã từng không tin có bom nguyên tử. Cả tháng nay tôi chờ đợi và suy nghĩ. Tôi còn nghĩ đến cả chuyện điều gì sẽ xảy ra khi người ta moi con rùa ra khỏi cái mai của nó, như hình ảnh đại tá vừa nêu. Còn bây giờ tôi đã quyết định rồi. Cuộc nói chuyện hôm nay với đại tá đã giúp tôi làm sáng tỏ tất cả những gì tôi cần. Ngày xưa không ai hình dung được những chiếc máy bay, không ai nghĩ rằng nguyên tử có thể trở thành thứ vũ khí hủy diệt, và nhiều người nghi ngờ rằng đến lúc nào đó hòa bình sẽ được khôi phục trên trái đất này. Nhưng hòa bình sẽ được tái lập, tôi cam đoan với đại tá như vậy.

- Anh hãy đưa cái phiếu này cho bác sĩ Matthew, - đại tá nói nhấn mạnh từng chữ.

Viên trung sĩ đứng dậy.

- Nghĩa là, đại tá không chuyển tôi đến quân đoàn khác?

- Không, tạm thời thì chưa. Hãy để bác sĩ Matthew quyết định.

- Tôi đã quyết định rồi, - viên trung sĩ trẻ nói. - Một phút nữa tôi sẽ rời doanh trại. Tôi đang nghỉ phép. Cám ơn đại tá đã dành cho tôi nhiều thời gian quý báu như vậy.

- Trung sĩ này, anh đừng để tâm đến chuyện hôm nay. Anh không cần phải đi. Sẽ không có ai làm anh giận đâu.

- Đúng thế, vì không có ai tin tôi cả. Tạm biệt đại tá. - Trung sĩ mở cửa văn phòng và bước ra.

Cánh cửa đóng lại, chỉ còn lại một mình đại tá. Chừng một phút đại tá đứng trong tâm trạng do dự. Sau đó ông thở dài đưa bàn tay lau mặt.

Có tiếng chuông điện thoại reo. Đại tá lơ đãng cầm ống nghe. - À, ông đây à, bác sĩ? Tôi muốn trao đổi với ông. Phải, tôi đã gửi anh ấy đến chỗ ông. Ông hãy kiểm tra xem anh ta bị làm sao, vì sao anh ta lại có biểu hiện như vậy. Ông nghĩ thế nào, hả bác sĩ? Có lẽ anh ta cần được nghỉ ngơi đôi chút, anh ta có những ảo tưởng thật kì quặc. Phải, phải, không thú vị chút nào. Theo tôi, mười sáu năm chiến tranh đã tác động đến anh ta.

Giọng trong điện thoại trả lời ông. Đại tá nghe và gật gật đầu.

- Chờ một phút, để tôi ghi lại... - Ông tìm cái bút máy của mình. - Xin ông cứ giữ máy chờ tôi nhé. Tôi đang tìm cái này...

Ông sờ các túi áo.

- Chiếc bút vừa ở đây mà. Khoan đã...

Ông đặt tạm ống nói sang một bên, nhìn khắp mặt bàn, rồi xem trong ngăn kéo. Sau đó ông đứng chết lặng. Ông từ từ thò tay vào trong túi và lần tìm trong đó. Hai ngón tay ông lôi ra một dúm bột gì đó. Một ít chất vụn gỉ màu đỏ vàng rơi lả tả xuống tờ giấy thấm.

Đại tá ngồi im lặng nhìn trần trần phía trước một lúc.

Sau đó ông cầm lấy máy điện thoại.

- Matthew, - ông nói. - Anh hãy đặt máy điện thoại xuống. - Ông nghe thấy tiếng “cách” và bắt đầu quay số khác. - Alô, lính gác đâu? Có một người mà chắc anh cũng biết, tên là Hollis, bất cứ lúc nào cũng có thể đi qua chỗ anh. Hãy giữ anh ta lại. Nếu cần, hãy bắn anh ta. Không phải hỏi han gì cả, hãy giết cái thằng vô lại ấy đi, hiểu chưa? Đại tá đây. Phải, hãy giết hắn ta... anh nghe rõ không?

- Nhưng... xin lỗi... - Từ đầu dây bên kia có giọng kinh ngạc phản đối. - Tôi không thể...!

- Anh muốn nói gì vậy, quỷ tha ma bắt anh đi! Tại sao lại không thể?

- Tại vì... - Giọng nói đứt quãng. Trong ống điện thoại nghe rõ tiếng thở hổn hển của người lính gác. Đại tá lắc mạnh ống điện thoại.

- Chú ý! Hãy cầm lấy súng!

- Tôi không thể bắn được, - người gác đáp.

Đại tá ngồi phịch xuống ghế, nhắm mắt và thở gấp chừng nửa phút.

Ông không nhìn thấy và không nghe thấy gì, nhưng ông biết rằng ở đó, phía sau những bức tường này, những chiếc *hãngga*, những khẩu súng đang biến thành vụn sắt gỉ màu vàng, những chiếc máy bay thì tan vụn ra thành đám bụi màu xám bị gió cuốn đi bay lả tả, những chiếc xe tăng từ từ chìm vào lớp nhựa đường nóng chảy, như những con quái vật thời tiền sử một thời bị rơi vào những cái hố nhựa đường, đúng như lời viên trung sĩ trẻ nói lúc nãy. Những chiếc xe tải biến thành những đám mây màu da cam, chỉ còn lại những chiếc lốp cao su lăn đi một cách vô định trên mặt đường.

- Thưa ngài... - Viên lính gác nhìn thấy tất cả cảnh tượng đó nói. - Tôi thể với ngài...

- Nghe đây! Hãy nghe tôi nói đây! - Đại tá hét to. - Hãy đi theo hắn, trói tay hắn lại, bóp cổ cho hắn chết, đâm vào mặt hắn, lấy chân đá vào hắn, đánh hắn cho đến chết, nhưng anh phải giữ được hắn lại! Tôi sẽ đến chỗ anh ngay bây giờ! - Nói rồi ông quăng ống nghe xuống. Theo thói quen, ông kéo chiếc ngăn kéo cuối cùng ra để lấy súng lục. Cái bao da màu nâu đầy vụn sắt gỉ. Ông văng tục một câu và nhảy tránh xa cái bàn.

Trong lúc chạy qua văn phòng ông vớ được một cái ghế tựa. “Bằng gỗ, - ông chợt nghĩ. - Một loại gỗ lim rất chắc”. Ông đập cái ghế vào tường hai lần làm nó long ra. Sau đó ông cầm lấy một cái chân ghế, nắm chặt trong tay. Mặt ông tím lại vì tức giận, mồm há rộng để hít không khí. Để thử, ông cầm chân ghế đập mạnh một cái vào tay mình.

- Được đây, mẹ kiếp! - Ông hét to.

Vừa gào lên như điên, ông vừa chạy ra ngoài và đóng sập cửa lại.

THÁI HÀ *dịch*

SẤM RẼN

RAY BRADBURY (Mĩ)

Tấm bảng hiệu trên tường dường như chao đảo, rung rinh. Mi mắt giần giật, Eckels nhìn chòng chọc vào hàng chữ:

DỊCH VỤ SĂN THÚ NGƯỢC THỜI GIAN TỔ CHỨC CHO BẠN
NHỮNG CHUYẾN SĂN VÀO BẤT KỲ NĂM NÀO TRONG QUÁ
KHỨ SĂN BẤT KỲ LOẠI THÚ NÀO BẠN MUỐN

Một cục đờm nghẹn lại nơi cuống họng Eckels; anh cố nuốt cho nó trôi xuống. Những cơ bắp quanh miệng anh căng ra thành một nụ cười khi anh chậm chạp đưa tay lên ra hiệu với người đàn ông đang ngồi sau quầy; trong bàn tay Eckels là tấm chi phiếu mười ngàn đôla.

- Dịch vụ có bảo đảm là sau chuyến săn tôi sẽ trở về hiện tại an toàn chứ?

- Chúng tôi không bảo đảm gì hết, ngoại trừ những con khủng long. - Gã nhân viên trả lời Eckels rồi giới thiệu anh với người bên cạnh. - Ông ta sẽ cho anh biết phải bắn cái gì và bắn vào đâu. Nếu ông ấy bảo không bắn là tuyệt đối không bắn. Trong trường hợp anh không tuân theo sự hướng dẫn thì anh phải chịu thêm khoản tiền phạt mười nghìn đôla nữa khi anh trở về, có khả năng còn bị truy tố trước pháp luật là khác.

Eckels đưa mắt về cuối cái văn phòng rộng mênh mông này nhìn vào một khối chằng chịt nào là dây điện ngoằn ngoèo, nào

là những hộp thép lĩnh kính, lại thêm một vầng sáng từ đó tỏa ra lập lòe lúc đỏ, lúc bạc, lúc xanh. Cũng từ mớ bong bóng ấy vẳng đến tai anh một âm thanh giống như tiếng một bếp lửa khổng lồ thiêu cháy mọi thời đại, mọi tháng năm, mọi niên lịch, bao nhiêu giờ khắc tự thiên thu đều được chồng chất và châm lửa đốt sạch.

Chỉ cần một cái chạm tay thì ngay lập tức cả khối lửa mênh mông ấy sẽ tự nó đảo ngược một cách tuyệt diệu. Những tháng năm xa xưa, những tháng năm tươi trẻ vụt hiện ra những con rồng thần thoại hồi sinh từ tro tàn, từ than bụi; hương hoa hồng sẽ đượm ngát không gian, mái tóc bạc sẽ đổi màu đen bóng, những nếp nhăn tan biến; tất cả đều trở về ngay từ nguồn cội, trốn thoát cái chết, lao vọt lại khởi thủy, những mặt trời sẽ mọc trên những bầu trời phương tây và lặn xuống bên phía những trời đông lộng lẫy, mọi vật bao bọc lấy nhau lớp lớp, trùng trùng, cùng quay về với cái chết tươi nguyên, cái chết cội nguồn, cái chết xanh non, cùng quay về thời đại chưa hề có khởi đầu.

- Thật phi thường, Bộ Máy Thời Gian chính hiệu! - Eckels thốt lên, ánh sáng từ Bộ Máy hắt vào khuôn mặt gầy gò của anh. Anh lắc đầu bảo: - Nghĩ mà xem, nếu cuộc bầu cử hôm qua mà có chiều hướng tai hại thì hôm nay mình có lẽ đã chạy trốn những kết quả bầu cử ngay trong lúc này. May mà Keith đã đắc cử. Ông ta sẽ là một vị tổng thống anh minh của đất nước Hoa Kỳ.

- Đúng vậy, thật may mắn cho chúng ta. - Người ngồi sau quầy tán thành. - Tay Deutscher đó mà nắm quyền thì chúng ta sẽ lãnh đủ một ách độc tài kinh khủng nhất. Tay đó là một kẻ

chống đối tất cả mọi thứ trên đời, một tên quân phiệt, chống Ki-Tô, chống nhân bản, chống trí thức. Nói thật chứ không đùa đâu nghe, thiên hạ đã tới tấp gọi điện thoại cho hãng chúng tôi; họ bảo rằng Deustcher mà trở thành tổng thống thì họ chỉ có nước quay ngược về năm 1492 mà sống. Tất nhiên, dịch vụ chúng tôi đâu có tổ chức cho khách hàng những cuộc Đào Tẩu Hiện Tại, mà chỉ tổ chức những Chuyến Săn Quá Khứ thôi. Dù sao thì Keith đã đắc cử tổng thống rồi. Điều đáng cho anh bận tâm lúc này chính là...

- Bắn hạ những con khủng long của tôi. - Eckels tiếp lời gã.

- Một con khủng long loại Tyrannosaurus; một loại quái vật khó tin nhất lịch sử. Hãy ký vào biên nhận này đi. Chúng tôi không chịu trách nhiệm bất cứ chuyện gì xảy ra cho anh. Mấy con khủng long ấy háu đói lắm.

Eckels đỏ bừng mặt tức tối:

- Định dọa tôi đấy hả?

- Thực tình là thế. Chúng tôi không thích bất kỳ du khách nào hoảng hốt ngay phát súng đầu tiên. Năm ngoái, sáu hướng dẫn viên và cả tá du khách bị chết đó. Nhiệm vụ của chúng tôi là tạo cho khách những cảm giác mạnh rùng rợn nhất mà một thợ săn chính cống luôn cần đến. Đưa anh ngược dòng sáu mươi triệu năm để săn loài thú to lớn nhất của mọi Thời Đại mà. Tấm chi phiếu của anh vẫn còn đó. Xé nó đi, nếu sợ.

Eckels nhìn tấm chi phiếu. Mấy ngón tay anh co quắp lại. Người ngồi sau bàn giấy lên tiếng:

- Chúc may mắn. Ông Travis đây sẽ tận tình phục vụ anh.

Cầm súng lên, Eckels theo Travis bước về cuối phòng, về Bộ Máy Thời Gian, về khối kim loại ngời ánh bạc và những ngọn đèn lấp lánh.

*

Ngày rồi đêm, ngày rồi đêm và ngày-đêm-ngày-đêm vùn vụt lướt đi. Một tuần, một tháng, một năm, một thập niên! 2055, 2019, 1999, 1957! Qua mau! Bộ Máy Thời Gian gầm thét.

Họ đội mũ bảo vệ có hệ thống dưỡng khí vào và kiểm tra các bộ phận nội đàm.

Eckels ngồi lắc lư trên ghế đệm, mặt nhợt nhạt, hàm tê cứng. Nhận thấy hai cánh tay mình run bần bật, anh nhìn xuống và bắt gặp hai bàn tay anh đang siết chặt khẩu súng trường. Trong bộ máy này, ngoài anh và Travis ra còn có thêm ba người nữa. Lesperance, phụ tá của Travis, cùng hai vị khách đi săn tên là Billings và Kramer. Tất cả ngồi nhìn nhau trong khi bao tháng năm bốc cháy chung quanh họ.

- Những khẩu súng này có thể bắn gục được khủng long không? - Eckels lên tiếng hỏi.

- Nếu như anh bắn trúng đích. - Tiếng Travis trả lời qua hệ thống radio trong mũ. - Hai phát súng đầu tiên anh phải bắn vào mắt cho nó mù đi, sau đó nhắm bắn ngay bộ não. Một số khủng long có hai bộ não, một trên đầu và một nằm tí dưới cột sống. Gặp mấy con khủng long loại đó kể như xui tận mạng. Tránh xa chúng thì hơn.

Máy Thời Gian gào rú. Thời Gian là một cuốn phim quay ngược. Những mặt trời cuống cuống bỏ trốn và hàng triệu mặt trăng cũng bỏ chạy theo. Mọi tay thợ săn xưa nay chắc là sẽ

ganh tị với chúng ta lắm, Eckels nghĩ thầm. Bộ máy này làm cho những xứ sở và thời điểm xa xôi thu ngắn trong tầm tay.

Bộ máy chậm lại, tiếng rú của nó giảm dần thành một tiếng rì rầm khe khẽ. Bộ máy ngừng hẳn. Mặt trời đứng sững giữa mây xanh. Đám sương mù che phủ bộ máy tan biến đi và nhóm người thấy mình đang đứng giữa một thời đại xa xưa, xa xưa lắm. Travis bảo:

- Lúc này đây, Đấng Ki-tô vẫn chưa ra đời. Thánh Moses vẫn chưa lên non gặp Đức Chúa Trời. Các Kim Tự Tháp vẫn còn là những khối đá chôn sâu trong đất, chưa được đục lìa, chưa được dựng lên. Xin hãy nhớ điều đó. Ngay cả Alexander Đại Đế, cả Caesar, cả Napoleon, cả Hitler, những kẻ ấy không một người nào tồn tại cả.

Eckels gật đầu. Travis vừa vung tay chỉ trỏ, vừa nói tiếp:

- Kia là rừng già của sáu mươi triệu hai nghìn không trăm năm mươi lăm năm trước thời Tổng Thống Keith.

Gã chỉ vào một lối đi bằng kim loại đâm thẳng vào sâu trong chốn hoang vu xanh tươi, băng qua đầm lầy ngập nước, len giữa những hàng dương xỉ và cọ dừa.

- Còn đây là Con Đường, do dịch vụ chúng tôi lắp đặt cho du khách sử dụng. Nó nổi bênh bằng cách mặt đất một thước rưỡi. Không chạm tới một phiến cỏ, một đoá hoa hay một cành cây, nó được làm bằng một thứ kim loại kháng trọng lực nhằm giữ cho quý vị khỏi động chạm đến thế giới của quá khứ này bằng bất kỳ cách nào. Luôn luôn đi theo Con Đường. Đừng bước trệch ra ngoài. Tôi lặp lại. Đừng bước trệch ra ngoài. Vì bất kỳ lý do nào! Nếu như quý ông rơi khỏi con đường này, các ông sẽ

phải nộp tiền phạt đấy. Và không được bắn bất kỳ con thú nào chúng tôi không đồng ý.

- Tại sao vậy? - Eckels hỏi.

Họ ngồi giữa miền hoang dã cổ xưa. Tiếng chim xa xa theo gió vọng về cùng với mùi hắc ín, mùi biển mặn, hương cỏ ướt, và những bông hoa màu huyết dụ.

- Chúng tôi không muốn thay đổi Tương Lai. Chúng tôi và các ông đâu có thuộc về xứ sở này, về Quá Khứ này. Chính phủ cũng không thích chúng tôi đi ngược về đây. Chúng tôi đã phải trả những món tiền kếp xù hối lộ chính phủ để cho dịch vụ chúng tôi được quyền hoạt động. Du hành ngược thời gian là một vấn đề hoàn toàn không đơn giản. Nếu chúng ta vô tình làm chết một con thú quan trọng, một con chim nhỏ, một con gián, hay thậm chí chỉ đóa hoa thôi, thì điều đó rất có thể sẽ hủy diệt cả một mối liên kết quan trọng trong quá trình phát triển giống loài.

- Tôi chưa hiểu rõ lắm. - Eckels nói.

- Thế này nhé, giả sử ở nơi đây chúng ta ngẫu nhiên làm chết một con chuột. Như vậy tức là toàn thể những gia đình tương lai của con chuột đó cũng bị tiêu diệt, đúng chưa?

- Đúng.

- Và toàn thể những gia đình của những gia đình của con chuột duy nhất đó nữa! Chỉ cần một cái giẫm chân, anh đầu tiên hủy diệt một con, rồi đến một tá, rồi cả ngàn, cả triệu, cả tỉ con chuột sẽ không thể ra đời trong tương lai!

- Coi như chúng chết cả, - Eckels nói. - Thế thì sao?

- Thì sao ư? - Travis đáp với vẻ khinh bỉ lạnh lùng. - Hừ, thế thì những con cáo cần đến thịt của những con chuột đó để sống sẽ ra sao? Vì thiếu một con sư tử mà tất cả côn trùng, kền kền, cùng hàng hà sa số những dạng sinh vật khác bị dồn vào trạng thái hỗn loạn và bị tận diệt. Tất cả những điều đó rồi cuộc sẽ đưa đến hiểm họa này: Năm mươi triệu năm sau, một người nguyên thủy - toàn thế giới này chỉ có chừng một tá người nguyên thủy - sẽ đi săn một con lợn rừng hay một con báo rừng kiếm làm thức ăn. Nhưng chính anh, Eckels, đã giẫm chết sạch lợn rừng hay báo ở vùng đó; chỉ vì đã giẫm chết một con chuột duy nhất. Thế là người nguyên thủy ấy chết đói. Và xin anh nhớ cho, người nguyên thủy ấy là cội nguồn cho cả một quốc gia tương lai đấy. Từ hắn sẽ cho ra đời mười người con trai, rồi mười con trai của hắn sẽ cho ra đời trăm người con trai khác, cứ thế mà hình thành cả một nền văn minh. Hủy diệt một con người nguyên thủy là anh hủy diệt cả một chủng tộc, một quốc gia, một lịch sử trọn vẹn của cuộc sống. Một cái giẫm chân của anh lên một con chuột có thể gây nên một trận động đất, những tác động của nó có thể làm lay chuyển cả trái đất và những số phận suốt dòng Thời Gian. Với cái chết của một người nguyên thủy, cả tỉ con người khác chưa sinh ra đã bị bóp chết ngay trong trứng. Có lẽ thành La Mã sẽ không bao giờ vươn cao trên bảy ngọn đồi. Có lẽ Âu Châu sẽ mãi mãi là rừng rậm âm u, và chỉ có mỗi Á Châu là sinh sôi, phát triển. Giẫm lên một con chuột là anh để lại dấu chân mình xuyên suốt vĩnh hằng, có thể Nữ hoàng Elizabeth sẽ không bao giờ chào đời. Washington sẽ không bao giờ vượt sông Delaware, quốc gia Hoa Kỳ sẽ không bao giờ tồn tại. Cho nên phải cẩn thận. Luôn luôn đi trên con đường. Không bao giờ được bước trệch ra!

- Tôi hiểu rồi. Như thế thì chỉ chạm vào một phiến cỏ thôi cũng có thể gây ra một dây chuyền tác động đến tương lai?

- Hoàn toàn đúng. Nghiền nát một loài thực vật nào đó cũng có thể gây ra một chuỗi tác động ghê gớm gấp bội phần sau tám mươi triệu năm nữa, không sao lường trước. Tất nhiên, giả thuyết của chúng tôi có thể là sai lầm. Có thể nói là Thời Gian không thể nào bị đổi thay vì những con người vô nghĩa như chúng ta. Hoặc giả Thời Gian sẽ thay đổi một cách hết sức tinh tế khó nhận ra. Một con chuột chết ở đây biết đâu lại chẳng gây ra một sự mất cân đối của số lượng côn trùng ở nơi khác, một sự phân bố dân số không điều hòa về sau, một sự thất thu kế tiếp, rồi đến một cuộc khủng hoảng kinh tế, một cuộc chết đói hàng loạt, và cuối cùng là một sự thay đổi về bản chất xã hội tại các quốc gia khổng lồ. Sự thay đổi có thể sẽ tinh tế như vậy đấy. Hay còn hơn nữa. Có lẽ chỉ là một hơi thở nhẹ, một tiếng thì thầm, một sợi tóc, một hạt phấn hoa giữa trời, những thay đổi tinh vi đến mức nếu anh không chú tâm quan sát thì sẽ không thấy được. Ai biết được ngày mai? Thật sự có kẻ nào dám nói mình biết không? Chúng tôi không biết. Chúng tôi chỉ ước đoán. Nhưng chừng nào ta còn chưa biết chắc chắn rằng việc chúng ta xen vào Quá Khứ có khả năng gây ra một biến động lớn hay chỉ là một xê xích cỏn con trong lịch sử thì ta vẫn phải thận trọng. Bộ Máy Thời Gian này, Con đường này, y phục du hành của anh, tất cả đều được khử trùng để khỏi làm ô nhiễm bầu khí quyển tiền sử bằng những vi khuẩn hiện đại của chúng ta.

- Thế làm sao tôi biết được mình nên bắn con thú nào?

- Chúng đã được đánh dấu bằng sơn đỏ. - Travis đáp. - Hôm nay, trước chuyến đi này, chúng tôi đã gọi Lesperance dùng Máy Thời Gian trở về từ Quá Khứ. Anh ta trước đó đã đến vùng này theo dõi những con thú đặc trưng.

- Nghiên cứu chúng ư?

- Đúng, - Lesperance lên tiếng, - tôi dò theo dấu chúng suốt toàn bộ lịch sử, lưu ý xem con nào sống lâu nhất, truyền giống được bao nhiêu lần... Cuộc sống của chúng cũng ngắn ngủi lắm. Khi tôi tìm ra một con sẽ chết vì bị cây đè hay vì rơi xuống đầm lầy, tôi liền ghi nhận chính xác giờ, phút, giây nó chết và bắn vào chúng những quả bom sơn. Quả bom sẽ để lại một vết đỏ bên sườn chúng; ta không nhầm được đâu. Sau đó tôi hoạch định giờ giấc ta sẽ đến nơi trong thời điểm nào sao cho chúng ta sẽ gặp con thú đó không sớm hơn hai phút trước khi nó chết vì những lý do trên. Đằng nào nó cũng chết thôi, vì thế chúng ta chỉ giết đi một con thú không tương lai, một con thú không bao giờ truyền giống được nữa. Anh thấy chúng tôi có thận trọng không nào?

Eckels háo hức hỏi:

- Nhưng nếu anh xuôi dòng Thời Gian trở về Hiện Tại vào sáng hôm nay thì chắc chắn anh phải thấy trước đoàn săn của chúng ta. Cuộc săn này kết quả thế nào? Có thành công không? Tất cả chúng ta có... sống sót sau cuộc săn không?

Travis và Lesperance liếc mắt nhìn nhau.

- Có một nghịch lí ở đây, - Lesperance đáp, - Thời Gian không cho phép một người gặp gỡ chính hẳn; tức là, hẳn ta không thể nào biết trước diễn tiến hay kết quả của một ý đồ sắp

thực hiện cho dù hẳn có thể bỏ qua Hiện Tại để đi về Tương Lai mà thăm dò, tìm kiếm. Trong những trường hợp như thế thì Thời Gian tránh sang một bên. Ngay trước khi chúng ta dừng lại, anh có cảm thấy Bộ Máy Thời Gian giật nảy lên một cái không? Đó là lúc chúng ta, những kẻ đi ngược về Quá Khứ, đang lướt ngang qua chính bản thân mình trên đường quay lại Tương lai. Chúng tôi không thấy gì hết. Không có cách nào biết trước chuyến săn này có thành công hay không, ta có hạ được con quái vật tiền sử hay không, hoặc là tất cả chúng ta - tức cả anh nữa đấy, Eckels - có trở về an toàn, sống sót hay không.

Eckels cố gắng gượng một nụ cười héo hắt.

- Đẹp chuyện đó đi. - Travis nóng nảy cắt ngang. - Tất cả đứng lên.

Họ chuẩn bị rời khỏi Bộ Máy Thời Gian.

Rừng già cao vút, rừng già mênh mông, rừng già là toàn bộ thế giới này vĩnh viễn. Ngập trời là những âm thanh du dương như tiếng nhạc chen lẫn tiếng đập cánh phần phật của những con bò sát biết bay, những con dơi khổng lồ vừa thoát khỏi cơn rồ cuồng nộ của đêm. Giữ thẳng bằng trên Con Đường chật hẹp, Eckels giương súng nhắm tứ phía với vẻ bồn chồn. Travis quát:

- Thôi đi! Nhắm chơi cũng không được đâu đấy, nghe chưa? Nếu như súng anh vô ý cướp cò thì...

Eckels đỏ mặt.

- Thế thì những con khủng long Tyrannosaurus đâu?

- Thẳng ngay trước mặt. - Lesperance vừa kiểm tra đồng hồ vừa nói. - Sáu mươi giây nữa là chúng ta sẽ cắt ngang đường đi

của nó. Hãy tìm dấu sơn đỏ! Chờ chúng tôi ra hiệu mới được nổ súng. Luôn luôn đi trên Con Đường. Đi trên Con Đường!

Họ tiến bước trong cơn gió sớm. Eckels lẩm bẩm một mình:

- Thật kì lạ. Thẳng ngay trước mặt, sáu mươi triệu năm, Ngày Bầu Cũ đã qua, Keith đã trở thành tổng thống, mọi người đang ăn mừng. Còn chúng mình ở đây, lạc loài bên vực thăm thời gian, không có bất cứ kẻ nào tồn tại. Những điều ta lo lắng suốt bao tháng năm, suốt cả cuộc đời, ngay lúc này ta chưa hề được nghĩ tới, thậm chí cũng chưa ra đời.

- Tất cả tháo chốt an toàn! - Travis ra lệnh. - Eckels, anh bắn trước. Kế đến là Billings. Cuối cùng là Kramer.

- Tôi đã từng săn hổ, lợn rừng, trâu rừng, voi, vậy mà bây giờ lại run bắn cả người như con nít thế này. - Eckels nói.

- Kìa! - Travis kêu lên.

Mọi người dừng lại. Travis đưa tay lên, nói thầm thì:

- Ngay phía trước. Trong màn sương. Nó đấy. Chúa Tể Tiền Sử đấy.

*

Rừng già bao la âm vang muôn vàn tiếng động: tiếng lướt chuyt, tiếng xột xoạt, tiếng rì rào và tiếng gió thổi dài xao xát. Đột ngột tất cả im bật dường như một cánh cửa vừa bất ngờ xập xuống nhốt kín mọi âm thanh.

Im lặng.

Một tiếng sấm rền.

Từ màn sương mù cách đó khoảng trăm thước, con khủng long xuất hiện.

- Nó kia, - Eckels, - nó...

- Suyt!

Nó tiến tới trên hai cẳng chân sau trơn nhợt, nhún nhảy, sải từng bước dài. So với hơn nửa số cây trong rừng, nó cao ngất ngưỡng hơn cả chục thước, một con ác quỷ khổng lồ, hai cẳng chân trước nhỏ bé gập sát vào bộ ngực nhầy nhụa bám đầy sâu bọ.

Mỗi cẳng chân sau là cả tấn xương trắng ngập sâu trong mớ cơ bắp chằng chịt được bọc kín bên ngoài bằng một lớp da sần sùi u bướu chẳng khác nào bộ giáp phục của một chiến binh khủng khiếp. Mỗi cái đùi là hàng tấn thịt, xương, cùng lớp da thép rắn. Và từ lồng ngực của thân trên, hai cánh tay nhỏ nhoi lòng thông ra trước mặt, với hai bàn tay có thể nhấc bổng một con người lên mà xem xét như một món đồ chơi, trong khi cái cổ dài như rắn cuộn tròn hạ thấp đôi mắt xuống để quan sát cho tường tận. Ngay cái đầu của nó cũng là cả tấn xương thịt liên kết chặt chẽ, dễ dàng ngẩng cao đến tận trời. Mồm nó há hoắc phô ra một hàng răng lởm chởm như những thanh đoản kiếm. Đôi mắt tròn tròn, to bằng chúng đà điểu, hoàn toàn vô cảm ngoại trừ một biểu hiện đói khát. Nó ngậm phập mồm lại, răng va sầm vào nhau thành một tiếng kinh hoàng. Nó chạy băng băng, hai xương chậu quật ngã cây cối cùng bụi rậm hai bên đường, bàn chân móng vuốt vồ xuống đất ướt, để lại những dấu chân sâu hoắm cả thước bất kì nơi nào sức nặng thân hình nó đè lên. Bước chân nhún nhảy, lênh khênh, con khủng long tiến tới thoăn thoắt với sự thăng bằng không thể

ngờ được đối với một trọng lượng hàng chục tấn của nó. Nó thận trọng bước vào vùng đất ngập nắng, hai bàn tay bám đầy sâu bọ vung vẩy dò dẫm không khí.

- Trời, trời, nó mà vươn thẳng lên chắc cao hơn cả mây xanh. - Eckels lắp bắp nói.

- Suyt! - Travis nổi giận. - Nó vẫn chưa thấy bọn ta.

- Sao mà giết nó được? - Eckels lặng lẽ thốt ra lời phán quyết như thể không còn gì để tranh cãi nữa. Anh đã cân nhắc mọi chứng cứ và đây là ý kiến đã suy nghĩ cẩn thận của anh. Anh thấy khẩu súng tối tân trong tay mình thật sự ấu trĩ không hơn gì khẩu súng bắn nút chai của trẻ con.

- Chúng ta là những thằng khùng mới mò đến đây. Không thể nào giết con thú này được.

- Im đi. - Travis rít lên.

- Kinh khủng quá!

- Quay lại. - Travis ra lệnh. - Bước lặng lẽ về Máy Thời Gian đi. Chúng tôi sẽ hoàn lại anh một nửa phí tổn.

- Tôi đâu dè nó lại to lớn đến thế. Tôi đã lầm. Bây giờ tôi chỉ muốn thoát cho mau.

- Nó thấy chúng ta rồi!

- Có dấu sơn đỏ ngay trên ngực nó kìa!

Con khủng long vươn mình. Bộ da u bướu của nó lấp loáng dưới nắng tựa hồ hàng nghìn đồng xu xanh màu lá. Những đồng xu đầy chất nhớt bốc khói. Trong lớp nhầy nhụa ấy, những con côn trùng li ti đang quần quai khiến toàn bộ thân

hình con khủng long dường như cũng co giật nhấp nhô theo, ngay cả lúc con quái vật tiền sử ấy đứng yên không nhúc nhích mảy may. Nó thở khì. Một mùi thịt sống hôi tanh tỏa rộng trên miền hoang dã. Eckels kêu lên:

- Cho tôi rời khỏi nơi này! Ai mà ngờ, tôi cứ đinh ninh là mình sẽ an toàn vượt qua. Tôi có hướng dẫn viên giỏi, chuyển sẵn hấp dẫn, tổ chức chu đáo. Lần này tôi lắm to. Làm sao tôi có thể hạ được một con thú khổng lồ đến thế hả trời!

- Đừng bỏ chạy! - Lesperance cố kiềm chế kích động của Eckels. - Quay lại. Nấp vào Máy Thời Gian.

- Vâng. - Eckels dường như tê bại cả người. Anh nhìn xuống chân tựa hồ đang cố sức bắt nó phải dịch chuyển rồi bật ra một tiếng rên bất lực.

- Eckels!

Anh kéo lê chân được vài bước, mắt lóa hắc đi.

- Không phải lối đó!

Ngay cử động đầu tiên của Eckels, con khủng long gầm lên một tiếng kinh hồn, lao vụt tới. Chỉ trong sáu giây nó đã vượt qua khoảng cách trăm thước. Mấy khẩu súng trường giật nảy lên khạc lửa. Một cơn lốc từ hòng con thú bao trùm đoàn săn trong mùi hôi nồng nặc của nhót nhầy và máu ứ. Con thú rống lên, hàm răng lấp lánh trong nắng.

Không dám nhìn lui, Eckels quờ quạng bước chệch ra rìa Con Đường, khẩu súng buông thõng trong hai cánh tay; anh bước ra ngoài Con Đường, chạy thẳng vào rừng già mà chẳng hề hay biết. Bàn chân anh lún sâu vào thảm rêu xanh. Đôi chân

kéo lê cả thân người anh đi theo, Eckels thấy mình lẻ loi và xa vời với tất cả những gì đang xảy ra sau lưng anh.

Những khẩu súng lại khạc đạn. Tràn tiếng nổ bị át đi trong tiếng rú gào như sấm động của con thú tử thương. Chiếc đuôi khổng lồ của nó giật ngược lên trời, quật sang hai phía. Cây cối nổi tung thành một đám mây mịn mịn những lá và cành. Con quái vật hạ phắt hai cẳng chân trước xuống toan vô lấy nhóm người, để bẻ đôi họ ra, nghiền nát bầy, nhét họ vào hàm răng, vào cổ họng đang gầm rú của nó. Đôi mắt to lớn của con thú hạ xuống ngang tầm đoàn săn. Họ nhìn thấy chính mình trong đáy mắt khủng long. Những khẩu súng khạc đạn vào đôi mi mắt rắn đanh và đôi tròng đen bốc lửa.

Như một tượng thần bằng đá, như một trận núi lửa, Chúa Tể Tiền Sử gục ngã. Vừa gầm rống, nó tóm lấy cây cối giật chúng đổ theo nó. Con thú giằng xé Con Đường Kim loại. Nhóm người thoái lui tránh xa. Súng nổ. Khối thân xác mười tấn thịt xương trúng đạn. Con quái vật quật đuôi, hàm răng giật thót một cái rồi nằm im. Một suối máu phun vọt ra từ cuống họng đầu đó trong cơ thể nó, một túi chất lỏng bùng vỡ xối xả giội lên người nhóm thợ săn một thứ nước nhờn nhờn hôi thối. Họ đứng đó, người đổ ngầu máu loang.

Tiếng gầm thét câm bật.

Rừng già lại tĩnh lặng. Sau cơn ác mộng là buổi ban mai trong lành. Sau trận núi lửa là bình yên xanh lá.

Billings và Kramer ngồi trên đường đi nôn thốc nôn tháo. Travis và Lesperance đứng chải rửa liên hồi, hai khẩu súng trên tay còn bốc khói.

Trong Bộ Máy Thời Gian, Eckels nằm sấp mặt, run bần cả người. Anh đã tìm lối quay lại Con Đường và trèo vào Bộ Máy.

Travis bước vào, liếc nhìn Eckels không nói năng gì. Gã lấy trong một hộp kim loại ra mấy miếng vải bông rồi quay lại với ba người còn ngồi trên con đường.

- Chùi sạch đi.

Họ lau sạch vết máu dính trên mũ bảo vệ, miệng lầm bầm nguyên rửa. Con quái vật nằm đó như một núi thịt đông cứng. Sâu bên trong, họ có thể nhận ra những tiếng xì xì rầm rì lúc những góc ngách khuất kín nhất trong lòng con khủng long ngừng hoạt động, các bộ phận cơ thể giãy chết, tất cả bị ngắt lìa, bị chặn đứng mãi mãi. Xương cốt răng rắc gãy; sức nặng của khối trọng lượng chết mất thăng bằng đổ ập đã nghiền gãy hai chân trước cục mịch của con quái vật. Núi thịt nằm rũ xuống, rung rinh.

Một tiếng răng rắc khác! Trên cao, một thân cây khổng lồ gãy lìa giáng thẳng xuống đầu con thú chết.

- Thấy chưa! - Lesperance kiểm tra đồng hồ, - Đúng vào giờ dự đoán mà! Con thú này không chết vì chúng ta thì cũng chết vì thân cây khổng lồ này như số phận đã định. Hẳn liếc nhìn hai vị khách đi sẵn. Quý vị có muốn chụp ảnh kỉ niệm không?

- Sao cơ?

- Chúng ta không thể mang con thú này về Tương Lai. Cái xác này phải nằm yên ngay nơi nó lẽ ra đã chết một cách tự nhiên, để cho những côn trùng, chim chóc và vi khuẩn có thể xâu xé nó đúng như đã an bài. Tất cả đều trong trạng thái cân

bằng. Cái xác nằm lại đây. Nhưng bọn tôi có thể chụp ảnh quý vị đứng cạnh nó để quý vị làm kỉ niệm.

Hai người khách ngấm nghĩ rồi lắc đầu từ chối.

Họ lủi thủi đi theo hai hướng dẫn viên trở về Máy Thời Gian. Buông phịch người trên nệm ghế, họ đắm đắm nhìn con quái vật đã bị tiêu diệt nằm thành đống; những con bò sát biết bay cùng lũ côn trùng nhanh chóng tìm tới đang bận bịu rửa ròi bộ da con khủng long.

Một tiếng động trên sàn Bộ Máy Thời Gian làm họ giật mình thẳng thốt. Eckels vừa run lấy bầy vừa lồm cồm ngồi dậy. Anh gắng gượng mãi mới nói nên lời:

- Tôi... tôi xin lỗi.

- Đứng dậy! - Travis quát lên.

Eckels rậm rập tuân theo.

- Đi ra Con Đường một mình. - Travis dùng mũi súng chỉ ra ngoài. - Anh sẽ không quay lại Bộ Máy Thời Gian nữa. Chúng tôi bỏ anh lại nơi này!

Lesperance nắm cánh tay Travis.

- Khoan đã...

- Đừng xen vào chuyện này! - Travis giật cánh tay ra. - Suýt nữa thì thằng ngu này đã giết chết cả lũ. Nhưng điều đó không đáng nói. Hãy nhìn đôi giày hần kia! Hần đã chạy ra khỏi Con Đường. Chính điều đó mới làm hại chúng ta! Chúng ta sẽ bị thua thiệt! Mất toi hàng chục nghìn đôla bảo hiểm! Chúng ta đã cam đoan không để ai rời Con Đường thế mà cái thằng ngu này... Tôi buộc phải báo cáo với chính phủ và vì thế dịch vụ của

ta có thể bị tước giấy phép hoạt động. Ai biết được hẳn ta đã gây ra những tai hại nào đối với Thời Gian, đối với Lịch Sử!

- Bình tĩnh đã nào, anh ta chỉ đá tung một ít bụi đất thế thôi chứ có gì đâu.

- Làm sao ta biết được là không có gì đâu? - Travis kêu to. - Chúng ta không hay biết bất cứ gì. Tất cả đều là bí mật! Cút khỏi nơi này, Eckels!

Eckels vừa mò mẫm các túi áo vừa nài nỉ:

- Tôi xin nộp tiền phạt, nộp hết! Một trăm nghìn đôla!

Travis quắc mắt nhìn sổ chi phiếu của Eckels và nhổ toẹt:

- Đi ra ngoài kia. Con khủng long nằm sát bên Con Đường. Thò hai cánh tay mày vào họng nó ngáp đến tận khuỷu! Nếu mày dám làm thế thì cho mày theo bọn ta trở về.

- Vô lí quá!

- Con khủng long này chết rồi, đồ ngu! Còn những viên đạn nữa! Không thể bỏ những viên đạn lại đây. Chúng đâu có thuộc về Quá Khứ; những viên đạn lạc lõng đó có thể làm thay đổi một cái gì đó ai ngờ được. Dao đây. Moi hết đạn trong bụng nó ra!

Rừng già lại hồi sinh, rền vang tiếng chim kêu, tiếng cánh đập phành phạch xao xác. Eckels chậm chậm quay người quan sát cái núi rác tiền sử ấy, cái núi ác mộng và kinh hoàng ấy. Sau một lúc lâu, anh lê chân như kẻ mộng du men theo Con Đường.

Năm phút sau, anh quay về, người run bần bật, hai cánh tay ướt đẫm máu đỏ đến tận khuỷu. Anh chìa hai bàn tay ra.

Trên mỗi lòng bàn tay ấy là máy viên đạn thép. Rồi anh té quy bất động.

- Việc gì anh phải bắt hấn làm thế! - Lesperance trách Travis.

- Việc gì ư? Còn quá sớm để nói. - Travis hích chân vào thân hình lỏng lẻo của Eckels. - Hấn không chết đâu. Lần sau, hấn ta sẽ không dám đi săn theo kiểu này nữa.

Gã mặt mỗi vẩy tay ra hiệu cho Lesperance:

- Mở máy! Ta trở về thôi.

Năm 1492. Năm 1776. Năm 1812...

Họ rửa sạch mặt mũi tay chân. Họ thay những bộ đồ vấy bùn đất. Eckels đã hồi tỉnh, ngồi yên một chỗ không hé răng. Ánh mắt Travis dán cứng vào mặt Eckels.

- Đừng có nhìn tôi như thế! - Eckels kêu lên. - Tôi có làm gì xấu xa đâu.

- Ai mà biết?

- Tôi chỉ chạy khỏi Con Đường, giày tôi dính chút bùn đất thôi mà... Anh muốn tôi phải làm gì nữa đây? Quỳ xuống mà van lạy sao?

- Cũng có thể cần điều đó đấy. Eckels, ta báo cho mi biết trước, có thể ta sẽ giết mi. Súng đã sẵn sàng rồi đó.

- Tôi vô tội. Tôi có làm gì đâu!

Năm 1999. Năm 2000. Năm 2055.

Bộ Máy Thời Gian ngừng lại.

- Bước ra. - Travis ra lệnh.

Họ đã trở về nơi họ khởi hành, nhưng gian phòng dường như không còn giống như lúc họ ra đi. Vẫn người đàn ông ngồi sau chiếc quầy, nhưng có lẽ không phải người đàn ông mà Eckels đã gặp, và chiếc quầy có lẽ cũng không phải chiếc quầy ban sáng. Travis đảo mắt nhìn quanh, gần giọng hỏi:

- Ở đây mọi chuyện vẫn bình thường chứ?

- Tốt cả. Chào mừng các bạn trở về!

Travis vẫn chưa an lòng. Gã cơ hồ đang dò xét từng nguyên tử một của cả bầu không khí này, từng sóng năng xuyên qua khung cửa sổ cao.

- Được rồi, xéo về nhà đi, Eckels. Đừng bao giờ trở lại.

Eckels không nhúc nhích.

- Mi có nghe không?- Travis quát lên. - Mi nhìn chăm chăm cái gì vậy?

Eckels đứng sững hít dài mấy hơi liền. Phảng phất trong không khí là một mùi gì đó rất nhạt, rất mờ đến mức những giác quan cực kì nhạy bén của anh cũng chỉ nhận ra một cách mơ hồ. Những màu sắc trên tường, trên đồ đạc, trên bầu trời sau khung cửa sổ, trắng, xám, xanh, cam, chính là... chính là... Và một cảm giác lạ thường. Bắp thịt anh giần giật. Hai bàn tay giần giật. Anh đứng yên cảm nhận những trạng thái kì dị thấm sâu vào từng chân lông cơ thể, ở đâu đó, một kẻ nào đó chắc hẳn đang gào lên một tiếng thét lạnh lạnh mà chỉ có những lỗ tai cực thính của loài vật mới phát hiện ra. Cơ thể anh âm thầm lên tiếng thét hồi đáp. Ngoài căn phòng này, ngoài bức tường

này, ngoài gã đàn ông không phải gã đàn ông cũ đang ngồi sau chiếc bàn giấy không phải chiếc bàn giấy cũ... là toàn thế giới của đường phố và con người. Không có cách gì biết được thế giới hiện tại đang ở trạng thái nào. Anh cảm thấy họ đang chuyển động ngoài kia, sau những bức tường, như những quân cờ bị thổi tung trong cơn gió lốc...

Nhưng nằm ngay trước mắt anh là tấm bảng hiệu sơn trên tường văn phòng dịch vụ này, vẫn là tấm bảng anh đã đọc sáng sớm hôm nay lúc bước chân vào lần đầu tiên.

Không hiểu sao, những dòng chữ quảng cáo này đã thay đổi.

DỠKH VW SAN THW NGWÒK THÒY GYAN TỔ KHWK KHO
BẠN NHWNG KHWYẾN SAN VÀO BẮT KJ NAM NÀO TRONG
QWÁ KHW SAN BẮT KJ LỌA THW NÀA BẠN MWỐN

Eckels nhận ra mình ngã phịch xuống ghế. Anh loay hoay với lớp bùn khô cứng bám dưới đôi giày như một kẻ mất trí. Run bắn người, anh giơ lên một mảnh đất.

- Không, không thể thế được! Không thể nào lại là một vật nhỏ nhoi như vậy được! Không!

Dính cứng trong mảnh bùn khô là một con bướm có đôi cánh lấp lánh xanh biếc, vàng rực, đen huyền, đen tuyệt vời và chết thản nhiên. Eckels rú lên:

- Sao lại là một vật nhỏ nhoi như thế! Sao lại là một con bướm!

Con bướm chết khô rơi xuống sàn nhà, con vật lộng lẫy ấy, con vật bé bỏng ấy mà có thể phá vỡ sự cân bằng sinh thái và

tạo ra một chuỗi hậu quả dây chuyền khủng khiếp xuyên suốt thời gian. Đầu óc Eckels quay cuồng. Sao lại thế được! Làm chết một con bướm mà lại ghê gớm đến thế sao! Sao lại thế!

Mặt anh buốt lạnh. Môi run run, anh lắp bắp hỏi:

- Ai... ai đã đắc cử tổng thống ngày hôm qua?

Người ngồi sau quây bật cười:

- Anh giỡn chơi? Làm như anh không biết vậy. Deutscher chứ còn ai nữa? Thằng ngốc Keith làm sao mà đắc cử nổi. Giờ thì chúng ta đã có một nhà lãnh đạo sắt đá, một người dũng cảm rồi! Ủa, có chuyện gì vậy? - Hắn bỗng ngạc nhiên.

Eckels rên rỉ quỳ phịch xuống. Mấy ngón tay run rẩy vơ lấy con bướm vàng.

- Chẳng lẽ nào..., - Anh van xin với cả thế giới, với chính mình, với các nhân viên hãng du lịch, với Bộ Máy Thời Gian... - Lẽ nào ta không thể đem nó quay lại, lẽ nào ta không thể làm cho nó hồi sinh? Chúng ta không bắt đầu lại từ khởi điểm được sao? Chẳng lẽ nào...

Anh không nhúc nhích. Mắt nhắm nghiền, người run bần, anh đợi chờ. Anh nghe tiếng Travis thở hắt ra trong phòng; anh nghe tiếng Travis trở đầu súng, mở khóa an toàn, và nhấc súng lên vai.

Một tiếng sấm rền...

TRẦN ĐỨC TÀI *dịch*

VẬT THÍ NGHIỆM

HENRI TROYAT (Pháp)

H. Troyat là nhà văn Pháp gốc Nga chuyên viết tiểu thuyết và tiểu sử. Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông “Faux Jour” (1935) đã được tặng giải thưởng Populiste, còn cuốn thứ ba: “L’Araigne” (1938) đoạt giải thưởng Goncourt. Năm 1959 ông được bầu vào Viện Hàn lâm Cộng hòa Pháp. H. Troyat rất nổi tiếng ở Pháp và ở Mỹ. Ông chịu ảnh hưởng nhiều từ đại văn hào Lev Tolstoi: Bộ tiểu thuyết “Tant que la terre durera” (1947-1950) (Khi trái đất phải chịu đựng) là tác phẩm bộ ba tự thuật đề cập đến ảnh hưởng của cuộc cách mạng Nga tới một gia đình thượng lưu ở Nga. Ông cũng là tác giả của nhiều tác phẩm viết về tiểu sử các nhân vật lịch sử và văn học Nga như Dostoievski (1940), Puskin (1946), Tolstoi (1965) và Catherine la grande (Catherine Đại đế, 1977).

 lbert Penchelet vừa mới treo mình lủng lẳng dưới cái móc đèn chùm thì cửa ra vào mở tung, một người nhỏ thó đen đúa bước vào, miệng chào hỏi hồ hồ. Con người đang treo cổ kia lều bầu chửi thực sự, hai chân đập lung tung trong không khí tỏ vẻ phẫn nộ. Không hề bối rối với cảnh đang diễn ra, con người nhỏ thó đen đúa ấy đặt lên giường chiếc cặp to tướng bằng da dê thuộc, chiếc mũ nồi và đôi găng tay màu xám.

Ông ta có khuôn mặt tái vế râu rĩ, có cái nhìn thẳng và buồn bã của một gã chuyên nuôi chim bồ câu, và một cái mụn trên cằm. Ông ta chẳng chút vội vã khi trèo lên chiếc ghế đẩu và cắt đứt sợi dây thừng. Thân xác Albert Penchelet rơi xuống đánh bịch như tiếng con bò cái dẫn mình xuống để nghỉ ngơi

vậy. Sau đó con người nhỏ thó đen đúa kia sửa lại cổ tay áo và bảo:

- Tên tôi là Fosten Vantre. Anh đã quên khóa cửa đấy.

Albert Penchelet không đáp vì anh đã coi mình là kẻ chết rồi. Lo lắng vì sự im lặng này, con người nhỏ thó đen đúa rút ra khỏi cặp một chai rượu rum, cái quạt, muối ngửi, miếng bột biển và bắt tay vào cấp cứu hồi sức cho kẻ bất hạnh.

Ông ta làm việc này bằng những động tác nhẹ nhàng, chính xác, lưng cúi xuống, uốn thẳng người, quay người một chút, và chỉ nghe thấy tiếng răng rắc khô khốc của các khớp xương nơi cơ thể ông ta như có người đang gặm bánh bích quy trong phòng vậy.

Ông ta khe khẽ hát.

- Nơi biển cả, biển thanh bình, ha... ha...

Albert Penchelet mở mắt và thở sâu:

- Ông làm gì ở đây thế?

- Tôi đang đưa anh trở lại với cuộc sống. - Fosten Vantre đáp.

- Đó không phải là việc của ông.

- Anh lí luận cứ như đứa trẻ ấy. Tốt hơn là hãy uống một cốc nhỏ này, thứ này công hiệu đấy.

Albert Penchelet ngẩng đầu, nuốt một ngụm nhỏ và nhỏ toẹt ra sàn:

- Tôi đã mất hết vị với mọi thứ rồi. Nếu như ông chỉ cần biết...

- Tôi biết. Tôi biết hết. Tôi biết anh hai mươi lăm tuổi, chẳng địa vị gì, chẳng có tương lai, chẳng có gia đình, chẳng tình nhân và mười tháng qua anh chẳng trả đồng xu nào tiền căn phòng này.

- Ông im đi! - Albert Penchelet rên rỉ.

- Tôi theo dõi anh đã vài tuần nay rồi... Tôi đã gửi cho anh tờ quảng cáo: "Hỡi những người tuyệt vọng, xin hãy biến sự thất vọng của mình thành tiền bạc. Tất cả mọi thông tin quý vị cần biết xin liên lạc với ngài Fosten Vantre, phố Aurelien Lomber, số nhà 17". Vì sao anh không phúc đáp hả.

- Tôi không nghĩ điều này là nghiêm chỉnh.

- Chà!... Tất cả các người đều như nhau cả! Hãy nghe đây, tôi đến bây giờ là để khuyến dụ anh một biện pháp kiếm tiền và bảo đảm cho mình một tuổi già không phải nghèo túng.

- Tôi muốn đi ngủ. - Albert Penchelet lẩm bẩm.

Fosten Vantre nhả nạt bật ngón tay.

- Hượm đã! Xin hãy nghe tôi nói. Anh dĩ nhiên đã nghe nói về giáo sư Otto Pupont rồi chứ?

- Ông ta là bác sĩ chỉnh hình chứ gì?

- Đại loại là như vậy. Chỉ có điều ông ấy không sửa nắn tứ chi đâu mà là sửa tính cách.

- Nếu thế thì không phải, tôi chưa hề nghe nói.

- Bệnh viện thực hành của giáo sư Otto Dupont nổi tiếng khắp thế giới. Ông áp dụng ở đây phương pháp chữa trị riêng nhằm thay đổi và tạo kiểu các loại tính cách. Chẳng hạn, một

con người rụt rè đề nghị: “Tôi muốn trở nên đầy quyền uy”. Một phát tiêm. Mười ngày yên tĩnh, nghỉ ngơi. Và sau đó anh bạn của chúng ta trở về nhà với những cung cách độc tài của một diễn giả ngoài quảng trường. Chuyên ngành hiệu chỉnh tâm lý là một ngành non trẻ, tinh tế. Một sai lầm dù nhỏ bé nhất đều có thể dẫn đến những tai biến không thể khắc phục. Vì vậy, trước khi tiêm cho khách hàng, giáo sư Dupont kiểm tra hiệu quả các loại thuốc của mình trên cơ thể các trợ lý mà chúng tôi gọi là “những người thử nghiệm tính cách”. Họ có chừng hai mươi người. Nhưng vì hàng ngày lượng khách hàng trở nên ngày càng đông nên tôi nhận được lệnh tuyển mộ thêm một số trợ lý nữa. Tôi đã lập tức nghĩ đến anh. Các điều kiện rất tuyệt vời. Phòng làm việc, phục vụ chu đáo, công viên để đi dạo, hiệp hội các đồng nghiệp tổ chức rất thanh tao. Lương bổng dạng ông hoàng bà chúa. Sau hai năm anh có thể già từ chúng tôi và sẽ lĩnh trợ cấp suốt đời tùy thuộc theo thâm niên công việc.

Fosten Vantre nghỉ lấy hơi và nuốt nước miếng đầy khoái cảm:

- Thế nào, anh bạn trẻ, - ông ta nói tiếp, - anh đang nghĩ ngợi đấy ư?

- Nếu làm việc cho các ông có lợi đến thế thì tại sao tuyển những người làm vật thí nghiệm lại phức tạp đến vậy?

- Những người thử nghiệm tính cách ấy à? Đâu phải ai cũng phù hợp với công việc này! Họ cần phải có những phẩm chất thể lực nhất định chứ. Sức đề kháng này. Tinh thần trong sáng thuần khiết này. Rồi thể chất phát triển hài hòa với tâm lý ổn định, trí tuệ cao bậc nhất nữa! Đó là những tố chất mà anh có đầy đủ. Anh đọc hợp đồng mà xem! Hãy kí tên ở dưới phía bên

trái. Nhưng xin anh đừng vội vàng. Người ta vừa mới báo tôi hay về một vụ tự vẫn gần quảng trường Bastille đấy.

Ông ta nút chai rượu rum lại và sắp xếp đồ dùng của mình một cách cẩn thận.

Albert Penchelet nhìn lên cái móc trên trần nhà, nhìn tờ tín chỉ của hợp đồng và nhún vai:

- Hoặc là điều này, hoặc là cái nút thông lọng kia!

- Anh nói hay lắm, - Fosten Vantre lên tiếng và chìa tay sang phía anh. Albert Penchelet đặt tờ giấy lên sàn và kí với vẻ mệt mỏi.

- Anh hãy chuẩn bị ngày mai lúc mười giờ sáng. Người ta sẽ đưa ô tô tới đón anh. Trước khi đi tôi sẽ thanh toán hóa đơn tiền phòng của anh.

Khi ông ta đã ra về, Albert Penchelet nằm vật xuống giường, và một giấc ngủ nặng nề đầy những cơn mê choán ngợp lấy anh. Anh đang lang thang trên một con đường đầy bụi tiến tới chỗ ánh sáng màu da cam đang nhấp nháy ở đằng xa. Cứ sau ba bước anh lại mất đi một bộ phận nơi cơ thể mình. Ngón tay, môi, mí mắt. “Hãy cố gắng làm sao chỉ cần tới đích!” - Anh nghĩ. Bất thành linh anh ngoái lại và nhìn thấy Fosten Vantre đang chạy lúc thúc đằng sau với chiếc cặp làm bằng da dê cặp sau nách. Cứ sau vài bước ông ta lại cúi xuống để nhặt lên một mẩu thịt của anh và nói: “Chà chà! Cái ngón tay ngon quá! Chà chà! Cái mí mắt thật tuyệt!” Xin ông dừng lại! Hãy dừng lại! Albert Penchelet kêu lên. Nhưng ông kia chỉ lắc đầu: “Anh có quyền gì mà ngăn với chặn? Chính anh đã đặt bút kí rồi có đúng không? Chà chà! Cái tai tuyệt trần đời!”

Khi Albert Penchelet tỉnh giấc thì chàng nhận thấy mình đã khóc ướt đầm cả gối.

*

Bệnh viện thực hành của giáo sư Otto Dupont tọa lạc ở ngoại ô Paris. Đó là một ngôi nhà to lớn vuông vức, có nhiều cửa sổ và ban công, tòa nhà nhô cao ở giữa một khu công viên có những lối đi hai bên trồng cây được thiết kế phức tạp nom chẳng kém gì chữ kí của tay kế toán. Dưới bóng râm của đám cây cao ẩn khuất những chiếc ghế tựa dài dành cho những người đang bình phục, họ nghỉ ngơi ở đây để thả mình cho những suy tưởng về những thay đổi mạnh mẽ sâu sắc vừa qua nơi nhân cách của mình. Tòa nhà ngang dành cho những người thử nghiệm tính cách, một ngôi nhà ba tầng xây gạch màu hồng với cửa vào sặc sỡ nằm sau khối nhà chính. Những dãy hành lang trong ngôi nhà này được trải vải lót sàn có màu xanh dịu. Trên mỗi chiếc cửa đều đính tấm biển nhỏ: “Người dễ nổi giận”, “Người trầm tư”, “Người cởi mở”, “Người ham thích văn chương và nghệ thuật”, bên dưới có ghi ngày tháng lần tiêm gần đây nhất với lời chỉ dẫn: “Không sử dụng trước...”

Bên phải cửa treo tấm thạch bản ghi những nhận xét của bác sĩ trực: “Trạng thái bình thường”... hoặc “Cần hiệu chỉnh” hay “Kết quả tiêm của anh”. Những bức tường trần trụi, chiếc giường gấp và một tủ sách.

- Sau khi thử nghiệm, dĩ nhiên chúng tôi sẽ thay đổi sách ở đây, - cô ta nói. - Mỗi tính cách có gu đọc sách riêng. Giáo sư đề nghị anh chuẩn bị sau một giờ nữa.

*

Giáo sư Otto Dupont tiếp Albert Penchelet bên chiếc bàn viết to tướng có kích thước ít ra là bằng một chiếc quan tài bằng đá thời La Mã chất đầy điện thoại, máy ghi âm, đèn báo hiệu trên các bảng điều khiển bằng nhựa ébonit, những chiếc máy tính với các chiếc bút tự ghi có ngòi tháo lắp được. Những xấp giấy với các mép giấy thò ra có màu trắng xóa cả hai bên nom thật dữ tợn. Rồi còn một chiếc đèn với cái chân đèn cong một cách xảo trá tỏa ra thứ ánh sáng vệ sinh sạch sẽ lên khuôn mặt của chủ nhân. Màu sắc khuôn mặt ông ta thật tươi tỉnh, cái nhìn đượm vẻ ân cần, thân mật, ngài giáo sư không để ria mép.

- Anh là người thử nghiệm số 14 phải không? - Ông ta hỏi Albert Penchelet.

- Đó là con số gắn trên cửa phòng tôi...

- Con số đó đi liền với anh đấy. Mời ngồi. Chúng tôi sẽ xem xét hồ sơ của anh. Anh hăm lăm tuổi. Các thói xấu: không có.

Albert Penchelet thấy tốt hơn là khiêm tốn đưa mắt nhìn xuống.

- Tính cách: bình thường. Phản ứng: bình thường. Phát triển trí tuệ: bình thường. Trình độ học vấn: bình thường. Các phức cảm tình dục: bình thường. Trác tuyệt! Trác tuyệt! Anh đúng là một con người như vậy, một con người rất cần cho tôi.

- Tôi nghe mà thấy mát lòng lắm. - Albert Penchelet thốt lên.

- Hôm nay tôi sẽ tiêm cho anh huyết thanh tự tin vô hạn với sắc thái kiêu hãnh và đôi chút thăng hoa của thần bí. Đây là một loại dung dịch rất phức tạp, tôi đã điều chế nó lần đầu tiên theo đơn đặt hàng của một chính khách. Sau khi tiêm anh sẽ

ngủ ngơi trong mười ngày. Sau đó tôi sẽ tiêm thử cho anh huyết thanh mơ mộng. Rồi tiếp theo...

- Như vậy có nghĩa là tính cách của tôi sẽ thay đổi cứ sau mười ngày sao?

- Gần như thế.

- Nhưng điều đó thực khủng khiếp!

- Anh nhầm rồi. Bất kì một ai trong số các đồng nghiệp của anh sẽ khẳng định rằng những chuyển biến này hoàn toàn vô hại, lành mạnh.

- Và cứ như thế suốt hai năm sao?

- Thậm chí còn lâu hơn nếu anh mong muốn. Mà chắc chắn anh sẽ thích thân muốn điều đó. Vì đổi mới bản chất của mình nên anh sẽ làm gia tăng các khả năng sống của mình. Anh sẽ sống, sẽ nếm trải từ ba mươi đến ba mươi lăm cuộc đời trong một năm, trong đó những kẻ khác, đồng loại của anh, chỉ sống có mỗi một cuộc đời. Vả lại, đời mà chẳng ra đời! Vì lẽ ấy mà anh đã toan quynh sinh có đúng không! Mà con người ta tự tử khi họ không thể chịu đựng được nữa tình cảnh của họ và cả chính bản thân họ nữa...

- Vâng, đúng vậy.

- Đây là lí do mà tôi đề nghị anh thôi không là chính mình nữa. Anh phải thỏa mãn với điều này.

Albert Penchelet thấy choáng váng. “Thế nếu như mình sẽ bị điên thì sao?” - Anh nghĩ. “Mà nếu thí nghiệm không thành công và mình sẽ bị chết, điều này có thể hay không?” Anh

không hề muốn chết. Nhưng ngài giáo sư đã đứng dậy và đẩy chiếc cửa được ngụy trang trong tường dịch sang bên.

Albert Penchelet đi theo ông ta vào một căn phòng sơn trắng như cửa hàng bán sữa. Trong đó sực mùi hiệu thuốc tây và caosu cháy. Trên tường gá toàn những giá xíchđông chất những chiếc lọ đựng các loại chất lỏng có màu sắc khác nhau. Ở giữa phòng trên một cái quây bằng đá cẩm thạch chen chúc cả một lô một lốc những bình cổ cong, ống nghiệm, các dụng cụ chưng cất và những chiếc ống xoắn ruột gà. Ánh nắng hắt từ cửa sổ chiếu vào mọi thứ đồ thủy tinh và tạo thành những luồng sáng lấp lánh. Thứ chất lỏng xanh nhạt nào đó với sắc tím hoa cà chảy òng ọc giận dữ trong một cái bình thủy tinh tròn.

Fosten Vantre đeo kính thợ hàn chăm chú quan sát thứ nước đang sôi đó.

- Tất cả đã chuẩn bị xong chưa? - Ngài giáo sư Dupont hỏi.

Cả người bận đồ trắng toát như các bức tường xung quanh, viên trợ lí bước ra khỏi căn phòng kế cận và trên bàn tay với những ngón tay bị axít ăn mòn anh ta cầm một cái ống nghiệm được đậy bằng một cái nút gạc bông. Ngài giáo sư nhìn cái ống nghiệm ở chỗ sáng và nói:

- Tôi nghĩ là cần phải pha loãng tí chút. Chậc, ta sẽ xem xét theo kết quả. Số đăng kí 14, xin mời cởi quần ra, anh bạn của tôi. Hãy quay lưng lại phía tôi. Đừng căng cơ bắp mà thả lỏng thôi.

Đứng quay mặt vào tường, Albert Penchelet chìa cái móng trần trụi ra để chịu một cuộc phẫu thuật mà anh chưa hề biết tí

gì cả. Mồ hôi nhỏ thành những giọt to lăn trên mặt anh. Đằng sau lưng, những thứ dụng cụ lạ lẫm kêu loảng xoảng. Anh nghe thấy tiếng chiếc kim rơi xuống chiếc hộp kim loại, tiếng thở dài của cái nút được rút ra, tiếng nức nở phiền muộn của chiếc khóa vòi nước. Sau đó là tiếng những bước chân đang tiến lại gần. Hơi thở ấm nóng phả vào gáy. Mùi da thuộc. Cảm giác về miếng bông ẩm chạm cẩn thận vào da thịt. Anh nhắm mắt. Hai hàm răng cắn chặt để sẵn sàng chịu đựng sự đau đớn cắt da cắt thịt. Phát tiêm nhẹ vào mông khiến anh giật mình. Anh chờ đợi những thao tác tiếp theo.

- Xong rồi! - Ngài Otto Dupont nói. - Anh được nghỉ ngơi.

- Sao?...

- Chắc anh chờ đợi tôi sẽ đặt anh ngồi lên chiếc cọc nhọn chứ gì? Mười mười lăm phút nữa anh sẽ cảm thấy hiệu quả. Anh sẽ thay đổi cá tính như con rắn lột da vậy. Anh sẽ có được một ý chí, sự minh mẫn của lí trí và sự tự tin mà trước đây anh thiếu vắng.

- Xin cảm ơn ông. - Albert Penchelet nói. Anh ưỡn thẳng người, chấn chỉnh lại áo quần và rời căn phòng cùng Fosten Vantre đi kèm.

Albert Penchelet đi trong công viên rất chậm rãi để quan sát sự sinh thành một nhân cách mới trong bản thân mình. Tựa hồ một người đàn bà đang bụng mang dạ chửa, anh cố gắng tránh những cử động đột ngột vì sợ vấp hay ngã để khỏi vô tình hủy hoại một sinh thể mới đang lớn lên trong anh. Anh có cảm thấy điều gì không? Chưa, hiện thời chưa có gì. Thế còn bây giờ? Vẫn chưa có gì như trước. Có thể, chỉ có hơi vầng đầu,

hơi buồn nôn, một nỗi kinh sợ, cảm giác đợi chờ vui vẻ trước sự sinh thành. Ngày mai anh sẽ là ai? Hay sau một tiếng nữa? Anh sẽ có cảm thấy sự chuyển tiếp không? Anh sẽ có tiếc về quá khứ của mình không? Có nuối tiếc về chính bản thân mình không?

Càng suy nghĩ, anh càng cảm thấy buồn bã. Anh có cảm giác như đang có mặt tại một buổi tiễn đưa: Người bạn thân nhất của anh đang ra đi, ra đi mãi mãi. Người bạn với nhiều nhược điểm, con người nhỏ nhoi và nhu nhược, không tốt bụng lắm, không hoàn toàn chân thành, nhưng dẫu sao cũng là một gã trai đáng yêu. Anh suy nghĩ về bộ quần áo cũ, đã sờn rách, thật quen thuộc đến độ khó có thể chia lìa, anh nghĩ tới vẻ quyến rũ của những khu ngoại ô bần thủ, vẻ quyến rũ ấy sẽ không rời bỏ con người ta cho tới lúc lìa đời. Anh bùi ngùi nghĩ về số phận mình. Anh khóc than cho cái chết của chính mình. Thà chết còn tốt hơn là trở nên một con người khác. Trời ơi, tất cả những điều đó để làm gì cơ chứ? Để đổi lấy những đồng tiền thâm hại, sự ngỗ ngược ngoài bầu không khí trong lành sao? Và đó là sự trả công cho sự phản bội chăng? Mà nếu như anh sẽ không muốn thay đổi? Nếu anh muốn là chính bản thân mình thì sao?

Cảm giác rất bồng bềnh nhẹ nơi mộng dĩ đã đưa anh trở lại hiện thực. Anh quay sang Foster Vantre với khuôn mặt méo xệch vì tức giận và kiên quyết:

- Này ông, người nuôi cấy vắcxin kia, các ông đã tiêm thứ thuốc chết tiệt đó vào tôi! - Anh kêu toáng lên. - Nhưng tôi cảnh cáo ông, sáng mai tôi sẽ bỏ đi! Tôi sẽ báo cảnh sát về việc các ông buôn bán người làm thí nghiệm! Tôi sẽ bỏ tù cả hai các người, ông và ông Otto quý mến của ông nữa trước khi các ông

dùi lỗ chỗ các vết tiêm trên người tôi! Đừng có nhe răng ra như thế, không tôi sẽ nổi xung lên đấy!

- Trời! - Fosten Vantre thốt lên. - Liều thuốc quá cao mất rồi.

Ông ta đưa chiếc còi nhỏ bằng bạc lên môi.

- Ông làm cái gì thế? - Albert Penchelet hỏi.

- Không có gì cả anh bạn thân mến ạ. Chúng ta sẽ tiếp tục đi dạo. Anh có nhìn thấy hai phụ nữ trẻ kia không? Đó cũng là hai người thử nghiệm tính cách đấy. Số đăng kí của họ là 1-bis và 5-bis nếu tôi không nhầm. Ở đây phụ nữ mang thêm cái phần “bis” cho số đăng kí.

- Cô bên tay phải làm tôi thích đấy. - Albert Penchelet tuyên bố. - Ông sẽ cất công...

Nhưng anh không thể nói hết. Hai gã nom vẻ đê tiện chạy tới sau khi nghe tiếng còi của Fosten Vantre liền tóm chặt lấy anh.

- Đưa tới ngài giáo sư. - Fosten Vantre ra lệnh. - Hãy truyền đạt cho ông ấy biết là cần hiệu chỉnh ngay.

Albert Penchelet kháng cự vùng vẫy như một kẻ điên khùng, anh kêu, nhổ bọt, cắn. Giáo sư Otto Dupont ra lệnh trói anh vào bàn và tiêm cho anh một phát mới cách chỗ cũ hai xăngtimét.

- Xin lỗi. - Ngài giáo sư nói. - Không phải lúc nào cũng thăm dò thành công tính cách đã định được ngay đâu. Những chi phí sản xuất đâu có được đáp ứng lập tức. Giờ anh cảm thấy thế nào?

- Tốt, thưa ngài. - Albert Penchelet đáp. - Nhưng tôi không muốn ngài động vào tôi nữa. Tôi sẽ tự trở về phòng được.

Fosten Vantre xuất hiện nơi cửa ra vào nửa khép nửa mở:

- Ài chà, - ông ta nói, - thế là chúng ta đã an lòng được rồi.

Penchelet nhún vai. Anh thấy bình tĩnh, mạnh mẽ và tự tin. Anh cảm nhận thấy một ý muốn ra lệnh, ra lệnh bất cứ cái gì cũng được, cho ai không cần phân biệt.

- Tôi muốn người ta mang hoa vào cắm trong phòng của tôi. - Anh nói.

Giọng nói của chính mình khiến anh hài lòng. Cái chất giọng ấy nghe lạnh lạnh, can trường.

- Tôi nghĩ lần này chúng ta đã đạt được mục tiêu. - Ngài giáo sư Dupont bảo Fosten Vantre. - Đây là một trong những thí nghiệm thành công nhất của tôi.

Albert Penchelet nếm trải một cảm giác tự hào vì điều anh đã gây cho cả hai nhà khoa học kia phải sửng sốt.

- Xin hãy cởi dây thừng ra. - Anh nói.

Khi người ta đã để anh tự do, anh liền đứng dậy và bắt tay giáo sư.

- Xin tạm biệt, số 14, - ngài giáo sư đáp lễ, - chúng ta sẽ gặp nhau sau mười ngày nữa.

Một nỗi buồn bất chợt nhói trong tim Penchelet.

- Sau mười ngày nữa sẽ thế nào đây?

- Ô, tất nhiên là để khiến anh trở thành người mơ mộng.

- Nhưng tôi không muốn! Thế thôi! Thế này là tôi thấy tuyệt rồi! - Anh gõ nắm tay xuống bàn. Ngài Otto Dupont không đáp lại câu nào. Và số 14 rời khỏi phòng với vẻ trịnh trọng, hai tay vung vẩy, sải bước dọc theo những viên gạch lát sàn.

*

Sang ngày hôm sau 14 tỉnh giấc muộn, sau đó anh mặc chiếc áo khoác màu nâu và đội chiếc mũ của bệnh viện, đoạn bước xuống khu vườn. Một hàng rào mỏng mảnh ngăn cách khu vườn dành cho những người thử nghiệm với khu công viên nơi các khách hàng đang đi dạo. Albert Penchelet ngồi xuống bên gốc sồi với quyển sách đặt trên hai đầu gối. Làn không khí ấm áp. Trên thảm cỏ xanh nháy nhót, run rẩy những vệt nắng. Chẳng bao lâu sau anh đã thiu thiu, cuốn sách tuột khỏi tay.

Tiếng cười giòn tan đánh thức anh dậy. Anh mở mắt, hai người phụ nữ gặp hôm qua ngồi cách anh có vài bước và đang nói chuyện sôi nổi.

Albert Penchelet ngả mũ chào họ. Họ gật đầu đáp lại. Bất thành linh cô trẻ hơn hỏi:

- Anh là người thử nghiệm mới hả?
- Vâng, thưa bà.
- Cô thôi anh ạ.
- Tôi xin lỗi.
- Thế cái gì nơi anh hôm nay?

- Cái gì nơi tôi ấy à?
- Vâng, tính cách nơi anh hôm nay là gì?
- Quyền uy với sắc thái kiêu hãnh và đôi chút thần bí.
- Thật tuyệt! Còn nơi em là sự hiền dịu với sắc thái ngây thơ và nét thi vị.
- Cũng thú đấy. Được bao nhiêu ngày hả cô?
- Còn năm ngày nữa.
- Còn tôi có trọn vẹn chín ngày.
- Anh thật may mắn.
- Vì sao cô lại nói thế?
- Chà, thay đổi thật chẳng thú chút nào.
- Thế thì cô chối từ đi!
- Mẹ ơi, mẹ nghe xem, anh ấy thật quả quyết! Điều đó thật tuyệt vời!

- Bà đây là mẹ cô sao?

Cô gái mỉm cười.

- Không đâu, em gọi chị ấy là mẹ vì chị ấy ở đây lâu hơn tất cả mọi người. Chị ấy khuyên nhủ bọn em, giáo huấn, chỉ bảo nữa.

Albert Penchelet dịch gần lại chỗ hai người phụ nữ, và cuộc tâm tình tiếp tục thật vui vẻ và tự nhiên đến nỗi họ thậm chí quên cả bữa ăn trưa. Số 14 kể về những nỗi bất hạnh của mình và biết rằng cô gái trẻ kia tên là Iolande Vensane, rằng cha mẹ cô đã mất và cô đã toan nhảy xuống sông Seine tự vẫn. Cô có

một khuôn mặt trái xoan nom rất đáng yêu, đôi má nhợt nhạt và đôi mắt xanh to mà cái nhìn nơi đôi mắt ấy dường như đã khiến mọi sự trở nên dịu dàng, dễ chịu.

- Em đã muốn trèo mình xuống sông. Em thấy khi ấy thật kinh khủng. Và bỗng nhiên người ta tóm lấy tay em.

- Cô thật hạnh phúc xiết bao!

- Anh đáng mến lắm.

- Không, tôi chỉ là một kẻ ích kỉ thôi mà.

Có hai người thử nghiệm khác cũng mặc áo choàng màu nâu thẫm như của Albert Penchelet đi ngang qua trước mặt họ.

- Số 7 hôm nay là “kín đáo, không cởi mở”, - Iolande nói. - Còn số 12 hôm nay có ngày cuối cùng của tâm tính “giận dữ nhưng sâu thẳm tâm hồn và tốt bụng”.

- Vâng, cuộc sống ở đây quả chẳng vui vẻ gì. - Albert Penchelet nhận xét.

- Anh đừng nghĩ như thế, - “bà mẹ” phản đối, - nơi chúng ta là một nhóm người tuy ít ỏi nhưng rất thân ái... Và nếu anh sẽ ở lại đây lâu...

- Tôi sẽ ở lại đây lâu. - Albert Penchelet tuyên bố. Rồi anh nhìn Iolande với dáng vẻ của kẻ chinh phục người Mông Cổ là Thành Cát Tư Hãn, vì đó mà cô gái cúi gằm xuống.

*

Ngài Otto Dupont đã gọi mời tất cả các số chẵn tới để trình diễn các mô thức tính cách trong vòng một ngày. Trong một căn phòng lớn với những chiếc ghế divăng nhỏ được trang

hoàng đẹp để người ta đã bố trí một sân khấu, dãy đèn trang trí và lắp đặt các micrô. Các vị khách hàng ngồi trong ánh tranh tối tranh sáng của gian phòng. Từ trên sân khấu, Fosten Vantre tuyên bố đọc các nhận xét tư cách, khả năng, sau đó khán giả đặt câu hỏi cho số được giới thiệu. Vị chính khách đặt hàng khí chất của Albert Penchelet hóa ra một ông béo tốt hồng hào thấp lùn với mái tóc hung và đôi mắt ti hí ranh mãnh. Ông ta hài lòng và thán phục kết quả.

- Ngài tin chắc là tác động như thế sẽ ảnh hưởng đến tôi chứ? - Ông ta hỏi ngài giáo sư.

- Tôi tuyệt đối tin tưởng. Chúng tôi chỉ cần phải chú ý đến phức hợp tinh thần của ông thôi, và kết quả sẽ tương tự như thế.

- Tuyệt! Tuyệt lắm! Ngày số 14, anh sẽ nói với tôi rằng anh không bao giờ hoài nghi về sự đúng đắn trong ý kiến của riêng mình chứ?

- Vâng, không bao giờ! - Albert Penchelet trả lời.

- Nhưng nếu kỉ luật đảng không cho phép thể hiện các ý kiến của anh cho đến cùng thì sao?

- Dẫu sao tôi cũng sẽ nêu ra!...

- Ồi chao ơi! Nhưng điều đó là nguy hiểm!

- Tôi sẽ gia nhập đảng khác... hoặc sẽ thành lập đảng mới của mình.

- Tốt. Và nếu anh biết vợ anh không chung thủy với anh thì sẽ ra sao?... Ở đây tôi chỉ nêu giả định thôi, anh hiểu ý tôi chứ?

- Tôi sẽ tống cô ta khỏi nhà.

- Được. Ngài thấy không, điều cuối cùng này nên gượng nhẹ tí chút. - Ông béo thở dài khi quay sang nói với ngài Otto Dupont.

- Xin tùy ông. Nhưng ông hãy lưu ý rằng bất cứ lúc nào ông cũng có thể đến gặp chúng tôi để có những hiệu chỉnh bổ sung.

Albert Penchelet đi xuống khỏi sân khấu trong tiếng reo tán thưởng. Có bà nào đó thậm chí còn kêu to với anh từ mãi cuối phòng:

- Hoan hô!

Người ta chúc mừng anh, tuy nhiên không phải là không có lời châm chọc ở hậu trường.

- Anh làm cho người ta thích đấy.

- Anh cố gắng thế thật vô ích.

- Tất nhiên, tính cách của anh rất có lợi thế. Thật thú vị nếu biết được làm sao anh có thể xử lý được tính cách khác đây.

Albert Penchelet bắt đầu thấy khó chịu với tất cả sự ghen tị nghề nghiệp này, với sự làm bộ làm tịch đáng thảm hại anh bỏ ra ngoài khu vườn. Iolande Vensene đã đợi anh ở chỗ họ gặp nhau từ trước. Lần này cô chỉ có một mình.

- Cô đấy ư! Hay quá! - Anh tỏ vẻ sung sướng. - Tôi cần phải tránh thoát khỏi vở hài kịch ngu ngốc này. Con người ta thật nhỏ mọn và đố kỵ.

- Thế là nghĩa là mọi sự nơi anh đều trót lọt phải không?

- Vâng, tôi cho là như thế.

Cô xoay xoay lòng bàn tay, còn cái nhìn của cô tỏa rạng về trung thành đầy cảm mến:

- Em tự hào vì anh đấy. Anh kể em nghe về những ấn tượng của anh đi.

Anh ngồi xuống bên cạnh cô và không rời mắt khỏi cô trong khi nói chuyện. Cô thật xinh xắn và thật mảnh mai, yếu ớt đến nỗi khiến cho người ta bất giác những muốn bảo vệ cô, đồng thời Albert Penchelet thấy trong anh thức dậy niềm mong muốn được bảo trợ cho ai đó. Bên cạnh cô gái dịu dàng ấy anh cảm thấy mình mạnh hơn, can đảm hơn, anh nắm trái một cảm thức dễ chịu về trách nhiệm. Anh là kẻ làm chủ tình hình. Anh đặt bàn tay lên gối Iolande Vensene. Cô giật mình và cúi đầu xuống thấp.

Vào những ngày sau đó Albert Penchelet hăng say tranh đấu với những suy nghĩ về tình yêu. Điều đó tuyệt nhiên không phải vì được làm kẻ thâm yêu trộm nhớ là việc chẳng lí thú gì. Chỉ đơn thuần do anh nghĩ sẽ là khôn ngoan, lí trí hơn nếu không chấp nhận một cách nghiêm chỉnh những tình cảm của mình để đánh giá chúng tỉnh táo hơn. Song ngay sau đó anh hiểu rằng chỉ cần nhìn thấy Iolande Vensene là những mối nghi hoặc nặng nề nhất trong thâm tâm anh liền tan biến đi ngay. Anh nghĩ về cô, mơ ước về cô, vẽ nên trong trí tưởng tượng của mình những cảnh đam mê làm anh mệt mỏi hơn là những vuốt ve trìu mến thực sự.

Vào một buổi chiều tối chủ nhật, một vài phút trước lúc tan giờ làm việc, anh hôn cô. Cô gái không cưỡng lại mà chỉ rên rỉ như con thú nhỏ. Trong ánh chạng vạng anh nhận thấy vẻ thỏa

mãn trên khuôn mặt cô. Anh hôn cặp môi cô hơi hé mở và cảm thấy hương đưa thoảng nhẹ. Anh ngây ngất với hạnh phúc.

Đến ngày hôm sau anh gặp Iolande Vensene chỉ vào lúc năm giờ chiều. Anh bước đi vẻ dứt khoát và kiên quyết trên con đường nhỏ mà họ đã chọn để gặp gỡ. Anh bước lại gần cô và cầm lấy tay cô. Nhưng cô đột ngột rút tay ra và cười vàng.

- Em sao thế? - Anh hỏi.

- Sao à? Chẳng có gì cả đâu.

Anh chăm chú nhìn cô. Nơi cô gái đã có điều gì đó thay đổi. Cái nhìn của cô đầy vẻ khiêu khích. Iolande Vensene ngẩng cao đầu và cười với khóe miệng mở to, cười một cách thành thực và thậm chí có vẻ xác xược. Những điều này đã khiến anh ngỡ ngàng.

- Vì sao anh đã không thấy em khi sáng?

- Em đi tiêm mà.

Nỗi kinh hoàng choán ngợp lấy mọi suy nghĩ của Albert Penchelet.

- Thế bây giờ em là ai?...

- “Một phụ nữ khôn ngoan, chín chắn, có quyền lực, tháo vát thạo việc, thích nghệ thuật ẩm thực”. Ngài giáo sư đã hoàn toàn hài lòng.

Dường như cô vui mừng với bộ mặt có tính cách mới như thích thú với bộ cánh mới vậy.

Albert Penchelet ngồi phịch xuống ghế mà trong lòng thấy sầu muộn khôn xiết.

- Không thể được! - Anh rên rỉ. - Một tạo vật kiểu diễm, một sự thù mị nét na, tình cảm sâu lắng, suy nghĩ mộng mơ, chính em là thi ca mà.

- Anh có thể giả biệt với tất cả những điều đó.

- Thế có nghĩa là anh phải chia tay với tình yêu của mình sao?

- Chà, đó là một việc khác! Chúng ta sẽ bắt đầu từ việc anh là một kiểu đàn ông đích thực. Em chỉ yêu cầu anh để ria và cắt ngắn móng tay đi.

- Iolande! Iolande ơi! Điều này có thể là thực được chăng?

- Ở đây, trong tòa nhà này mọi sự đều có thể, anh yêu ạ. Anh không có xì gà à? Thật tiếc. Em mê xì gà lắm. Anh hãy ngồi gần lại em đi. Anh đừng có tự nguyện tạo những tấn kịch nữa. Để em hôn anh nào.

Cô cúi mình xuống bên anh và đặt lên đôi môi anh một cái hôn khéo léo, thành thạo của một người phụ nữ đã lọc lõi chuyện đời.

- Ối chao! Thật tuyệt! - Cô kết luận.

Một cơn giận dữ thầm lặng trỗi dậy trong con người Albert Penchelet. Trong cơn bùng phát dữ dội anh buộc tội Iolande cứ như điều đó là do chính cô gây ra vậy. Anh khinh bỉ cô vì niềm vui đó nơi cô.

- Cô là... một gã nam tính sao! - Anh gầm gừ, giọng rít qua kẽ răng. - Nhưng cô đừng có quên: tôi chi phối mọi sự ở đây. Tôi sẽ đuổi cô, tôi sẽ tiêu diệt cô.

Cô mỉm cười với tiếng cười đầy vẻ lố bịch.

- Thôi im đi. - Anh kêu lên.

Cánh tay anh đã giơ lên chực giáng một cái tát. Nhưng chưa kịp làm điều đó thì một cú tát đã làm má anh rát bỏng.

- Hãy dịu đi, anh yêu ạ. - Cô nói.

Và cô bỏ đi, miệng huýt sáo vang và lạc điệu một giai điệu bài hát nào đó của dân chèo bò miền Viễn Tây nước Mỹ.

Sau sự biến ấy Albert Penchelet đã trải qua mấy giờ đồng hồ trong nặng nề đau khổ. Anh đã buồn thảm cho tình yêu đã chết, anh thấy căm thù ngài giáo sư, thề rằng ngày mai sẽ bỏ bệnh viện này mà đi. Nhưng một sự yếu đuối, nhụt chí khó hiểu nào đó đã níu anh lại. Vả lại, anh đã đi tìm gặp Iolande, anh đi vợ vẫn gần khối nhà phụ nữ, lúc đó cô đang ngâm xì gà đi dọc theo chỗ hàng rào chắn song. Khi anh nhìn thấy cô, một sự chấn động giần giật nơi các sợi thần kinh trong anh. Anh buộc phải thừa nhận rằng anh yêu cô cả khi cô có khuôn mặt tinh thần mới này. Sau cái khí chất của một người đàn bà bạo liệt mà đã khiến anh tuyệt vọng, sau khuôn mặt kín đáo lạnh lùng làm anh phải rối trí buồn chán kia ẩn giấu một sinh thể dịu dàng mà những nét quyến rũ của sinh thể ấy chưa hề tan biến mất. Những phát tiêm của giáo sư Dupont đã làm thay đổi bề mặt, nhưng những sức mạnh bề sâu, những góc kín của tâm hồn, những nguồn nóng hổi của cuộc sống và tình yêu vẫn không hề bị xâm phạm. Albert Penchelet đã tìm được nơi anh lòng can đảm làm lành với Iolande, chịu đựng những cơn đồng đánh của cô, lắng nghe một cách nhẫn nại những lời huyền thoại không dứt. Anh nhìn vào thẳm sâu trong tâm hồn cô.

Anh đã toan giải thích cho cô nghe điều đó. Cô chẳng hiểu gì và bèn gọi anh là chàng thông minh.

Tuy nhiên, một vài ngày sau đó, cả số đăng kí 14 cũng thay đổi bộ mặt của mình. Huyết thanh “mơ mộng” do không đủ nồng độ nên đã biến thành “nhu nhược”. Cũng lúc đó, hợp đồng đã bị bãi bỏ và ngài Otto Dupont chẳng vội vã gì trong việc sửa chữa sai sót đã phạm trong tính cách người thử nghiệm của mình. Iolande Vensene đón gặp sự chuyển hóa ấy với vẻ khó chịu ra mặt.

- Với em thì tình yêu là cuộc chiến đấu. - Cô nói - Vậy thì làm sao có thể tranh đấu với một kẻ suy nhược như trùng amíp đây?

- Em nói đúng, anh cũng thấy đáng ghét với chính mình. - Albert Penchelet than vãn. - Anh là một con người nhỏ bé thảm hại! Anh không xứng với em. Chao, giá như anh có đủ lòng can đảm tự vẫn nhỉ...

Đầy lòng thương cảm, cô cố gắng thổi vào anh dẫu chỉ đôi chút lòng dũng cảm và tự tin. Nhưng cô không thể thực hiện được việc giáo dục ấy vì chẳng bao lâu sau cô đã trở thành một “bà chủ xinh xắn với khuynh hướng đạo đức giả và có những khả năng toán học”. Từ ngày hôm đó Albert Penchelet thôi không lôi cuốn sự chú ý của cô nữa. Anh liền ve vãn tán tỉnh cô, thì thầm những lời bộc bạch tình tứ, nhét thư qua khe cửa. Thậm chí có lần anh đã đề nghị Fosten Vantre đứng ra bênh vực cho anh. Nhưng sang ngày hôm sau chính anh lại trở thành “Kẻ hoang phí đời, được phụ nữ chiều chuộng và say mê trò bài bạc”. Trở nên thất vọng và mê đắm tình yêu, Iolande Vensene cố gần gũi anh. Nhưng anh xử sự với cô một cách cao

ngạo, làm bộ làm tịch với vẻ lỗ mãng của một kẻ tán gái sốt sáng và tỏ ý muốn theo đuổi các cô y tá hơn. Anh không bỏ qua một người phụ nữ nào hết. Anh chặn họ lại, lấy tay hất cằm họ lên và nói với họ bằng thứ giọng êm ái:

- Cặp mắt nhỏ đẹp quá!... Anh muốn chìm trong ấy và quên lãng mọi sự!...

Nhưng ở nơi sâu thẳm tâm hồn, sự quyến luyến của anh với Iolande Vensene không hề giảm bớt chút nào.

Cả hai con người, hai sinh thể ấy mà những tính cách của họ thay đổi chẳng hợp lúc chút nào đều đau khổ vì sự tồn tại một hạnh phúc chỉ ngẫu nhiên và chóng qua. Chiếc bơm tiêm của ngài Otto Dupont với sự nghiệt ngã nhẫn tâm của số phận đã chi phối cuộc đời họ. Toàn bộ những niềm vui và đau khổ của họ đều phụ thuộc vào phát tiêm tâm thường nơi mông đít. Vào những thời khắc hiếm hoi của sự hòa hợp trọn vẹn họ than khóc cho tình trạng dễ đổ vỡ chẳng chút vững bền trong mối tình gắn bó họ. Được ở bên nhau, tâm tình, hiểu nhau, yêu nhau như người ta vẫn yêu, và biết rằng chẳng lâu la gì họ sẽ lại trở thành những kẻ xa lạ với nhau. Họ sống trong nỗi kinh hoàng mãi mãi trước tương lai. Sợ hãi chính bản thân mình. Sợ người yêu của mình. Được cãi cọ, được xúc phạm nhau, rồi tha thứ; làm người mình yêu kinh ngạc và tự mình ngạc nhiên, rồi cứ liên tục thay đổi. Sự xoay vần liên tục đó của cảm giác và tình cảm đã khiến họ mệt mỏi đến nỗi không còn tỉnh trí nữa. Họ đã không còn nói thế này nữa: “Anh yêu em” hay “Em yêu anh” mà nói: “Hôm nay anh yêu em xiết bao”, “Em yêu anh quá hôm nay!” Họ không còn nói: “Chúng ta sẽ làm điều đó, nào hãy đi chơi đâu đó đi”, mà họ nói: “Nếu em sẽ không thay đổi nhiều

thì chúng ta sẽ làm điều đó, sẽ đi chơi nơi nào đó”. Lịch trình bệnh viện với họ đã trở thành một thời gian biểu quy định có những niềm hi vọng hay nỗi kinh hoàng.

- Đến ngày hai mươi lăm em được ấn định là “người đàn bà nhẹ dạ, yêu quý con cái của người khác”.

- Em nghĩ thế nào, chúng ta sẽ có thể thỏa thuận và ăn ý với nhau được không?

Cô nhìn anh với nỗi buồn sâu sắc:

- Em e là không đâu anh Albert ạ.

Anh bèn chạy tới chỗ Fosten Vantre và khẩn cầu lui thời hạn tiêm lại đôi ngày và tiêm truyền cho Iolande tính cách phù hợp với tính cách của riêng anh đang có. Tất cả những yêu cầu đó đều vô ích. Các đồng nghiệp của Albert Penchelet rất thông cảm với đôi lứa yêu nhau ấy. “Đôi lứa tác kè hoa*”, như số 13 đã gọi họ, là đề tài rộng khắp của những cuộc nói chuyện. Albert Penchelet toan tính lợi dụng sự nổi tiếng ấy để gây nên một cuộc dấy loạn của những người thử nghiệm chống lại ngài giáo sư Dupont. Nhưng người ta không ủng hộ anh. Như đã dự đoán trước, những kẻ âm mưu đã không có đủ sự nhất quán trong các ý tưởng.

Về phần mình, Iolande đề nghị bà mẹ giúp đỡ.

- Chà, giá như con vẫn được yêu anh ấy dù chỉ ngày mai nữa thôi! - Cô nhắc lại.

- Tương lai nằm trong tay của ngài giáo sư. - Bà mẹ lắc đầu.

Cho tới cuối tháng chín, đôi lứa yêu nhau bị hành hạ đau khổ ấy đã quyết định thôi việc. Họ lên phòng ngài Otto Dupont,

họ giải thích cho ông ta hay về nguyên nhân và xin lỗi vì họ không thể hoàn toàn thực hiện hết thời hạn hợp đồng hai năm. Ngài Otto Dupont không chỉ đại lượng tha thứ cho sự bội ước của họ mà thậm chí còn hứa cấp khoản trợ cấp nhỏ trong ba năm đầu tiên khi họ bước vào cuộc sống gia đình. Phát tiêm cuối cùng đã trả lại cho họ những tính cách có từ lúc ban đầu. Họ tiếp nhận lần tiêm này với một vẻ sùng kính.

Một tháng sau đó họ kết hôn và thuê một căn hộ hai phòng ở khu cổng Ý Đại Lợi.

*

Trong thời gian đầu, cuộc sống lứa đôi của họ thật hạnh phúc. Cặp vợ chồng trẻ thấy khó mà tin được rằng cuối cùng họ đã được ở bên nhau, được đi ngủ và tỉnh giấc với chính con người mình đã yêu quý, được biết rằng khi đi vắng thì khi trở về sẽ được chính khuôn mặt yêu thương đó chờ đợi và được nghe chính những lời nói ấy, và được thừa nhận chính mình có lỗi trong những điều hiểu lầm có thể xảy ra chứ không phải là ai khác!

- Em mừng tượng mình đang mơ! - Iolande thầm thì.

Albert nâng những ngón tay cô lên môi mình:

- Được hi vọng, được tin tưởng và xây dựng các kế hoạch thật tuyệt vời bao! Em còn nhớ những trò tếu nực cười của cô gái bạo liệt chứ?

- Nực cười sao? Hoàn toàn không phải thế. Thế còn anh ở vai trò một gã tán gái suông sã thì sao đây!

Họ cũng cất tiếng cười về những nỗi đau khổ đã qua.

Có một lần vào chủ nhật họ quyết định đi thăm xã giao ngài giáo sư Dupont. Họ quay trở về nhà với tâm trạng phảng phất buồn và hơi lo lắng.

- Thế anh có nhận thấy là người ta đã xây thêm một căn nhà nữa lấn vào khối nhà của những người thử nghiệm ở phía bên dành cho phụ nữ không?

- Và họ đã thu hẹp cái vườn...

- Không, đây là trước đây chúng ta có cảm giác khu vườn là to đấy thôi.

*

Ngày tháng trôi đi, và Albert Penchelet trở nên trầm ngâm, im lặng và căng thẳng. Iolande không muốn ra ngoài nhà nữa và suốt ngày ngồi trong ghế bành trước cửa sổ, cô nhìn những chiếc ô tô ngược xuôi tất tả trong mưa. Anh đứng dậy, lại gần cô, hôn cô vào trán và chậm rãi lê bước về góc của mình. Đồng hồ cứ điểm chuông báo thời khắc trôi.

- Em yêu, chúng mình sẽ làm gì tối hôm nay?

- Anh muốn làm gì cũng được, anh ạ.

Albert Penchelet buộc phải thừa nhận rằng anh cảm thấy quá buồn tẻ khi sống với vợ mình. Còn cô cũng phải công nhận nơi tính cách chồng cô không có đủ sự bất ngờ nuôi dưỡng tính hấp dẫn.

Ngày này qua ngày khác cũng vẫn người đàn ông ấy và cũng vẫn người đàn bà ấy. Họ nhớ về những ngày xưa ở bệnh viện thực hành khi cuộc gặp gỡ nào cũng tiềm chứa một cái gì đó chưa lường trước được. Con cuồng hứng của tưởng tượng đã

chuẩn bị thật kém cỏi để họ thích ứng với thời điểm hiện tại này. Giờ đây thì chẳng có gì có thể xảy ra, cả những điều đau khổ lẫn vật lộn những điều tuyệt vời sung sướng. Hiện tại chỉ là một địa ngục của đơn điệu và bình an, no ấm. Albert Penchelet đã kiếm cho mình một cô nhân tình mà vợ không hề hay biết. Iolande cũng tìm được nhân ngãi. Nhưng rồi những mối quan hệ ấy thật chóng phai tàn. Trong buồn khổ và ăn năn hối hận, họ trở lại với nhau. Cả hai người đều bực bực.

- Em đã phản bội anh, anh yêu quý của em.

- Em yêu, cả anh cũng đã lừa dối em.

Cả hai đều nom thật nhợt nhạt. Trán nhăn lại, Albert Penchelet biện bạch một cách rầu rĩ:

- Em thấy không, trước đây anh đã phản bội em là với chính em. Hết tuần này sang tuần khác em cứ vừa là em vừa là cô gái khác, và anh cũng vừa là anh và cũng không phải là anh...

- Ôi, anh hiểu em rõ quá đi thôi!

- Anh đã sợ mất em. Nhưng khi mất em, không hiểu sao anh lại có em trong người con gái khác. Em vừa hiển hiện vừa ẩn khuất. Em vừa thuộc về anh và cũng lại không thuộc về anh.

- Anh có còn nhớ khi xưa em đã bảo anh: "Với em thì tình yêu là một trận chiến đấu!" không? Khi đó anh là một con người bạc nhược thảm hại mà. Ôi chao, em sao mà muốn anh lại trở thành con người như thế nữa.

- Còn anh ước ao em lại biến thành cô gái thông thái kì quặc với những khả năng xuất sắc về toán kia.

- Ôi, anh Albert! Anh Albert nhỉ? Bọn mình đã mất thật quá nhiều!

Cô bắt đầu bật khóc:

- Cả đời, - cô than thở thật cay đắng, - anh sẽ là anh, còn em sẽ chỉ là em! Điều đó quả thực không thể chịu đựng nổi, phải không anh?

Bằng những nụ hôn nồng nàn âu yếm anh lau khô những giọt nước mắt của cô, rồi anh thầm thì:

- Đúng rồi Iolande ạ! Điều đó quả không thể chịu được! Không thể chịu đựng nổi!

*

Ngày hôm sau, Albert Penchelet cùng vợ mình trở lại phục vụ tại bệnh viện thực hành của ngài giáo sư Otto Dupont.

NGUYỄN CHIẾN *dịch theo bản tiếng Nga.*

VỀ NHỮNG CUỘC PHIÊU LÃNG VĨNH CỬU VÀ TRÁI ĐẤT

RAY BRADBURY (Mĩ)

Henry William Field đã suốt bảy chục năm trời liên tục viết những truyện ngắn mà chưa bao giờ có ai đăng tải, và thế là có một lần vào lúc mười hai giờ rưỡi đêm ông nhổm dậy khỏi giường rồi thiêu cháy tất cả mười triệu chữ. Ông đem toàn bộ số bản thảo xuống tầng hầm trong ngôi biệt thự cũ ảm đạm của mình, đưa vào phòng lò hơi và quăng chúng vào lò than rừng rực.

- Thế là hết, - ông nói, và vừa đi vừa suy nghĩ về những tác phẩm đầy công lao động nay đã thành công dã tràng và cuộc đời uổng phí của mình ông quay trở lại phòng ngủ, nơi chất chứa, đầy những thứ đồ cổ kì quái đủ loại, và nằm xuống. - Mình thật đã uổng phí khi cố sức điều hình cái thế giới điên rồi này, đó quả là một sai lầm. Năm 2257, những trái tên lửa, những kì quan nguyên tử, những cuộc phiêu lưu tới các hành tinh xa lạ và những mặt trời kép. Ai đã đủ sức để làm việc đó chứ. Tất cả các văn sĩ đều đã thử sức. Song chẳng có tác giả hiện đại nào thành công cả.

Vũ trụ quá bao la, ông suy tưởng, những con tàu vũ trụ xuyên các vì sao bay với tốc độ quá nhanh, những phát minh của khoa học nguyên tử thật quá bất ngờ. Nhưng dầu sao thì những người khác được đăng thật quá chật vật, còn ông, một

con người giàu có và nhàn hạ, lại đã tiêu phí của cuộc đời thật trống rỗng, vô ích.

Ông đã dần vật với những ý nghĩ ấy suốt cả giờ đồng hồ, sau đó ông dậy và lập cập đi qua các căn phòng tối thăm trong bóng đêm để đến thư viện. Ông bật đèn lên. Giữa những cuốn sách mà đã nửa thế kỉ nay chưa có ai động chạm tới, ông hú họa rút ra một quyển. Quyển sách ấy đã có tuổi ba thế kỉ, những trang sách cũ kĩ đã ngả màu vàng, nhưng ông đã bập vào quyển sách này và ngẫu nhiên đọc nó cho tới lúc bình minh hé rạng...

Lúc chín giờ sáng, ông Henry William Field chạy ra khỏi thư viện, ông gọi gia nhân và đích thân dùng điện thoại truyền hình mời các vị luật sư bạn bè, các nhà bác học và nhà văn tới nhà mình.

- Xin các vị đến đây ngay! - Ông gào to.

Không đầy một tiếng sau, tại nhà ông đã tề tựu chừng mười hai người, ông Henry William Field đợi họ trong phòng giấy - đầu tóc bù xù, râu ria chưa cạo, trạng thái kích động đến mức khiếm nhã, tâm trạng chan chứa một sự vui vẻ cuồng nhiệt khó hiểu thế nào đó. Hai bàn tay khô héo giữ chặt lấy cuộn sách dày cộp, ông chỉ cười đáp lại khi mọi người chào hỏi.

- Các vị hãy nhìn xem, - cuối cùng ông cũng lên tiếng, - đây là quyển sách đó, một con người khổng lồ sinh ra ở Asheville tiểu bang Bắc Carolina đã viết nó vào năm một ngàn chín trăm. Ông đã về thế giới bên kia từ lâu rồi, thế mà từng có một khi ông đã cho in bốn pho tiểu thuyết lớn. Ông xuất hiện như một trận cuồng phong. Ông thổi bạt những ngọn núi và hút nhận

vào mình những trận gió. Ngày mười lăm tháng chín năm một ngàn chín trăm ba tám ông qua đời ở Baltimore trong bệnh viện John Hopkins vì một loại bệnh khủng khiếp thời xưa là bệnh viêm phổi, sau khi chết ông để lại một chiếc vali nhét chặt những tập bản thảo - tất cả đều được viết bằng bút chì.

Mọi người đều nhìn quyển sách.

Đó là cuốn “Hồi thiên thần, hãy ngoái nhìn lại quê nhà”.

Ông già Field còn đặt lên bàn ba quyển sách nữa. “Về thời gian và về con sông”, “Mạng nhện và ghềnh đá”, “Em chẳng thể về nhà được nữa”.

- Thomas Wolfe* đã viết những tác phẩm này, - ông nói. - Ông đã yên nghỉ được ba thế kỉ trong lòng đất xứ Bắc Carolina.

- Chẳng lẽ ngài triệu gọi chúng tôi tới đây chỉ để chỉ cho xem các quyển sách của một ông văn sĩ nào đó đã chết lâu rồi hay sao? - Các bạn ông ngạc nhiên hỏi.

- Không, không chỉ có vậy! Tôi đã mời quý vị tới đây bởi vì tôi hiểu rằng Tom Wolfe chính là con người mà chúng ta cần tới! Đó chính là người được sinh ra để viết về những điều kì vĩ, về thời gian và không gian, về mọi thiên hà và chiến tranh trong vũ trụ, về những thiên thạch và những hành tinh ông đã yêu và mô tả điều vĩ đại và khủng khiếp và tất cả những gì tương tự. Duy chỉ có điều ông sinh ra trên đời này quá sớm. Ông đã cần đến một vốn tư liệu thực sự tráng lệ, song ông đã chẳng tìm được gì như vậy trên Trái đất. Lẽ ra ông phải ra đời không phải là một trăm ngàn ngày trước đây mà phải là hôm nay.

- Tôi e rằng ngài đã muộn màng đôi chút rồi đấy, - giáo sư Boulton nhận xét.

-Ồ không! - Ông già cắt ngang lời. - Chính tôi sẽ không cho phép hiện thực lừa dối tôi. Thưa ngài giáo sư, ngài hãy tiến hành các thí nghiệm du hành trong thời gian. Tôi hi vọng trong tháng này ngài sẽ làm xong cỗ máy của mình. Tôi xin đưa ngài tấm séc này, ngài hãy tự tay điền số tiền. Nếu ngài sẽ còn cần thêm tiền chỉ cần nói với tôi một lời thôi. Bởi chính ngài đã từng du hành vào quá khứ rồi phải không, thưa ngài giáo sư?

- Vâng, trở về vài năm trước, nhưng không phải hàng thế kỉ...

- Song chúng ta sẽ đạt tới nhiều thế kỉ! Và tất cả các quý vị, - nói đến đây ông ngược cặp mắt long lanh đầy phấn khích nhìn tất cả mọi người có mặt - sẽ giúp đỡ ngài Boulton. Tôi cần có Thomas Wolfe.

Mọi người đều thốt lên “ồ chà”.

- Vâng, - ông già khẳng định. - Đó là điều tôi đã dự liệu. Các ngài hãy đem Wolfe từ quá khứ về cho tôi. Chúng ta sẽ cùng thực hiện một nhiệm vụ vĩ đại, chuyến bay từ trái đất lên sao Hỏa sẽ được mô tả đúng như Thomas Wolfe viết vì chỉ có mình ông mới có thể làm được điều này.

Sau đó mọi người ra về, còn Field ngồi lại một mình với những quyển sách của mình, ông lật giở những trang giấy cũ xưa, ông gật đầu và thầm thì lẩm bẩm:

- Quả vậy, tất nhiên rồi! Tom - đó chính là người chúng ta cần. Tom là con người thích hợp nhất cho sự nghiệp này.

*

Một tháng chậm chạp kếp dài lê thê. Những ngày cứ bướng bỉnh không muốn rời xa cuốn lịch, các tuần dầm dề mãi không hết, và Henry William Field đã sẵn sàng gào rú lên vì tuyệt vọng.

Khi tháng đó đã sắp hết, bỗng một đêm ông tỉnh giấc lúc nửa đêm. Tiếng chuông điện thoại vọng ông dậy. Field chìa tay với điện thoại trong bóng tối.

- Alô, tôi nghe đây.

- Tôi là giáo sư Boulton gọi cho ngài đây.

- Ngài sẽ thông báo điều gì vậy?

- Một giờ nữa tôi sẽ xuất phát.

- Ngài sẽ xuất phát à? Ngài đi đâu? Sao vậy, ngài bỏ công việc sao? Không thể được.

- Xin thứ lỗi, thưa ngài Field. Tôi xuất phát nghĩa là tôi sẽ lên đường mà.

- Vậy là thực sự ngài sẽ bay ư?

- Vâng, sau một tiếng nữa.

- Trở về năm một ngàn chín trăm ba mươi tám? Ngày mười lăm tháng chín?

- Vâng.

- Ngài đã ấn định chính xác ngày tháng rồi à? Thế bỗng nhiên ngài tới khi ông ấy đã chết rồi thì sao? Ngài hãy chú ý

đừng đến muộn nhé! Ngài hãy cố trở về đó sớm ít ra một tiếng trước khi ông ấy qua đời.

- Được.

- Tôi xúc động quá, giữ ống nghe trong tay mà cứ run lên. Ngài Boulton, chúc ngài thượng lộ bình an! Ngài hãy đưa ông ấy về còn sống và nguyên vẹn.

- Xin cảm ơn ngài. Tạm biệt.

Trong ống nghe vang lên tiếng tách chấm dứt cuộc đàm thoại.

Henry William Field nằm mà không ngủ, cả đêm ông tính từng phút trôi qua. Ông nghĩ về Tom Wolfe như về một người em trai bị lưu lạc đã lâu mà phải dựng sống dậy nguyên vẹn từ dưới tảng đá nắp mộ lạnh giá, trả lại cho con người đó xương thịt và máu, hơi thở và lời nói. Cả người ông xốn xang cứ mỗi lần nghĩ tới Boulton, về việc ngọn gió thời gian đang đem ông trở lại tới những mốc năm tháng khác, tới những con người khác xa lạ của quá khứ.

“Tom, - trong lúc mơ màng ông nghĩ với một sự trìu mến yếu ớt, tựa hồ một người cha già kêu gọi đứa con trai yêu dấu đã biệt tích từ lâu, - Tom, giờ đây con ở đâu? Hãy về đi, chúng ta sẽ giúp đỡ con, con nhất định phải về, con thật cần cho chúng ta! Ta đây không đủ sức làm điều đó, Tom ạ, không ai trong số chúng ta đây bây giờ đủ sức cho sự nghiệp ấy. Nếu chính ta không thể làm được điều đó thì ta sẽ giúp con làm được. Ở bên chúng ta con có thể dễ dàng đùa bỡn với hỏa tiễn, Tom ạ, với con thì những vì sao chỉ là một vốc tay những viên bị thủy tinh đầy màu sắc mà thôi. Con hãy lấy tất cả những gì

con thích, ở bên chúng ta có đủ mọi thứ. Con sẽ thấy thích và hợp với sự nhiệt tình và những cuộc du hành của chúng ta - vì những điều đó là được tạo ra cho con mà. Chúng ta, những người hiện tại, chỉ là những tay thợ viết đáng thương, Tom ạ, cha đã đọc tất cả họ rồi, và chẳng có ai xứng với con hết. Cha đã vượt trội nhiều, rất nhiều những tác phẩm của họ, Tom có biết chẳng, song ta chưa có lúc nào và ở bất cứ đâu lại cảm nhận được không gian - và con cần cho chúng ta để cảm nhận điều đó! Hãy đem lại cho già này những gì mà ta đã khao khát vươn tới suốt cả đời, chà, xin thượng đế hãy chứng giám, ta đã luôn luôn mong chờ rằng chính ta hay một người khác cuối cùng sẽ viết được một tác phẩm thực sự kì vĩ về những vì sao - và ta đã hoài công chờ đợi. Các nhà phê bình bảo rằng cuốn sách tuyệt vời này đã hình thành trong đầu óc con, nhưng cuộc đời con lại đã bị ngắt đoạn. Song một cơ hội đã tới, Tom ạ, con sẽ không bỏ lỡ nó chứ? Chính con sẽ nghe lời và đêm nay sẽ tới và sẽ ở đây vào buổi sáng khi ta tỉnh giấc chứ? Hỡi Tom, đó là sự thật phải không?

Mí mắt Field đã nhắm, khóe miệng lúc này liên tục lấp bắp lời khẩn cầu đã mím, đôi môi đã khép.

Đồng hồ điểm bốn giờ.

Ông tỉnh giấc hoàn toàn tỉnh táo lúc ban sớm và cảm nhận trong lòng một nỗi xao xuyến bồi hồi ngày càng tăng. Ông còn sợ cả việc chớp mắt vì nhớ ai đó đang chờ đợi ông đâu đấy trong nhà sẽ vùng chạy đi, đóng sầm cửa lại và biến đi mãi mãi. Ông áp hai bàn tay lên khuôn ngực già nua lép kẹp.

Kìa... đằng xa... có tiếng bước chân... các cửa ra vào lần lượt được mở ra và khép lại. Có hai người bước vào phòng ngủ.

Field nghe thấy tiếng thở của họ. Và ông còn phân biệt được dáng điệu của họ nữa. Một người có những bước đi ngắn cẩn thận như bước chân nhện, - đó là ngài Boulton. Dáng đi của người thứ hai bộc lộ một con người cao lớn, khỏe mạnh, nặng nề.

- Tom đây ư? - Ông già thốt lên. Dẫu sao ông vẫn còn chưa mở mắt.

- Vâng, - cuối cùng ông cũng nghe thấy tiếng trả lời.

Khi Field vừa nhìn thấy Tom Wolfe, hình ảnh do trí tưởng tượng của ông đã thêu dệt nên nay đã đứt tung mọi đường nối như thứ quần áo quá chật trên cơ thể một đứa bé quá lớn trước tuổi vậy.

- Hãy cho ta ngắm anh, Tom Wolfe! - Field nói khi đang vụng về, lúng túng trườn ra khỏi giường. Ông run rẩy. - Nào hãy vén rèm lên hộ ta để ta nhìn anh ấy cho rõ! Tom Wolfe, chẳng lẽ đó là anh sao?

Chàng Tom Wolfe to béo nhìn ông từ trên cao, hai bàn tay nặng nề xò ra để khỏi mất thăng bằng trong cái thế giới lạ lẫm này. Chàng nhìn ông già rồi đưa mắt ngắm căn phòng, đôi môi chàng giật giật.

- Anh nom hệt như người ta thường mô tả, anh Tom ạ, duy chỉ có điều anh to lớn hơn thôi.

Thomas Wolfe cười anh cười khà khà rõ to, có thể anh cho rằng mình đã điên hay sẽ được nhìn thấy một cơn mơ kì lạ; anh bước lại chỗ ông già, chạm tay vào người ông, ngoái nhìn lại giáo sư Boulton, anh sờ đôi vai, đôi chân mình, cẩn thận húng hắng ho, đặt lòng bàn tay lên trán.

- Không sốt nữa, - chàng nói. - Tôi khỏe rồi.

- Tất nhiên, Tom ạ, anh khỏe mạnh.

- Một đêm thật lạ lùng! - Tom Wolfe nói. - Tôi đã ném trái đêm qua thật nặng nề. Tôi nghĩ chẳng có bệnh nhân nào trên thế gian này lại phải chịu gian khổ đến thế. Bỗng nhiên tôi cảm thấy mình đang trôi bồng bênh và nghĩ rằng mình đang sốt rừng rục. Và cảm nhận thấy bị trôi đi đâu đó và chợt nghĩ: thôi, thế là hết, mình đang chết đây. Có một người tiến gần lại tôi. Tôi nghĩ ấy là người chạy tin hỏa tốc của đức chúa trời. Ông ấy nắm lấy tay tôi. Cảm giác khiến tôi thấy có mùi của điện. Tôi bay vút lên và nhìn thấy một thành phố bằng đồng. Chà, tôi nghĩ, mình đã đến nơi rồi. Đây, vương quốc thiên đường đây, và kia là cổng vào. Người tôi cứ ngỡ từ đầu đến chân như bị vùi trong tuyết vậy. Tôi buồn cười đến nôn ruột, tôi phải làm một điều gì đó chứ, và tôi cuối cùng đã quả quyết là tôi đã phát điên rồi, ông không phải là đức chúa trời phải không? Nom dáng vẻ thì có vẻ không giống cho lắm.

Ông già cười.

- Không, không, Tom ạ, ta không phải là thần thánh, ta chỉ giả vờ thế thôi. Ta là Field. - Ông lại cười - thế cơ à! Ta nói vậy vì dường như chúa trời có thể biết Field là ai. Tom này, ta là Field, nhà tài phiệt - anh hãy cúi mình thấp nữa xuống, hãy hôn tay ta đi. Tôi là Henry Field, ta thích những tác phẩm của anh. Ta đã đưa anh về đây. Hãy lại gần ta đi.

Và ông già kéo Wolfe lại chỗ cửa sổ to lắp kính.

- Anh nhìn thấy những ngọn lửa trên trời chứ Tom?

- Vâng, thưa ngài.
- Anh nhìn thấy pháo hoa chứ?
- Có, tôi nhìn thấy.

- Này, cậu con trai của ta ơi, đó hoàn toàn không phải cái mà anh cho là thế đâu. Hôm nay không phải là ngày mồng bốn tháng bảy. Không phải như thời của anh trước đây. Ngày nào nơi chúng ta cũng là ngày độc lập. Con người đã tuyên bố rằng họ tự do không lệ thuộc vào trái đất. Quyền lực của sức hút trái đất đã bị phé truất từ lâu. Loài người đã chiến thắng. Kia là “cây nến La Mã” màu xanh đang bay tới sao Hỏa. Còn ngọn lửa màu đỏ là hỏa tiễn từ sao Kim trở về. Còn nữa, anh nhìn mà xem, có bao nhiêu con tàu vũ trụ và hỏa tiễn? Đủ các màu: màu vàng, màu xanh lam. Đó là những phi thuyền xuyên các vì sao...

Tom Wolfe căng cả hai mắt để nhìn hết như một đứa trẻ khổng lồ đang bị choáng ngợp trước những kì quan rực lửa nhiều màu sắc đang cháy sáng và quay tít trong giờ khắc tranh tối tranh sáng buổi sớm tháng bảy, rồi chúng bùng cháy và phát ra những tiếng nổ ùng chói tai.

- Bây giờ là năm nào?

- Năm hỏa tiễn. Anh nhìn này! - Ông già chạm vào một loài cây nào đó, thế là thứ cây ấy bỗng nở hoa ngay dưới tay ông. Những đóa hoa hết như ngọn lửa trắng và xanh lam. Chúng bùng cháy, lấp lánh những cánh hoa dài đượm màu mát mẻ. Những chiếc đài hoa của chúng có đường kính đến hai foot* và trở nên có màu xanh lạnh lùng, - Đó là những đóa hoa Trắng, - ông Field nói. - Chúng được mang về từ phía bên kia mặt trăng. - Ông lại chạm nhẹ vào chúng, và những bông hoa này lập tức

tung ra một trận mưa màu bạc, làm bắn tung những tia lửa màu trắng và tan đi trong không trung. - Năm hỏa tiễn. Đó là một cái tên thích hợp với anh đấy Tom ạ. Đó là vì sao chúng ta đưa anh trở lại đây: anh cần cho chúng ta. Anh là con người duy nhất có khả năng chế ngự được mặt trời mà không bị biến thành một nhúm tro thảm hại. Chúng ta muốn anh đùa rồn với Mặt Trời như với một quả bóng - rồn với mặt trời và các vì sao, và với tất cả những gì anh sẽ gặp trên chặng đường tới sao Hỏa.

- Tới sao Hỏa ư? - Thomas Wolfe ngoái lại, tóm lấy vai ông già và nhìn chăm chăm vào ông với vẻ nghi hoặc, khó tin.

- Phải vậy. Anh sẽ bay hôm nay vào lúc sáu giờ.

Ông già giơ lên chiếc vé nhỏ màu hồng rung rung trên không và chờ đợi cho đến khi Tom đoán chừng ra phải cầm lấy nó.

*

Đã năm giờ.

- Vâng vâng, tất nhiên tôi đánh giá rất cao tất cả những gì các ngài đã làm! - Thomas Wolfe thốt lên.

- Ngồi xuống, Tom. Anh hãy thôi chạy từ chỗ này sang chỗ kia đi.

- Thưa ngài Field, hãy cho tôi nói nốt, hãy để tôi kết thúc, tôi phải nói cho hết mọi điều.

- Chúng ta đã tranh luận bấy nhiêu thời gian rồi, - ông Field cất tiếng khẩn cầu vẻ mệt nhọc.

Họ đã nói chuyện từ bữa điểm tâm sáng đến trưa và từ trưa đến bữa dùng trà chiều, họ di chuyển từ phòng này sang phòng

khác (có đến cả thầy mười tám phòng như thế); cả hai người lúc nóng lúc bị lạnh rồi lại lên cơn sốt nóng.

- Tất cả quy tụ vào điều này, - cuối cùng Thomas Wolfe nói. - Tôi không thể ở lại đây được thưa ngài Field. Tôi phải quay về quá khứ. Đây không phải thời đại của tôi. Ngài không có quyền can thiệp vào...

- Nhưng...

- Công việc của tôi đang hồi bận rộn nhất, mà tôi vẫn chưa bắt đầu quyển sách hay nhất của mình, thế mà bỗng dưng các ngài lại chộp lấy tôi và đưa tôi vượt trước ba thế kỉ. Thưa ngài Field, ngài hãy gọi giáo sư Boulton lại đây. Hãy để ông ấy cho tôi vào cỗ máy ấy và đưa tôi trở lại năm một ngàn chín trăm ba mươi tám, về cái nơi là thời đại của tôi và xứ sở của tôi. Tôi không cần ở các ngài điều gì hơn thế nữa.

- Chẳng lẽ anh không muốn được nom thấy Hỏa Tinh sao?

- Tôi muốn lắm chứ. Nhưng tôi biết điều đó không phải dành cho tôi. Toàn bộ công việc của tôi sẽ tan thành mây khói. Cả một khối khổng lồ các cảm giác sẽ trút lên tôi mà tôi không tài nào chứa chất hết vào những tác phẩm của mình khi tôi trở về nhà.

- Anh không hiểu rồi, anh Tom ạ, anh thực sự chưa hiểu.

- Tôi hiểu rất rõ, ngài là kẻ ích kỉ.

- Tôi là kẻ ích kỉ ư? - Ông già hỏi lại. - Vâng, dĩ nhiên rồi, và còn gì nữa đây? Vì mình và vì những người khác.

- Tôi muốn trở về nhà.

- Anh Tom, anh hãy nghe này...

- Xin ngài gọi cho giáo sư Boulton.

- Tom, tôi thực đã chẳng muốn kể anh hay điều này... Tôi đã hi vọng là tôi sẽ không phải nói rằng không cần đến điều tôi sẽ nói đây. Nhưng anh đã chẳng để cho tôi sự lựa chọn nào khác.

Ông già chìa tay về phía bức tường buồng rèm, kéo rèm ra và sau khi mở một màn ảnh to màu trắng, ông bắt đầu cho quay chiếc đĩa, đồng thời ấn các con số nào đó; màn ảnh bật sáng và trở nên sinh động, những ngọn đèn trong phòng dần tắt đi - và trước mắt hai người xuất hiện một khu nghĩa địa.

- Ngài làm gì vậy? - Wolfe hỏi giật giọng, chàng bước lên trước và nhìn chăm chăm vào màn ảnh.

- Tôi đã hoàn toàn chẳng muốn làm điều này, - ông già nói.
- Anh hãy nhìn xem.

Khu nghĩa địa trải dài trước mắt họ dưới ánh nắng của một buổi trưa hè. Từ màn ảnh thoang thoảng mùi nồng nóng của đất mùa hạ, của đá hoa cương bị thiêu đốt dưới nắng, nghe thấy tiếng róc rách của dòng suối chảy gần đó. Con chim nhỏ nào đó đang hót trong những tán lá cây, màn ảnh chuyển động, bầu trời quay tròn, ông già xoay cái đĩa để tăng kích thước hình ảnh... kìa, giữa màn ảnh xuất hiện một tảng đá hoa cương sẫm màu ảm đạm - nó to dần, tiến lại chỗ hai người rồi choán ngập hết thảy, họ chẳng nhìn thấy gì nữa và không cảm nhận thấy điều gì hơn nữa, và trong bóng tối mờ mờ của căn phòng, sau khi ngược mắt lên, Thomas Wolfe đọc những dòng chữ khắc trên phiến đá hoa cương, chàng đọc lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba và sau khi thở dài, chàng đọc lại lần nữa vì đó là tên chàng:

THOMAS WOLFE

Và ngày tháng năm sinh, ngày tháng năm chết, và trong căn phòng lạnh giá tỏa hương thơm của loài dương xỉ xanh mướt.

- Xin ngài tắt đi, - chàng nói.
- Xin lỗi Tom nhé.
- Chà, xin ngài tắt máy! Tôi không tin điều này.
- Đó là sự thật.

Màn ảnh trở nên tối thẫm; và vòm trời lúc nửa đêm bao phủ lên căn phòng, căn phòng trở thành một cái hầm mộ, cả hai đều hơi cảm nhận thấy hương những đóa hoa hầu cuối cùng vương vất.

- Thế có nghĩa là tôi đã không phải vừa tỉnh giấc, - Thomas Wolfe nói.

- Đúng thế. Anh đã chết hồi ấy, tháng chín năm một ngàn chín trăm ba mươi tám.

- Và tôi đã chưa viết xong cuốn sách.

- Những người khác đã in tác phẩm đó, họ xử sự với nó rất mực cẩn thận, họ đã làm thay anh tất cả những gì cần thiết.

- Tôi đã chưa viết xong cuốn sách của mình, tôi chưa viết hết mà!

- Đừng có đau khổ như thế.

- Với ngài nói thật là dễ!

Ông già vẫn không bật đèn. Ông không muốn nhìn thấy Tom với bộ điệu khốn khổ như vậy.

- Ngồi xuống đi con trai.

Im lặng.

- Tom?

Không có câu trả lời.

- Ngồi xuống con trai yêu quý. Anh có muốn uống chút gì không?

Có tiếng thở dài, sau đó là tiếng gầm gừ bị nén lại như tiếng con thú bị thương đang rên rỉ.

- Điều này quả không công bằng, không trung thực! Tôi đã cần phải làm biết bao điều rồi!

Chàng bắt đầu nức nở không thành tiếng.

- Thôi đi, - ông già nói. - Nghe đây Tom. Hãy nghe lời ta. Anh còn sống đúng không? Ở đây và lúc này anh vẫn sống phải vậy chứ? Anh đang thở và cảm nhận được mọi điều, có đúng không?

Thomas Wolfe không trả lời ngay mà chần chừ:

- Vâng, đúng vậy.

- Thế đấy, - ông Field nhích người lên trước trong bóng tối. - Ta đã đưa anh tới đây Tom ạ, ta còn đem lại cho anh một khả năng. Hơn một tháng hay chừng một tháng. Chắc anh nghĩ là ta đã không khốc thương anh chăng? Ta đã đọc hết mọi cuốn sách của anh và sau đó đã nhìn thấy tám đá bia mộ bị gió mưa bào mòn suốt ba trăm năm và suy nghĩ thế là một tài năng như

vậy không còn nữa! ý nghĩ ấy đã thực sự làm tan nát cõi lòng ta, anh hãy tin như vậy. Thực sự làm tan nát! Ta đã không tiếc tiền của chỉ để làm sao tìm được con đường nào đó tới được với anh. Anh đã được một thời gian thêm cho cuộc đời - thực sự thời gian ấy thật ngắn ngủi, rất ngắn ngủi. Giáo sư Boulton bảo rằng nếu thực sự rất may mắn thì chúng ta có thể duy trì được các kênh thời gian mở trong hai tháng. Ông ấy sẽ giữ các kênh đó cho anh được hai tháng, nhưng không thể vượt hơn. Anh phải viết xong cuốn sách trong thời hạn ấy, Tom ạ, cái cuốn sách mà anh đã từng mơ ước viết xong, - không, không, con trai yêu của ta, không phải cuốn sách anh đã viết cho người cùng thời anh đâu, tất cả họ đã chết rồi và thân xác họ đã trở thành cát bụi, không thể làm thay thế được điều đó nữa. Không, bây giờ anh sẽ sáng tạo một tác phẩm cho chúng ta, những người đang sống, cuốn sách ấy rất cần cho chúng ta! Anh sẽ để lại tác phẩm ấy cho chúng ta còn vì chính bản thân anh nữa đấy, quyển sách đó về mọi phương diện sẽ cao hơn và hay hơn những tác phẩm trước đây của anh... anh sẽ viết nó chứ, phải không Tom? Suốt hai tháng này anh sẽ có thể quên đi tảng đá mộ chí, quên đi nhà thương và viết cho chúng ta? Anh sẽ viết, có đúng vậy không Tom?

Ánh sáng chậm chạp tràn ngập căn phòng. Tom Wolfe đứng và nhìn ra cửa sổ - chiếc cửa sổ to, dày dặn, nặng nề, còn khuôn mặt chàng nhợt nhạt, mệt mỏi. Chàng dõi nhìn những chiếc hỏa tiễn đang lướt đi trên bầu trời chiều đang thẫm tối.

- Lúc đầu tôi không hiểu các ngài đã làm điều gì với tôi, - chàng đáp. - Ngài đem lại cho tôi một chút thời gian, mà thời gian với tôi thì quý báu hơn và cần thiết hơn tất cả, nó vừa là bạn vừa là thù của tôi, tôi đã luôn luôn tranh đấu với nó, và có

lẽ tôi có thể cảm ơn ngài chỉ bằng một phương cách. Xin hãy cứ theo ý ngài. - Chàng ấp úng, nói vấp. - Thế tôi sẽ kết thúc công việc vào khi nào? Điều gì sẽ xảy ra vào khi đó?

- Anh sẽ trở lại bệnh viện Tom ạ vào năm một ngàn chín trăm ba mươi tám.

- Không thể khác đi sao?

- Chúng ta không thể làm thay đổi thời gian. Chúng ta đã tiếp nhận anh chỉ trong năm phút và sẽ đưa anh trở lại giường bệnh năm phút sau khi anh rời nó. Như vậy, chúng ta sẽ không xâm phạm điều gì. Tất cả những cái đó đã là lịch sử. Anh sẽ không xâm hại chúng ta bằng việc sống lúc này, trong tương lai, cùng với chúng ta đây. Nhưng nếu anh chối từ quay trở lại, anh sẽ làm tổn hại quá khứ, và điều đó có nghĩa là xâm hại tới tương lai, tại đó sẽ có nhiều điều đảo lộn và sẽ có sự rối loạn.

- Hai tháng, - Thomas Wolfe nói.

- Phải, hai tháng.

- Còn tên lửa đi sao Hỏa sẽ cất cánh sau một giờ nữa?

- Phải.

- Tôi cần giấy và những cây bút chì.

- Đây.

- Tôi cần phải sửa soạn. Tạm biệt ngài Field.

- Tom, chúc anh lên đường bình an.

Sáu giờ. Mặt trời đang lặn. Bầu trời ửng đỏ như màu rượu vang. Im lặng tràn ngập trong ngôi nhà rộng mênh mông. Trời

nóng nực, nhưng ông già thấy lên cơn rét. Rồi cuối cùng giáo sư Boulton xuất hiện.

- Thế nào ngài Boulton? Anh ấy sức khỏe ra sao, anh ấy xử sự thế nào ngoài sân bay vũ trụ? Ngài nói ngay đi!

Vị giáo sư mỉm cười.

- Anh ta quả là người khổng lồ - tầm vóc anh ta to đến nỗi bộ quần áo phi hành gia không vừa, người ta buộc phải vội vã chế tạo bộ mới. Thật tiếc là ngài không được thấy điều đó xảy ra thế nào: anh ta cứ đi vòng quanh, sờ nắn mọi thứ, ngửi hít như một chú chó khổng lồ, nói luôn mồm, cặp mắt tròn lộ vẻ nhìn không biết chán và tâm trạng anh ta trở nên hứng khởi vì mọi sự - quả thực như một cậu bé con!

- Ôn trời, ơn Thượng đế! Ngài Boulton, ngài thực sự sẽ giữ được anh ta hai tháng chứ?

Boulton nhú mào.

- Ngài biết đấy, anh ta không phải là người thuộc thời đại của chúng ta. Nếu năng lượng ở đây bị yếu đi dù chỉ một khoảnh khắc thì Wolfe lập tức bị hút trở lại về quá khứ như quả bóng nhỏ bé bằng giấy dính trên chiếc kẹo cao su. Ngài hãy tin tôi, chúng tôi sẽ hết sức cố gắng giữ được anh ta.

- Xin ngài hãy hiểu cho, việc này là rất cần thiết! Không thể để anh ta trở lại quá khứ mà chưa hoàn thành cuốn sách! Ngài phải...

- Xin ngài nhìn kia! - Boulton ngắt lời.

Một chiếc hỏa tiễn màu bạc bay vút lên bầu trời.

- Đó là anh ấy chẳng? - Ông già hỏi.

- Vâng, - vị giáo sư nói. - Đó là Wolfe đang bay lên sao Hỏa.

- Hoan hô Tom! - Ông già kêu toáng lên, vừa kêu vừa xua hai nắm tay trên đầu. - Hãy thỏa chí tang bồng nhé!

Chiếc tên lửa đã chìm trong khoảng không cao ngất, họ đưa mắt đưa tiễn nó vào vũ trụ.

Đến nửa đêm thì những trang đầu tiên đã được gửi tới họ.

Henry Willian Field ngồi trong thư viện nhà mình. Chiếc máy đang kêu vù vù trên bàn trước mặt ông. Chiếc máy đó ghi lại những từ được viết từ nơi xa phía bên kia của trục thẳng. Ông lấy chiếc bút chì đen tô lại những chữ ấy để tô chính xác những nét chữ ngoằn ngoèo vội vã của Tom Wolfe được nghệch ngoạc lên cách trái đất một triệu dặm.

Sau khi chờ đợi một cách sốt ruột để những tờ giấy đó xếp thành xấp, ông già chộp lấy chúng và liền cất tiếng đọc, còn Buolton và những gia nhân đứng và nghe. Ông đọc về khoảng không gian và thời gian về chuyến bay, về con người lớn lao tiến con đường thênh thang, về khoảng giữa đêm dài dặc và về cái lạnh giá của vũ trụ, về việc một con người khát khao đã tham lam đến thế nào khi ngấu nghiến tất cả những thứ đó vì được chiêm nghiệm và đòi hỏi có tiếp tục mãi. Ông đọc, và mỗi từ đều tràn sự mê say, có cả tiếng sấm và cả điều bí ẩn.

Thomas Wolfe viết rằng vũ trụ giống như mùa thu. Và chàng kể về cảnh tối tăm chốn hoang vu, về nỗi cô đơn, về việc con người lưu lạc trong vũ trụ thật nhỏ bé xiết bao. Chàng viết về mùa thu vĩnh cửu, không bao giờ qua đi. Và về con tàu vũ trụ xuyên các hành tinh, về việc trong phi thuyền có mùi kim loại ra sao và chàng phải dò dẫm thế nào, về cảm giác nhận

thức được số phận cao cả, về niềm hứng khởi cùng năm chàng có được khi rời khỏi trái đất và để lại đằng sau tất cả những nhiệm vụ và nỗi buồn trên trần thế và gắng sức vươn tới một nhiệm vụ còn khó khăn hơn nhiều, tới nỗi buồn còn cay đắng hơn. Đúng, đó là những trang viết tuyệt vời, và những trang ấy kể những điều dứt khoát phải nói về vũ trụ và con người cùng những chiếc tên lửa lang thang trong vũ trụ.

Ông già cứ đọc cho đến khi khản giọng, sau ông là ngài Boulton, tiếp theo là những người khác - họ đọc tới tận lúc đêm khuya, khi cỗ máy ngừng viết và tất cả hiểu rằng Tom đã đi ngủ ở nơi đó, trong chốc tên lửa đang bay về phía Sao Hỏa... Có lẽ, chàng còn chưa ngủ, chưa, còn lâu chàng mới thiết ngủ, chàng sẽ nằm mà giấc ngủ chẳng tới, hết như một cậu bé trước ngày kháng thành rạp xiếc: cậu vẫn tin rằng chiếc lều rạp màu đen, to, trang trí tất cả bằng những viên đá quý đã được dựng lên và buổi biểu diễn sẽ bắt đầu và mười tỉ diễn viên nhào lộn trang điểm lấp lánh sẽ đu đưa trên những chiếc dây căng, trên những chiếc thang đóng vô hình của không gian.

- Thế đấy! - ông già thở phào, cẩn thận đặt những trang cuối cùng của chương một xuống. - Ngài sẽ nói gì về điều đã nghe, đã đọc, thưa ngài Boulton?

- Được.

- Cóc phải là được! - Ông Field thét lên - Điều đó thật trác tuyệt! Ngài hãy đọc một lần nữa đi, hãy ngồi xuống và hãy đọc lại, quỷ tha ma bắt ngài đi!

Việc đọc ấy cứ trôi đi, ngày tiếp ngày, ngày nào cũng mười tiếng liên tục. Trên sàn nhà đã chồng cả đồng giấy màu vàng

nhặt viết đầy chữ - sau một tuần đồng ấy đã lớn, sau hai tuần là một lượng giấy khó tin, đến cuối tháng thì hoàn toàn khó tưởng tượng nổi về lượng giấy như thế.

- Ngài hãy nghe tiếp đây! - Ông già kêu toáng lên và đọc to.

- Cả chỗ này nữa và? - Ngài Boulton, đó là một truyện dài, truyện này vừa mới được gửi về, có tên là “Cuộc chiến tranh vũ trụ”, ấy là cả một pho truyện bộc lộ việc tác chiến trong không gian, vũ trụ là thế nào. Anh ta đã nói chuyện với đủ loại người khác nhau, hỏi han kỹ lưỡng những binh sĩ, những sĩ quan, những cựu binh của không gian. Anh ấy đã viết về tất cả mọi điều. Đây còn một chương khác mang tiêu đề “Thời khắc nửa đêm dài đặc”. Còn chương này viết về mọi người da đen định cư trên sao Hỏa thế nào, và còn một bài kí, đó là chân dung người sao Hỏa Tom Wolfe quả là vô giá!

Boulton húng hắng ho.

- Thưa ngài Field...

- Thôi để sau, để sau đã, xin đừng quấy rầy.

- Thưa ngài, có những tin tức tồi tệ.

Field ngẩng đầu đầy tóc bạc.

- Cái gì thế? Có chuyện trục trặc với Pin thời gian à?

- Xin ngài hãy báo tin cho Wolfe, hãy bảo anh ấy vội vã lên,

- Boulton nói giọng mềm mỏng - Có lẽ, trong tuần này liên lạc với Quá khứ sẽ bị đứt đoạn.

- Tôi sẽ đưa ngài thêm một triệu đôla nữa, ngài hãy duy trì mối liên lạc này.

- Vấn đề không phải là tiền bạc, thưa ngài Field. Bây giờ mọi sự phụ thuộc vào quy luật vật lý bình thường nhất. Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được. Nhưng ngài hãy cảnh báo anh ta phòng ngừa mọi chuyện có thể xảy ra.

Ông già co mình trên ghế bành và trở nên hoàn toàn bé nhỏ.

- Chẳng lẽ giờ đây ngài lại tức anh ấy khỏi tôi sao? Anh ta làm việc thật trác tuyệt! Chắc ngài đã có thể thấy đấy, anh ta đã gửi về những tác phẩm hay đến thế nào một giờ trước đây - những truyện ngắn và phác họa. Đây nhé, này câu chuyện về những dòng vũ trụ, còn đây là câu chuyện về các thiên thạch. Còn đây là đoạn mở đầu truyện vừa mang tên “Sợi lông tơ và ngọn lửa”...

- Biết làm sao được...

- Nhưng nếu bây giờ chúng ta mất anh ấy thì có thể ngài đem anh ta từ quá khứ trở về hiện tại lần nữa được chứ?

- Sự can thiệp vô độ vào Quá khứ thực quá nguy hiểm, thưa ngài Field.

Ông già tưởng như đã hóa đá!

- Vậy thì thế này. Ngài hãy thu xếp sao cho Wolfe không còn phải tốn thời gian vào công việc buồn tẻ, lê thê với cây bút chì và tờ giấy nữa mà hãy để anh ấy sử dụng máy chữ hoặc chỉ cần đọc thôi, nói tóm lại, xin ngài hãy để tâm tới một thiết bị nào đó. Ngay lập tức!

Chiếc máy kêu ra rả không hề biết mệt mỏi - qua nửa đêm, sau đó tới lúc bình minh và liên mạch cả ngày. Ông già đã qua

một đêm không ngủ. Ông vừa mới nhắm mắt để ngủ một chốc thì cỗ máy lại hoạt động - thế là ông lại tỉnh, hoạt bát, những cuộc lãng du trong không gian bao la ấy cùng những vực thẳm khôn cùng của tồn tại lại ập đến với ông, tất cả mọi lẽ ấy được biến đổi nhờ ý tưởng của một người khác.

“... Những cánh đồng sao vô cùng vô tận của vũ trụ...”

Cỗ máy lúng búng, run rẩy.

- Thế nào Tom! Hãy mô tả đi!

Ông già lặng người trong tâm trạng chờ đợi.

Tiếng điện thoại reo.

Giọng của Boulton cất lên:

- Chúng tôi không thể duy trì được liên lạc hơn nữa, thưa ngài Field. Chỉ còn một phút tiếp xúc thời gian nữa thôi.

- Ngài hãy làm một điều gì đó đi.

- Tôi không thể.

Chiếc máy điện báo in chữ run rẩy. Như bị bỏ bùa, đờ người vì kinh hoàng, ông già dõi theo những dòng chữ màu đen đang xếp hàng hiện ra:

“...Những đô thị trên Sao Hỏa vốn thật tuyệt mỹ và khác thường, tựa hồ những tảng đá bị một dòng thác cực kỳ mạnh và nhanh nào đó cuốn đi từ những đỉnh núi xuống và cuối cùng đã đông cứng lại thành những vùng sa khoáng lấp lánh...”

- Tom ! - Ông già kêu lên.

- Tất cả đã kết thúc, - giọng ngài Boulton vang lên trong ống nghe điện thoại.

Máy điện báo in chữ chậm dần, nó gõ thêm một từ và sau đó câm lặng.

- Tom ơi!!! - Ông Field kêu tuyệt vọng.

Ông bắt đầu dùng tay lắc chiếc máy điện báo in chữ.

- Thật vô ích, thưa ngài Field, - giọng nói trong ống nghe vẫn đều đều, - Anh ta đã biến mất. Tôi đang tắt Máy Thời Gian đây.

- Không, đừng! Hãy đợi đã!

- Nhưng...

- Ngài có nghe tôi nói gì không? Hãy khoan tắt máy! Có thể, anh ấy còn ở đây.

- Anh ta không còn hiện diện nữa. Điều đó là vô ích, năng lượng phát ra là vô ích.

- Cứ đổ năng lượng phát đi!

Ông Field rút ống nghe điện thoại xuống.

Ông quay sang chiếc máy điện báo in chữ, trở lại với câu nói dở.

- Chà, Tom, họ không thể lảng tránh, bỏ anh như vậy, chàng trai ơi, đừng đầu hàng, cứ tiếp tục đi! Tom, anh hãy chứng minh cho họ rằng anh là một con người cừ khôi, anh còn lớn hơn thời gian và không gian cùng tất cả những thứ máy móc chết tiệt này, anh có một sức mạnh vĩ đại, nơi anh có một ý chí thép. Tom, hãy chứng minh với tất cả bọn họ, đừng để họ bắt anh quay trở lại quá khứ!

Có tiếng máy điện báo in chữ bật tách ở bàn phím.

- Tom, đây là anh phải không? - Ông già lắp bắp vẻ vô cùng tức giận. - Anh vẫn còn có thể viết được đây chứ? Hãy cứ viết đi Tom, đừng đầu hàng chừng nào anh chưa ngừng bút người ta không thể đẩy anh trở lại quá khứ được, họ không thể!!

“Trong, - máy gõ một từ.

- Nữa đi Tom, nữa đi!

“Hơi thở, - máy lại gõ.

- Thế, thế nữa đi!

“Của Sao Hỏa, - máy viết tiếp và dừng lại. Một khoảng im lặng ngắn ngủi. Tiếng tách khế và cỗ máy lại bắt đầu một lần nữa từ một dòng mới.

“Trong hơi thở của Sao Hỏa cảm nhận được mùi vị của chục quế và những làn gió cay nồng lạnh giá, những làn gió làm bốc cao đám bụi bay vẩn vơ và tẩy sạch những bộ xương không rửa nát và mang tới phấn hoa của những loài hoa đã héo tàn từ thuở xa xưa...”

- Tom, chà, anh vẫn sống!

Thay vì câu trả lời, cỗ máy bùng nổ cơn say sưa làm việc nốt mười giờ liền và gõ in hết cả sáu chương của tác phẩm “Chạy chốn lũ quỷ”.

- Ngài Boulton, hôm nay đã một tháng rưỡi rồi, Tom đã bay lên Sao Hỏa và các tiểu hành tinh được tròn tháng rưỡi. Xin ngài hãy nhìn xem, đây là bản thảo. Mười ngàn từ trong một ngày, anh ấy không cho phép mình được nghỉ, tôi không biết anh ấy ngủ vào lúc nào, anh ấy có kịp ăn không, song với tôi chẳng vấn đề gì, và với anh ấy cũng thế, anh ấy chỉ tâm niệm

một điều quan trọng là viết cho xong vì anh ấy hiểu rằng thời gian không chờ đợi.

- Không thể hiểu nổi, - Boulton nói - Các bộ role của chúng tôi đã không chịu đựng nổi, năng lượng đã suy yếu. Chúng tôi đã chế tạo những bộ role mới cho kênh chính, các role này đảm bảo độ tin cậy của Pin thời gian, nhưng để làm việc đó phải mất ba ngày - thế mà Wolfe vẫn trụ vững suốt thời gian ấy! Rõ ràng, sức chịu đựng ấy còn phụ thuộc vào nhân cách của anh ta, chắc chắn ở đây còn ẩn khuất hoạt động một lẽ gì đó mà chúng ta chưa lường đoán biết được. Tại thời điểm này, nơi thời đại của chúng ta, Wolfe đang sống và tồn tại mạnh mẽ, quả chẳng dễ dàng đưa được anh ta trở lại Quá Khứ. Thời gian qua chẳng dễ sai khiến, ép buộc như chúng ta đã nghĩ. Chúng ta đã sử dụng một sự so sánh không phải lẽ. Thời gian không phải vật đàn hồi như cao su. Thời gian phần nhiều giống như sự khuếch tán, tức là sự thâm nhập lẫn nhau của lớp chất lỏng. Quá khứ dường như thấm vào Hiện tại... Nhưng dầu sao cũng phải trả anh ta trở lại, chúng ta không thể để anh ta ở lại đây được: trong Quá khứ đã hình thành một khoảng trống, tất cả sẽ bị đảo lộn và rối tung. Thực chất, giờ đây chỉ có mỗi một nhẽ đang giữ anh, đó là chính Wolfe, mối đam mê của anh ta và công việc của anh ta. Sau khi viết xong cuốn sách, anh ta sẽ trượt đi khỏi thời đại của chúng ta cũng thật tự nhiên như nước đổ ra khỏi cốc vậy.

- Tôi chẳng thèm đoái hoài đến cái gì như thế nào và tại sao, - ông Field phản đối. - Tôi chỉ biết một điều. Tom đang kết thúc cuốn sách của anh ấy! Anh ấy có tài năng có cảm hứng và còn có một lẽ gì đó mới mẻ, anh ấy đi tìm các giá trị mà cao vượt hơn cả không gian và thời gian. Anh đã phác một bức chân dung tâm lí về người phụ nữ mà ở lại trên Trái đất trong khi các

phi hành gia can đảm đang bay vươn tới Điểm vô định vô cùng, tác phẩm ấy được viết thật đẹp, chân thực và tinh tế; Tom gọi tác phẩm chân dung ấy là “Khúc ca Ngày Hỏa tiễn”, anh đã mô tả chỉ có một ngày trong cuộc đời của một người đàn bà bình dị nhất nơi tỉnh lẻ, nàng sống nơi căn nhà mình như tổ tiên nàng đã sống - nàng coi sóc công việc, nuôi dạy con cái... xung quanh là sự bùng nổ kỳ vĩ của phát triển khoa học, tiếng gầm thét của những trái tên lửa vũ trụ, song cuộc đời nàng hầu như vẫn hết như cuộc sống của bao người đàn bà trong thời kỳ đồ đá. Tom đã diễn tả thực sự chân xác, cẩn thận và đầy cảm xúc mọi cơn phấn hưng cùng những thất vọng đau khổ của nàng. Hoặc còn đây một bản thảo nữa mang tên “những người Da đỏ”, trong đó anh viết về những người Hỏa Tinh: họ là những người da đỏ của vũ trụ, họ bị chèn ép và tiêu diệt như thời xưa, những bộ lạc da đỏ Cherokee, Iroquois, Chân Đen đã từng chịu thân phận tương tự. Thưa ngài Boulton, xin mời cạn chén!.

Khi gần hết tháng thứ hai, Tom Wolfe trở về Trái Đất.

Chàng quay trở về trong vầng lửa, như khi bay đi cũng trong vòng lửa; bằng những bước chân của người khổng lồ, chàng đã vượt qua vũ trụ và bước vào căn nhà của Henry William Field, tới thư viện, nơi trên sàn chất những chồng bản thảo giấy màu vàng, viết nguệch ngoạc bằng bút chì bay kín những dòng chữ in bằng máy: những chồng giấy ấy được chia thành sáu phần, chúng đã tập thành một kiệt tác được sáng tạo nên với tốc độ nhanh phi thường của lao động kiên trì trong sự nhận thức thường trực về những phút giây trôi đi không thể cưỡng nổi.

Tom Wolfe đã quay về Trái Đất, chàng đứng trong thư viện của Henry William Field và nhìn những chồng đồng bản thảo được tạo nên bằng trái tim và bàn tay của chàng.

- Anh có muốn đọc tất cả những điều này không hả Tom? - Ông già hỏi.

Nhưng chàng lắc cái đầu nặng nề, lấy lòng bàn tay rộng hất mái tóc đen về phía sau.

- Không, - chàng đáp. - Tôi sợ bắt đầu. Nếu tôi sẽ bắt đầu đọc, tôi sẽ muốn mang tất cả bản thảo này theo. Mà tôi lại không thể mang theo những bản thảo ấy về quá khứ, phải không nhỉ?

- Đúng, không thể, Tom ạ.

- Mà tôi lại rất muốn.

- Không thể làm gì được. Không thể được. Vào năm ấy anh đã không viết xong cuốn tiểu thuyết mới. Những gì đã viết ở đây phải để lại ở đây, những gì đã viết ở đó phải giữ nguyên ở đó. Không được thay đổi cái gì hết.

- Tôi hiểu. - Wolfe thở dài và ngồi xuống ghế bành. - Tôi mệt mỏi quá. Mệt đến chết đi được. Điều đó quả chẳng dễ dàng. Nhưng hay tuyệt! Hôm nay là ngày bao nhiêu nhỉ?

- Ngày mười sáu.

- Ngày cuối cùng sao?

Ông già gật đầu và cả hai cùng im lặng trong một lát.

- Trở lại năm một ngàn chín trăm ba mươi tám, tới nghĩa địa, dưới phiến đá mộ chí, - Tom Wolfe cất tiếng nói và nhắm

nghiền đôi mắt. - Tôi không muốn thế. Có lẽ tốt hơn hết là tôi không nên biết điều này, biết được điều như thế thực đáng sợ...

Giọng nói của chàng lặng đi, chàng gục mặt vào hai lòng bàn tay to lớn và cứ thế thiếp đi, cửa ra vào bật mở Ngài Boulton bước vào, tay cầm chiếc lọ nhỏ và dừng lại sau chiếc ghế của Tom Wolfe.

- Ngài mang theo cái gì vậy ? - Ông già Field hỏi.

- Đó là thứ virút đã bị diệt trừ từ lâu, - ngài Boulton trả lời. - Virút gây bệnh viêm phổi. Một thứ bệnh rất cổ xưa và rất ghê gớm. Khi nhà văn Wolfe đến thời đại chúng ta, đương nhiên tôi đã phải chữa bệnh cho Wolfe rồi để anh ta có thể thực hiện được công việc của mình; với điều kiện kĩ thuật hiện đại của chúng ta điều này quả là cực dễ dàng. Tôi đã bảo quản vi khuẩn đã cấy. Bây giờ khi Wolfe trở về quá khứ, cần phải cấy trở lại cho anh ta mầm bệnh viêm phổi.

- Thế nếu không cấy bệnh thì sao?

Tom Wolfe ngẩng đầu.

- Nếu không cấy bệnh, anh ta sẽ khỏe mạnh vào năm một ngàn chín trăm ba mươi tám.

Tom Wolfe đứng dậy.

- Như vậy sao? Tôi sẽ khỏe mạnh, vững chãi và ở đó, ba thế kỷ trước đây, tôi sẽ khỏi bệnh và cười ngạo nghễ trước những phu đào huyệt chằng?

- Hoàn toàn đúng như thế.

Tom Wolfe nhìn chăm chăm vào các chai nhỏ, bàn tay chàng giật rất mạnh.

- Thế nếu như tôi sẽ hủy thứ virút của ngài và không đầu hàng ngài thì sao?

- Điều này không thể có được.

- Chà ... nhưng nếu xảy ra?

- Anh sẽ phá vỡ mọi điều.

- Tất cả mọi điều là gì vậy?

- Là mối liên hệ của mọi sự vật, tiến trình các sự kiện, cuộc sống, toàn bộ hệ thống của những gì đang tồn tại và đã tồn tại, những kẻ của chúng ta không có quyền làm thay đổi. Anh không thể vi phạm tất thảy những điều đó. Duy chỉ một điều chắc chắn, anh phải chết, và tôi có bốn phận chăm lo cho việc đó.

Wolfe ngược nhìn cánh cửa ra vào.

- Giả sử tôi sẽ bỏ chạy đi và trở về không cần ngài trợ giúp thì sao?

- Máy Thời Gian do chúng tôi điều khiển. Anh không thể thoát khỏi ngôi nhà này được. Tôi sẽ phải dùng sức mạnh buộc anh quay về đây và thực hiện việc cấy vi rút. Tôi đã lường trước rằng không thể tránh được những điều rắc rối phức tạp lúc cuối này nên ở nhà dưới bây giờ đã có năm người sẵn sàng. Chỉ cần tôi ới một tiếng thôi... anh thấy đấy, làm như vậy thực vô ích. Thế nào, tuân thủ vẫn tốt hơn. Có thể thôi.

Wolfe đi lại, chàng ngoái lại nhìn ông già, khuôn cửa sổ và đưa mắt nhìn lướt căn phòng rộng thênh.

- Xin hãy thứ lỗi cho tôi. Tôi thực sự hoàn toàn không muốn chết. Hoàn toàn không muốn!

Ông già tiến lại chỗ chàng và nắm chặt tay chàng.

- Tom, anh hãy nhìn nhận điều đó như thế này: anh đã hoàn tất được một điều phi thường là đoạt được hai tháng cuộc đời hạn định, và anh đã viết xong một cuốn sách - tác phẩm mới cuối cùng! Xin anh hãy nghĩ về điều đó, như thế anh sẽ thấy nhẹ nhõm, thư thái hơn.

- Xin cảm ơn ông vì những điều này, - Thomas Wolfe nói vẻ nghiêm túc. - Xin cảm ơn, cả hai ông. Tôi đã sẵn sàng. - Chàng xắn tay áo. - Xin mời ông cấy virút.

Và trong khi Boulton thực thi bổn phận của mình thì Wolfe dùng bàn tay còn lại cầm lấy cây bút chì và trên trang đầu phần bản thảo đầu tiên chàng viết nắn nót hai dòng, sau đó chàng nói:

- Trong một cuốn sách trước đây của tôi có một đoạn, - Chàng nhìn mây, nhớ lại: “Kể về những cuộc phiêu lãng vĩnh hằng và về Trái Đất... Ai sẽ về chiếm lĩnh Trái Đất? Và Trái Đất cần cho chúng ta để làm gì? Để phiêu lãng tới mọi nơi trên Trái Đất chẳng? Có phải chúng ta cần tới Trái Đất để rồi không hề biết tới sự yên tĩnh, thanh thản trên đó sao? Tất cả những ai cần Trái Đất sẽ có được nó ở lại trên đó, sẽ yên nghỉ trên một khoảnh đất nhỏ nhoi và sẽ cư ngụ tại một phần góc nhỏ xíu của Trái Đất mãi mãi...”

Wolfe im lặng chừng một phút.

- Đó là nó, cuốn sách cuối cùng của tôi, - sau đó chàng cất tiếng và trên một trang giấy màu vàng chưa viết chữ nào chàng

nhấn mạnh cây bút chì viết cẩn thận bằng những chữ cái hoa to: THOMAS WOLFE - VỀ NHỮNG CUỘC PHIÊU LÃNG VĨNH CỬU VÀ VỀ TRÁI ĐẤT.

Chàng cầm lấy một tập bản thảo viết đầy chữ, áp nó vào ngực mình trong khoảng khắc.

- Tôi thèm muốn được mang bản thảo này theo. Đúng là tôi phải giã biệt cậu con trai ruột của mình!

Đặt tập thảo xuống, chàng vỗ lòng bàn tay vào những tờ giấy ấy, vội vã bắt tay ông Field và bước tới lại chỗ cửa ra vào; ngài Boulton đi theo sau chàng. Trên ngưỡng cửa, Wolfe dừng lại, cả người chàng tràn ngập ánh nắng trước lúc hoàng hôn, bóng chàng cao lớn uy nghi.

- Xin vĩnh biệt! - chàng kêu to. - Xin vĩnh biệt.

Cánh cửa sập lại. Tom Wolfe đã khuất dạng. Cuối cùng thì người ta cũng đã tìm được chàng, chàng đang lê bước dọc hành lang bệnh viện.

- Thưa ngài Wolfe!

- Gì cơ?

- Chà, ngài Wolfe, ngài đã làm chúng tôi hoảng hốt cả, chúng tôi nghĩ rằng ngài đã biến mất!

- Tôi biến mất ư?

- Thế ngài đã biến đi đâu hả?

- Ở đâu ư? Tôi đã biến đi đâu sao? - Người ta dẫn chàng đi qua những hành lang lúc giữa đêm, chàng cứ đi một cách

ngoan ngoan, - ối chà, nếu như tôi có kẻ cho quý vị nghe là ở đâu... dẫu sao quý vị cũng sẽ chẳng tìm đâu.

- Đây là giường của ngài, ngài đã dậy thật vô ích.

Và chàng đã nằm xuống chiếc giường chết màu trắng mà từ đó trả ra một làn gió thanh khiết yếu ớt của phút lâm chung được giành sẵn cho chàng phút lâm chung gần kề tỏa mùi bệnh viện, chàng chỉ vừa khẽ chạm vào chiếc giường ấy là nó đã nuốt chửng lấy chàng và trù lên người chàng thứ mùi bệnh viện và màu trắng hồ bột lạnh lẽo.

- Sao Hỏa, chào Sao Hỏa, - con người khổng lồ thâm thì trong yên tĩnh của bóng đêm, - ời cuốn sách hay nhất, tuyệt hay, cuốn sách đẹp đích thực của ta ời, nó sẽ còn được viết, sẽ được đăng tải, vào cái năm ấy sau ba thế kỷ...

- Ngài bị quá kích động đấy.

- Quý vị nghĩ thế sao? - Thomas Wolfe lẩm bẩm. - Đó đã là cơn mơ ư? Có thể lắm chứ... một giấc mơ đẹp...

Hơi thở của chàng đã dứt đoạn. Thomas Wolfe đã chết.

Năm tháng qua đi, những bông hoa cứ lần lượt xuất hiện trên mộ của Tom Wolfe. Và dường như, điều này thực lạ lùng, có nhiều người đến viếng thăm chàng. Nhưng những đóa hoa này cứ xuất hiện hàng đêm. Cứ như từ trên trời xuống. Những bông hoa thật to lớn có màu sắc của trăng mùa thu, chúng rực lên ngọn lửa, bắn tóe ra những cánh hoa dài mượt mát, những cánh hoa ấy như ngọn lửa màu trắng và màu xanh lam. Và khi ngọn gió trước bình minh khẽ thổi thì chúng lại rắc xuống thành trận mưa bạc làm tung ra những tia lửa trắng và tan đi trong không trung. Đã trôi qua biết bao năm tháng từ ngày

Tom Wolfe giã biệt cõi đời này, nhưng những bông hoa ấy vẫn
cứ xuất hiện hoài...

NGUYỄN CHIẾN dịch từ bản tiếng Nga

TIẾNG GỌI TRONG SƯƠNG MÙ

RAY BRADBURY

 iữa biển khơi giá lạnh, xa khuất đất liền, chúng tôi từng đêm chờ đợi sương mù và khi sương mù đến, chúng tôi cho dầu vào guồng máy rồi thắp sáng ngọn đèn báo sương trong tháp đá. Như hai cánh chim trên bầu trời xám, McDunn với tôi tung vào không trung những luồng sáng lúc đỏ, lúc trắng, rồi lại đỏ, dõi tìm những con tàu cô đơn. Và nếu như chúng không nhìn thấy ánh đèn thì lúc nào cũng có Tiếng Nói của chúng tôi: tiếng kêu trầm thống của hồi còi báo hiệu sương mù rung rền qua những dải mù sương khiến bầy hải âu thẳng thốt bay tán loạn tựa những cỗ bài vung vãi và dựng sóng vươn cao ngẫu bọt.

- Cuộc sống ở đây hiu quạnh thật, nhưng giờ thì anh đã quen nó rồi, phải không? - McDunn hỏi tôi.

- Vâng, cũng may mà có một người nói chuyện thú vị như anh bầu bạn.

- Chà, ngày mai thế là đến phiên anh về đất liền mà khiêu vũ với các bà và uống rượu rồi đấy, - anh ta vừa nói vừa cười.

- Thế anh sẽ nghĩ gì, McDunn, khi tôi bỏ anh ở lại ngoài này một mình?

- Nghĩ về những bí mật của biển cả, - McDunn châm tẩu thuốc. Hôm ấy là một tối tháng Mười Một lạnh lẽo, hệ thống sưởi đã bật lên, ánh đèn hải đăng đang vẫy đuôi về muôn

hướng, tiếng còi báo sương âm ừ trong cuống họng chót vót của ngôi tháp. Suốt cả trăm dặm dọc miền duyên hải này không có lấy một thành phố nào, chỉ độc nhất một con đường lẻ loi băng qua miền đất chết ra đến biển, ít xe cộ qua lại, hai dặm sóng nước lạnh lùng ngăn cách mỏm đá của chúng tôi với bờ, và lác đác hiếm hoi đôi bóng tàu bè.

- Những bí mật của biển cả..., - McDunn trầm ngâm. - Anh biết đấy, đại dương là một bông tuyết vĩ đại nhất trên đời. Nó giòn trải, nó chứa đầy cả nghìn hình dạng và sắc màu, không cái nào giống cái nào. Lạ thật. Có một đêm nhiều năm trước, tôi ở đây một mình khi tất cả các loài ngư kinh đều trồi lên mặt nước ngoài kia. Một điều gì đó khiến chúng phải bơi đến tụ tập trong vịnh này, chúng hồ như run bắn lên và nhìn chăm chú về phía ánh đèn hải đăng lúc đỏ lúc trắng quét ngang qua để cho tôi nhìn thấy những đôi mắt ngộ nghĩnh của chúng. Tôi phát lạnh mình. Đàn cá ấy chẳng khác nào một cái đuôi công khổng lồ máy động ngoài kia đến tận nửa đêm. Rồi, không phát ra một tiếng động nào, chúng lặn đi, cả triệu con biến mất. Tôi đâm ngờ rằng có lẽ chúng đã vượt bao dặm khơi đến đây để sùng bái. Thật lạ! Nhưng thử nghĩ coi, ngọn tháp hải đăng này có gì đặc biệt dưới mắt lũ cá kia; đứng chênh vênh hơn hai mươi thước trên mặt biển, phát ra những luồng sáng thần thánh, và ngọn tháp này tự bộc lộ mình bằng tiếng nói của quái vật. Lũ cá ấy không bao giờ quay lại, nhưng chẳng lẽ anh không lúc nào nghĩ là đàn cá đó đang diện kiến một vị chúa tể sao?

Rùng mình, tôi nhìn ra mặt biển xám ngắt lê thê, trải dài đến hư vô bất cùng bất tận.

- Ô, biển cả thì đầy bí mật, - McDunn căng thẳng rít tàu thuốc, đôi mắt nhấp nháy. Cả ngày nay anh đã bồn chồn vì một chuyện nào đó mà không chịu nói lý do. - Với tất cả những máy móc của chúng ta và những cái gọi là tàu ngầm thì phải mất cả chục nghìn thế kỉ nữa chúng ta mới đặt chân được đến cái đáy sâu thực sự của miền đất chìm ngập này, đến những vương quốc thần kì dưới đó, và biết được nỗi kinh hoàng đích thực. Nghĩ mà xem, ở tí dưới đó vẫn còn đang thời điểm của 300.000 ngàn năm trước Công Nguyên. Trong khi chúng ta cứ đóng kèn đục trống diễu binh, chặt đầu nhau, cướp nước nhau thì những thế giới khác vẫn đang tồn tại dưới mười hai dặm biển sâu buốt lạnh trong một thời đại cổ xưa như đuôi sao chổi.

- Đúng, đó là một thế giới cổ xưa.

- Lên kia đi. Tôi có một chuyện đặc biệt mà lâu nay tôi chưa kể anh nghe.

Chúng tôi bước lên tám mươi bậc thang, vừa trò chuyện vừa thông thả đưa chân. Tới đỉnh, McDunn tắt phụt hết các ngọn đèn trong phòng để những tấm kiếng không phản chiếu ánh sáng. Con mắt vĩ đại của đèn hải đăng đang rầm rì xoay trở dễ dàng trong hốc máy trơn dầu. Còi báo sương mù vẫn thổi đều mười lăm giây một đợt.

- Nghe giống tiếng một con thú, phải không? - McDunn gật đầu một mình. - Một con thú lớn cô đơn gào thét trong đêm. Ngồi ở đây bên bờ vực của mười tỉ năm dài kêu gọi tới Thẳm Sâu "Tôi đây! Tôi đây!" Và Thẳm Sâu đã lên tiếng đáp lại. Johnny ơi, anh ở đây đã ba tháng rồi nên tôi cần báo trước cho anh liệu, - Anh vừa nói vừa nhìn chăm chăm vào mù sương và tấm tối. -

Mỗi năm đến mùa này sẽ có khách đến thăm viếng ngọn hải đăng này đây.

- Những đàn cá như anh kể lúc nãy chứ gì?

- Không, cái này khác hẳn. Tôi đã chần chờ không kể cho anh nghe sớm vì e rằng anh cho tôi là điên. Nhưng đến đêm nay thì tôi không trì hoãn được nữa, bởi vì nếu như tôi đánh dấu đúng trong cuốn lịch năm ngoái thì đêm nay chính là đêm vị khách ấy trở lại đây. Tôi không muốn nói nhiều, rồi anh sẽ tự mình chứng kiến. Cứ ngồi yên đó mà nhìn. Nếu muốn, ngày mai anh có thể thu xếp khăn gói, lấy xuống máy vào bờ, đến chỗ xe hơi anh đang đậu bên cầu tàu dơ bản đầu mũi đất, lái một mạch về một thành phố nhỏ nào đó sâu trong đất liền và đêm đêm để đèn chong sáng. Tôi sẽ không gặng hỏi hay trách cứ anh đâu. Chuyện này xảy ra đã ba năm rồi và hôm nay là lần đầu tiên có người cùng ở đây kiểm chứng với tôi. Anh cứ chờ xem.

Nửa giờ trôi qua, chúng tôi chỉ trao đổi nhau đôi lời thì thầm. Khi cả hai đã mệt vì chờ đợi, McDunn bắt đầu mô tả cùng tôi một số ý kiến của anh: những giả thuyết về chính tiếng còi báo sương mù.

- Ngày xưa có một người bước đi trên bờ biển lạnh lùng không nắng và đứng lặng giữa trùng âm thanh của đại dương mà nói rằng: “Ta cần một tiếng nói vọng vang qua sóng nước này để báo hiệu cho những con tàu; ta sẽ tạo ra một tiếng nói. Ta sẽ tạo ra một tiếng nói chứa chất tất cả mù sương tự hoang sơ; ta sẽ tạo ra một tiếng nói quạnh hiu như chiếc giường trống trải bên cạnh người suốt đêm thâu, cô liêu như ngôi nhà hoang vắng khi người bước vào cô lẽ, như cây mùa thu trút lá trụi

trần. Một âm thanh giống như tiếng đàn chim gọi nhau xuôi nam, một âm thanh cô đơn đến mức ai đã nghe là không thể quên, cõi lòng họ sẽ thổn thức, và sẽ thấy bếp lửa dường như ấm áp hơn, và những ai nghe được âm thanh ấy vang vọng trong những thành phố xa xăm sẽ thấy mái ấm gia đình thêm ý nghĩa. Ta sẽ tạo ra một âm thanh và một dụng cụ; người sẽ gọi đó là Tiếng Sương Mù và bất cứ ai nghe thấy nó sẽ biết được nỗi buồn của vĩnh cửu và sự ngăn ngủ của cuộc đời”.

Tiếng còi báo sương âm vang. McDunn lặng lẽ nói:

- Tôi đã bịa ra câu chuyện ấy để cố gắng giải thích tại sao con vật đó năm nào cũng quay lại hải đăng này. Tôi nghĩ là Tiếng Sương Mù gọi nó, và nó đến...

- Nhưng..., - tôi thốt lên.

- Suyt! - McDunn ngăn lại. - Nó kìa!

Anh hát hàm về hướng Thảm Sâu. Một con vật nào đó đang bơi về phía tháp hải đăng.

Đêm lạnh, ngôi tháp lạnh, ánh hải đăng chột tắt chột lờ, và Tiếng Sương Mù vọng vang gọi mãi trong màn sương rối bời. Người ta không thể nhìn xa và cũng không sao nhìn rõ được gì, nhưng biển sâu vẫn không ngừng lặng lẽ đi quanh trái đất đêm đen, biển phẳng lì tĩnh mịch, xám ngắt một màu bùn, và ở đây là hai chúng tôi lẻ loi trên tháp cao, và ngoài kia xa tít, lúc đầu là một gợn nước, sau đó là một con sóng, nhô cao, sôi sục, sủi tăm. Và rồi, từ mặt biển lạnh trời lên một cái đầu, một cái đầu đồ sộ, đen đúa, với đôi mắt khổng lồ, cùng một cần cổ. Và... không phải thân hình nhưng vẫn là chiếc cổ ấy vươn dài, vươn dài thêm! Cái đầu ấy chênh vênh nhô lên khỏi mặt nước đến

mười lăm thước trên chiếc cổ mảnh mai, đen bóng, đẹp tuyệt vời. Chỉ đến lúc ấy thân hình con vật mới vươn lên trên sóng nước như một hòn đảo nhỏ đen huyền đầy san hô, sò ốc ẩm ướt. Một cái vẩy đuôi. Toàn bộ từ đầu đến chân, tôi ước chừng con vật này phải dài đến ba, bốn mươi thước.

Tôi thẳng thốt kêu lên nhưng không biết mình đã nói gì.

- Bình tĩnh, bình tĩnh nào, anh bạn, - McDunn thầm thì.

- Phi lí quá! - Tôi buột miệng nói.

- Không đâu, Johnny, chính chúng ta mới là phi lí. Còn nó thì lúc nào cũng vậy suốt cả chục triệu năm qua. Nó vẫn không thay đổi. Chính chúng ta và mặt đất này đã đổi thay, đã trở thành phi lí. Chính chúng ta!

Giữa làn nước băng giá ngoài xa, con vật từ tốn bơi đi với vẻ uy nghi hùng vĩ huyền bí. Màn sương tụ lại rồi tan đi quanh nó, xóa nhòa hình dạng của con quái vật trong một thoáng. Một con mắt của nó đón bắt và phản chiếu ngược lại ánh hải đăng chói lòa của chúng tôi, đỏ, trắng, đỏ, trắng, tựa hồ có ai đó giơ cao một chiếc đĩa mà phát đi một thông điệp bằng mật mã của hồng hoang. Con quái vật ấy cũng im lìm như màn sương mù nó đang chọc thủng trên đường tiến.

- Đó là một loại khủng long! - Tôi ngồi bệt xuống sàn, tay níu chặt lan can thang lầu.

- Đúng thế, một con khủng long đấy.

- Nhưng chúng đã chết hết cả rồi cơ mà!

- Không đâu, chúng chỉ ẩn náu đi trong lòng Thẳm Sâu. Ngút ngàn, tận cùng dưới những vực sâu thăm thẳm nhất.

Thảm Sâu! Hai chữ ấy nói lên biết bao điều. Tất cả lạnh lẽo, tối tăm và heo hút nhất trên đời này đều chứa đựng trong hai chữ đó, Johnny ơi!

- Ta sẽ làm gì bây giờ?

- Làm gì? Chúng ta còn công việc không thể bỏ bê. Hơn nữa, chúng ta ở lại đây thì an toàn hơn là liều vào bờ bằng bất cứ chiếc xuồng nào. Con quái vật ấy to lớn như một chiến hạm và tốc độ của nó cũng nhanh không kém đâu.

- Nhưng tại sao nó lại đến nơi này?

Ngay sau đó tôi có câu trả lời.

Tiếng Sương Mù gọi.

Và con quái vật đáp lại.

Một tiếng gào rền vang qua triệu năm sóng nước với mù sương. Một tiếng gào đau khổ và cô đơn đến mức khiến tôi run bắn cả người. Con quái vật lên tiếng gọi ngọn tháp này. Còi hải đăng trỗi giọng. Con quái vật lại gầm lên. Còi hải đăng trỗi giọng. Con quái vật há cái mồm tua tủa những chiếc răng khổng lồ và âm thanh từ trong cuống họng nó phát ra chính là âm thanh của tiếng còi hải đăng báo hiệu sương mù. Cô đơn, vời vợi, ngút ngàn. Âm thanh của tịch liêu, của biển mịt mờ, của đêm lạnh lẽo, của chia cắt phân li. Đó là tiếng gào của con thú.

- Bây giờ anh đã hiểu tại sao nó đến nơi này chưa? - McDunn thì thào.

Tôi gật đầu.

- Johnny ơi, cả năm trường con quái vật đáng thương ấy cứ nằm chờ từ cả nghìn dặm khơi xa, và có lẽ sâu cả hai mươi dặm, đếm bước thời gian, chắc hẳn con vật này phải già đến triệu tuổi. Anh nghĩ xem, chờ đợi suốt triệu năm rông; anh có thể chờ đợi lâu đến thế chẳng? Có thể đây là con khủng long cuối cùng còn lại. Tôi gần như tin chắc điều đó. Dù sao thì năm năm trước đây, con người đã đến đất này và xây lên ngọn hải đăng; họ lắp vào đây Tiếng Sương Mù của họ và cho âm thanh ấy kêu vang, kêu vang mãi đến nơi anh đang vui mình trong giấc ngủ và những kỉ niệm về một thế giới trùng khơi có hàng ngàn đồng loại của anh, nhưng giờ đây anh cô độc, hoàn toàn lẻ loi trong một thế giới không dành cho anh, một thế giới mà anh phải trốn nấp.

Âm thanh của Tiếng Sương Mù gọi rồi ngưng, gọi rồi ngưng, và anh trở mình khỏi đáy vực bùn lầy của Thảm Sâu, và đôi mắt anh mở lớn như cặp thấu kính của chiếc máy quay phim vĩ đại rồi anh bơi đi, chậm thôi, chậm thôi, vì anh phải đội trên đôi vai mình cả một đại dương trĩu nặng. Nhưng cái Tiếng Sương Mù ấy âm âm luôn lồi qua nghìn dặm nước sâu, mơ hồ và quen thuộc, niềm khao khát trong anh được khơi dậy, hừng hực cháy bùng, và anh bắt đầu trôi lên, chậm chậm, chậm chậm. Anh từ từ trôi lên qua những tháng mùa thu, qua tháng Chín mờ sương đầu mùa, qua tháng Mười sương mù chập chùng dày đặc và tiếng còi cứ mãi gọi anh thôi thúc, và rồi, cuối tháng mười một, sau khi thúc đẩy mình từng ngày, mỗi giờ lại nhô cao thêm vài thước nước, anh đã đến gần mặt biển và vẫn sống còn. Anh buộc phải chậm rãi; nếu anh trôi lên mặt nước ngay lập tức, anh sẽ nổ tung. Cho nên phải mất ba tháng trời anh mới lên đến mặt biển, và thêm rất nhiều ngày nữa rẽ sóng

vượt qua những con nước giá buốt tìm đến ngọn hải đăng này. Và rồi anh đã đến ngoài kia, giữa đêm đen, Johnny, con quái vật to lớn nhất của muôn loài. Và đây, ngọn hải đăng đang kêu gọi anh, với cái cổ dài như cổ anh đâm thẳng lên trên sóng nước, và một thân hình giống thân hình anh, và quan trọng nhất là một tiếng nói giống tiếng nói anh. Giờ anh đã hiểu chưa, Johnny, anh đã hiểu chưa?

Tiếng Sương Mù gọi.

Con quái vật trả lời.

Tôi đã thấy, tôi đã hiểu - triệu năm dài cô đơn đợi chờ sự trở về của một kẻ không bao giờ quay lại. Triệu năm hiu quạnh dưới lòng biển khơi, sự điên rồ của thời gian dưới đáy sâu tổng khi bầu trời bên trên lần hồi sạch bóng những loài bò sát biết bay, những đầm lầy cạn khô thành lục địa, những loài động vật thời tiền sử chấm dứt thời dọc ngang vui thây trong những vực thẳm, và con người xuất hiện nhưng nhúc nhúc như kiến trên đồi.

Tiếng Sương Mù gọi.

- Năm trước, - McDunn bảo tôi, - con vật này cứ bơi vòng vòng mãi cả đêm, không đến quá gần ngôi tháp. Tôi chắc rằng nó hoang mang, cũng có thể là nó sợ. Và cũng có thể là nó hơi nổi giận sau một chặng đường ngút ngàn tìm đến đây. Nhưng ngày hôm sau, sương mù bất ngờ tan loãng, mặt trời lộ mặt tinh khôi, và bầu trời xanh như tranh vẽ. Thế là con quái vật này bơi đi tránh xa sức nóng và sự im lặng; nó không quay lại nữa. Tôi cho rằng cả năm qua nó mãi lo âu, toan tính mọi điều.

Con quái vật giờ chỉ cách chúng tôi non trăm thước, nó cùng tiếng còi báo sương mù kêu gào đối đáp nhau. Lúc ánh

đèn hải đăng quét ngang, đôi mắt con thú chớp lòe, chột đỏ, chột trắng, chột bốc lửa, chột lạnh băng.

- Kiếp sống của mi là thế đó, - McDunn nói. - Kẻ luôn luôn chờ đợi một người chẳng bao giờ trở về. Kẻ luôn luôn yêu thương một cái gì đó nhiều hơn là được yêu thương đáp lại. Và sau một thời gian mi bỗng muốn phá hủy đi cái mà mi tha thiết yêu thương để nó không còn làm mi đau đớn nữa.

Con quái vật lao vút về phía hải đăng.

Tiếng Sương Mù gọi.

- Để xem thử chuyện gì, - McDunn nói.

Anh bấm công tắc điện cho tiếng còi im bật.

Giây phút im lìm sau đó căng thẳng đến mức chúng tôi nghe cả tiếng tim mình âm vang trong phòng kính trên đỉnh tháp, nghe cả tiếng xoay trở chậm chạp của ngọn đèn pha trong ổ máy trơn dầu.

Con quái vật dừng phắt lại. Đôi mắt to như chiếc lồng đèn của nó nhấp nháy. Miệng nó há hoác. Nó thốt lên một tiếng gầm không khác gì tiếng núi lửa bùng nổ. Nó vặn đầu sang bên này rồi vẹo sang bên kia như dường muốn tìm kiếm những âm thanh giờ đã chìm lắng trong mù sương. Nó dăm dăm nhìn vào ngọn hải đăng. Nó lại gầm lên lần nữa. Và rồi, đôi mắt tóe lửa, nó dựng thẳng thân hình lên, nện đuôi xuống mặt nước, và xông thẳng đến ngôi tháp; đôi mắt tràn trề một nỗi đớn đau căm hận.

- McDunn! - Tôi hét lên. - Mở còi lên đi!

McDunn mò mẫm chiếc nút công tắc. Nhưng ngay lúc anh bật còi lên thì con quái vật đã vươn thẳng người trên hai chân sau. Tôi thoáng nhìn thấy hai cẳng chân trước khổng lồ của con vật, những vảy cá loang loáng nước trong những màn chân vịt nổi giữa các móng vuốt chìa ra vô vào ngọn tháp. Con mắt to tướng phía bên phải cái đầu con thú đau khổ lóe sáng ngay trước mặt tôi tựa một vạc dầu chờ đợi tôi rơi tòm xuống, gào rú. Tháp hải đăng rung chuyển. Tiếng Sương Mù gào lên; con quái vật gào lên. Nó tóm lấy ngọn tháp, nghiêng rãng vào lớp kính bao quanh. Những mảnh thủy tinh vỡ nát rơi rào rào trên đầu chúng tôi. McDunn tóm chặt cánh tay tôi.

- Xuống dưới mau!

Ngôi tháp đong đưa, run lẩy bẩy, và bắt đầu oằn cong. Tiếng còi cùng tiếng gào con thú âm vang. Chúng tôi lao đảo suýt rơi nhào xuống thang lầu. Mau lên!

Chúng tôi xuống đến chân thang vừa lúc cả tháp hải đăng đổ ập. Chúng tôi nấp vào một hầm đá nhỏ dưới gầm cầu thang. Hàng nghìn chấn động rung rền khi đá dội xuống như mưa. Tiếng Sương Mù câm bật bất ngờ. Con quái vật dày xéo lên ngôi tháp. Ngọn hải đăng tan tành. McDunn và tôi quỳ bên nhau, người này ôm ghì lấy người kia, trong lúc thế giới của chúng tôi bùng nổ.

Rồi tất cả kết thúc, không còn gì ngoài bóng tối và tiếng sóng xạc xào trên đá vụn.

Cùng với một âm thanh khác.

- Lắng nghe kìa, - McDunn lặng lẽ bảo. - Lắng nghe kìa.

Chúng tôi chờ một lúc và tôi bắt đầu nhận ra. Thoạt tiên chỉ là một tiếng hút không khí phì phò cực mạnh, rồi đến tiếng gào ai oán ngổ ngang, cô liêu của con quái vật khổng lồ đang nằm khoanh ngay trên đầu chúng tôi, gần đến mức mùi tanh hôi nồng nặc của thân thể con thú xuyên thấu tường đá, tràn ngập bầu không khí trong căn hầm trú ẩn. Con thú thỏn thục thét gào. Ngôi tháp không còn nữa. Ánh hải đăng đã tắt lịm. Cái vật đã kêu gọi nó qua cả triệu năm hiu quạnh đã biến mất. Và con quái vật ngoác mồm bật ra những âm thanh lỏng lẻo. Những âm thanh của Tiếng Sương Mù, lập đi lập lại. Đêm ấy ngoài khơi, những con tàu lướt qua không tìm thấy ánh hải đăng, không nhìn thấy gì nhưng vẫn nghe, được những âm thanh khuya khoắt ấy chắc phải nghĩ rằng: Kìa, cái âm thanh cô đơn, tiếng còi hải đăng của Vịnh Tịch Liêu. Tốt cả, chúng ta đã đi vòng quanh mũi đất.

Con thú cứ gào thét như thế suốt đêm.

*

Mặt trời bỗng cháy, rực vàng vào chiều hôm sau khi đội tiếp cứu đến nơi bởi đất đá đưa chúng tôi ra khỏi gian hầm.

- Ngọn hải đăng này đổ sập, có thể thôi. - McDunn nghiêm nghị nói. - Mấy con sóng lớn nện vào, thế là nó nát bấy. - Anh vừa nói vừa cấu vào tay tôi.

Chẳng còn gì để xem. Biển lặng, trời xanh. Điều duy nhất đáng lưu ý là mùi tanh hôi nồng nặc bốc ra từ chất nhầy nhớt xanh phủ lên những tảng đá của ngôi tháp tan tành và đá trên bãi biển. Những con ruồi vo ve bay quanh. Đại dương xua vào bờ những đợt sóng tro trọi.

Năm sau, người ta xây một ngọn hải đăng mới nhưng vào lúc đó tôi đã nhận việc làm trong một thành phố nhỏ, đã có vợ và một mái nhà con con êm ấm tỏa sáng ánh đèn những đêm thu, cửa nẻo khóa chặt, bếp lò phập phồng thở khói. Còn McDunn, anh là chủ nhân của ngọn hải đăng mới xây dựng bằng bê tông cốt thép kiên cố theo chính yêu cầu của anh. Anh bảo:

- Để phòng hờ...

Ngọn hải đăng mới sẵn sàng hoạt động vào tháng Mười Một. Một đêm, tôi một mình lái xe đến và tắt máy ngắm nhìn mặt nước xám đen, lắng nghe tiếng còi báo sương mới thiết kế tự động lên tiếng xa xa ngoài kia, một, hai, ba, bốn nhịp một phút...

Còn con quái vật?

Nó không bao giờ trở lại.

- Nó đã ra đi, - McDunn bảo. - Nó đã trở về với Thảm Sâu. Nó đã biết rằng không ai có thể yêu thương một điều gì vô cùng tha thiết trên đời này. Nó đã trở về những đáy vực ngút ngàn nhất của Thảm Sâu để đợi chờ thêm triệu năm nữa. Ôi, con vật tội nghiệp! Chờ đợi tí ngoài kia, chờ đợi mãi, trong khi con người sinh sôi và tàn diệt trên hành tinh bé nhỏ thảm hại này. Đợi chờ mãi không thôi.

Tôi ngồi trong xe hơi lặng nghe. Tôi không sao nhìn thấy ngọn hải đăng hay ánh đèn chên vên trên Vịnh Tịch Liêu. Tôi chỉ có thể nghe thấy Tiếng Sương Mù. Tiếng Sương Mù... âm vang tựa hồ con quái vật kia vẫn còn kêu gọi.

Tôi ngồi yên ước gì mình có thể nói được một lời nào đó.

TRẦN ĐỨC TÀI *dịch* (nguyên tác: *The Fog Horn*)

NHÀ PHI HÀNH

RAY BRADBURY (Mĩ)

Bây đom đóm điện tử lượn vòng quanh mái tóc huyền của mẹ thấp sáng đường mẹ đi. Mẹ đứng bên ngưỡng cửa phòng ngủ nhìn ra khi tôi đi ngang dãy hành lang tĩnh mịch. Mẹ bảo:

- Lần này thì con phải giúp mẹ giữ bố lại đây, con nhé?

- Con cũng tính vậy. - Tôi đáp.

- Giúp mẹ đi con. - Bầy đom đóm hắt trên gương mặt trắng ngà của mẹ tôi những đốm sáng lung linh. - Lần này bố không được phép ra đi nữa đâu.

- Cũng được thôi. - Tôi đáp sau một lúc đứng im lìm. - Nhưng rồi cũng phí công thôi, mẹ ơi; chẳng ích lợi gì đâu.

Mẹ bỏ đi và bầy đom đóm điện lập lòe bay theo sau bà như một thiên tòa phiêu bạt, soi bước chân người trong bóng đêm. Tôi nghe tiếng mẹ nói loáng thoáng:

- Dù sao thì chúng ta cũng phải cố gắng vậy.

Một bầy đom đóm khác đi theo tôi về phòng mình. Khi trọng lượng của thân hình tôi đè xuống giường, một mạch điện tự động ngắt và bầy đom đóm nhấp nháy tắt ngóm. Đã nửa đêm, tôi cùng mẹ nằm chờ đợi trong hai gian phòng bị bóng tối phân li. Chiếc giường bắt đầu đu đưa phát ra một điệu nhạc

ru ngủ. Tôi tìm công tắc; tiếng nhạc và chuyển động của chiếc giường ngừng lại. Tôi không muốn ngủ chút nào.

Đêm nay cũng giống như hàng nghìn đêm khác trong đời. Chúng tôi thường thức trắng nhiều đêm nằm nghe tiếng không khí lạnh hóa ẩm lên, nghe lửa bùng trong gió, hay nhìn thấy những bức tường chột bùng sáng huy hoàng trong một thoáng, và khi đó chúng tôi biết hỏa tiễn của bố vừa bay qua ngôi nhà này. Và tôi thường nằm đây, mắt mở to, thở dồn, và ở phòng bên kia mẹ tôi cũng thao thức. Bà thường nói chuyện với tôi qua hệ thống radio giữa các căn phòng:

- Con có nghe thấy không?

Và tôi thường trả lời:

- Chính là bố đó, không hề gì.

Đó là con tàu của bố tôi bay qua thành phố, một thành phố bé nhỏ nơi những phi thuyền không gian chẳng bao giờ ghé đến. Chúng tôi thường nằm trần trổ suốt hai tiếng đồng hồ sau đó mà nghĩ miên man. “Bây giờ chắc bố sắp hạ cánh xuống Springfield, bây giờ chắc bố đang bước đi trên phi đạo tráng nhựa, chắc lúc này bố đang kí giấy tờ, còn bây giờ thì Bố lên trực thăng rồi, bố đang bay qua dòng sông, vượt mấy trái đồi, bây giờ chắc bố đang cho trực thăng đáp xuống một phi trường nhỏ ở khu Green Village này...” Và trời thường đã quá nửa đêm khi tôi và mẹ nằm yên trên hai chiếc giường riêng biệt lắng nghe, lắng nghe. “Bây giờ chắc bố đang tản bộ xuống đường Bell Street. Bố luôn đi bộ... chẳng đời nào đón tắcxi... giờ thì bố đang băng qua công viên rồi, giờ thì đi vòng qua góc phố Oakhurst và bây giờ thì...”

Tôi nhấc đầu khỏi gối. Từ tít cuối đường, tiếng bước chân càng lúc càng tiến gần hơn, thoăn thoắt, hối hả... Và rồi tiếng chân ấy rẽ vào hướng nhà tôi, bước lên bậc cấp. Cả mẹ lẫn tôi cùng mỉm cười trong bóng tối khi nghe tiếng mở cửa đã quá quen thuộc, bản lề cọt két khe khẽ chào mừng, và tiếng cửa khép lại dưới nhà...

Ba giờ sau đó, tôi nhẹ nhàng nắm cửa căn phòng bố mẹ, nín thở, giữ thăng bằng trong bóng tối mênh mông như khoảng không gian giữa các hành tinh, bàn tay tôi sờ soạng tìm chiếc vali màu đen nhỏ nhắn dưới chân giường ngủ của bố mẹ. Nhấc vali lên, tôi lặng lẽ chạy về phòng, lòng bồn chồn lo nghĩ. Bố không chịu nói cho mình biết, bố không muốn mình biết.

Và từ chiếc vali mở tung, bộ đồng phục đen huyền của bố phô bày ra như một tinh vân, lấp lánh đây đó vài đốm sao. Tôi vò lớp vải nhung đen ấy trong lòng bàn tay ấm; tôi nhận ra mùi vị của Hỏa Tinh (mùi của sắt thép) và mùi của Kim Tinh (mùi của dây trường xuân ngát xanh), có cả mùi lưu huỳnh, mùi lửa khét của Thủy Tinh, và tôi nhận ra cả mùi sữa ngọt của trăng cùng mùi hăng hắc của các tinh cầu. Tôi nhét bộ đồng phục ấy vào chiếc máy li tâm mà tôi đã lắp ráp tại xưởng trường từ hồi lớp chín và cho máy xoay. Ngay sau đó, một lớp bột mịn tích tụ lại ở bình ngưng đọng. Tôi đặt thứ bột này vào dưới kính hiển vi. Rồi trong lúc bố mẹ ngủ say không hay biết, trong lúc ngôi nhà tôi yển giấc, tất cả các công cụ nấu ăn tự động cùng các rô-bô giúp việc đang thêm thắt trong giấc điệp điện tử, tôi đắm đắm nhìn vào những đốm sáng lộng lẫy của bụi vân thạch, của đuôi sao chổi, của đất mùn từ Mộc Tinh xa vời. Những đốm sáng lấp lánh rực rỡ như chính các thế giới lạ kì kia

tựa hồ muốn hút tôi vào lòng ống kính hiển vi và cuốn tôi dạt trôi hàng tỉ dặm vào sâu trong không gian với một gia tốc kinh hồn.

Trời tảng sáng, một nhòai vì chuyến du hành tưởng tượng và sợ bố mẹ bắt gặp, tôi trả lại chiếc vali đồng phục về phòng hai người.

Rồi tôi ngủ thiếp đi, mãi đến khi chiếc xe của hiệu giặt ủi nhún còi inh ỏi dưới sân nhà tôi mới choàng tỉnh. Người ta đến lấy chiếc vali đồng phục mang đi. May mà mình không chần chờ, tôi nghĩ thầm. Bởi vì trong một giờ nữa, họ sẽ mang trả lại bộ đồng phục đã được tẩy sạch mọi dấu tích của chuyến hành trình.

Tôi lại ngủ tiếp; trong túi áo của tôi - ngay nơi trái tim đang đập - là một ve nhỏ chứa đựng lớp bụi thần kì.

*

Lúc tôi xuống nhà, bố đã ngồi ở bàn điểm tâm đang nhai bánh mì.

- Ngủ ngon không, con? - Bố nói cứ như là bố luôn có mặt ở nhà chứ không phải vừa trở về sau ba tháng rông xa cách.

- Bình thường thôi, bố ạ, - tôi đáp.

- Bánh mì nhé?

Bố nhấn nút và chiếc bàn tự động nướng cho tôi bốn lát bánh mì vàng xuộm, ròn tan.

Tôi còn nhớ chiều hôm đó bố tôi đào xới đất trong vườn, trông ông chẳng khác chi một con thú đang lùng xục một vật gì. Bố tôi đẩy với đôi cánh tay dài chuyển động thoăn thoắt,

trồng cây, nện đất, tỉa lá, xén cành, gương mặt ngăm đen của bố lúc nào cũng cúi gằm xuống đất theo dõi công việc đang làm, đôi mắt bố không hề ngước lên, không hề nhìn tôi, nhìn mẹ, trừ khi chúng tôi quỳ xuống bên ông để nghe hương đất ẩm thấm qua lớp vải quần nơi đầu gối, để vùi hai bàn tay vào lớp mùn đen, không nhìn lên bầu trời chói chang cuồng bạo. Lúc ấy, bố tôi thường liếc nhìn mẹ, nhìn tôi, nháy mắt âu yếm rồi tiếp tục công việc, khom lưng cúi mặt, bầu trời dội nắng xuống lưng người.

Đêm ấy chúng tôi ngồi trên xích đu bên hàng hiên; chiếc xích đu tự động đưa đẩy chúng tôi, quạt gió vào mặt mũi và phát tiếng nhạc du dương. Đêm hè trăng sáng, chúng tôi uống nước chanh giải khát, những chiếc cốc lạnh nằm trong bàn tay, và bố vừa hút thuốc vừa kể cho tôi nghe chuyện xưa - thuở bố còn là một chú bé vào năm 1997. Sau một lúc, bố nói với tôi; vẫn cái câu hỏi thường lệ:

- Sao dạo này con không ra đường chơi hỏ con?

Tôi không nói gì cả; mẹ tôi lên tiếng trả lời thay tôi:

- Vẫn có đấy chứ, vào những đêm khi bố vắng nhà.

Bố nhìn tôi, và lần đầu tiên trong ngày, bố ngước nhìn bầu trời. Mẹ luôn luôn quan sát bố mỗi khi ông hướng mắt về các vì sao. Ngày và đêm đầu tiên trở về quê nhà, bố thường rất ít nhìn trời. Tôi nhớ mãi hình ảnh bố làm vườn, xới đất một cách thịnh nộ hết sức, gương mặt ông thiếu điều muốn cắm sâu vào đất đen. Nhưng sang đêm thứ hai, bố thỉnh thoảng cũng ngước lên nhìn sao trời. Bầu trời ban ngày không làm mẹ tôi lo sợ mấy, nhưng đến tối thì bà cứ mong mỏi cho những vì sao kia tắt

phụt đi, và đôi lúc tưởng chừng như mẹ đang dò tìm một núm công tắc nào đó trong tâm trí để dập tắt tất cả ánh sao nhưng chẳng tìm ra. Và đến đêm thứ ba, bố thường ra ngồi ở hàng hiên mãi đến giờ đi ngủ cũng chưa vào nhà. Lúc ấy tôi thường nghe mẹ gọi bố nhắc nhở như mẹ đôi khi vẫn gọi với ra đường nhắc nhở tôi. Rồi sau đó, tôi cũng thường nghe tiếng bố thở dài, khép cửa. Thế là sáng hôm sau, lúc điểm tâm, tôi nhìn thấy chiếc vali nhỏ màu đen nằm cạnh chân bố trong khi bố phết bơ vào bánh mì và mẹ còn ngủ muộn màng.

- Chà, hẹn gặp lại con. - Bố nói khi người bắt tay tôi.

- Sau ba tháng nữa chứ gì?

- Đúng.

Và bố bước xuống đường, không đón trực thăng, tắcxi hay xe buýt, mà chỉ đi bộ cùng bộ đồng phục dấu kín trong chiếc vali con cặp dưới nách; bố không thích người ta cho là bố lên mặt vì được làm Nhà Phi Hành.

Mãi một giờ sau đó, mẹ tôi mới ra khỏi phòng để dùng bữa sáng; chỉ một mẩu bánh mì nướng khô khan.

Nhưng đêm nay là đêm đầu tiên bố trở về, đêm hạnh phúc, và bố không nhìn ngắm trời sao quá lâu đâu.

- Ta đi xem hội chợ đi, bố. - Tôi đề nghị.

- Ý kiến hay. - Bố nói.

Mẹ nhìn tôi cười vui.

Và chúng tôi lên trực thăng bay vèo đến thành phố, đưa bố đi xem cả nghìn gian hàng trưng bày để bắt bố phải cúi đầu cùng chúng tôi ngắm nghía chứ không được nhìn đi đâu khác.

Trong lúc chúng tôi cười phá lên trước những điều ngộ nghĩnh hay làm mặt nghiêm trước những điều trang trọng, tôi cứ nghĩ miên man: Bố mình thường xuyên bay đến Thổ Tinh, Hải Vương Tinh, Diêm Vương Tinh, thế mà chẳng đời nào bố mang quà về cho mình. Máy đưa kia mỗi lần bố chúng tôi không gian trở về đều mang cho chúng những mẫu quặng, những khối vụn thạch đen, hay ít cát màu xanh. Nhưng qua đổi chác với các bạn, mình cũng thu nhặt được một bộ sưu tập riêng và chất đầy phòng những viên đá Hỏa Tinh cùng bột cát Thủy Tinh, vậy mà bố chẳng bao giờ bình phẩm gì đến những thứ đó.

Tôi nhớ bố đôi khi cũng mang quà về cho mẹ. Có một lần bố đã trồng trong nhà một cây hướng dương Hỏa Tinh, nhưng sau khi bố ra đi được một tháng và mấy cây hướng dương ấy đã lớn mạnh thì một hôm mẹ tôi chạy ra chặt trụi tất cả.

Khi chúng tôi dừng chân bên một gian hàng trưng bày ba chiều, đột nhiên tôi buột miệng hỏi bố một câu mà tôi luôn thắc mắc:

- Được ra ngoài không gian thì như thế nào hở bố?

Mẹ ném cho tôi một cái nhìn sợ hãi. Quá muộn rồi.

Bố đứng lặng người hồi lâu cố tìm kiếm câu trả lời, rồi bố nhún vai.

- Đó là điều tuyệt vời nhất trong những điều tuyệt vời trên đời này. - Nói đến đó, bố vội lảng sang chuyện khác. - Ồ, thực ra cũng chẳng có gì đáng nói. Bình thường thôi. Chắc con không thích đâu. - Bố nhìn tôi với vẻ lo ngại.

- Nhưng chính bố luôn quay lại với không gian.

- Thói quen mà, con.
- Lần tới bố sẽ bay đi đâu?
- Bố vẫn chưa quyết định. Để bố tính xem.

Bố lúc nào cũng nghĩ đến điều đó. Vào thời ấy, phi công hỏa tiễn còn hiếm nên bố có thể lựa chọn nhiệm vụ và làm việc theo ý thích. Vào đêm thứ ba mỗi lần trở về nhà, chúng tôi biết, bố đang lựa chọn cho mình một cái đích giữa ngàn sao.

- Đi đi. - Mẹ lên tiếng - Ta về nhà thôi.

Về đến nhà trời vẫn chưa khuya, tôi muốn bố khoác bộ đồng phục vào. Lẽ ra tôi không nên yêu cầu điều đó - mẹ tôi chẳng bao giờ hài lòng đâu - nhưng tôi không làm sao kiềm chế được. Tôi kèo nài bố dù bố luôn chối từ. Tôi chưa lần nào được nhìn thấy bố trong bộ đồng phục ấy và sau rốt, ông nhượng bộ.

Chúng tôi chờ ở phòng khách trong lúc bố lên lầu. Mẹ thần thờ nhìn tôi như dường bà không sao tin được rằng chính con trai mình lại có thể gây cho bà niềm đau ấy.

- Con xin lỗi mẹ, - Tôi nói, không dám nhìn vào mắt mẹ.
- Con chẳng giúp mẹ chút nào. - Mẹ bảo. - Không giúp được gì hết.
- Bố đây. - Tiếng bố vang lên lặng lẽ.

Chúng tôi quay lại. Bố đứng đấy, trong bộ đồng phục đen huyền, bóng nhoáng với những chiếc khuy bạc và những đường viền bạc quanh gót đôi ủng màu đen; giống như ai đó đã tạo nên một thân hình với đôi tay, đôi chân từ một tinh vân âm u cùng những đốm sao nhật nhòa tỏa sáng. Bộ đồng phục ôm

sát lấy người bố tựa một chiếc găng bó khít một bàn tay thon mảnh; nó toát ra hương vị mát lạnh của bầu trời, của kim khí và của không gian.

Bố đứng ngay giữa phòng, mỉm cười gượng gạo.

- Xoay một vòng xem nào. - Mẹ nói.

Mắt mẹ nhìn bố, xa vời.

Những khi bố ra đi, mẹ không hề nhắc đến tên ông. Bà không hề thốt một lời nào trong mọi chuyện ngoại trừ những vấn đề thời tiết hay bệnh tật của tôi, hoặc việc bà mất ngủ nhiều đêm. Có lần mẹ than phiền rằng vào buổi tối ánh sáng lại quá chói chang.

- Nhưng tuần này đâu có trăng, mẹ ơi. - Tôi ngạc nhiên.

- Nhưng còn ánh sao kia.

Tôi ra cửa hàng mua cho mẹ một sổ màn hình cửa xanh hơn, sậm hơn. Mỗi tối lên giường nằm, tôi nghe rõ tiếng mẹ kéo màn hình sát tận đáy cửa sổ. Tiếng màn hình buông soàn soạt chói tai.

Một lần khác, tôi toan cắt cỏ ngoài sân. Mẹ đứng trên ngưỡng cửa ngăn lại.

- Đừng. Cắt cái máy cắt cỏ đi, con.

Thế là cỏ mọc lan tràn suốt ba tháng liền không ai cắt. Khi bố về, ông mới xén tỉa bãi cỏ gọn gàng.

Mẹ cũng không cho tôi làm bất cứ chuyện gì khác trong nhà. Mọi chuyện bà cứ để mặc đó như người ta dành dụm tiền chờ Lễ Giáng Sinh. Và rồi tôi thường thấy bố hì hục nện búa, gò,

đập, làm tất cả, miệng luôn tươi cười; và sau lưng bố, mẹ cũng tươi cười, hạnh phúc.

Không, mẹ chẳng đời nào nhắc đến bố khi bố vắng nhà. Còn bố ở ngoài triệu dặm xa cũng chẳng hề liên lạc với gia đình. Có dạo, bố bảo mẹ:

- Nếu anh gọi vô tuyến cho em thì anh lại muốn có em bên cạnh. Như vậy anh sẽ buồn nhớ lắm.

Một lần nọ, bố nói với tôi:

- Mẹ con đối xử cứ như là không có bố ở nhà vậy. Làm như bố vô hình không bằng.

Điều này thì đúng. Mẹ tôi thường nhìn xa xôi qua vai bố tôi, nhìn vào cằm hay vào đôi tay ông, nhưng không bao giờ nhìn vào đôi mắt. Nếu họa hoằn có nhìn vào mắt bố đi nữa thì lúc đó ánh mắt của mẹ lại mờ hẩn đi chẳng khác chi một con thú ngái ngủ. Bà vâng dạ, bà mỉm cười với bố song những lời nói, những cử chỉ ấy lúc nào cũng có một vẻ ngại ngùng, miễn cưỡng.

Nhưng có nhiều hôm, cả bố lẫn mẹ đều khác hẳn mọi ngày. Hai người thường nắm tay nhau đi dạo vòng quanh khu phố hay đi chơi xa bằng xe hơi; mái tóc mẹ xõa dài bay trong gió như mái tóc thiếu nữ; và những lần ấy mẹ thường dọn hết các máy nấu ăn tự động trong bếp để chính tay bà làm cho bố những chiếc bánh ngọt tuyệt vời, mắt mẹ nhìn sâu trong mắt bố, nụ cười mẹ đích thực nụ cười. Nhưng khi kết thúc một ngày như thế, mẹ luôn luôn khóc òa. Còn bố lúc đó chỉ biết đứng bất lực, đảo mắt khắp phòng như dường muốn tìm một câu trả lời song không bao giờ tìm thấy được.

Trong bộ đồng phục, bố chậm chậm xoay tròn cho chúng tôi ngắm nghía.

- Xoay người một lần nữa đi, anh. - Mẹ nói.

*

Sáng hôm sau, bố chạy ào vào nhà, hai tay nắm đầy những chiếc vé. Vé hỏa tiễn màu hồng đi California, vé màu xanh đi Mexico.

- Lên đường nào! - Bố reo lên. - Chúng ta sẽ mua áo quần tiện dụng, khi chúng đã dơ thì chỉ việc vứt đi. Này, chúng ta sẽ đi chuyến hỏa tiễn buổi trưa bay đến Los Angeles, đón chuyến trực thăng hai giờ chiều đến Santa Barbara, lên chuyến máy bay chín giờ tối đến Ensenada, ngủ qua đêm!

Và chúng tôi đến Califonia, bay ngang dọc khắp vùng duyên hải Thái Bình Dương suốt một ngày rưỡi, cuối cùng hạ cánh trên bãi cát Malibu để nướng xúc xích ăn tối. Bố luôn miệng hát nghêu ngao, hay lắng nghe, nhìn ngắm mọi chuyện xung quanh, tán gẫu đủ thứ chuyện trên đời như thể thế giới này là một bộ máy li tâm đang quay tít nhanh đến mức có thể bắn ông bay vèo xa rời chúng tôi bất cứ lúc nào.

Buổi trưa hôm trước ở Malibu, mẹ lên phòng khách sạn nghỉ ngơi trong khi bố nằm dài trên bãi cát sưởi nắng ấm bên cạnh tôi rất lâu. Đôi mắt khép hờ; ông nằm ngửa lưng, tận hưởng mặt trời.

- A, thế đấy! - Bố bỗng thốt lên. - Mi nhớ nó rồi!

Đương nhiên, ông muốn nói đến “những chuyến bay”. Nhưng không khi nào ông nói “hỏa tiễn” hay đề cập tới những

thiếu thốn trong những chuyến du hành không gian. Trên hỏa tiễn, người ta không thể nếm hơi gió biển mặn nồng, bầu trời xanh, mặt trời vàng, hay thưởng thức tài nấu nướng của mẹ. Người ta đâu thể chuyện trò với đứa con trai mười bốn tuổi trong chuyến bay được.

- Con nghe bố nói này, - ông bảo tôi.

Và tôi biết ngay hai bố con như thường lệ sẽ trò chuyện một mạch luôn ba giờ đồng hồ. Suốt buổi trưa dưới ánh nắng biếng lười, chúng tôi cứ thủ thỉ qua lại về chuyện học hành của tôi, tôi nhảy cao dường nào, tôi bơi nhanh bao nhiêu.

Vừa nghe tôi kể chuyện, bố vừa gật đầu, mỉm cười, hay âu yếm đập khẽ vào ngực tôi tỏ vẻ tán thành. Chúng tôi không nhắc đến hỏa tiễn mà nói về Mexico, nơi đã có lần chúng tôi đến thăm bằng một chiếc xe hơi cổ lỗ sĩ, nhắc đến những cánh bướm chúng tôi bắt được trong rừng thưa Mexico nắng ẩm ngát xanh - cả trăm con bướm đã bị hút cứng vào bộ máy tản nhiệt của xe hơi chúng tôi, chết luôn tại đó, những đôi cánh xanh tím, run bần bật, rất đẹp và rất buồn. Hai bố con cứ nói về những chuyện như vậy thay vì nhắc đến điều tôi khao khát muốn nói. Và bố lắng nghe tôi, lắng nghe hết sức chăm chú như dường bố đang cố sức gom trọn vào lòng tất cả âm thanh ông có thể nghe thấy. Ông lắng nghe tiếng gió, tiếng biển giạt ròng, và tiếng nói tôi, với sự tập trung say mê tựa hồ mọi vật chất tự nhiên đều bị tiệt trừ và chỉ có âm thanh là tồn tại. Bố nhắm nghiền mắt lại, lắng nghe. Tôi thường thấy bố lắng nghe tiếng máy cắt cỏ rầm rì những khi ông tự tay sửa sang lại bãi cỏ chứ không dùng dụng cụ điều khiển từ xa, và tôi thường bắt gặp bố

tôi hít ngửi hương cỏ bay khi những vụn cỏ bị hút tọt vào lòng máy cắt phun vọt ra như suối biếc xanh.

- Con ơi, bố muốn con hứa với bố một điều, - bố nói với tôi khoảng năm giờ chiều hôm đó, khi cả hai nhặt mấy chiếc khăn tắm và men theo con sóng ven bờ bước về.

- Điều gì, bố?

- Đừng bao giờ trở thành một Nhà Phi Hành.

Tôi ngừng lại. Bố tôi nói tiếp:

- Bởi vì khi con ra ngoài không gian con lại muốn có mặt ở quê nhà, và khi con trở về thì con lại khao khát ra đi. Đừng vào đời kiểu đó. Đừng để nó chế ngự chính con.

- Nhưng...

- Con không biết rõ thực chất của điều này đâu. Mỗi lần bay vào không gian, bố lại nghĩ: “Nếu bao giờ trở lại Địa Cầu thì mình sẽ ở lại đây luôn; không đời nào ra đi nữa.” Nhưng bố vẫn ra đi, và chắc rằng bố sẽ luôn ra đi lần nữa.

- Con đã nghĩ đến việc trở thành một Nhà Phi Hành suốt bấy lâu nay. - Tôi nói.

- Mình đã cố sức để ở lại đất này. - Bố nói lơ đãng, rõ ràng là bố không nghe tôi. - Thứ Bảy vừa rồi, lúc về nhà, mình đã cố gắng hết sức để ở lại đây.

Tôi nhớ cảnh bố làm vườn, mồ hôi ròng ròng, nhớ tất cả những việc làm, những di chuyển, những chú tâm của bố và tôi biết: bố làm thế để tự thuyết phục chính bố rằng thành phố này, vùng biển này, mảnh đất này, cùng với mái ấm gia đình chính là những điều duy nhất có thực và tốt đẹp. Nhưng tôi

biết đêm nay bố sẽ đi đâu - ra trước hàng hiên mà nhìn ngắm chòm sao Orion lóng lánh ngọc ngà.

- Hãy hứa rằng con sẽ không giống bố, con nhé.

Tôi đáp sau một lúc lưỡng lự:

- Vâng ạ.

- Con ngoan quá. - Bố xiết chặt tay tôi.

*

Bữa ăn tối hôm ấy thật ngon lành. Mẹ đã tắt bếp trong bếp với xoong cháo, bột nhồi, gia vị, và giờ đây một con gà tây to kền nằm bốc khói trên bàn ăn cùng nước sốt, rau đậu với bánh nhân thịt. Bố kinh ngạc kêu lên:

- Chưa đến Lễ Tạ Ơn mà ăn uống thịnh soạn thế ư?

- Chờ đến Lễ Tạ Ơn thì đâu còn anh ở đây.

- Quả thế thật.

Bố hít lấy hít để mùi thức ăn thơm phức. Bố giở nắp đậy của từng đĩa một lên cho hương thơm bốc nghi ngút vào khuôn mặt rám nắng của ông. Cứ mỗi đĩa giở ra là bố lại “A!” lên một tiếng. Bố nhìn quanh phòng rồi nhìn hai bàn tay. Bố dăm dăm dán mắt vào mấy bức tranh trên tường, vào mấy chiếc ghế, cái bàn, rồi nhìn tôi, nhìn mẹ. Bố hắng giọng. Tôi thấy rõ bố đã quyết định.

- Em yêu?

- Gì hở anh? - Mẹ lướt mắt khắp mặt bàn mà mẹ đã sắp đặt tựa như một cạm bẫy diệu kì, một hố thẳm thiêng liêng để có thể dòn cho bố rơi vào, đẩy dựa tựa một con thú mắc kẹt trong

đầm lầy, nhốt kín bố trong tim tù ngục và ở đó bố sẽ mãi mãi an toàn. Đôi mắt mẹ long lanh.

- Em yêu, - bố nói.

Nói tiếp đi, bố ơi; tôi thăm giục. Nói mau lên: hãy nói rằng lần này bố sẽ ở nhà, vĩnh viễn không ra đi nữa, nói đi!

Đúng lúc ấy một chiếc trực thăng bay qua làm căn phòng và các cửa kính rung động lạnh canh. Bố liếc nhìn qua cửa sổ.

Kìa, những vì sao xanh hoàng hôn và kìa, Hỏa Tinh rực đỏ đang dâng cao phía trời Tây.

Bố nhìn ngắm Hỏa Tinh trọn một phút. Rồi bố thần thờ bảo mẹ:

- Cho anh ít đậu, em nhé.

- Xin lỗi. - Mẹ kêu lên. - Để em đi lấy bánh mì đã.

Mẹ chạy ngay xuống bếp.

- Nhưng bánh mì đã có sẵn trên bàn rồi mà! - Tôi sửng sốt.

Bố ăn lặng lẽ, không một lúc nào đưa mắt nhìn tôi.

*

Đêm ấy tôi không sao ngủ được. Tôi bước xuống nhà dưới vào lúc một giờ sáng; ánh trăng trắng xóa như băng trên mọi mái nhà và sương khuya trên bãi cỏ lấp lánh như cánh đồng tuyết. Tôi mặc đồ ngủ đứng ngay ngưỡng cửa, nghe gió đêm nồng ấm mơn man và chợt thấy bố đang ngồi trên chiếc xích đu trước hàng hiên. Tôi có thể thấy rõ gương mặt trông nghiêng của bố hơi ngẩng lên: bố đang nhìn theo ngàn sao

đang cuộn xoáy trên trời. Đôi mắt bố trông hết như một tinh thể màu xám, mỗi con mắt là một mặt trăng.

Tôi bước ra ngồi cạnh bố. Chiếc đu vẫn lặng lẽ đong đưa; không ai lên tiếng hồi lâu. Cuối cùng tôi hỏi:

- Trong không gian, người ta thường chết vì bao nhiêu nguyên do?

- Cả triệu nguyên do.

- Kể cho con nghe vài cái đi.

- Vắn thạch giáng vào con này. Hỏa tiễn của con hết dưỡng khí này. Hoặc là những sao chổi cuốn con theo, hay là do chấn động. Do sức nổ. Do lực li tâm. Gia tốc quá lớn cũng chết. Quá nhỏ cũng chết. Nóng, lạnh, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, hành tinh, tinh vân, phóng xạ.

- Thế chết trong không gian thì có được chôn cất không?

- Không đời nào tìm ra người chết đâu mà chôn.

- Thế người chết sẽ đi đâu.

- Hàng tỉ dặm vời vợi. Những nắm mồ lãng du; chết trong không gian là thế đấy. Người ta sẽ trở thành một vắn thạch hay một thiên tinh mãi mãi lang thang trong không gian.

Tôi không nói gì. Bố tiếp tục sau một lúc im lặng:

- Chỉ có điều là cái chết trong không gian xảy ra rất nhanh chóng. Ngừng thở. Thế là xong. Thậm chí nhiều khi người ta còn không biết nữa kia. Chết và chấm hết.

Chúng tôi vào nhà đi ngủ.

Buổi sáng.

Đứng trên ngưỡng cửa, bố lắng nghe con chim hoàng yến hát trong lồng vàng.

- Này con, - bố bảo tôi, - bố đã quyết định rồi. Lần tới trở về là bố sẽ ở nhà luôn.

- Ôi, bố!

- Con nói cho mẹ hay khi nào mẹ thức dậy.

- Bố nói thật đấy ư?

Bố nghiêm nghị gật đầu.

- Hẹn gặp con sau ba tháng nữa.

Và bố bước thẳng xuống đường, mang theo bộ đồng phục trong chiếc vali bí mật, vừa huýt gió vừa ngắm nhìn hàng cây tươi xanh cao vút, ngắt vài quả dại khi đi ngang bụi cây rồi ném tung ra trước mặt khi bố bước vào bóng râm tươi sáng của tình sương...

*

Tôi đã hỏi mẹ đôi điều ngay sáng hôm đó sau khi bố ra đi được mấy tiếng đồng hồ.

- Bố bảo rằng nhiều khi mẹ cứ xử cứ như là không có bố trên đời vậy.

Và mẹ lặng lẽ giải thích mọi điều cho tôi nghe.

- Lúc bố bay vào không gian mười năm trước, mẹ đã nhủ thầm “Anh ấy chết rồi.” Hay coi như là chết. Và mẹ cứ nghĩ như thế. Rồi những khi bố trở về, ba hay bốn lần một năm thì đó

không phải là bố nữa mà chỉ là một giấc mơ hay một kỉ niệm bé nhỏ hân hoan. Và nếu như một kỉ niệm hay một giấc mơ kết thúc thì nó cũng không làm mẹ đau đớn nhiều. Cho nên mẹ hầu như lúc nào cũng nghĩ là bố chết rồi...

- Nhưng có những lần khác...

- Những lần khác thì mẹ không sao kềm chế mình được. Mẹ làm bánh, nấu nướng và săn sóc bố như thể bố đang sống, để rồi sau đó mẹ lại đau đớn vì chuyện ấy. Không, thà nghĩ rằng bố không có mặt ở nhà suốt mười năm và mẹ sẽ không bao giờ gặp lại bố còn hơn. Như vậy mẹ sẽ bớt đau khổ đi nhiều.

- Thì bố đã nói là lần tới bố sẽ về luôn mà?

Mẹ chậm chậm lắc đầu:

- Không, bố chết rồi. Mẹ tin chắc như thế.

- Nếu vậy thì có ngày bố sẽ sống lại.

- Mười năm trước mẹ đã suy nghĩ: Nếu như bố chết trên Kim Tinh thì sao? Thì chúng ta sẽ không bao giờ có thể nhìn ngắm Kim Tinh được nữa. Nếu bố chết trên Hỏa Tinh thì sao? Thì chúng ta sẽ không bao giờ có thể nhìn ngắm Hỏa Tinh rực đỏ trên bầu trời mà lại không muốn chạy vào nhà khóa chặt cửa lại. Còn nếu bố chết trên Mộc tinh, trên Thổ Tinh, trên Hải Vương tinh? Vào những đêm mà các hành tinh ấy hiện ra trên trời, chúng ta sẽ không nhìn chúng hay làm bất cứ điều gì liên quan đến chúng.

- Con không nghĩ thế đâu.

*

Bức điện gửi đến vào ngày hôm sau.

Người đưa tin trao bức điện cho tôi và tôi đứng đọc ngay trên hàng hiên. Mặt trời đang lặn. Mẹ đứng nơi ngưỡng cửa sau lưng tôi, nhìn tôi gấp bức điện cất vào túi.

- Mẹ ơi. - Tôi gọi.

- Đừng nói với mẹ những gì mẹ đã biết từ trước. - Mẹ nói.

Bà không òa khóc.

Ôi, không phải Hỏa Tinh, không phải Kim Tinh, cũng không phải Thổ Tinh hay Mộc Tinh đã giết chết bố tôi. Chúng tôi chẳng cần phải nhớ đến bố mỗi khi Mộc Tinh, Thổ Tinh, hay Hỏa Tinh lóe sáng trời chiều.

Điều này khác xa.

Con tàu của bố đã đâm vào mặt trời.

Và mặt trời thì khổng lồ, rực lửa, tàn nhẫn, mặt trời luôn hiện diện trên cao và không ai có thể chạy trốn mặt trời.

Cho nên suốt một thời gian dài sau khi bố tôi chết, mẹ tôi ngủ suốt ngày không hề bước chân ra khỏi cửa. Chúng tôi dùng điểm tâm vào lúc nửa đêm, ăn trưa vào lúc ba giờ sáng, và ăn chiều vào lúc sáu giờ sáng âm u lạnh lẽo. Chúng tôi tham dự những chương trình giải trí hoạt động thâu đêm và lên giường ngủ lúc bình minh, với tất cả màn hình của màu xanh lục tối tăm buông chật trên mọi cửa sổ.

Và suốt một thời gian dài, những ngày duy nhất chúng tôi ra phố dạo chơi là những ngày mưa khuất bóng mặt trời.

TRẦN ĐỨC TÀI *dịch* (nguyên tác: *The Rocket Man*)

NHỮNG NGƯỜI BUÔN TRI THỨC

O. LASLEY

Neva không thích mang báo buổi chiều về nhà. Nàng sợ cái thói nôn nóng mà Kol, chồng nàng, vẫn bộc lộ khi giật tờ báo trên tay nàng, rồi chàng vội vã lướt mắt đi tìm ngay mục rao vặt. Nàng đã biết sau đó sẽ là chuyện gì. Chàng sẽ thở phì phì vì bức bội, mắt đảo trên những cột báo chữ nhỏ li ti, rồi sau đó sẽ vút những tờ giấy báo đã vò nhàu xuống chỗ bánh xe của chiếc ghế lắn mà chàng coi là nhà tù của mình.

Nhưng lần này không phải như vậy. Khi Neva bước vào Kol đón nàng bằng một nụ cười tỉnh lại, gương mặt thông minh, thanh tú của chàng vẫn bình thản. Khi nàng đặt tờ báo xuống đầu gối chàng thì chàng mở ra không vội vã, thậm chí còn đọc lướt các đề mục trước khi chuyển sang rao vặt.

Cử chỉ ấy khích lệ Neva, nàng bảo:

- Thôi, để đấy, anh Kol, kéo anh mệt...

Chàng nhếch mép cười:

- Không hề gì đâu, em yêu. Quả thật hôm nay anh thấy rất sảng khoái. Anh sẽ không mệt chút nào.

- Thế thì em vui quá!

Nàng ngồi xuống bên chân chàng và đặt mái đầu tóc vàng lên đầu gối chàng. Chàng đưa tay vuốt những lọn tóc dài và mềm. Thậm chí trong bóng chiều mờ đục chàng vẫn nhận thấy

những sợi tóc bạc xen lẫn trong đó, Kol thấy nao lòng: nàng mới có ba mươi tuổi.

Sau đó chàng lại thấy vui lên.

- Thôi được rồi, niềm vui của anh ạ. Em cho phép anh đọc một chút. Biết đâu anh lại tìm được một tin hay “Cần một nhà nghiên cứu tâm ngữ, tốt nhất là một người tàn tật - lương hậu, ngày làm việc ít giờ...”

- Anh Kol!...

Chàng vuốt tóc nàng.

- Thiên thần ơi, em đi nấu khoai tây đi, - anh chết đói rồi đây.

Nàng đứng lên, lẩm nhẩm một bài hát, rồi xuống bếp trong căn hộ hai phòng của họ.

Kol Đônkhiu mở rộng tờ báo, đưa ngón tay dò từ trên xuống dưới và bắt đầu nhìn các cột rao vặt tìm người làm thuê. Có thể khẳng định ngay rằng việc tìm kiếm của chàng là vô vọng. Nghề chuyên môn của chàng được coi là không thực tiễn, và tệ hại hơn cả là ở chỗ chỉ có một ít nhà chuyên môn mới hiểu được nó. Nhưng chính trong lĩnh vực tri thức này chàng là một chuyên gia lớn. Nhưng về thể chất Kol lại rất yếu.

Chàng bóp mạnh tay nắm chiếc xe lăn, đè nén tình cảm giận dữ và khinh bỉ mình.

Sau đó Kol lật một trang báo và đọc những thông tin mua bán. Vẫn như trước, đó là quảng cáo của hãng tin môi giới “Mua - Bán” (M-B) và những cung ứng dịch vụ trung gian của hãng “Tri Thức” (T-T) và của các khách hàng riêng lẻ:

CẦN BÁN - Tri thức (hoàn hảo) về ngành khoáng chất; đã tốt nghiệp trường cao đẳng, các ngành tinh thể học, địa chất, công nghiệp khai khoáng. Có thực tế công tác - mười hai năm. Liên hệ: Nữu Ước 7, hãng Êđamxa "T-T".

CẦN BÁN. Biết tiếng Pháp hoàn chỉnh. Tốt nghiệp trường Pháp, thường xuyên sống ở Pháp. Sẵn sàng hi sinh mọi thứ. Gọi điện sau sáu giờ. Oxphord 5-99-00.

CẦN BÁN. Kỹ sư - chuyên gia trong lĩnh vực mới của sức bền vật liệu - có thể cung ứng những tri thức sâu rộng. Ba năm học cao đẳng và bốn năm thực tế. Trả tiền phí tổn cho "T-T". Liên hệ tại phòng Garvei hãng "T-T", Bruclin, Grand, 150.

Kol đọc lướt cả cột báo để tìm mục "Cần mua". Cuối cùng chàng đã thấy chỗ rao vật thường có ở các số báo.

CẦN MUA. Tri thức các lĩnh vực không hạn chế. Trả lương cao nhất, đảm bảo mọi khoản chi phí cho hãng "T-T" và các chi nhánh của hãng. Liên hệ: Nữu Ước 17, Mêdixon, 585, hãng "T-T", chi nhánh Menn.

Kol lại đọc kĩ từng chữ một khi Neva từ dưới bếp đi lên trong chiếc tạp dề ngay ngắn bó sát tấm thân cân đối. Kol mỉm cười với Neva.

- Ô Kol, - nàng nói, - anh không thể tưởng tượng được em phấn khởi ra sao khi thấy anh thế này.

- Chẳng lẽ trời không cho anh được hạnh phúc hay sao? Hôm nay anh hên rồi. Nghề của anh đã được chú ý.

- Thật sao? - Nàng hài hước cúi đầu xuống, làm dáng như một người vợ ghen tuông. - Vậy cô nàng tóc vàng ấy là ai vậy?

-Ồ không, em là cô gái tóc vàng duy nhất của đời anh. Nếu nói nghiêm chỉnh thì đây là lão đầu hói thấp bé của một hãng gọi là Hãng Menn. Lão là một trong những tay trùm buôn tri thức.

Neva sững sờ. Nàng không thích nghe về những hãng “T-T”; cả hệ thống buôn bán tri thức đều làm nàng sợ hãi. Một hôm Kol đã thử giải thích cho nàng về hoạt động này, nhưng nàng đã bịt tai không nghe. Buôn bán tri thức với cái bọn khuyến nho lạnh lùng, cái bọn vẫn được chơi trong sổ giao dịch, là chuyện bổ bóng chúa, như thế nghĩa là chẳng còn gì thiêng liêng nữa.

- Lão ta cần cái gì? Vì sao lão đến với chúng ta?

- Để yên anh nói. Theo anh hiểu qua lời ông bạn bé nhỏ hói đầu thì cái Hãng Menn là một xí nghiệp chỉ phục vụ một người. Người đó nói năng khá thận trọng, nhưng qua câu chuyện của lão anh biết...

- Em không hiểu anh nói gì.

- Thì em đã biết các hãng “T-T” làm ăn thế nào rồi. Họ chỉ là môi giới thôi. Ai muốn nhờ họ bán trí thức của mình thì sẽ tìm được người mua. Những người muốn mua tri thức cũng làm như vậy. Các hãng này thu lệ phí và cuối cùng mọi người đều hài lòng.

- Nhưng họ không phải là... - Neva khó khăn lắm mới nuốt được một miếng nước trong họng. - Họ không thực hiện chính... cái quá trình ấy?

- Không, họ không làm chính cái quá trình cấy ghép. Đó là việc của người mua và người bán. Họ tìm một phòng thí

nghiệm cải biến thích hợp cho “T-T”. Nhưng anh đã tìm hiểu được về Hãng Menn rồi. Nó thuộc về Emerxon Oeri.

- Ai cơ?

- Oeri. Anh đã nói với em về ông ta rồi. Ông ta có nguồn vốn khổng lồ. Nhiều xí nghiệp nguyên tử. Mãi đến bây giờ ông ta mới chán việc tích lũy đôla. Lão đi mua tri thức, lí trí.

Neva giật mình. Nàng nhìn xuống bếp, nói vọng lên tiếng nước sôi quen thuộc reo khe khẽ trong xoong. Nàng không thích nghe những chuyện mua bán, nhưng hôm nay Kol trong trạng thái tinh thần phấn chấn đến nỗi nàng không dám làm chàng cụt hứng. Nàng chỉ hỏi:

- Nhưng như thế để làm gì, hả anh? Hẳn cần những tri thức ấy làm gì?

- Phải tìm hiểu chứ! Bọn trùm tài chính thường vươn tới quyền lực. Có thể Oeri cũng vậy. Hẳn đã nhồi nhét vào cái hộp sọ của hắn những tri thức mà quý này nhiều hơn bất kì ai trên thế gian. Thế mà hắn vẫn cho là ít.

- Nhưng mà vì sao?...

- Chính anh cũng ngạc nhiên. Hắn lớn lên trong khu ổ chuột, là một thằng bé khốn khó mù chữ. Có thể bây giờ hắn muốn sánh ngang với bọn anh chị “sịn” bằng cách mua tất cả những gì họ biết, nhưng ai có thể nghĩ rằng hắn lại cần đến tri thức tâm ngử.

Điều đó làm nàng bấn loạn.

- Kol!

- Đừng có hoảng hốt như thế, - Kol cười khẩy. - Anh không định bán đi tri thức của mình đâu. Chuyên môn của anh cũng tầm thường thôi, thậm chí anh không nuôi nổi chúng ta, nhưng đó là tất cả những gì anh có.

- Khủng khiếp! Hắn dám đề nghị với anh chuyện đó!

- Làm sao lại không? Kinh doanh mà, Neva. Anh có cái mà Oeri cần, còn hắn thì có tiền. Chẳng có gì phải sợ cả.

Neva rùng mình, nàng thấy ớn.

- Sì! Buồn nôn quá. Móc óc người ta ra mà lấy tri thức... như là nhổ răng ấy. Kol à, nếu chuyện ấy xảy ra với anh thì em không thể chịu được.

- Năm nghìn cũng không chịu à?

Kol nghiêng người ôm lấy nàng. Lát sau anh nhỏ nhẹ: - Đôi khi anh cảm thấy rằng anh phát điên. Có thể thằng cha đầu hói ấy đúng. Em ạ, năm nghìn với chúng ta là được đấy. Lâu dài thì từng ấy cũng không đủ, nhưng vẫn là có ích, có thể anh sẽ khá hơn, nếu tẩy rửa hết cái thứ tâm ngữ ấy ra khỏi não...

- Anh đừng nói thế.

- Nhưng đấy là sự thật. Hắn có được lợi vì mình mấy đâu, Neva? Bởi vì anh cũng chẳng hơn gì cái thân người trên ghế lặn này...

Chàng lại thấy ưu tư, còn Neva thì ôm chàng chặt hơn để giữ cho chàng sức mạnh.

- Anh là một tài năng, nàng nhiệt thành khẳng định. - Anh đừng bao giờ quên như thế. Ở trường Đại học người ta cũng nói

vậy.

- Tài năng thì cũng phải ăn, em ạ! Vợ của họ cũng phải ăn. Neva, em hãy nhớ lại quyển sách ấy, tuyệt tác bất hạnh của anh, nó được in đến năm trăm mười bảy cuốn...

- Cuốn sách tuyệt vời! “Bình luận khoa học”...

Chàng nhếch mép cười cay đắng.

- Kol! - Neva kêu lên, và tất cả những gì căng thẳng buổi tối hôm ấy vỡ tung ra, như giây đàn quá căng phải đứt. Nước mắt tuôn trào ra như nước sôi trào qua miệng ấm.

*

Sáng hôm sau Neva dậy muộn sau một giấc mơ đầy lo âu, rồi vội vàng đi nấu ăn cho Kol. Nàng là nữ tốc kí viên hạng 3A của tòa thị chính, nhưng trình độ tay nghề cao cũng không cho phép nàng đi muộn. Neva hối hả hôn Kol rồi chạy đi.

Nàng đi rồi Kol mới lăn bánh xe đi khắp phòng để chuẩn bị cho mình tâm thế làm việc, rồi trở về chiếc máy chữ sức mẽ, cũ rích đặt trên mép bàn ăn. Bài báo về chuyên ngành của chàng, một nửa là do chàng viết, kết quả những suy tư năm tháng, sắp phải xuất hiện trên tạp chí khoa học phát hành ít số, tạp chí này chỉ trả nhuận bút một cách ước lệ vì uy tín mà thôi.

“Uy tín và món khoai tây, - Kol lại nhếch miệng cười. - Uy tín đem rán, uy tín đem hấp, uy tín đem trộn”.

Tất cả báo hiệu một ngày xui xẻo.

Đến mười một giờ chàng mới gõ được tám dòng bài báo thì có tiếng gõ cửa khiến chàng ngừng lại, vui mừng.

Người chờ ngoài ngưỡng cửa ngả mũ và ánh sáng từ tiền sảnh hắt ra lấp lánh trên đỉnh đầu hỏi:

- Lại là ông? - Kol ngạc nhiên. - Hôm qua tôi đã nói với ông, ông...

- Bitr, - lão đầu hỏi lịch sự nhắc, vừa nói vừa bước vào tiền sảnh và cởi áo bành tô. Lão kẹp nhẹ nhàng dưới nách một chiếc túi du lịch bằng da nhẵn bóng, - Hôm qua là hôm qua, - lão mỉm cười. - Tôi có khả năng bàn lại với khách hàng của tôi và tôi sẵn sàng có một đề nghị mới.

- Ông Bitr, ông mất thì giờ vô ích rồi.

- Sao anh biết, tôi đã nói gì đâu. - Ông lão ngồi xuống, kéo soạt cái phեcmơtuya kim loại dày cộp. - Ông Oeri rất khâm phục trí tuệ của anh và ông ta hào phóng hơn bao giờ hết. Nói thật lòng là ông ta đã vượt qua được chính mình đấy....

- Ông nghe đây, vấn đề không phải là giá cả. Tôi không bận mà gì với cái văn phòng “T-T”, tôi không muốn có quan hệ gì với nó.

- Anh chắc vậy sao?

Kol tỏ ra nghi ngờ.

- Thôi được, ông cứ đặt giá rồi đi đi.

- Mười lăm nghìn. - Bitr hồi hả lòi ra một cây bút máy to bự, rồi vặn nắp ra. Vậy là anh kí trước nhé.

- Hãy khoan. Tôi không định kí gì hết.

- Có lẽ anh chưa nghe hết. Tôi đã nói là mười lăm ngàn.

- Tôi nghe rõ rồi. Nhưng dù ông nói đến năm mươi ngàn thì tôi cũng không đem bộ não của tôi ra buôn bán đâu.

Lão đầu hói chăm chăm nhìn Kol như đức cha nhìn kẻ báng đạo, cái nhìn sấm sét nhưng lại đầy vẻ chịu đựng nhẫn nhục.

- Hừm! - Cuối cùng lão thốt lên. - Hiểu rồi. Điều anh sợ chính là quá trình cải biến chứ gì. Tôi cho rằng tôi chẳng có gì để mà trách cứ anh, vì cũng có nhiều người hiểu sai chuyện này. Cho tôi được nói để anh tin rằng chuyện ấy cũng đơn giản... Không, thậm chí còn đơn giản hơn là cắt amidan. Máy móc của hãng “T-T” ghi lại rất cẩn thận những dòng điện sinh vật, nó chỉ ghi những tri thức dùng để cải biến. Sau “ca phẫu thuật” ấy những tri thức này không còn trong đầu anh nữa, nhưng bù lại người mua sử dụng được chúng. Mọi chuyện khác anh không thay đổi gì cả. Vậy xin anh tỉnh táo hơn, anh Đônkhiu ạ. Chúng ta càng sớm thỏa thuận về phòng thí nghiệm thì...

Kol dừng mắt nơi hộp sọ to và hói của Bitr, tựa như muốn cân nhắc xem đập ngọn rìu vào đâu thì tốt hơn. Sau đó chàng văng ra một câu gì đó, đẩy xe ra phía cửa, mở rộng hai cánh.

- Ra ngay! - Kol kêu lên.

- Nhưng, anh Đônkhiu.

- Ra ngay! Ông về bảo ông Oeri rằng hãy đi mà ăn cướp óc của người khác.

Lão hói vội vàng nhặt đồ bước vội ra cửa.

- Thôi được, anh Đônkhiu. Anh đừng xử tệ với tôi thế. Tôi không phải người chịu lép vế đâu. Tôi phải báo cho ông Oeri,

nhưng tôi cũng cần biết giá cả với anh...

- Không có giá gì hết! - Kol quát to. - Ra khỏi đây ngay!

Chàng nổi giận đóng sầm cửa lại khi lão Bitr bước ra, khiến bức ảnh trên tường rụng ngay xuống đất để lộ một ô chữ nhật trên nền giấy dán tường bạc màu. Chàng lại gần, nhặt lên. Mặt kính rạn vỡ đến nỗi hầu như không còn nhìn thấy hình của chàng và Neva nữa. Bức ảnh chụp vào ngày cưới. Ngày ấy anh còn đứng rất thẳng và cao.

*

Phải mất gần hai tuần Kol mới viết xong bài báo. Viết xong chàng đặt các tờ giấy lên bàn ăn, xếp thành tập rồi bỏ vào trong một chiếc phong bì màu nâu. Chàng viết địa chỉ rồi quay sang Neva đang ngồi khâu ở cửa sổ:

- Ngày mai em gửi cho anh được không?

- Tất nhiên, Kol. - Nàng nhìn chàng, trán chau lại. - Có điều gì làm anh lo lắng thế? Hôm nay anh có chuyện nặng nề phải không?

- Chỉ là bận thôi. Anh viết cho xong bài báo. Phải vội để còn đánh máy, bây giờ thì chúng ta chỉ còn việc ăn món uy tín nữa thôi.

- Cái món gì thế?

- Em đừng lo. - Chàng lăn bánh xe sang văn phòng và ném phong bì lên bàn. Sau đó chàng lấy bức thư nhận được hồi trưa của Hãng Menn. Chàng nhú mày rồi lại cúi vào chỗ cũ. Điều ấy không lọt qua mắt Neva.

- Gì thế, Kol? Thư của ai vậy?

- Vẫn cái hăng ấy. Có lẽ đến bây giờ Oeri vẫn chưa từ bỏ ý định của mình. Đề nghị cuối cùng của ông ta là ba mươi lăm ngàn. Anh nghĩ, ông ta sẽ không dừng ở đó. Chúng ta cứ trùng trình thì có thể rút túi lão ngốc ấy được bạc triệu.

Neva bỏ đồ khâu xuống gối.

- Anh đừng nói vậy. Em không chịu được đâu. Thậm chí đến mười triệu đôla cũng mất.

- Em đừng lo. Cái duy nhất còn lại trên đời của anh là công việc. Không, - chàng vội nói thêm, - anh không có ý định bán mình.

Neva qua nước mắt, ép người vào anh.

Mấy phút sau có tiếng chuông rung ngoài cửa.

- Bà Đônkhiu phải không? Tôi là Emerxon Oeri, - người khách tự giới thiệu.

Neva đưa tay lên ngực.

Oeri người to bè. Ông ta đứng chắn cả khuôn cửa. Lão phải nặng trên mức trung bình hàng trăm phun, nhưng tên thợ may khéo léo đã làm lão bớt đầy đặn. Trên mặt lão có nhiều nét nhỏ, đôi mắt lão bị đẩy sụp xuống bởi hai đường vòng cung trên lông mày. Lão đàn ông hoàng bước vào phòng. Lão không hút thuốc, nhưng căn phòng bắt đầu có hương vị xì gà hảo hạng.

Khách bỏ mũ và lịch thiệp nói:

- Xin lỗi vì đến thăm anh chị đột ngột. Hi vọng rằng anh chị dành cho tôi ít phút.

Kol lăn bánh ra cửa đón khách.

- Ông Oeri, ông cần gì?

- Anh là Kolvin Đônkhiu?

- Phải.

- Anh cho phép tôi ngồi chứ?

- Vâng, - Neva nôn nóng nói, cố gắng dấu nỗi sợ hãi trước con người này. Nàng biết bây giờ Kol sẽ ra sao.

Tám thân nặng nề của Emerxon Oeri lấp đầy cái ghế.

- Tôi không muốn anh chi mất thời giờ vô ích, nhưng hôm nay tôi nói chuyện với ông Bitr...

- Ông nghe đây, - Kol dần giọng, - cái lão già thậm thụt của ông giống như bệnh dịch hạch vào nhà tôi vậy. Tôi sẽ rất biết ơn ông nếu ông lôi cổ lão ta về - xin ông hiểu cho, tôi không bán tri thức của tôi. Hôm nay tôi cũng đã nói với lão ấy như thế.

- Tôi đã được nghe. Vì thế mà tôi đến đây.

- Ông sẽ đặt giá một triệu, - Kol nói. - Tôi đã nói với vợ tôi rằng ông sẽ làm thế. Ông đặt giá một triệu đi.

- Nếu đó là giá cuối cùng của ông...

Neva hút hơi; ngay đến Kol cũng choáng váng trước thái độ sẵn sàng vang lên trong giọng lão, nhưng sau đó chàng lại trấn tĩnh được.

- Tôi không đồng ý, - chàng nói. - Không bán đâu. Ông Oeri, xin chào ông.

- Khoan đã. Trên đường tới đây, tôi nghĩ phải trả cách khác.

- Cách nào?

Oeri mỉm cười. Lão rút trong túi ngực ra một điếu xì gà nhỏ và mời Kol:

- Xin anh hút đi. Tôi thì bị cấm, nhưng tôi rất thích hương vị xì gà.

- Không, cảm ơn ông.

Oeri thở một hơi dài, cất thuốc đi, sau đó đặt tay lên đầu gối nói:

- Anh Đônkhiu, đề nghị của tôi liên quan đến một thứ còn quý hơn cả tiền bạc. Nếu nói thẳng thì tôi xin nói rằng phải làm sao cho anh đứng lên được.

Neva đứng dậy không có nguyên nhân rõ rệt. Nhưng nàng không biết bước đi đâu, sau một phút hết sức hồi hộp nàng lại ngồi xuống.

Kol im lặng, chú mục nhìn Oeri.

- Tất nhiên đó là chuyện rất đặc biệt, - Oeri nói. - Nhưng tôi đến đây chính là với đề nghị đó. Lần đầu tiên khi anh từ chối, tôi đã tự mình nghiên cứu lịch sử bệnh tình của anh. Chuyện thú vị đấy. Chắc anh cũng có nghe nói về kiến thức khá sâu rộng của tôi về y học.

- Những kiến thức được mua và được trả tiền, - Kol nói.

- Hoàn toàn đúng. Nhưng chúng cho phép tôi hiểu bệnh tình của anh. Một ca bất hạnh. Anh bị tổn thương trung tâm phía dưới của hệ vận động. Tôi rất thông cảm.

- Vậy thì sao? - Neva hỏi, giọng run rẩy. - Ông nói đi, ông muốn gì?

Oeri mỉm cười với nàng.

- Có một người.

- Rồi sao?

- Tên người đó là Uykrait. Ông ta là bác sĩ có tiếng. Anh Đônkiu, anh có chuyên môn của anh, ông ta cũng có chuyên môn của ông ta. Vấn đề là ông ta thực hiện những ca phẫu thuật rất tinh tế và phức tạp cho những bệnh nhân kiểu như anh. Những ca ấy rất thành công.

Trong phòng lặng lẽ đến nỗi ai cũng nghe thấy tiếng Neva thở hổn hển.

- Ông nói tiếp đi, - Kol nói.

- Hôm nay tôi đã nói chuyện với bác sĩ Uykrait. Ông không phải còn trẻ đại gì và hiếm khi ông phải nhờ đến các tài năng phẫu thuật. Các ca mổ của ông rất đắt, trung bình là mười ngàn đôla.

- Tôi không tin, - Kol ngắt lời. - Chưa bao giờ tôi nghe thấy cái tên ấy.

- Cho đến tận năm vừa rồi cũng chưa nghe nói đến ngành tâm ngữ, - Oeri mỉm cười. - Nhưng anh Đônkiu ạ, khi tôi nghe rồi, tôi quyết tâm thu được những tri thức ấy làm của riêng. Có lẽ tôi nói thế là rõ rồi chứ?

Neva đứng sát vào Kol.

- Không, chưa đủ đâu, ông Oeri. Nếu Kol chuyển hết tri thức cho ông, thì ông có đảm bảo để anh ấy đi lại được không?

Tôi hoàn toàn tin tưởng. Nếu anh chị còn nghi ngờ, xin đến thẳng bác sĩ Uykrait. Nhưng chớ trông mong vào lòng từ thiện anh Đônkhieu ạ, - điều ấy không có đâu. Hoàn cảnh Uykrait rất đặc biệt. Nếu ông ấy làm từ thiện, thì số lượng bệnh nhân sẽ là... - ông khoát rộng hai tay.

- Thôi được, - Kol nói, - nếu đó là tất cả những gì ông muốn nói, thì câu chuyện của chúng ta đến đây là hết.

- Anh không quan tâm chuyện đó sao?

Neva định há miệng, nhưng anh không cho chị nói.

- Xong rồi, - anh đáp. - Chào ông Oeri. - Ông hộ pháp đành đứng dậy.

- Ít ra thì anh chị cũng cứ suy nghĩ đề nghị của tôi, - ông nói. - Anh Đônkhieu. - Tôi hiểu rằng hoàn cảnh anh thật là khó. Một người năng nổ như anh mà bỗng nhiên bị trói buộc vào cái phòng giam có bánh xe lăn. Nếu anh mạnh khỏe, anh có thể có chỗ làm giảng viên, còn người vợ vất vả, thì tất nhiên...

- Ông cút đi! - Kol quát lên.

Người khách đứng dậy, cúi đầu bước ra.

*

Tối thứ sáu, ngày thứ năm sau khi Oeri tới thăm Kol Đônkhieu tỉnh dậy sau một giấc mơ trên ghế, chàng nhìn đồng hồ trong bếp rồi bỗng giật mình.

Đã tám giờ rồi.

Chàng ngơ ngàng nhìn mặt đồng hồ, rồi nhìn sang khuôn cửa sổ mờ tối. Ngoài trời sao đêm nhấp nháy.

- Neva! - Chàng cất tiếng gọi lớn.

Không có lời đáp. Chàng hoảng sợ. Như một con thú điên khùng bị nhốt trong lồng chàng lăn bánh khắp căn hộ nhỏ. Năm phút sau chàng mới nhớ phải bật đèn. Bật xong chàng nhìn khắp các phòng và nghe ngóng không gian tĩnh mịch ngập tràn căn hộ trống trải.

Chàng đến gần máy điện thoại, quay số cơ quan Neva. Sau đó chàng nhớ ra rằng điện thoại tòa thị chính, nơi vợ chàng làm việc đã khóa từ lúc sáu giờ. Chàng bỏ máy, lần ra đến cửa, nghe ngóng bên ngoài. Chưa bao giờ nàng về muộn đến thế. Nếu nàng có mệnh hệ gì, thì chàng còn sống làm chi?

Đến chín giờ chàng nghe thấy những bước chân quen thuộc trên cầu thang.

- Anh Kol, - nàng vừa bước vào vừa nói, - lạy chúa, anh tha cho em... em tạt vào cửa hàng. Em định về từ lúc bảy rưỡi, nhưng bao nhiêu là người...

- Em mua được gì?

- Mua gì ấy à? - Nàng vuốt tóc bằng một động tác quen thuộc.

- Không đúng đâu, Neva. Em không vào cửa hàng. Em đi đâu?

- Đã bảo là vào cửa hàng mà. - Nàng bỏ áo bành tô, đi vào bếp. - Để em nấu cơm, một phút thôi.

- Neva!...

- Gì thế anh. Chắc anh đói lắm rồi đấy.

- Anh không muốn ăn. Anh muốn biết sự thật. - Trong bếp Neva đang khua xoong chảo âm ỉ. Kol bực dọc lăn bánh vào theo.

- Có chuyện gì thế, em Neva? Em làm gì mà về muộn vậy? Có lẽ... Có lẽ có một người đàn ông thay thế?

Nàng quay phắt lại đến nỗi hất đổ cái chảo.

Neva chạy đến bên Kol, gục đầu vào ngực chàng.

- Không! Không! - Giọng nàng nghẹn ngào tiếng nấc. - Em không muốn anh nghĩ như thế, Kol! Em không cho phép như thế!

- Vậy là chuyện gì?

Nàng ngược mắt lên.

- Anh Kol ạ! Tiền. Chiều hôm nay em kiếm được một ít tiền. Có thể là vẫn không đủ, nhưng nếu chúng ta bàn bạc với hắn để xem...

- Tiền à? em nói gì vậy?

- Bảy ngàn rưỡi đôla, đó là cái giá cao nhất mà họ trả. Ở văn phòng Hãng người ta cũng bảo em như vậy. Anh Kol, chúng ta có một cơ quan thật sự. Em phải tận dụng.

- Nhưng mà là chuyện gì?

- “T-T” - Neva nói to.

- Cái gì?!

- Em đã đến Hãng “T-T” hôm thứ ba. Ở phố 40. Đầu tiên họ không phát hiện ra em, nhưng sáng nay người ta gọi điện cho

em. Em yêu cầu họ mười nghìn, nhưng họ chưa tìm được người mua...

- Người mua gì? - Chàng nắm lấy vai nàng lắc mạnh. - Người mua gì?

- Em đã bán tri thức tốc ký rồi.

Chàng buông nàng ra, tất cả bỗng bỗng bênh trước mắt.

- Anh Kol, anh phải hiểu mới được. - Nàng òa khóc, nhưng anh không hề an ủi. - Em biết anh nghĩ gì về việc này, nhưng đôi khi cũng cần... Em nói thật với anh, việc đó hoàn toàn không nguy hiểm, không nguy hiểm tí nào! Em chỉ... bây giờ em không thể làm việc như trước được rồi. Đó là tất cả những gì xảy ra. Em sẽ phải kiếm cho mình một công việc khác.

- Neva! - Mặt anh nhăn nhó lại.

- Anh Kol, việc này còn quan trọng hơn. Chẳng lẽ anh lại không hiểu? Bây giờ chúng ta sẽ không có chuyện gì với Oeri nữa. Chúng ta sẽ đến thẳng bác sĩ, chúng ta sẽ tự trả tiền.

Lần đầu tiên, kể từ ngày chàng bị tàn tật, nước mắt cứ tuôn trào.

*

Người lái tắcxi thật chiều khách. Anh bước ra khỏi xe, vòng ra cửa sau, đưa hai tay khỏe khoắn lấy cái ghế lăn xuống. Neva định giúp đỡ, nhưng anh mỉm cười bảo nàng đẹp ra. Nhờ Kol giúp đỡ anh đã được chiếc ghế xuống vỉa hè trước ngôi nhà ở đại lộ số 5.

Khi chiếc tắcxi đi rồi, Kol và Neva mới ngăm nhìn mặt tiền bề thế của ngôi nhà. Chắc chắn nội thất cũng không kém phần

hấp dẫn.

- Thế nào? - Neva nói. - Chúng ta có nắm được dao đang chuôi không?

- Được chứ.

Chàng lăn bánh xe về phía cửa chính. Họ theo đường thăm nhưng đi về phía chỗ cầu thang máy bước vào đó rồi bấm nút lên tầng mười tám.

Họ bấm chuông và một người đàn bà đứng tuổi ra mở cửa. Bà mặc áo dài đen cổ cao, dáng nghiêm khắc, dáng hoàng, nhưng khóe mắt còn đỏ vì mới hết khóc.

Bà dẫn họ vào phòng. Ấn tượng do mặt tiền để lại không đánh lừa họ: căn hộ thật là khang trang.

- Bác sĩ Uykrait sẽ ra gặp anh chị bây giờ đây, - người đàn bà vận đồ đen nói rồi bước đi.

Lúc bác sĩ bước vào phòng, cả hai vợ chồng đều kinh ngạc thấy ông đã già, tóc bạc và bù xù, mặt mũi nhăn nheo, đi phải chống nạng.

- Giá anh chị không đến thì tốt, - ông nói.

Neva tròn mắt nhìn ông.

- Tôi không hiểu ông. Tuần trước tôi nói chuyện với ông...

- Tôi hứa nói chuyện với anh chị, - ông Uykrait làu bàu, giọng già cỗi. - Đó là tất cả những gì tôi hứa. Tôi không nghĩ rằng chị đưa anh ấy tới đây.

- Tôi hi vọng rằng ông sẽ khám và theo dõi cho nhà tôi.

- Bệnh của anh ấy tôi biết rất rõ. Ông Oeri đã quan tâm đến ý kiến của tôi. Tôi đã đọc phim X. quang và các dữ liệu khác.

- Sao lại thế? - Kol ngạc nhiên. - Chúng tôi chưa bàn gì đến giá cả...

- Giá cả? Tôi đã nói gì về giá cả rồi sao?

- Xin ông hiểu đúng cho. - Neva vội vã chen vào. - Chúng tôi biết rằng điều chính không phải ra tiền. Chúng tôi nói trước chuyện ấy để ông đừng nghĩ rằng có lẽ chúng tôi đi tìm từ thiện.

Ông già lắc đầu rồi rên rỉ ngồi xuống ghế.

- Tôi không được khỏe, - ông nói. - Các bác sĩ cũng phải có ốm chứ.

- Vậy ông không thể giúp chúng tôi được sao? - Neva nói to... - Ông muốn nói thế chứ gì? Không có lẽ chỉ vì ông ốm?

- Ốm? Chuyện không đơn giản thế đâu. Hãy nhìn tôi mà xem, không phải đơn giản là ốm. Tôi già rồi, đã ngót bảy chục. Vấn đề là như thế, anh chị hiểu chứ?

- Ta đi thôi, - Kol nói.

- Không được! Bác sĩ Uykrait, ông nói thật đi. Ông có thể mổ được không? - Neva hỏi.

- Trước đây thì được, - ông già trả lời. - Năm tháng trước đây tôi còn làm tốt việc đó. Nhưng đó là ca mổ cuối cùng.

- Năm tháng? Vậy thì ông vẫn có thể làm được! Một lần nữa thôi. Ông phải làm!

- Nhưng tôi không thể làm được! - Ông đứng lên, đôi chân run rẩy. - Tôi không thể! Không bao giờ nữa! Tôi thôi hẳn rồi. - Từ phòng bên người đàn bà vận đồ đen bước vào.

- Menphord, - bà ấy khẽ nói.

- Ê?

- Menphord, - bà nhắc lại rồi đưa mắt thương hại nhìn Neva và Kol, - hãy nói sự thật cho họ.

Neva quay sang phía bà.

- Sự thật gì? Bà định nói gì vậy?

- Ông ấy không thể nào mỗ được, - bà lạnh lùng đáp. - Ông ấy không còn biết mỗ là gì nữa.

- Không biết là gì nữa?

- Nói đi, ông Menphord, - người đàn bà nói giọng thống thiết. - Ông cho họ biết rằng ông đã bán lấy ba mươi xu bạc*.

- Tôi có quyền! - Ông lão rên rỉ. - Đúng, tôi có quyền! Bây giờ tôi già rồi. Tôi phải được nghỉ...

- Ông đã bán rồi. - Kol nói. - Tôi rất hiểu ông, thưa bác sĩ, có đúng không ạ?

- Đúng đấy! Và tôi cũng không hổ thẹn chút nào. Tôi bán tri thức của tôi kia mà.

- Ai mua vậy?

- Một người tên là Oeri, - người đàn bà đáp.

*

Khi mọi việc đã yên, trong nhà Đônkhiu mọi người mới thấy nhẹ nhõm. Tựa hồ như cơn bão bệnh tật đã qua đi, đã lùi về phía sau. Họ đã bình tĩnh nói chuyện ngày mai. Họ chỉ muốn một điều là làm sao cho ngày mai đến nhanh để sớm kết thúc.

Kol đã miệt mài viết xong phần cuối cùng bài báo về tâm ngữ. Neva thì lại chui đầu nghiên cứu những chương đầu tiên của giáo trình tốc kí.

Hai tuần sau ngày đến bác sĩ Uykrait, sáng thứ năm một chiếc xe Limuzin màu đen thấp lè tè đến trước cửa nhà họ. Người lái xe mặc áo dẫu, dáng nhanh nhẹn và tháo vát kiểu nhà binh, vào gõ cửa rồi giúp Neva đưa người chồng thương tật vào xe.

Nửa giờ sau họ đã đến phòng thí nghiệm “T-T” Tilserman ở đại lộ công viên Thượng. Emerxon Oeri cũng có mặt, lão nói chuyện thoải mái với những nhân viên kĩ thuật làm nhiệm vụ chuyển tri thức “từ bộ não này sang bộ não khác”.

Ở đây chàng cảm thấy như ở nhà và thấy không cần khe khắt với mình quá nhưng một ông già đầu bạc điểm tĩnh đi theo thì có vẻ rất chăm chú và căng thẳng.

- Đây là bác sĩ Laurenx Mozes, - Oeri chỉ vào người cùng đi. - Ông là bác sĩ riêng của tôi. - Hơn thế nữa, ông còn là vệ sĩ của tôi. Không có ông tôi không đi nổi một bước.

Oeri lần lượt cười với Kol và Neva.

- Vợ tôi ở đây có được không? - Kol hỏi.

- Tất nhiên là được, - Oeri đáp. - Thế nào, các anh xong chưa, bắt đầu...

- Hãy khoan... - giọng Kol như vỡ ra. - Tôi muốn xác định rõ mọi điều kiện, ông Oeri. Ông hiểu rằng tôi không muốn móc một xu nào trong túi ông, phải không? Chỉ cần một sự đảm bảo là ông sẽ trả về cho bác sĩ Uykraitt tất cả những tri thức mà ông đã mua được của ông ấy. Tôi hi vọng rằng những chuyện khác ông sẽ giải quyết được.

- Đừng lo, bác sĩ Uykrait sẽ làm được mọi việc. Nhưng anh không thể yêu cầu tôi đảm bảo cho ông ấy mỗi thành công được.

Neva rùng mình một cái, Oeri liếc nhìn nàng như một người cha.

- Chớ có lo lắng, vài tháng nữa là chị đi chơi với chồng được rồi. Thôi nào, các anh bạn...

- Còn một điều nữa! - Bác sĩ Mozex đứng lên, nét mặt căng thẳng. - Trong khi chưa thỏa thuận dứt khoát, tôi xin nói đôi chút.

- Nhưng, Laurenx...

- Đừng ngăn cản tôi, ông Emerxon. Về chuyện này nói với ông chẳng ích lợi gì. Bây giờ tôi nói với anh Đônkhieu.

Kol đưa mắt ngờ vực nhìn bác sĩ.

- Ông muốn nói gì?

- Chuyện là thế này: với tư cách là bác sĩ của ông Oeri, tôi cấm ông ấy tiến hành việc cải biến "T-T". Tôi muốn anh chị hiểu được điều đó. Hơn nữa, tôi muốn yêu cầu chính anh từ chối việc này.

- Sao?!

- Tôi muốn anh và vợ anh từ chối việc cải biến này và trở về nhà. Tôi hiểu, điều này quan trọng thế nào đối với anh chị. Nhưng bây giờ tôi muốn nói một điều cũng không kém phần quan trọng. Đó là năng lực chịu đựng tình cảm của con người.

- Tôi không hiểu.

- Laurenx hoảng loạn rồi. - Oeri cười khẩy - ông ta đánh giá thấp khả năng lí trí của con người.

- Tôi biết trạng thái trí não của ông chứ! - Mozex gằn giọng.
- Tôi biết ông đã vượt qua ranh giới có thể chịu đựng được, ông Emerxon ạ. Ông đã bị nhồi nhét thông qua “T-T” quá nhiều tri thức đến nỗi bộ não của ông không thể chịu đựng thêm một cuộc cải biến nào nữa và...

- Đây là bộ não của tôi! - Oeri cắt lời ngay, - tất cả những biểu đồ và những dao động kí sẽ không cho ông thấy những điều ta biết đâu.

Những ngón tay Kol nắm ở thành ghế trắng nhợt ra.

- Hãy nghe đây, nếu có một sự rủi ro nào đó...

- Thì chỉ là dành cho Oeri thôi, - Mozex nói. - Tôi cho rằng cuộc cải biến này như giọt nước làm cho tràn cốc...

- Ông nói đủ rồi phải không, Laurenx? - Oeri mỉm một nụ cười tinh quái. - Vậy thì chúng ta đừng mất thì giờ vô ích nữa. Chiều nay tôi có việc quan trọng. Và tất nhiên anh Đônkiu cũng mong xong việc chẳng kém gì tôi.

Lão vẫy tay cho nhóm kĩ thuật.

- Chúng tôi sẵn sàng rồi đây, - Oeri nói.

*

Hai chiếc ghế bành bọc da mềm được kê gần sát lưng nhau. Chúng giống hệt hai chiếc gáy sách được nhét lên trên giá gỗ có thiết bị điện tử. Phía sau chúng có một ngọn đèn nhấp nháy và một máy tính điện tử kêu lách tách, sẵn sàng mô hình hóa dòng điện sinh học của hai bộ não già và trẻ - một chiếc ghế được đẩy ra xa, thay vào đó là chiếc ghế lăn của Kol. Khi các cực điện được gắn vào thái dương Kol Đônkhiu và Emerxon Oeri thì Oeri mỉm cười đầy tự tin, còn trên gương mặt Kol là những nét nhăn nhó căng thẳng. Người ta đưa cho họ một cốc nước an thần, họ uống hết. Máy điện tử được cắm lên kêu o o, một kĩ thuật viên bình tĩnh theo dõi bằng ghi đang quay và điều chỉnh các số liệu trên một tấm bảng cầm tay. Những bóng đèn mới bật sáng và chiếc bút ghi bắt đầu tự động vạch lên giấy. Ở giữa hai chiếc ghế có tiếng máy rít lên. Đó là một chiếc máy quay. Tiếng máy to dần lên rồi bỗng biến thành một tiếng rít choáng óc. Giữa những âm thanh ấy vẫn nổi lên tiếng nức nở của Neva Đônkhiu.

Đang mơ màng trên ghế bồng Oeri lẩm bẩm một câu gì đó rồi cười phá lên, các kĩ thuật viên nhanh chóng bước tới nhưng không gây ra tiếng động. Trên bảng tính có một số đèn đỏ nhấp nháy, sau đó chúng lóe sáng rồi tắt hẳn. Oeri lại cười rồi nói to mấy tiếng chẳng ăn nhập gì với nhau. Neva nắm chặt tay bác sĩ Mozex, ông không đẩy nàng ra. Mấy giây ấy tưởng như dài bằng thế kỉ, sau đó cả phòng yên lặng. Sự yên tĩnh bỗng bị tiếng cười của Emerxon Oeri phá vỡ. Sau đó là những tiếng cười sảng sặc thỏa thích.

Thậm chí sau khi được tháo đai giữ, Oeri vẫn cười.

- Emerxen! - Bác sĩ Mozex thì thầm.

- Lay Chúa! - Neva thốt lên.

Oeri vẫn cười, còn Đônkhiu đưa hai tay giữ chặt hai bên thái dương đang nẩy giần giật.

*

- Emerxon, ông sao thế? - Bác sĩ Mozex hỏi.

- Con chuột con của ta thông minh thật, - Oeri vừa nói vừa cười sặc sụa. - Chứ mày tưởng là quỷ quái lắm đấy. Cứ vùi đầu vào những quyển sách dày cộp thì được cái gì. Hai mươi tờ xanh một tuần với một ngum xôđa, chỉ có thể thôi, Ritri ạ...

- Ông ta sao thế? - Neva hỏi.

- Ông ta nói đến một thằng em ruột.

- Em ruột làm sao? - Kol ngạc nhiên - sao ông ta lại nói chuyện ấy.

- Tôi đã nói trước rồi, - bác sĩ nói. - Tôi đã bảo rằng lão lờ trớn rồi.

- Chó rừng thì lại ăn thịt chó rừng! - Oeri rít lên, - không là cuộc đời, mà là kiếp người! Kiếp người cho mày được cái gì, hử Ritri? Mẹ ơi, cái thằng Ritri dí mũi vào sách. Tao định nói gì với mày, mày có biết không, cái thằng khôn ranh kia? Bây giờ ai là người mã thượng đây? Hai mươi ngàn một tháng - thế đấy! Một xí nghiệp lừng lẫy giữa thành phố, mà tao không phải trả một xu cho một trường nào. Nào, Ritri, mày có muốn đi quét rác không?

- Thôi đi! - Neva kêu lên, hai tay che mặt.

- Muộn rồi, - Mozex nói, - nếu như anh chị không...

- Tiền, tiền - tiền là tất cả! Oeri cả cười. - Chính là ta nói cho các người đấy! Trong đời ta chưa hề đọc một cuốn sách nào, ta chỉ đọc có mục “BÁN - MUA” - đó là toàn bộ sách vở của ta. Người hãy nhìn lại mình và nhìn ta mà xem! Bên nào thành đạt? Bên nào hủ?

- Chúng ta phải làm gì đây? - Kol quay sang hỏi Mozex.

- Quay về điểm xuất phát, - Mozex trả lời. - Anh Đônkiu, anh hãy lấy lại tri thức của mình. Đây là con đường duy nhất. Ốc ông ta kiệt rồi, ông ta cần được nghỉ ngơi.

- Còn với bác sĩ Uykrait, việc mỗ thế nào? - Neva hỏi.

- Tôi xin nhận trách nhiệm, tôi hứa sẽ theo dõi thúc đẩy ông ta thực hiện hợp đồng với anh chị và trả lại tri thức cho ông Uykrait. Điều đó có thể được, nếu ta làm ngay.

- Được rồi, - Kol nói. - Vậy thì nhanh lên.

Bác sĩ Mozex ra lệnh cho đám kĩ thuật. Khi họ thay đổi điện cực, bác sĩ đến bên khách hàng của mình và đặt tay lên vai. Mozex nhìn nghiêm khắc vào đôi mắt mở to của Oeri mà nói:

- Emerxon, chúng ta sẽ làm lại tất cả. Ông hiểu tôi chứ? Lần đầu tiên không thành công, chúng ta chuẩn bị làm lại.

- Thành công, - Oeri lắp bắp, nhưng đã chịu thua. Nửa tiếng sau mọi việc kết thúc.

*

Khi chiếc xe Limuzin đưa họ về đến nhà thì trời đã tối hẳn. Neva ở lại góc phố mua tờ tin chiều. Khi họ về đến nhà, nàng

đưa cho Kol xem. Nhưng chàng mỉm cười từ chối. Thay vào thời gian đọc báo chàng lăn bánh xe đến bên máy chữ, lắp một tờ giấy mới và gõ:

“NGÀNH TÂM NGỮ HỌC VÀ XÃ HỘI

“Phần một”

ĐỨC MẪN *dịch*

CHÚ THÍCH

* Chưa tra cứu được tác giả.

* Chưa tra cứu được tác giả.

* Chưa tra cứu được tác giả.

* Tắc kè hoa: một loài bò sát luôn thay đổi màu sắc bề ngoài của mình tùy thuộc theo môi trường. (ND).

* Thomas Clayton Wolfe (1900-1938). Nhà văn nổi tiếng người Mỹ. Ông là tác giả các cuốn tiểu thuyết như “Look Homeward, Angel” (Hồi thiên thần, hãy ngoái nhìn lại quê nhà), “A portrait of Bascom Hawke” (Tấm chân dung Bascom Hawke), các tập truyện ngắn “From Death to Morning” (Từ cái chết tới buổi Ban Mai), “The Hills beyond” (Những ngọn đồi xa), v.v... (ND).

* 1 foot = 12 inch, tức là 30,48 cm. (ND).

* Kinh thánh: Juda phản bội Chúa lấy ba mươi xu bạc. Ý nói một khoản tiền nhỏ mọn. (ND).